

Ngày soạn: 04/9/2018

Ngày dạy: 06/9/2018

Tuần 1 Tiết 1	Bài 1 : DÂN SỐ	
--------------------------------	-----------------------	--

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS:**1. Kiến thức:** Có những hiểu biết về:

- Dân số và tháp tuổi.
- Tình hình gia tăng dân số thế giới, nguyên nhân và hậu quả của sự gia tăng đó.
- Bùng nổ dân số và hậu quả của nó đặc biệt đối với môi trường, biện pháp khắc phục.

2. Kỹ năng

- Hiểu và nhận biết được sự gia tăng dân số và bùng nổ dân số qua biểu đồ dân số.
- Rèn kỹ năng đọc và khai thác thông tin từ tháp tuổi và biểu đồ dân số thế giới.
- Đọc và hiểu cách xây dựng tháp tuổi.

3. Thái độ, hành vi

- Ý thức về sự cần thiết phải phát triển dân số một cách có kế hoạch.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng biểu đồ, số liệu thống kê, hình vẽ...

* **Lưu ý:** Mục 3 "Sự bùng nổ dân số": từ dòng 9-12 SGK không dạy (*giảm tải*).

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Đối với giáo viên**

- H1.1, H1.2/sgk phóng to
- Bảng phụ ghi nội dung trò chơi nhỏ
- Tranh sưu tầm về nạn đói, bùng nổ dân số,...

2. Đối với học sinh

- Sách, vở, bảng nhóm.
- Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (4 phút)**

GV giới thiệu sơ lược về chương trình Địa lí 7 và giới thiệu bao quát về nội dung phần "Thành phần nhân văn của môi trường".

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

* **HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu về dân số, nguồn lao động qua tháp tuổi và điều tra dân số (9 phút)**

1. **Mục tiêu:** HS có hiểu biết về dân số, nguồn lao động. Biết khai thác kiến thức và phân biệt các tháp tuổi thông qua biểu đồ.

2. **Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác ...

3. **Hình thức tổ chức:** Cá nhân và nhóm cặp

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu bảng thuật ngữ, cho HS đọc thuật ngữ "dân số". GV giới thiệu vài số liệu nói về dân số + TG hiện nay gần 7.6 tỉ người. + Năm 2018 nước ta có khoảng >96 triệu người 	1. Dân số, nguồn lao động

<p>(theo thống kê Liên Hiệp Quốc)</p> <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV giới thiệu 2 tháp tuổi về cấu tạo, màu sắc thể hiện của 3 nhóm tuổi - GV hướng dẫn HS dựa vào H1.1 trao đổi theo nhóm cặp đôi và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Tổng số trẻ em từ khi mới sinh ra đến 4 tuổi ở mỗi tháp, ước tính có bao nhiêu bé trai, gái ? + So sánh hình dạng 2 tháp tuổi (đáy, thân) + Tháp tuổi có hình dạng như thế nào thì tỉ lệ người trong độ tuổi lao động cao? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...</p> <p>Bước 3: HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV ghi bảng phụ, đánh giá và chuẩn xác kiến thức - Từ 2 tháp GV dẫn dắt HS đến những hiểu biết về tháp tuổi</p> <ul style="list-style-type: none"> + Biểu hiện dân số của một địa phương + Các độ tuổi, nam-nữ, số người dưới - trong - trên tuổi lao động + Nguồn lao động hiện tại và tương lai + Dân số già hay trẻ 	<ul style="list-style-type: none"> - Các cuộc điều tra dân số cho biết tình hình dân số, nguồn lao động ... của một địa phương, một quốc gia . - Tháp tuổi cho biết đặc điểm cụ thể của dân số (giới tính, độ tuổi, nguồn lao động...)
--	--

GV chuyển ý

*** HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu tình hình gia tăng dân số trên thế giới thông qua khai thác biểu đồ dân số (12 phút)**

1. **Mục tiêu:** HS biết tình hình gia tăng dân số trên thế giới thông qua khai thác biểu đồ dân số, nguyên nhân và hậu quả của sự gia tăng đó.

2. **Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP sử dụng thảo luận nhóm, tranh ảnh, SGK,...KT học tập hợp tác

3. **Hình thức tổ chức:** Nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc các thuật ngữ: tỉ lệ sinh, tỉ lệ tử, gia tăng dân số - GV giới thiệu cách tính tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên và gia tăng dân số cơ giới <p>Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV chia lớp thành 6 nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin SGK, biểu đồ H1.2 trao đổi và trả lời các câu hỏi: <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1, 2, 3: Dân số thế giới tăng chậm trong khoảng thời gian nào? Vì sao ? + Nhóm 4, 5, 6: Dân số thế giới tăng nhanh từ năm nào? Tăng vọt từ năm nào? Giải thích nguyên nhân từ các hiện tượng trên ? 	<p>2. Tình hình gia tăng dân số thế giới</p>

<p><i>Bước 2:</i> Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV, sau đó trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất phương án trả lời.</p> <p><i>Bước 3:</i> Đại diện nhóm báo cáo kết quả; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.</p> <p><i>Bước 4:</i> GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.</p> <p>- GV giải thích thêm và rút ra kết luận :</p> <p>Sau 1950 một số nước kém phát triển ở Châu Á –Phi – Mĩ Latinh giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử vong khi tỉ lệ sinh vẫn còn cao.</p> <p>* GV kết luận: Dân số thế giới tăng nhanh ở các thế kỉ XIX- XX</p>	<p>- Dân số thế giới tăng chậm chạp ở nhiều thế kỉ trước do dịch bệnh, đói kém, chiến tranh.</p> <p>- Dân số thế giới tăng nhanh từ đầu thế kỉ XIX đến nay nhờ những tiến bộ trong các lĩnh vực kinh tế- xã hội, y tế .</p>
--	---

GV chuyển ý

*** HOẠT ĐỘNG 3: Tìm hiểu về Bùng nổ dân số: nguyên nhân, hậu quả, cách giải quyết (12 phút)**

- Mục tiêu:* HS có hiểu biết về bùng nổ dân số và hậu quả của nó, biện pháp khắc phục.
- Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP sử dụng SGK, tranh ảnh, video...KT tự học ,tự hợp tác
- Hình thức tổ chức:* cá nhân - cặp

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p><i>Bước 1:</i> GV yêu cầu HS xem một số tranh về bùng nổ dân số ở Châu Phi, nạn đói,.. đọc thông tin mục 3, lần lượt trả lời các câu hỏi:</p> <p>- Bùng nổ dân số là gì? Xảy ra khi nào ?</p> <p>- Nguyên nhân dẫn đến bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển ?</p> <p>- Hậu quả bùng nổ dân số? Theo em thấy, ở địa phương giữa 2 gia đình có mức thu nhập như nhau, 1 gia đình 2 con và gia đình 4 con thì có sự khác nhau về mức sống như thế nào?</p> <p>- Biện pháp khắc phục, liên hệ địa phương?</p> <p><i>Bước 2:</i> HS thực hiện nhiệm vụ, có thể so sánh kết quả làm việc với bạn cùng bàn để hoàn thành nội dung</p> <p>GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS.</p> <p><i>Bước 3:</i> HS báo cáo kết quả làm việc, các bạn khác nhận xét, bổ sung</p> <p><i>Bước 4:</i> GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của HS và chuẩn kiến thức.</p>	<p>3. Sự bùng nổ dân số</p> <p>- Dân số tăng nhanh và đột biến (<i>tỉ lệ gia tăng dân số >2.1%</i>) -> bùng nổ dân số.</p> <p>- Từ những năm 50 của thế kỉ XX, bùng nổ dân số diễn ra ở các nước đang phát triển thuộc châu Á, châu Phi và Mĩ Latinh.</p> <p>+ <i>Nguyên nhân:</i> do các nước này giành được độc lập, đời sống được cải thiện và những tiến bộ về y tế làm giảm nhanh tỉ lệ tử, trong khi tỉ lệ sinh vẫn cao.</p> <p>+ <i>Hậu quả:</i> Tạo sức ép đối với</p>

việc làm, phúc lợi xã hội, môi trường, kìm hãm sự phát triển kinh tế- xã hội,...
--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Nhóm - Chơi trò chơi nhỏ -6 phút)

Bước 1: GV phổ biến thể lệ trò chơi:

- Có 2 gói các cụm từ có trong bài học, mỗi gói 3 cụm từ.
- + Gói 1: **bùng nổ dân số; hơn 7,6 tỉ người; thất nghiệp.**
- + Gói 2: **thấp tuổi; 96 triệu người; ô nhiễm môi trường.**
- Cử 2 đội chơi, mỗi đội 3 HS (Lần lượt)
- Trong vòng 2 phút 1 hs diễn tả bằng hình thể, bằng lời nhưng không được nhắc đến từ có trong đáp án.
- Hết thời gian cho mỗi đội, đội nào diễn tả được nhiều hơn, ít thời gian hơn sẽ giành chiến thắng.

- *Bước 2:* GV tổ chức trò chơi.

- *Bước 3:* Tổng kết, khen thưởng cho HS

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (2 phút)

- *GV hướng dẫn :*

+ Thực hiện bài tập 2/SGK/trang 6

+ Về nhà : Sưu tầm tranh ảnh về các chủng tộc trên thế giới.

Tuần: 1	Bài 2: SỰ PHÂN BỐ DÂN CƯ -CÁC CHUNG TỘC TRÊN	NS:
Tiết: 2	THẾ GIỚI	NG:

I.MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS cần đạt được

1.Kiến thức

- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư không đều trên TG.
- Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Nê-gro-it và Ô-rô-pê-it về hình thái bên ngoài của cơ thể(màu da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc.

2.Kĩ năng

- Đọc bản đồ, lược đồ phân bố dân cư Tg, Phân bố dân cư châu Á để nhận biết các vùng đông dân, thưa dân trên Tg và ở châu Á

3. Thái độ

- Giáo dục hs ý thức tôn trọng , đoàn kết các dân tộc trên thế giới.

4. Định hướng năng lực được hình thành

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề.

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ, sử dụng tranh ảnh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên:

- Bản đồ phân bố dân số thế giới hay dân cư châu Á
- Tranh ảnh 3 chủng tộc chính. Bảng phụ.

2. Học sinh: SGK, vở ghi, tập bản đồ 7.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) 3'

1. Mục tiêu

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về sự phân bố dân cư và các chủng tộc trên TG, sử dụng kĩ năng đọc lược đồ, tranh ảnh về nơi dân đông, dân thưa và tranh ảnh về các màu da để nhận biết sự phân bố dân cư cũng như sự khác nhau giữa các chủng tộc.

=> Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết để kết nối với bài học ...

2. Phương pháp - kĩ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về dân cư và màu da

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên cung cấp một số hình ảnh và yêu cầu học sinh nhận biết:





Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Dân cư trên thế giới phân bố như thế nào?_ (Thời gian: 20')

1. Mục tiêu

- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư không đều trên TG.
- Đọc bản đồ, lược đồ phân bố dân cư Tg, Phân bố dân cư châu Á để nhận biết các vùng đông dân, thưa dân trên Tg và ở châu Á
- Năng lực sử dụng bản đồ, tư duy tổng hợp, sử dụng tranh ảnh.

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác ...

3. Hình thức tổ chức: Cá nhân/ cặp

Hoạt động của thầy và trò				Nội dung Ghi bảng
Hoạt động : Cá nhân Bước 1: GV giới thiệu và phân biệt 2 thuật ngữ "dân số" và "dân cư". - Dân số là tổng số dân sinh sống trên một lãnh thổ nhất định, được tính ở một thời điểm cụ thể. - Dân cư là tất cả những người sinh sống trên một lãnh thổ, được định lượng bằng mật độ dân số. Bước 2: GV yêu cầu HS đọc thuật ngữ "mật độ dân số". Bước 3: Áp dụng hiểu biết về mật độ dân số, tính mật độ dân số bài tập 2/9 sgk. - GV dùng bảng phụ ghi bài tập, gọi HS tính mật độ dân số năm 2001 của nước sau:				1. Sự phân bố dân cư trên thế giới:
Tên nước	Diện tích(km ²)	Dân số(tr.ng)	Mật độ(ng/km ²)	
-Việt Nam	330.991	78,7	238	
-Tr/Quốc.	9.579.000	1273,3	133	
-Indônêxia	1.919.000	206,1	107	

Công thức: Mật độ dân số = $\frac{\text{Số dân}}{\text{Diện tích}}$

Diện tích.

Áp dụng tính mật độ dân số năm 2002 biết:

- Diện tích : 149 tr. k
- Dân số: 6.294tr.ng(MĐDS:)

Bước 4: gv nhận xét.

HĐ nối tiếp: Cặp

Bước 1: HS cùng bàn và trao đổi theo các câu hỏi GV đưa ra.

- Quan sát lược đồ hình 2.1 SGK. Cho biết trên lược đồ *ph/bố dân cư* được biểu hiện bằng kí hiệu gì? (Chấm đỏ)
- Qua đó, những dấu chấm đỏ đó nói lên điều gì ?
- Kể tên khu vực đông dân của thế giới (từ châu Á sang châu Mỹ). Chủ yếu phân bố tập trung ở những nơi đâu?
- Khu vực thưa dân nằm ở những vị trí nào?
- Nguyên nhân của sự phân bố?

Bước 2: Đại diện các cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

Bước 3: GV nhận xét, kết luận

Những khu vực đông dân là những thung lũng, đồng bằng châu thổ, các sông lớn: Hoàng Hà, sông Ấn Hằng, Sông Nin, sông Lưỡng Hà.

Những khu vực có nền kinh tế phát triển ở các châu lục: Tây và Trung Âu, Đông bắc Hoa Kỳ, Đông Nam Braxin, Tây Phi.

Những khu vực thưa dân: hoang mạc, các địa cực, vùng núi hiểm trở, vùng rất xa biển.

Bước 4: Mở rộng kiến thức: Tại sao nói rằng “ngày nay con người có thể sống ở mọi nơi trên Trái Đất? (phương tiện đi lại với kĩ thuật hiện đại, khoa học kĩ thuật phát triển...).

- Dân cư thế giới phân bố không đều.

+ Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông thuận tiện như :
đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu ẩm áp, mưa nắng thuận hòa đều có dân cư tập trung đông đúc.
+ Các vùng núi, vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc,...
khí hậu khắc nghiệt có dân cư thưa thớt.

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu về các chủng tộc trên TG (15’)

1. Mục tiêu

- Nhận biết được sự khác nhau giữa các chủng tộc Môn-gô-lô-it, Nê-gro-it và Ô-rô-pê-it về hình thái bên ngoài của cơ thể(màu da, tóc, mắt, mũi) và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc.
- Giáo dục hs ý thức tôn trọng , đoàn kết các dân tộc trên thế giới.
- Năng lực sử dụng tư duy tổng hợp, sử dụng tranh ảnh.

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP sử dụng SGK, tranh ảnh, ...

3. Hình thức tổ chức: *Nhóm/ cả lớp*

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung Ghi bảng
Hoạt động cả lớp	2. Các chủng tộc:

<p>Bước1: GV yêu cầu HS đọc thuật ngữ ‘chủng tộc’</p> <p>Bước2: HS quan sát hình ảnh để trả lời câu hỏi Căn cứ vào đâu để chia dân cư trên thế giới ra thành các chủng tộc?</p> <p>Hoạt động nhóm</p> <p>Bước1: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chia lớp làm 3 nhóm, mỗi nhóm trao đổi, thảo luận một chủng tộc lớn về vấn đề sau: - Đặc điểm hình thái bên ngoài ; Địa bàn sinh sống chủ yếu (theo phiếu học tập GV phát cho nhóm) <p>Nhóm 1: chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it.</p> <p>Nhóm 2: Chủng tộc: Nê-grô-it.</p> <p>Nhóm 3: Chủng tộc Mông-gô-lô-it.</p> <p>HS các nhóm thảo luận, đại diện nhóm trình bày kết quả, GV chuẩn kiến thức</p> <p>Bước2: Các nhóm thảo luận</p> <p>Bước3: Đại diện nhóm lên trình bày trên bảng phụ</p> <p>Bước4: Gv chuẩn xác kiến thức, nhận xét ở bảng tư liệu bên dưới</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chủng tộc Ô-rô-pê-ô-it(thường gọi là người da trắng): sống chủ yếu ở châu Âu-châu Mỹ. - Chủng tộc Nê-gro-it(thường gọi là người da đen) sống chủ yếu ở châu Phi. - Chủng tộc Môn-gô-lô-it(thường gọi là người da vàng) sống chủ yếu ở châu Á.
--	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5')

1. Hoạt động cá nhân

- HS lên bảng xác định trên bản đồ những khu vực dân cư thế giới sống chủ yếu.

2. Bài tập trắc nghiệm

HS làm bài tập trắc nghiệm. Chọn phương án trả lời đúng trong câu sau

Câu 1. Mật độ dân số là

- số dân sinh sống trên một đơn vị diện tích lãnh thổ.
- số diện tích trung bình của một người dân.
- dân số trung bình của các địa phương trong nước.
- dân số trung bình sinh sống trên 1 đơn vị diện tích lãnh thổ.

Câu 2. Dân số phân bố không đều giữa các khu vực trên thế giới là do

- sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.
- điều kiện tự nhiên ảnh hưởng.
- điều kiện sống và đi lại của con người chi phối.
- khả năng khắc phục trở ngại của con người khác nhau.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (2')

- Sưu tầm tranh ảnh thể hiện làng xóm ở nông thôn và thành thị Việt Nam hoặc thế giới.
- Thử tìm hiểu cách sinh sống và đặc điểm công việc của dân cư sống ở thành thị và nông thôn có gì giống và khác nhau.?

Phụ lục: HD 2

Tên chủng tộc.	Đặc điểm hình thái bên ngoài.	Địa bàn sinh sống chủ yếu.
Môn-gô-lô-ít.	Da vàng (vàng nhạt, vàng thẫm, vàng nâu), tóc đen mượt dài, mắt đen, mũi tẹt.	Châu Á (trừ Trung Đông)
Nê-grô-ít.	Da nâu đậm, đen. Tóc đen, ngắn và xoăn. Mắt đen, to. Mũi thấp, rộng, môi dày.	Châu Phi, Nam Ấn Độ.
Ơ-rô-pê-ô-ít.	Da trắng hồng, tóc nâu hoặc vàng gọn sóng. Mắt xanh hoặc nâu. Mũi dài, nhọn, hẹp. Môi rộng.	Châu Âu, Trung và Nam Á, Trung Đông.

-----Hết-----

Ngày soạn: 30/9/18

Ngày giảng: 02/10/18

**Bài 10: DÂN SỐ VÀ SỨC ÉP DÂN SỐ TỚI TÀI NGUYÊN,
MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI NÓNG**

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1- Kiến thức: Học sinh cần nắm được các nội dung sau khi học.

+ Dân số đới nóng đông, tập trung ở một số khu vực. Dân số tăng nhanh, kinh tế đang phát triển ảnh hưởng lớn đến tài nguyên và môi trường.

+ Biết được mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên và môi trường ở đới nóng.

2- **Kỹ năng:**

+ Luyện cách đọc, phân tích biểu đồ và sơ đồ các mối quan hệ.

+ Bước đầu luyện tập cách phân tích các số liệu thống kê.

3. **Thái độ, hành vi:**

+ Ý thức về sự cần thiết phải phát triển dân số một cách có kế hoạch.

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. **Định hướng phát triển năng lực:**

+ Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...

+ Năng lực chuyên biệt: sử dụng biểu đồ, số liệu thống kê, hình vẽ, tranh ảnh...

5. **Nội dung tích hợp:**

5.1 Tích hợp giáo dục BVMT

5.2 Tích hợp giáo dục ANQP: Chứng Minh sự bùng nổ đô thị làm gia tăng các tệ nạn xã hội, từ đó phá vỡ môi trường tự nhiên và xã hội. Một số giải pháp khắc phục bảo vệ tài nguyên và môi trường.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. **Đối với giáo viên**

+ Sưu tầm các ảnh về tài nguyên, môi trường bị hủy hoại do khai thác bừa bãi để minh họa thêm cho bài học.

2. **Đối với học sinh**

+ Sách, vở, đồ dùng học tập.

+ Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. CÁC BƯỚC LÊN LỚP

A1. Ổn định lớp: (1 phút)

A2. Kiểm tra bài cũ: Không

A3 Hoạt động khởi động (Tình huống xuất phát) (3 phút)

1. **Mục tiêu:** HS nắm được: Con người có tác động lớn đến môi trường.

2. **Phương pháp - kĩ thuật:** Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân, thảo luận cặp.

3. **Phương tiện:** 2 hình ảnh

4. **Các bước hoạt động**

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp 2 hình ảnh và yêu cầu học sinh nhận biết con người có tác động ntn đến môi trường.



Đốt rừng làm nương rẫy.

Hệ thống xử lý nước thải

Hình 1 và 2: Con người có tác động ntn đến môi trường? Cụ thể ở 2 hình ntn?

Bước 2: HS quan sát ảnh và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét.

Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài. Con người có tác động lớn đến môi trường. Như vậy dân số ở đới nóng ntn và có tác động ntn đến môi trường đới nóng. Chúng ta cùng tìm hiểu trong nội dung bài hôm nay

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

*** HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu về dân số. (15 phút)**

1. *Mục tiêu:* HS: Biết được dân cư đới nóng đông và tập trung đông đúc ở một số khu vực.
2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác ...
3. *Phương tiện:* Hình 2.1 Sgk, kênh chữ SGK
4. *Hình thức tổ chức:* Cá nhân

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
<p>Bước 1: <i>Giao nhiệm vụ (cá nhân)</i></p> <p>- H 2.1 SGK trang 7 Lược đồ phân bố dân cư TG</p> <p>? Dân cư thế giới tập trung đông ở các khu vực nào?</p> <p>? Khu vực nào của đới nóng?</p> <p>? Nhận xét về dân cư đới nóng?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...</p> <p>Bước 3: Trình bày trước lớp, HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>GV: Các nước đới nóng mới giành được độc lập, kinh tế đang phát triển, dân số tăng nhanh dẫn đến bùng nổ dân số.</p> <p>GV kết luận</p> <p>+ Dân số đới nóng có 2 đặc điểm (+ Đông nhưng chỉ sống tập trung một số khu vực.</p> <p>+ Dân số đới nóng đông và tăng nhanh nhưng kinh tế còn chậm phát triển)</p> <p>* Tình hình trên sẽ có tác động lớn đến tài nguyên, môi trường (Chuyển ý)</p>	<p>1- Dân số :</p> <p>- Dân số đới nóng đông chiếm gần 50% dân số thế giới tập trung ở một số khu vực như Nam Á, Đông Nam Á, Tây Phi, Đông Nam Bra xin....</p> <p>- Dân số tăng nhanh dẫn đến bùng nổ dân số, tác động tiêu cực đến tài nguyên, môi trường .</p>

***HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường. (15 phút)**

1. *Mục tiêu:* HS: Dân số tăng nhanh gây sức ép lớn đến tài nguyên và môi trường
2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP sử dụng thảo luận nhóm, tranh ảnh, SGK,...KT học tập hợp tác
3. *Phương tiện:* Hình 10.1 Sgk, Bảng số liệu trang 34SGK
4. *Hình thức tổ chức:* cá nhân và nhóm.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
<p>Bước 1: <i>Giao nhiệm vụ.</i> Hs thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1,2: Dân số tăng nhanh ảnh hưởng đến các nguồn tài nguyên ntn?</p> <p>Nhóm 3,4: Dân số tăng nhanh ảnh hưởng đến môi trường và</p>	<p>2- Sức ép của dân số tới tài nguyên, môi trường :</p>

chất lượng cuộc sống con người ntn?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi ở nhóm và ghi vào giấy nháp. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

GV giới thiệu H 10.1 Biểu đồ về mối quan hệ giữa dân số và lương thực của châu Phi

? Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên có diễn biến như thế nào? (Tăng từ 100% lên 168%)

? Sản lượng lương thực có diễn biến ntn? (Tăng 100% lên khoảng 110%)

? Bình quân lương thực theo đầu người ntn? (Giảm từ 100% xuống còn 80%)

? Nguyên nhân làm cho bình quân lương thực giảm? (Dân số tăng quá nhanh so với việc tăng lương thực)

GV: kết luận dân số tăng nhanh làm cho chất lượng cuộc sống con người giảm

? Phân tích bảng số liệu dân số và rừng ở Đông Nam Á từ 1980 đến 1990?

+ Dân số như thế nào? (tăng từ 360tr lên 442 triệu người)

+ Diện tích như thế nào? (Giảm từ 240,2 xuống 208,6 triệu ha)

? Em nêu nhận xét tương quan giữa dân số và diện tích rừng qua bảng số liệu?

(+ Dân càng tăng, rừng càng giảm)

? Nguyên nhân diện tích rừng giảm? (Phá rừng lấy đất canh tác, xây dựng nhà máy, lấy củi đun nấu, lấy gỗ làm nhà hoặc xuất khẩu để nhập lương thực và hàng tiêu dùng)

GV: Dân số tăng nhanh ảnh hưởng đến tài nguyên rừng bị giảm sút.

GV: Liên hệ thực tế ở VN

? Để khắc phục những mặt tiêu cực trên nhằm bảo vệ tài nguyên, môi trường cần có biện pháp gì?

(Giảm tỷ lệ dân số, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của con người)

• Tích hợp giáo dục ANQP

Gv chiếu bản đồ hành chính Việt Nam

GV yêu cầu HS xác định 2 thành phố lớn (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh) của nước ta.

CH: Em hãy cho biết số dân hiện nay của 2 thành phố trên?

CH: Dân số của 2 thành phố lớn ở nước ta đông như vậy sẽ gây sức ép tới tài nguyên và môi trường ở đó như thế nào?

dự kiến sản phẩm: số dân vào thời điểm năm 2017 của Hà Nội: 7.654.800 người.

TP Hồ Chí Minh năm 2017: 8224.000 người.

Dân số đông nhu cầu lương thực thiếu hụt, nhu cầu củi gỗ tăng=> diện tích rừng ngày càng thu hẹp, đất bị xói mòn, bạc

Sức ép dân số đến:

- Tài nguyên: Rừng bị thu hẹp, đất bị bạc màu, khoáng sản cạn kiệt...

- Môi trường bị ô nhiễm (nguồn nước, không khí...)

- Chất lượng cuộc sống của người dân giảm sút.

- Việc giảm tỷ lệ gia tăng dân số, phát triển kinh tế nâng cao đời sống người dân ở đới nóng có tác động tích cực tới tài nguyên, môi trường.

màu k/s bị khai thác cạn kiệt, thiếu nước sạch -> ô nhiễm môi trường: Ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm tiếng ồn, ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất...

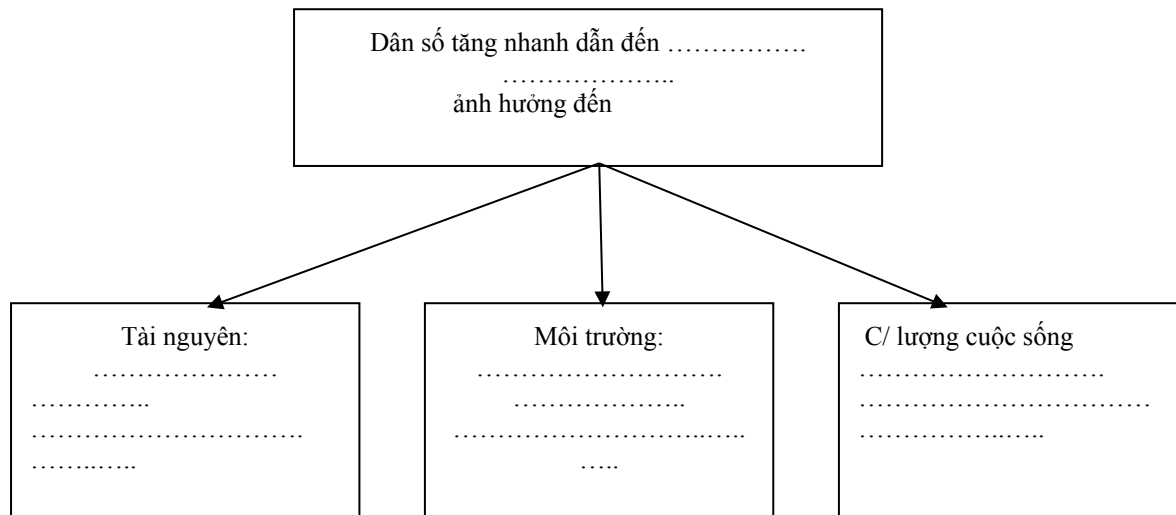
Dân số đông vấn đề nhà ở đất chật người đông ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị

Kìm hãm sự phát triển kinh tế, gây sức ép lên nền kinh tế, thất nghiệp tăng, giáo dục, văn hóa, y tế chậm phát triển...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân - 5 phút)

Câu 1: Đặc điểm dân cư đới nóng?

Câu 2: Điền vào trong sơ đồ về hậu quả dân số tăng nhanh?



D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (4 phút)

GV hướng dẫn:

- Thực hiện bài tập 1/SGK/trang 35
- Về nhà:
 - + Học bài kết hợp SGK.
 - + Xem trước bài mới: Bài 11 “ Di dân và bùng nổ đô thị ở đới nóng”
 - + Làm bài tập bản đồ.

Tuần:

Ngày soạn: 03/10/18

Tiết: 10

Ngày dạy: 05/10/18

Bài 11: DI DÂN VÀ SỰ BÙNG NỔ ĐÔ THỊ Ở ĐỚI NÓNG

I/ Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

Trình bày được vấn đề di dân, sự bùng nổ đô thị ở đới nóng; nguyên nhân và hậu quả.

2. Kỹ năng

- Phân tích các sự vật, hiện tượng địa lí, các nguyên nhân di dân.
- Phân tích ảnh địa lý về vấn đề môi trường đô thị ở đới nóng.

3. Thái độ

Ủng hộ các chính sách dân số, các vấn đề di dân có tổ chức ở đới nóng.

4. Định hướng phát triển năng lực

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ, ...
- **Năng lực chuyên biệt:** Sử dụng bản đồ, ...

5. Nội dung tích hợp: Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh.

- Biết được nguyên nhân dẫn đến các tệ nạn xã hội do đô thị hóa dẫn đến.
- Biết được tác động của các tệ nạn xã hội đến quốc phòng an ninh.

II Chuẩn bị

1. Chuẩn bị của giáo viên

Bản đồ phân bố dân cư và đô thị thế giới.

2. Chuẩn bị của học sinh

- Sgk, tranh ảnh về hậu quả đô thị hoá ở đới nóng.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ôn định: (Thời gian: 1 phút)

2. Kiểm tra bài cũ: (Thời gian: 4 phút)

Câu hỏi 1: Em hãy nêu hậu quả của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng? Biện pháp khắc phục?

Câu hỏi 2: Vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên, môi trường?

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) 3 phút

Bước 1: Giao nhiệm vụ: giáo viên cho học sinh xem video về những hậu quả của quá trình đô thị hóa quá nhanh và không có kế hoạch.

? Hậu quả của đô thị hóa tự phát.

Bước 2: HS theo dõi và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét bổ sung).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài. Dân số gia tăng quá nhanh ở đới nóng đã ảnh hưởng tới sự phát triển kinh tế, đời sống chậm được cải thiện làm xuất hiện các luồng di dân và thúc đẩy quá trình đô thị hóa phát triển. Để tìm hiểu rõ hơn nguyên nhân, hậu quả của các hiện tượng này các em cùng phân tích trong bài học hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Trình bày được vấn đề di dân ở đới nóng, nguyên nhân. (14 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác .

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p><i>Bước 1. Giáo viên giao nhiệm vụ.</i></p> <p>- Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu mục 1 sgk trang 36.</p> <p>?Hãy cho biết nguyên nhân dẫn đến sự di dân ở đới nóng.</p> <p>?Hậu quả của việc di dân không theo kế hoạch.</p> <p>?Tình hình gia tăng dân số ở các nước đới nóng.</p> <p><i>Bước 2:</i> HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...</p> <p><i>Bước 3:</i> Học sinh trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><i>Bước 4:</i> GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<p>1. Sự di dân.</p> <p>- Đới nóng là nơi có làn sóng di dân cao.</p> <p>- Nguyên nhân di dân rất đa dạng:</p> <p>+ Di dân tự do: do thiên tai, chiến tranh, kinh tế chậm phát triển, nghèo đói, thiếu việc làm.</p> <p>+ Di dân có kế hoạch: nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng núi, ven biển.</p>

HOẠT ĐỘNG 2. Trình bày được sự bùng nổ đô thị ở đới nóng và hậu quả (cá nhân). (Thời gian: 16 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng SGK, tranh ảnh, ...

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân.

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>2. Đô thị hóa.</p> <p><i>Bước 1</i> Giáo viên giao nhiệm vụ.</p>	<p>2. Đô thị hóa.</p>

<p>Giáo viên yêu cầu học sinh tìm hiểu nội dung trong SGK.</p> <p>?Dựa vào sgk cho biết tình hình đô thị hóa ở đới nóng diễn ra như thế nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu những biểu hiện tích cực và tiêu cực của việc đô thị hóa có kế hoạch và không có kế hoạch ở hình 11.1 và hình 11.2? - Cho biết những tác động xấu tới môi trường do đô thị hóa tự phát ở đới nóng gây ra? <p><i>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ.</i></p> <p>GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS.</p> <p><i>Bước 3: Cá nhân báo cáo kết quả làm việc.</i></p> <p><i>Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của học sinh và chuẩn kiến thức.</i></p> <p><i>Tích hợp giáo dục quốc phòng an ninh.</i></p> <p><i>Khi dòng người từ nông thôn di dân về đô thị quá đông làm đẩy nhanh quá trình đô thị hóa và dẫn tới phá vỡ kế hoạch phát triển đô thị. Nhiều vấn đề về xã hội đặt ra trong khi đó chính quyền không thể kiểm soát được tình hình dẫn đến những hậu quả xấu xảy ra trong đó có các tệ nạn xã hội như nạn trộm cắp, ma túy, mại dâm... làm mất an ninh trật tự tại đô thị.</i></p> <p><i>Ví dụ: Khi người lao động đến các đô thị để sinh sống làm ăn nhưng không tìm được việc làm thì những người thất nghiệp này có thể lâm vào các tệ nạn xã hội, nạn trộm cắp, giết người cướp quả, buôn bán ma túy diễn ra hoặc bị lôi kéo rũ rề để chống lại Đảng, nhà nước ta dẫn đến mất an ninh.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ đô thị hóa cao. - Hậu quả: Sự bùng nổ đô thị ở đới nóng chủ yếu do di dân tự do đã tạo ra sức ép lớn đối với việc làm, nhà ở, môi trường, phúc lợi xã hội ở các đô thị.
---	---

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP : (Thời gian: 4 phút)

(Cá nhân):

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Đâu **không phải** là nguyên nhân dẫn đến làn sóng di dân ở đới nóng?

- A. Thu nhập ở vùng nông thôn quá thấp.
- B. Thiên tai thường xuyên xảy ra làm mất mùa.
- C. Xung đột tộc người thường xảy ra.
- D. Bị chính quyền ép buộc phải bỏ quê.

Câu 2. Hệ quả của việc di dân theo kế hoạch là

- A. góp phần phát triển kinh tế - xã hội.
- B. gây ô nhiễm môi trường.
- C. góp phần làm tăng dân số thành thị.
- D. Gây sức ép việc làm đến các đô thị.

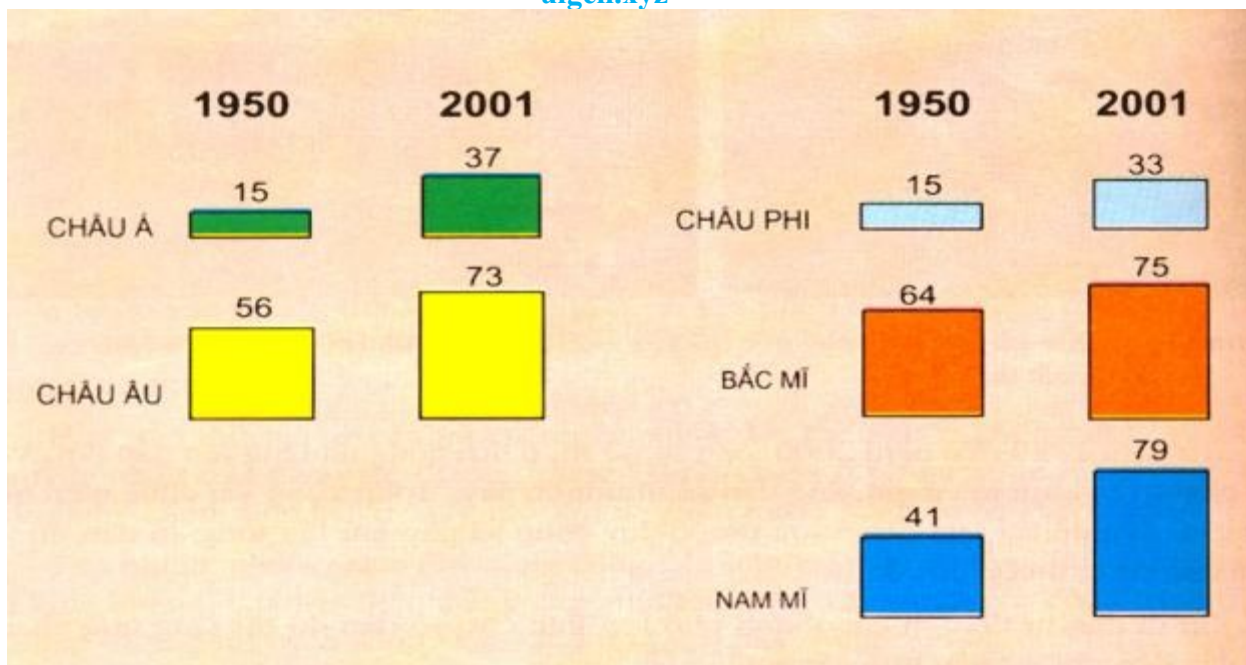
II. Tự luận

Câu 1. Đô thị hóa không theo kế hoạch dẫn đến hậu quả gì?

Câu 2. Hãy cho biết những hậu quả của sự đô thị hóa nhanh ở Việt Nam.

Câu 3. Vì sao ở các đô thị phát triển tự phát tệ nạn xã hội thường xảy ra nhiều hơn những đô thị phát triển theo kế hoạch.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 2 phút)



Dựa vào biểu đồ tỉ lệ dân đô thị. Hãy nhận xét tốc độ tăng tỉ lệ dân đô thị ở một số nơi trên thế giới.

Dẫn dò: (Thời gian: 1 phút)

HS về nhà chuẩn bị bài 12. Thực hành: Nhận biết đặc điểm môi trường đới nóng.

<u>Tuần 6</u> <u>Tiết 12</u>	<u>Bài 12:</u> THỰC HÀNH NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG	<i>Ngày soạn: 07/10/2018</i> <i>Ngày dạy: 09/10/18</i>
---	--	---

I. Mục tiêu bài học: Qua bài thực hành học sinh nắm được:

1. Kiến thức:

- Về các kiểu khí hậu xích đạo ẩm, nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa.
- Đặc điểm về các kiểu môi trường ở đới nóng.

2. Kỹ năng:

- củng cố các kỹ năng đọc, phân tích so sánh các yếu tố địa lý qua tranh ảnh, biểu đồ.
- Rèn luyện các kỹ năng đã học, củng cố và nâng cao thêm các kỹ năng sau đây:
 - + Kỹ năng nhận biết các môi trường của đới nóng qua ảnh địa lý, qua biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
 - + Kỹ năng phát triển tư duy địa lý, phân tích mối quan hệ giữa khí hậu với môi trường.
 - + Giao tiếp và tự nhận thức
 - + Tư duy, xử lý thông tin

3. Thái độ:

- Giáo dục ý thức khám phá thiên nhiên
- Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác.
- Năng lực chuyên biệt: đọc, khai thác biểu đồ, sử dụng tranh ảnh.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên :

- Lược đồ các kiểu môi trường trong đới nóng
- Tranh ảnh các kiểu môi trường đới nóng

-Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa BT 2 SGK phóng to

2. Học sinh: SGK, vở ghi, tập bản đồ 7.

III. Tiến trình bài dạy:

Ôn định lớp: (1 phút)

A. **Tình huống xuất phát:** (3 phút)

- Mục tiêu: giúp học sinh nắm lại vị trí, giới hạn, các kiểu môi trường đới nóng
- Phương pháp: Phương pháp trực quan- Cá nhân.
- Phương tiện: Lược đồ Các kiểu môi trường trong đới nóng, tranh ảnh các kiểu môi trường đới nóng.
- Các bước hoạt động:
 - + B1: Giao nhiệm vụ: Giới thiệu LĐ các kiểu môi trường trong đới nóng
 - + B2: HS qua sát bản đồ
 - + B3: Gv dẫn dắt vào bài.

Dựa vào các kiểu môi trường trong đới nóng, Xác định vị trí của Việt Nam trên LĐ (Cho HS xác định vị trí của VN trên LĐ). VN thuộc kiểu môi trường nào?

Ngoài môi trường đó, đới nóng còn có những kiểu môi trường nào? (GV kết hợp cho điểm KT bài cũ)

Từ đó GV khởi động bài mới: Đới nóng chiếm một phần khá lớn diện tích đất nổi trên TD, có ĐKTN hết sức đa dạng và phong phú. Vận dụng những kiến thức đã học, chúng ta cùng nhận biết đặc điểm môi trường đới nóng qua bài TH hôm nay.

B. **Hình thành kiến thức mới:**

Hoạt động 1: Cho các em mô tả cảnh quan trong bức ảnh → xác định các kiểu môi trường trong ảnh.

- Mục tiêu: Nhận biết đặc điểm môi trường qua tranh ảnh
- Thời gian: 13 phút

Phương pháp: Trực quan, tư duy, vận dụng: khai thác tranh ảnh

Hình thức học tập: cặp đôi

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung ghi bảng
<p>Bước 1: Cho học sinh quan sát hình ảnh BT1/ SGK trao đổi trả lời câu hỏi</p> <p>-GV: hướng dẫn HS quan sát các ảnh trang 39 SGK, vận dụng kiến thức đã học về khí hậu, các đặc điểm khác của môi trường đới nóng</p> <p>+ Mô tả cảnh quan của từng bức ảnh (GV kết hợp cho điểm KT bài cũ)</p> <p>+ xác định từng ảnh thuộc kiểu môi trường nào.</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ theo nhóm cặp</p> <p>Bước 3: đại diện các cặp đôi trình bày, HS khác bổ sung</p> <p>Bước 4:gv nhận xét và chuẩn xác kiến thức.</p>	<p>1. BT1: Quan sát ảnh, xác định ảnh thuộc kiểu môi trường nào?</p> <p>A: Xahara : hoang mạc nhiệt đới ở Bắc Phi.</p> <p>B: Vườn quốc gia Sêragat: xavan ở môi trường nhiệt đới.</p> <p>C: Bắc công gô: rừng rậm ở môi trường xích đạo ẩm.</p>

Hoạt động 2:

-Tên hoạt động: BT2: Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa trang 41- SGK, chọn ra một biểu đồ thuộc đới nóng. Cho biết lí do.

-Mục tiêu: Học sinh đọc, phân tích được các biểu đồ nhiệt độ , lượng mưa, vận dụng kiến thức đã học để tổng hợp, lựa chọn

-Thời gian: 20 phút.

-Phương pháp: Sử dụng phương pháp trực quan kết hợp với đàm thoại, tư duy, tổng hợp

-Hình thức tổ chức: nhóm 4

<p>Bước 1. GV treo các BĐ trang 41/SGK phóng to, hướng dẫn cho HS phân tích yếu tố nhiệt và lượng mưa của từng BĐ</p> <p>+ Nhiệt độ tháng nóng nhất? Bao nhiêu độ? Tháng lạnh nhất? Bao nhiêu độ? Dao động nhiệt?</p> <p>+ Lượng mưa trung bình? Mưa lớn vào mùa nào?</p> <p>Giao nhiệm vụ cho các nhóm</p> <p>+ N1: BĐ A</p> <p>+ N2: BĐ B</p> <p>+ N3: BĐ C</p> <p>+ N4: BĐ D& E</p> <p>Bước 2: các nhóm thảo luận, thư kí ghi ra bảng phụ</p> <p>Bước 3: đại diện các nhóm trình bày, treo bảng phụ lên bảng, các khác bổ sung</p> <p>Bước 4: HS thảo luận nhóm cặp, chọn biểu đồ thuộc đới nóng</p> <p>Bước 5:gv chuẩn xác kiến thức</p>	<p>2. BT 2:</p> <p>+ BĐ A:</p> <p>-Có nhiều tháng nhiệt độ xuống thấp < 15⁰c vào mùa hạ</p> <p>- Lượng mưa TB năm thấp, tập trung vào mùa hạ</p> <p>=> không phải của đới nóng.</p> <p>+BĐ B:</p> <p>- Nóng quanh năm nhiệt độ > 20⁰c và nhiệt độ có 2 lần lên cao vào tháng 4 và tháng 9</p> <p>- Lượng mưa TB năm lớn, mưa nhiều vào mùa hạ</p> <p>=> đúng của đới nóng.</p> <p>+BĐ C:</p> <p>- Nhiệt độ Tháng cao nhất của mùa hạ <20⁰c , mùa đông ấm 5⁰c</p> <p>- Lượng mưa trung bình, phân bố đều trong năm</p> <p>=> không đúng của đới nóng.</p> <p>+ BĐ D:</p> <p>- Có mùa hạ 20⁰c, mùa đông <-15⁰c</p> <p>- mưa ít và mưa vào mùa hạ</p> <p>=> không phải của đới nóng.</p> <p>+ BĐ E:</p> <p>- Có mùa hạ trên 25⁰c, đông 15⁰c</p> <p>- Lượng mưa ít, tập trung vào thu đông</p> <p>=> không phải của đới nóng</p> <p>* Giáo viên kết luận : B là biểu đồ của đới nóng , thuộc môi trường nhiệt đới gió mùa.</p>
---	---

C. Luyện tập, vận dụng: (5 ph)

- HS xác định vị trí môi trường nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa, MT xích đạo ẩm trên LD các kiểu môi trường trong đới nóng.

- Dựa vào 3 ảnh/39 mô tả lại đặc điểm các kiểu môi trường trong ảnh

- Tổ chức trò chơi: “Ai nhanh hơn”

Chia lớp thành 2 đội chơi, mỗi đội 4 em

BT trắc nghiệm: Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

Câu 1: Rừng thưa và xa van là thảm thực vật phổ biến ở môi trường

A. nhiệt đới gió mùa. B. hoang mạc. C. xích đạo ẩm . D. nhiệt đới .

Câu 2: Làm ruộng bậc thang và canh tác theo đường đồng mức ở vùng đồi núi có ý nghĩa

A. Tiết kiệm nước tưới. B. Chống ngập nước.
C. Chống xói mòn đất. D. Tận dụng đất trồng

D. Vận dụng mở rộng (2 ph)

- Hướng dẫn làm bài tập bản đồ.
- hướng dẫn chuẩn bị bài mới.

Tuần: 6 Tiết: 12	ÔN TẬP	Ngày soạn: 10/10/18 Ngày giảng: 12/10/18
-----------------------------------	---------------	---

I. Mục tiêu bài học

1. Kiến thức

- Ôn tập lại toàn bộ kiến thức chương I - Phần Hai cho các em và qua đó đánh giá lại quá trình tiếp thu tri thức cho học sinh.

2. Kỹ năng

- Rèn kỹ năng tổng hợp kiến thức, rèn luyện kỹ năng đọc lược đồ.
- Kỹ năng làm bài tập

3. Thái độ

- Giáo dục ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường cho học sinh

II. Chuẩn bị phương tiện dạy học

1. Giáo viên

- Lược đồ các kiểu môi trường địa lí
- Bản đồ kinh tế thế giới

2. Học sinh

- Ôn tập theo hướng dẫn của giáo viên.

III. Hoạt động dạy học

1. Ổn định tổ chức lớp

2. Kiểm tra bài cũ

? Trình bày đặc điểm chung của khí hậu đới nóng ?

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung
<p>* Hoạt động 1: Nhóm</p> <p>- GV: Quan sát H 5.1, sgk / tr.16, hãy: ? Xác định vị trí, giới hạn đới nóng ? ? Xác định vị trí các kiểu môi trường thuộc đới nóng ?</p> <p>- GV: chia lớp thành 3 nhóm thảo luận (2 phút) + N1 : Trình bày đặc điểm môi trường xích đạo ẩm ? + N2 : Trình bày đặc điểm môi trường nhiệt đới? +N3 : Trình bày đặc điểm môi trường nhiệt đới</p>	<p><u>1. Các môi trường thuộc đới nóng</u></p> <p>a. Môi trường xích đạo ẩm : nóng ẩm quanh năm</p> <p>b. Môi trường nhiệt đới : Nóng quanh năm, mưa theo mùa</p> <p>c. Môi trường nhiệt đới gió mùa: nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo mùa gió, thời</p>

gió mùa ?

- HS nhớ lại kiến thức và trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

? Rút ra đặc điểm chung của môi trường đới nóng ?

*** Hoạt động 2 : Cá nhân / Cả lớp**

? Đặc điểm sản xuất nông nghiệp ở đới nóng ?

? Nêu các loại nông sản chính ở đới nóng ? Xác định trên bản đồ thế giới, các nước và các khu vực ở đới nóng sản xuất nhiều các loại nông sản đó.

*** Hoạt động 3: Cá nhân**

? Vì sao nguồn tài nguyên thiên nhiên của các nước thuộc đới nóng ngày càng cạn kiệt ?

? Vẽ sơ đồ thể hiện tác động tiêu cực của việc gia tăng dân số quá nhanh ở đới nóng đối với tài nguyên, môi trường?

? Đọc bảng số liệu trang 34, sgk. Nhận xét về tương quan giữa dân số và diện tích rừng ở khu vực Đông Nam Á ?

? Để bảo vệ tài nguyên và môi trường chúng ta cần có những biện pháp gì?

? Trình bày những nguyên nhân di dân ở đới nóng ?

? Nêu những tác động xấu tới môi trường do quá trình đô thị hóa ở đới nóng gây ra?

tiết diễn biến thất thường.

- Đặc điểm khí hậu chung của đới nóng : nắng nóng quanh năm và mưa nhiều

2. Hoạt động sản xuất nông nghiệp ở đới nóng

- Khí hậu thích hợp cho sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên cũng gây những khó khăn lớn trong sản xuất

- Biện pháp khắc phục:

- Các nông sản chính : lúa nước, ngũ cốc, cây công nghiệp...chăn nuôi : gà, vịt, lợn, trâu, bò, dê, cừu.

3. Dân số và sức ép dân số tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng

- Nhằm đáp ứng nhu cầu của dân số ngày càng đông, tài nguyên thiên nhiên được khai thác với tốc độ ngày càng nhanh cạn kiệt và suy giảm dần

4. Di dân và sự bùng nổ đô thị ở đới nóng

- Đới nóng là nơi có sự di dân lớn và tốc độ đô thị hóa cao đã Tác động xấu tới tài nguyên, môi trường và đời sống xã hội.

4. Củng cố, dặn dò:

a, Củng cố

- GV chuẩn xác lại toàn bộ kiến thức trọng tâm toàn chương I

- Vẽ biểu đồ thể hiện dân số và diện tích rừng ở khu vực Đông Nam á theo số liệu sau :

Năm	Dân số (triệu người)	Diện tích rừng (triệu ha)
1980	360	240,2
1990	442	208,6

GV hướng dẫn HS tập làm quen với cách vẽ biểu đồ hình cột đôi theo từng bước.

- GV yêu cầu HS vẽ biểu đồ vào vở

b, Dặn dò

- Nhắc nhở HS ôn tập kĩ các kiến thức trọng tâm từ bài 5 - 12, trả lời các câu hỏi trong SGK chuẩn bị cho kiểm tra 1 tiết.

Tuần
Tiết 13

Ngày soạn: 14/10/18
Ngày dạy: 16/10/18

ÔN TẬP

I. MỤC TIÊU: Qua bài học, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

Nắm vững các kiến thức cơ bản về thành phần nhân văn của môi trường, môi trường đới nóng và hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng một cách khái quát.

2. Kỹ năng:

Kỹ năng đọc, phân tích, nhận biết các môi trường qua ảnh.

3. Thái độ:

Có tinh thần hợp tác, nghiên cứu, tìm hiểu, đóng góp ý kiến

4. Định hướng phát triển năng lực:

- **Năng lực chung:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

- **Năng lực chuyên biệt:** Sử dụng bản đồ, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video clip.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Chuẩn bị của giáo viên:

Bản đồ tự nhiên châu Á, bản đồ các môi trường địa lí.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sgk.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. Ôn định: Kiểm tra vệ sinh, sĩ số lớp học.

2. Kiểm tra bài cũ:

3. Tiến trình bài học:

Khởi động: Trong thời gian qua chúng ta đã được biết về thành phần nhân văn của môi trường. Môi trường đới nóng. Hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng. Để kiểm tra xem kết quả học tập của các em trong thời gian qua như thế nào. Đồng thời qua tiết ôn tập này các em một lần nữa được nghe, được ôn lại các kiến thức một cách khái quát hơn.

Hoạt động 1: Hệ thống hóa các kiến thức đã học: (cá nhân).

* **Phương pháp dạy học:** Đàm thoại gợi mở; sử dụng bản đồ; giải quyết vấn đề; tự học.

* **Kỹ thuật dạy học:** Đặt câu hỏi; học tập hợp tác.

* **Hình thức tổ chức hoạt động:** Hình thức “bài lên lớp”; cá nhân; ...

I. Thành phần nhân văn của môi trường

Câu 1: Nêu sự khác nhau cơ bản giữa quần cư đô thị và quần cư nông thôn?

Quần cư nông thôn	Quần cư đô thị
<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa xen ruộng đồng, tập hợp thành làng xóm. - Dân cư thưa thớt - Hoạt động chính: nông – lâm – ngư nghiệp 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà cửa xây thành phố phường - Dân tập trung đông - Sản xuất công nghiệp và dịch vụ

thế giới?

Câu 2:
Trình bày sự phân bố dân cư trên

- Những nơi điều kiện sinh sống và giao thông thuận tiện như đồng bằng, đô thị hoặc các vùng khí hậu ẩm áp, mưa nắng thuận hòa đều có dân cư tập trung đông đúc.

- Các vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, giao thông khó khăn, vùng cực giá lạnh hoặc hoang mạc ... khí hậu khắc nghiệt có dân cư thưa thớt.

Câu 3: Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa 3 chủng tộc chính trên thế giới về hình thái bên ngoài và nơi sinh sống chủ yếu của mỗi chủng tộc?

Chủng tộc	Đặc điểm hình thái bên ngoài	Địa bàn sinh sống chủ yếu
Môn-gô-lô-ít	Dạ vàng, tóc đen, mũi tẹt, mắt đen, mũi tẹt	Chủ yếu ở Châu Á
Nê-grô-ít	Dạ đen, tóc xoăn, mũi thấp to cánh mũi rộng, môi dày	Chủ yếu ở Châu phi
Ô-rô-pê-ô-ít	Dạ trắng, tóc nâu hoặc vàng gọn sóng, mắt xanh, mũi dài nhọn, môi mỏng	Chủ yếu ở Châu Âu

Câu 4: Hãy kể tên một số siêu đô thị trên thế giới?

Niu I-oóc, Mê-hi-cô Xi ty (Bắc Mỹ), Xao Pao-lô (Nam Mỹ), Tô-ki-ô, Mun-bai, Thượng hải (châu Á), Luân đôn, Pa ri, Mát-xcơ-va (châu Âu).

II. Các môi trường địa lí

Câu 5: Phân biệt sự khác nhau cơ bản của 3 kiểu môi trường: xích đạo ẩm, nhiệt đới, nhiệt đới gió mùa?

Môi trường xích đạo ẩm	Môi trường nhiệt đới	Môi trường nhiệt đới gió mùa
<ul style="list-style-type: none"> - Nóng, ẩm - Rừng rậm xanh quanh năm 	<ul style="list-style-type: none"> - Nóng quanh năm, có thời kì khô hạn - Lượng mưa và thảm thực vật thay đổi từ xích đạo về phía hai chí tuyến: Rừng thưa -> đồng cỏ cao nhiệt đới (xavan) -> nửa hoang mạc 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ và lượng mưa thay đổi theo mùa gió, thời tiết diễn biến thất thường - Thảm thực vật phong phú, đa dạng

Câu 6: Cho biết những thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở đới nóng?

	Môi trường xích đạo ẩm	Môi trường nhiệt đới và nhiệt đới gió mùa
Thuận lợi	Nhiệt độ và độ ẩm cao, trồng nhiều loại cây, nuôi nhiều con, xen canh, tăng vụ quanh năm	Nóng quanh năm, mưa tập trung theo mùa. Chủ động bố trí mùa vụ và lựa chọn cây trồng vật nuôi phù hợp
Khó khăn	<ul style="list-style-type: none"> Khí hậu nóng ẩm nên mầm bệnh phát triển gây hại cho cây trồng vật nuôi Chất hữu cơ phân hủy nhanh nên tầng mùn mỏng. Vì vậy dễ bị rửa trôi lớp đất màu mỡ 	<ul style="list-style-type: none"> - Mưa tập trung vào một mùa dễ gây lũ lụt, xói mòn đất - Mùa khô kéo dài gây hạn hán, hoang mạc dễ phát triển - Thời tiết diễn biến thất thường, gây thiên tai

Câu 7: Phân tích mối quan hệ giữa dân số với tài nguyên môi trường ở đới nóng?

Dân số đông, gia tăng dân số nhanh đã đẩy nhanh tốc độ khai thác tài nguyên làm suy thoái môi trường, diện tích rừng ngày càng thu hẹp, đất bạc màu, khoáng sản cạn kiệt, thiếu nước sạch ...

Câu 8: Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng di dân ở đới nóng?

- Nguyên nhân di dân rất đa dạng:

+ Di dân tự do: do thiên tai, chiến tranh, kinh tế chậm phát triển, nghèo đói và thiếu việc làm.

+ Di dân có kế hoạch: nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng núi, ven biển.

Hoạt động 2: Rèn kĩ năng làm bài tập địa lí: (cá nhân).

* **Phương pháp dạy học:** Đàm thoại gợi mở; sử dụng bản đồ; giải quyết vấn đề; tự học.

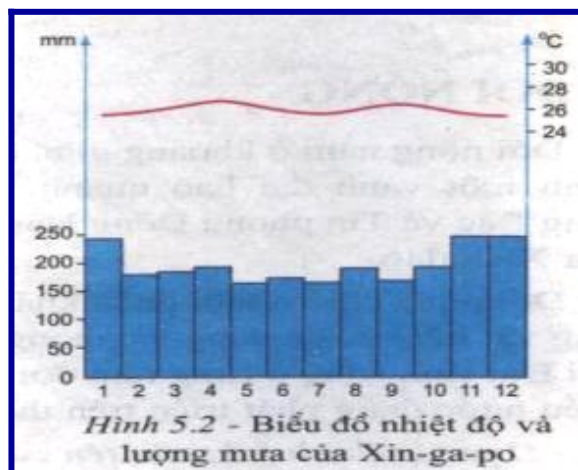
* **Kỹ thuật dạy học:** Đặt câu hỏi; học tập hợp tác.

* **Hình thức tổ chức hoạt động:** Hình thức “bài lên lớp”; cá nhân; ...

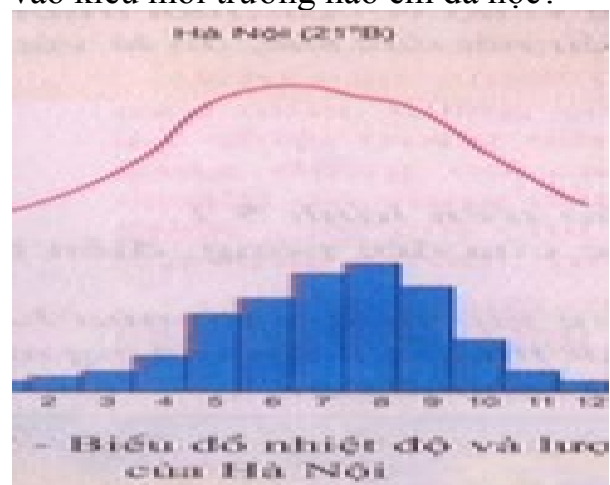
Câu 9: Cho bảng số liệu sau: Hãy tính mật độ dân số của các nước châu Á.

Tên nước	Diện tích (km ²)	Dân số (triệu người)	Mật độ dân số (người/km ²)
Việt nam	330991	78,8	
Trung quốc	9597000	1273,3	
In-đô-nê-xi-a	1919000	206.1	

Câu 10: Dựa vào hai biểu đồ dưới đây, em hãy so sánh sự khác biệt về nhiệt độ và lượng mưa giữa hai khu vực và cho biết chúng thuộc vào kiểu môi trường nào em đã học?



A



B

IV. TỔNG KẾT VÀ HƯỚNG DẪN HỌC TẬP:

1. Tổng kết:

Nhận xét, ghi điểm cho các học sinh tích cực, động viên khuyến khích các học sinh yếu.

2. Hướng dẫn học tập:

Về nhà học thật kỹ nội dung ôn tập để tiết sau kiểm tra một tiết.

Ngày soạn: 15/10/18

Ngày dạy: 24/10/14

ĐỀ KIỂM TRA 1 TIẾT HỌC KÌ I MÔN ĐỊA LÍ 7**1. Mục tiêu:**

- HS hệ thống kiến thức về dân số, các chủng tộc trên thế giới, sự khác nhau giữa quần cư nông thôn và quần cư đô thị, hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng và đới ôn hòa.
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong các nội dung từ bài 1 đến bài 12, để ra các biện pháp để kịp thời điều chỉnh quá trình dạy học.

2. Hình thức kiểm tra:

- Đề kiểm tra kết hợp câu hỏi dạng tự luận (5 điểm) và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan (5,0 điểm).
- Thời gian làm bài: 45 phút.

3. Ma trận đề kiểm tra:

Cấp độ Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
Thành phần nhân văn của môi trường.	Bùng nổ dân số ở châu Á, Phi, Mỹ la tinh. Đặc điểm các chủng tộc.		Nguyên nhân dân số thế giới phân bố không đều.		Quần cư nông thôn và quần cư đô thị.				
Số câu Số điểm Tỉ lệ: %	3 câu 1,5đ 15%		1 câu 0,5đ 5%			1 câu 2 20%			5 câu 4đ 40%
Môi trường đới nóng. Hoạt động kinh tế của con người ở đới nóng.	Đặc điểm môi trường xích đạo ẩm và thảm thực vật. Nguyên nhân gây ô nhiễm và suy thoái tài nguyên ở đới nóng. Hình thức canh tác. Nguyên nhân di dân.		Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa. Cảnh quan môi trường đới nóng. Nền sản xuất nông nghiệp.				Liên hệ các hình thức sản xuất ở Việt Nam		

<i>Số câu</i>	<i>3 câu</i>	<i>1 câu</i>	<i>2 câu</i>	<i>1/2</i>				<i>1/2 c</i>	<i>7 câu</i>
<i>Số điểm</i>	<i>1,5đ</i>	<i>1đ</i>	<i>1đ</i>	<i>1</i>				<i>1đ</i>	<i>5.5đ</i>
<i>Tỉ lệ:%</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>10%</i>	<i>10</i>				<i>10%</i>	<i>55%</i>
Môi trường đối ôn hòa. Hoạt động kinh tế của con người ở đối ôn hòa.			Nguyên nhân thay đổi thời tiết.						
<i>Số câu</i>			<i>1 câu</i>						<i>1 câu</i>
<i>Số điểm</i>			<i>0,5đ</i>						<i>0,5đ</i>
<i>Tỉ lệ:%</i>			<i>5%</i>						<i>5%</i>
Tổng số câu	7 câu		5 câu		1 câu		1/2 câu		13 câu
Tổng số điểm	4 điểm		3 điểm		2 điểm		1 điểm		10đ
Tỉ lệ:%	40%		30%		20%		10%		100%

Họ và tên:	BÀI KIỂM TRA 1 TIẾT
Lớp :7	MÔN: ĐỊA LÝ 7
	Năm học 2018-2019

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (5 điểm) Em hãy chọn và khoanh tròn vào ý đúng nhất.
(mỗi câu 0,5 điểm)

Câu 1. Sự bùng nổ dân số từ những năm 50 của thế kỉ XX diễn ra ở các nước thuộc

- A. châu Á, châu Phi và Mĩ la Tinh. B. Bắc Mĩ và châu Đại Dương.
C. châu Mĩ, châu Âu. D. châu Âu, châu Mĩ.

Câu 2. Để nhận biết sự khác nhau giữa các chủng tộc, người ta căn cứ vào

- A. chỉ số thông minh. B. cấu tạo cơ thể.
C. hình thái bên ngoài. D. tình trạng sức khỏe.

Câu 3. Đặc điểm khí hậu của môi trường xích đạo ẩm là

- A. nắng nóng và mưa nhiều quanh năm.
B. nắng nóng và mưa nhiều theo mùa trong năm.
C. lượng mưa trung bình từ 1500 – 2500 mm/năm.
D. chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm hơn 20⁰ C.

Câu 4.Thảm thực vật tiêu biểu của môi trường xích đạo ẩm là

- A. xa van. B. rừng thưa.
C. rừng lá kim. D. rừng rậm xanh quanh năm

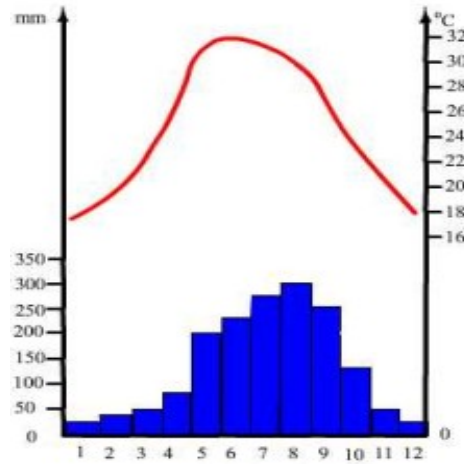
Câu 5. Nguyên nhân chính gây tác động tiêu cực tới tài nguyên, môi trường ở đới nóng là

- A. kinh tế chậm phát triển. B. dân số tăng quá nhanh.
C. đời sống người dân quá khó khăn. D. khai thác tài nguyên không hợp lí

Câu 6. Nguyên nhân quan trọng nhất làm cho thời tiết đới ôn hòa thay đổi thất thường là do

- A. gió Tây ôn đới. C. ảnh hưởng của dòng biển nóng.
B. diện tích rộng lớn. D. nằm ở vị trí trung gian giữa đới nóng và đới lạnh.

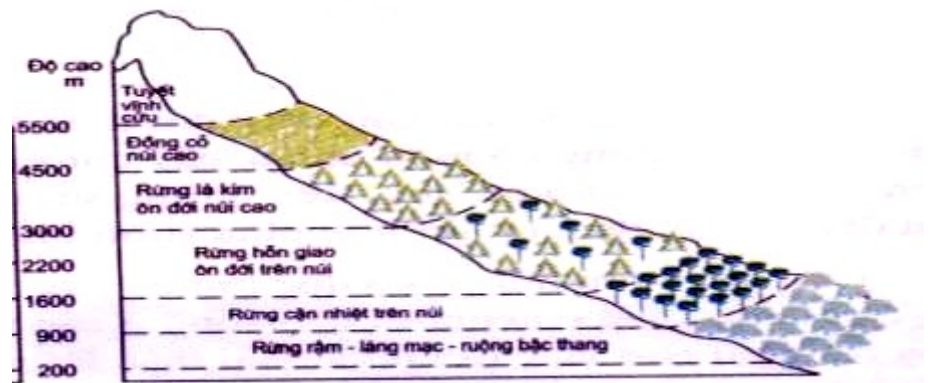
Câu 7: Em hãy cho biết biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa dưới đây thuộc kiểu môi trường



nào ?

- A. môi trường nhiệt đới. B. môi trường ôn đới lục địa.
C. môi trường nhiệt đới gió mùa. D. môi trường ôn đới hải dương.

Câu 8. Em hãy cho biết sơ đồ phân tầng thực vật theo độ cao ở hình vẽ dưới đây



thuộc môi trường nào ?

- A. đới lạnh. **B. đới nóng.** C. hoang mạc. D. đới ôn hòa.

Câu 9: Làm ruộng bậc thang và canh tác theo đường đồng mức ở vùng đồi núi có ý nghĩa

- A. Tiết kiệm nước tưới. B. Chống ngập nước.
 C. Chống xói mòn đất. D. Tận dụng đất trồng

Câu 10. Dân số phân bố không đều giữa các khu vực trên thế giới là do

- A. sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế.
 B. điều kiện tự nhiên ảnh hưởng.
 C. điều kiện sống và đi lại của con người chi phối.
D. khả năng khắc phục trở ngại của con người khác nhau.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (5 điểm)

Câu 1 (2,0 điểm) So sánh những điểm khác nhau cơ bản giữa quần cư nông thôn với quần cư đô thị.

Câu 2. (1,0 điểm) Nêu những nguyên nhân dẫn đến các làn sóng di dân ở đới nóng?

Câu 3 (2,0 điểm). Hãy cho biết nền sản xuất nông nghiệp ở đới nóng có những hình thức nào? Hãy liên hệ ở Việt Nam.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM CHẤM BÀI KIỂM TRA I TIẾT HỌC KỲ I
MÔN ĐỊA LÝ 7 (45')
NĂM HỌC 2018-2019

I/ PHẦN TRẮC NGHIỆM : (5đ)

Học sinh chọn ý đúng nhất, mỗi câu đúng 0,5đ.

Câu1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu7	Câu 8	Câu 9	Câu10
A	C	A	D	B	D	C	A	C	A

II/ PHẦN TỰ LUẬN : (5 đ)

II. Tự luận: (5 điểm)

Học sinh khuyết tật không làm câu 1 và ý hai của câu 3. Câu 2 hai điểm; Câu 3 Ba điểm.

Câu	Đáp án	Điểm
1 2 đ	So sánh những điểm khác nhau cơ bản giữa quần cư nông thôn với quần cư đô thị.	
	a) Quần cư nông thôn: - Hoạt động sản xuất: nông, lâm và ngư nghiệp.	0,25đ
	- Mật độ dân số: phân tán, mật độ dân số khá thấp. (0,25	0,25đ
	- Cách thức tổ chức cư trú: làng mạc, thôn xóm xen với đất canh tác, đất đồng cỏ, đất rừng hay mặt nước.	0,5đ
	b) Quần cư đô thị: - Hoạt động sản xuất: công nghiệp và dịch vụ.	0,25 đ
	- Mật độ dân số: tập trung, mật độ dân số cao.	0,25 đ
	- Cách thức tổ chức cư trú: các khu phố, dãy nhà xen lẫn với một số nhà máy, xí nghiệp, cơ sở kinh doanh.	0,5 đ
2 1đ	Nêu những nguyên nhân dẫn đến các làn sóng di dân ở đới nóng?	
	-Di dân tự do: do thiên tai, chiến tranh, kinh tế chậm phát triển, nghèo đói, thiếu việc làm.	0,5 đ
	- Di dân có kế hoạch: nhằm phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng núi ven biển.)	0,5 đ
	Hãy cho biết nền sản xuất nông nghiệp ở đới nóng có những hình	

3 2đ a.	thức nào? Hãy liên hệ ở Việt Nam.	
	a. Các hình thức sản xuất nông nghiệp ở đới nóng: Làm rẫy, lúa nước và sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn.	1 đ
	b. Học sinh liên hệ được ở Việt Nam cũng có các hình thức sản xuất nông nghiệp tương tự như trên vì Việt Nam cũng là quốc gia ở đới nóng.	1 đ

DUYỆT CỦA TỔ CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

Nguyễn Văn Tâm

Câu 1 (2,0 điểm)**Câu 2 (1,0 điểm)** Nguyên nhân dẫn đến các làn sóng di dân ở đới nóng là:**Câu 3 (2,0 điểm).** Hiện trạng ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước ở đới ôn hòa ; nguyên nhân và hậu quả

- Ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước ở đới ôn hòa đã đến mức báo động. Các hiện tượng mưa axit, thủy triều đỏ, hiệu ứng nhà kính... ngày càng tăng. (1,0 điểm)

- Nguyên nhân: do sự phát triển của công nghiệp và các phương tiện giao thông; do sự tập trung phần lớn các đô thị chạy dọc ven biển. (0,5 điểm)

- Hậu quả: làm biến đổi khí hậu; các nguồn nước biển, nước sông, nước hồ, nước ngầm... bị ô nhiễm, gây nguy hiểm tới sức khỏe con người và các sinh vật sống dưới nước. (0,5 điểm).

DUYỆT CỦA CHUYÊN MÔN

GIÁO VIÊN RA ĐỀ

Nguyễn Văn Tâm

Tuần 8 Tiết 15	Chương II Bài 13: MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HÒA	NS: 21/9/2018 ND: 23/10/18
---------------------------------	--	---

I. MỤC TIÊU: Sau bài học, học sinh đạt được:**1. Kiến thức:**

- Biết vị trí đới ôn hòa trên bản đồ Tự nhiên thế giới
- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) về 2 đặc điểm tự nhiên cơ bản của các môi trường đới ôn hòa:
 - + Tính chất trung gian của khí hậu.
 - + Sự thay đổi của thiên nhiên theo thời gian và không gian.

2. Kỹ năng:

- +Xác định trên bản đồ, lược đồ vị trí của đới ôn hòa, các kiểu môi trường ở đới ôn hòa
- + Nhận biết các kiểu môi trường ở đới ôn hòa (ôn đới hải dương, ôn đới lục địa, địa trung hải...) qua tranh ảnh và biểu đồ khí hậu

3. Thái độ:

- +Yêu thiên nhiên và nghiêm túc trong học tập

4. Định hướng phát triển năng lực

- + Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, tính toán, hợp tác, giải quyết vấn đề.
- + Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ, sử dụng tranh ảnh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

1. Giáo viên: - Bản đồ các đới khí hậu trên trái đất

-Tranh ảnh đới ôn hòa.

2. Học sinh: SGK, vở ghi, tập bản đồ 7, chuẩn bị bài mới

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) 5'****1. Mục tiêu**

-: Đới ôn hoà chiếm $\frac{1}{2}$ diện tích đất nổi trên Trái Đất, trải dài từ chí tuyến đến vòng cực . Với vị trí trung gian, môi trường đới ôn hoà có những nét khác biệt với môi trường khác và hết sức đa dạng . Vậy bài học hôm nay giúp các em hiểu được những điều đó-> Kết nối với bài học .

2. Phương pháp - kĩ thuật: Trực quan,vấn đáp, cá nhân.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh minh họa về hoạt động của đới ôn hòa

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp một số hình ảnh về tự nhiên và yêu cầu học sinh nhận biết hình ảnh nào đặc trưng cho đới ôn hòa.

Bước 2:

HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**HOẠT ĐỘNG 1. KHÍ HẬU (15')****1. Mục tiêu**

- Trước hết học sinh xác định được vị trí của đới ôn hòa
- Sau khi phân tích(H 13.1) hiểu rõ hơn các yếu tố gây nên sự biến động thời tiết ở đới ôn hòa như thế nào, qua đó hiểu được sự thất thường thời tiết đới ôn hòa
- Tác động của các yếu tố thời tiết rất lớn đối với s/x và đời sống của nhân dân.
- Năng lực tư duy tổng hợp,sử dụng tranh ảnh.

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP trực quan, phát vấn, KT học tập hợp tác ...

3. Hình thức tổ chức: Thảo luận nhóm

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung Ghi bảng
HD1: Khí hậu Bước 1: chia nhóm phân công nhiệm vụ để trả lời câu hỏi. CH1? Nêu rõ vị trí và đặc điểm khí hậu của đới ôn hòa? 1a? Phân tích bảng số liệu SGK, tr 42 để thấy	1. Khí hậu HS: xác định vị trí nằm ở giữa đới nóng và đới lạnh , từ 2 chí tuyến đến 2 đường vòng cực. Tập trung chủ yếu ở bán cầu Bắc - Khí hậu đới ôn hoà mang tính

tính chất trung gian của khí hậu đới ôn hòa.
1b? Quan sát (H 13.1) SGK tr 43, phân tích những yếu tố gây nên sự biến động thời tiết đới ôn hòa?

CH2? Liên hệ để thấy được sự thất thường của thời tiết ảnh hưởng sản xuất n/nghiệp đời sống người dân?

Bước 2: Bốn nhóm cùng thảo luận bổ sung và hoàn thiện câu hỏi 1,2

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày các nhóm khác bổ sung.

- **HS** căn cứ vào bảng số liệu trang 42 SGK. Tìm trên lược đồ hình 13.1 và bản đồ thế giới các địa điểm . Ac-khan-gen, Côn, TP HCM .

HS phân tích bảng số liệu để thấy tính chất trung gian của khí hậu ôn hoà .

So sánh 3 nơi về vị trí, nhiệt độ, lượng mưa => ở đới ôn hoà

Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét.

chất trung gian giữa đới nóng và đới lạnh .

- Do vị trí trung gian nên thời tiết đới ôn hoà thay đổi thất thường .

-H13.1 Đọc tên, xác định được 5 kiểu môi trường ở đới ôn hoà.

- 4 yếu tố thời tiết (*Gió Tây ôn đới, đợt khí lạnh , đợt khí nóng, Gió Tây ôn đới*)

GV. Do khí hậu phức tạp và đa dạng => môi trường có sự phân hoá .

GV giới thiệu cho học sinh hiểu thêm ở khí hậu ôn hoà thời tiết có 4 mùa : *Xuân , Hạ , Thu , Đông*

Hoạt động 2: Sự phân hóa của môi trường(15’)

1. Mục tiêu: Học sinh hiểu được thiên nhiên đới ôn hoà thay đổi theo không gian và thời gian, sự thay đổi đó phụ thuộc vào(*vĩ độ, ảnh hưởng của dòng biển và gió tây ôn đới*) các nước thuộc phạm vi chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển về thuận lợi cũng như khó khăn do biển gây ra. Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường biển, sinh vật trước sự tác động biến đổi khí hậu và tác động con người.

- Năng lực sử dụng bản đồ, sử dụng tranh ảnh tư duy tổng hợp.

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP phân tích thấy được mối quan hệ giữa các yếu tố tự nhiên, sử dụng SGK, tranh ảnh một cách hợp lí. Hoạt động cá nhân, hợp tác

3. Hình thức tổ chức: Cặp đôi

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung Ghi bảng
<p>HD2.Sự phân hóa của môi trường. *HD(cặp đôi) GV: Treo bản đồ lên. HS? Quan sát H13.1 đọc tên và xác định vị trí các kiểu môi trường (<i>từ tây sang đông lục địa Á-Âu, Bắc Mỹ và từ bắc xuống nam có 4 môi trường</i>)</p> <p>HS? Nêu vai trò của dòng biển nóng và gió tây ôn đới đối với khí hậu đới ôn hoà?</p> <p>HS (<i>Dòng biển nóng: nhiệt độ cao, mưa nhiều; dòng biển lạnh: nhiệt độ thấp ít mưa</i>)</p> <p>VD? Cho thấy mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật?</p> <p>(HSVĩ dụ) Môi trường ôn đới hải dương mưa nhiều hình thành rừng lá rộng, môi trường ôn đới lục địa ít mưa hình thành rừng lá kim và các môi</p>	<p>2.Sự phân hóa của môi trường. Thiên nhiên đới ôn hoà thay đổi theo thời gian một năm có 4 mùa : xuân, hạ, thu, đông.</p> <p>- Môi trường đới ôn hoà thay đổi theo không gian : Từ bắc xuống nam, từ tây sang đông .</p> <p>- Sự biến đổi của thiên nhiên theo không gian : từ rừng lá rộng, rừng lá kim, rừng hỗn giao, cây bụi</p>

trường khác...)

GV Kết luận: Sự phân hóa của môi trường đới ôn hòa(theo thời gian) thể hiện 4 mùa rõ rệt trong năm.

-Sự phân hóa theo không gian thể hiện sự thay đổi của cảnh quan thảm thực vật, khí hậu....từ tây sang đông, từ bắc xuống nam.(từ rừng lá rộng sang rừng hỗn giao đến rừng lá kim, từ rừng lá kim sang rừng hỗn giao, thảo nguyên, đến rừng cây bụi gai).Từ khí hậu ôn đới hải dương sang ôn đới lục địa hay khí hậu địa trung hải.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (5')

1. Hoạt động cá nhân

CHVD1: đọc biểu đồ khí hậu 48°B, 56°B, 41°B (SGK-tr 44) và điền vào mẫu bảng sau

Biểu đồ khí hậu	Nhiệt độ (°C)		Lượng mưa (mm)	
	Tháng 1	Tháng 7	Tháng 1	Tháng 7

Biểu đồ 48°B ôn đới hải Dương	6	16	133	62
Biểu đồ 56°B ôn đới lục địa	-10	19	31	74
Biểu đồ 41°B khí hậu địa trung hải	10	28	69	9

CHVD2a? Quan sát H.13.2,13.3,13.4 và biểu đồ bên cạnh. Giải thích tại sao môi trường ôn đới hải dương hình thành rừng lá rộng ?

HS mưa nhiều, nhiệt độ vào mùa đông không lạnh lắm.

CHVD2b? Tại sao môi trường ôn đới lục địa có rừng lá kim .

HS lượng mưa ít, nhiệt độ vào mùa đông lạnh.

CHVD2c? Tại sao môi trường địa trung hải rừng cây bụi gai?

HS lượng mưa ít, nhiệt độ luôn cao.

***GV:** Đó là mối quan hệ giữa khí hậu (nhiệt độ, lượng mưa) và sự phát triển của thực vật.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:(5')

- Học bài.

- Xem bài 14 (**Hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hòa**)

GV:Hướng dẫn

-Quan sát 5 ảnh (SGK) nêu các hình thức sản xuất n/ng và đặc điểm của nó.

-Quan sát các ảnh (SGK) nêu những biện pháp áp dụng KHKT trong sản xuất n/ng đới ôn hòa.

- Tìm hiểu vùng phân bố các sản phẩm n/ng chủ yếu.

Tuần 8 Tiết 16	Bài 14 : HOẠT ĐỘNG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI ÔN HÒA	NS :24/10/18 NG:26/10/18
---------------------------------	--	---

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hiểu và trình bày được đặc điểm của hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hòa.

2. Kỹ năng:

- Quan sát tranh ảnh, nhận xét và trình bày một số đặc điểm của các hoạt động sản xuất nông nghiệp ở đới ôn hòa.

- Xác định trên BĐ các cây trồng, vật nuôi ở đới ôn hòa.

3. Thái độ, hành vi:

- Ý thức về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường ở đới ôn hòa.
- Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, ...
- Năng lực chuyên biệt: sử dụng tranh ảnh, hình vẽ...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ các môi trường tự nhiên thế giới
- Bản đồ nông nghiệp Hoa Kỳ .
- Tranh ảnh
- H14.1, H14.2, H14.3, H14.4, H14.5, H14.6 /sgk phóng to.
- Bảng phụ

2. Đối với học sinh

- Sách, vở, đồ dùng học tập
- Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5 phút)

1. Mục tiêu: HS nắm được một số nội dung chính hoạt động nông nghiệp ở đới ôn hòa. đọc tranh ảnh để nhận biết các sản phẩm chủ yếu ở đới ôn hòa, sự phân hóa môi trường ở đới ôn hòa -> tạo nên sản phẩm đa dạng..

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân, thảo luận cặp.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về kỹ thuật sản xuất và các sản phẩm chủ yếu ở đới ôn hòa .

4. Các bước hoạt động

Bước 1:- Giáo viên cung cấp một số hình ảnh và yêu cầu học sinh nhận biết.

Các kênh hình sau thể hiện nội dung gì? Hình 1....., Hình 2.....



Hệ thống tưới xoay tròn



Hệ thống tưới tự động trong nông nghiệp

Hình 1.....

Hình 2.....



Hình 3.....



Hình 4.....



Hình 5.....



Hình 6.....

Bước 2: HS quan sát ảnh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS trả lời, các HS khác nhận xét.

Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI*** HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu về nền nông nghiệp tiên tiến (15 phút)**

1. *Mục tiêu:* - HS biết được đời ôn hòa có 1 nền nông nghiệp tiên tiến. Các hình thức tổ chức SX chính, biện pháp khoa học- kỹ thuật được áp dụng.
2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP trực quan, vấn đáp, ... KT học tập hợp tác ...
3. *Hình thức tổ chức:* Cá nhân và nhóm cặp

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>Bước 1:GV giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS dựa vào kênh chữ mục 1 kết hợp kênh hình 14.3, 14.4, 14.5 -SGK cho biết: - Đời ôn hòa có những hình thức sản xuất nông nghiệp chính nào?(cá nhân) - Các hình thức sản xuất nông nghiệp này có những đặc điểm gì giống và khác nhau? (Nhóm, cặp) -Để phát triển SX nông nghiệp ở đời ôn hòa con người đã áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật nào để khắc phục những khó khăn do thời tiết , khí hậu gây ra cho nông nghiệp? (Nhóm, cặp) <p><i>Bước 2:</i> HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...</p> <p><i>Bước 3:</i> HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p><i>Bước 4:</i> GV ghi bảng phụ, đánh giá và chuẩn xác kiến thức -</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giống nhau: Trình độ SX tiên tiến , sử dụng dịch vụ nông nghiệp tiên tiến. + Khác nhau: quy mô , trình độ ,cơ giới hóa <p>*Biện pháp: Thủy lợi, tưới tự động, phun sương, trồng cây trong nhà kính....</p> <ul style="list-style-type: none"> -Qua nghiên cứu kênh chữ và các hình nông nghiệp Hoa kì hãy nêu: -Đặc điểm sản xuất nông nghiệp của đời ôn hòa có gì khác so với đời nóng? <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - so sánh trình độ SX quy mô năng suất chất lượng. <p>(Trình độ SX : Tuyển chọn giống, chuyên môn hóa từng loại giống cây trồng chất lượng cao đồng đều)</p> <ul style="list-style-type: none"> -SX theo kiểu CN, khối lượng nông sản lớn. -GV: Về kỹ thuật đặc biệt là tuyển chọn và lai tạo giống cây trồng vật nuôi-> tạo ra nông sản lớn, chất lượng cao. <p>? Các nước ở đời ôn hòa nổi tiếng về xuất khẩu loại sản phẩm nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> -HS trả lời 	<p>1.Nền nông nghiệp tiên tiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai hình thức sản xuất nông nghiệp chính: + Hộ gia đình + Trang trại. <p>* Trình độ kỹ thuật tiên tiến, tổ chức sản xuất theo kiểu công nghiệp, sản xuất được chuyên môn hóa với quy mô lớn, ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học - kỹ thuật</p> <p>⋮ :</p>

GV: chuyển ý môi trường đới ôn hòa có sự thay đổi như thế nào? Kết hợp kiểm tra bài cũ

-HS trả lời

-GV. Khí hậu mang tính trung gian giữa đới nóng và đới lạnh

-Thiên nhiên phân hóa theo thời gian và không gian nên sản phẩm nông nghiệp ở môi trường đới ôn hòa như thế nào?>HD2

* **HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu**(15 phút)

1. Mục tiêu:

- HS biết được sản phẩm nông nghiệp chủ yếu thay đổi theo kiểu môi trường.

2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng thảo luận nhóm, tranh ảnh, SGK,...KT học tập hợp tác

3. Hình thức tổ chức: Nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>Bước 1:GV giao nhiệm vụ hoàn thành nội dung ở bảng phụ(Đính kèm phần phụ lục dưới)</p> <p>Nhóm 1,2:Tên các loại nông sản chính môi trường Ôn đới hải dương, Ôn đới lục địa, Địa Trung Hải</p> <p>Nhóm 3,4:Tên các loại nông sản chính môi trường Cận ND gió mùa, Hoang mạc ôn đới, Ôn đới lạnh</p> <p>Bước 2: HS làm việc theo nhóm trao đổi kết quả làm việc và hoàn thành nội dung. Trong quá trình HS làm việc, GV quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ</p> <p>Bước 3: HS trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV ghi bảng phụ, đánh giá và chuẩn xác kiến thức -</p> <p>Bước 5 :HS nhận xét về các sản phẩm nông nghiệp ở đới ôn hòa.</p> <p>Bước 6:GV chuẩn xác kiến thức -</p>	<p>2. Các sản phẩm nông nghiệp chủ yếu:</p> <p>- Phong phú đa dạng thay đổi theo kiểu môi trường.</p>

-GV hệ thống kiến thức bằng sơ đồ tư duy_

C.HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân -2 phút)

Chọn ý đúng nhất ở các câu sau

Câu 1. Đới ôn hòa có nền nông nghiệp phát triển nhờ

A. sử dụng đất đai hợp lí. B.có các hình thức sản xuất phù hợp.

C.cải tạo môi trường sản xuất D.áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại.

Câu 2: Điểm khác biệt trong sản xuất nông nghiệp ở vùng ôn đới so với vùng nhiệt đới là:

A. chỉ chú trọng canh tác các loại cây lương thực.

B. cân đối giữa trồng trọt và chăn nuôi .

C. phần lớn tập trung cho ngành chăn nuôi .

D. phát triển mạnh ngành trồng trọt.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (7 phút)

Câu 1.Học sinh xác định trên BĐ các loại cây trồng vật nuôi chủ yếu ở đới ôn hòa.

Câu 2.Liên hệ thực tế hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương có điểm nào khác so với ở đới ôn hòa?

* Dẫn dò; a. Học bài theo câu hỏi sách giáo khoa -làm bài tập bản đồ

b. Soạn bài 15 và trả lời các câu hỏi sgk.



*Phụ lục

* Nội dung bảng phụ

Kiểu môi trường	Đặc điểm khí hậu	Nông sản chính
Ôn đới hải dương	Ấm ướt quanh năm, mùa đông không lạnh lắm, mùa hạ mát mẻ.	Lúa mì, củ cải đường, rau, hoa quả, chăn nuôi bò thịt, bò sữa
Ôn đới lục địa	Mùa đông lạnh có tuyết rơi nhiều, mùa hạ nóng.	Lúa mì, đại mạch, khoai tây, ngô, chăn nuôi bò, ngựa lợn.
Địa Trung Hải	Mùa hạ nóng và khô, mùa đông ẩm áp, mưa mùa thu-đông.	Nhò, rượu vang, cam, chanh, ôliu...
Cận ND gió mùa	Mùa đông ẩm khô, mùa hạ nóng ẩm.	Lúa nước, đậu tương, bông, hoa quả nhiệt đới...
Hoang mạc ôn đới	Nóng, khô khắc nghiệt.	Chăn nuôi cừu
Ôn đới lạnh	Mùa đông lạnh, mùa hạ mát, có mưa.	Lúa mạch đen, khoai tây, chăn nuôi hươu ở Bắc cực.

Tuần 9 Tiết 17	Bài 15 : HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHIỆP Ở ĐỚI ÔN HÒA	NS :28/10/18 NG:30/10/18
-------------------	--	-----------------------------

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1- **Kiến thức:** Học sinh cần nắm được các nội dung sau khi học.

- Trình bày đặc điểm CN của các nước ở đới ôn hòa.
- Phân biệt được các cảnh quan CN phổ biến ở đới ôn hòa: khu CN, TT CN, và vùng CN.

2- Kỹ năng:

- Biết phân tích lược đồ phân bố ở đới ôn hòa và xác định được trên BĐ các vùng CN cũ, mới của đới ôn hòa.
- Luyện tập kỹ năng phân tích bố cục một bức ảnh địa lí.

3. Thái độ, hành vi:

- + Ý thức về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường ở đới ôn hòa
- + Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- + Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ,
- + Năng lực chuyên biệt: sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Đối với giáo viên

- BĐ công nghiệp TG.
- Ảnh về các cảnh quan CN ở một số nước đới ôn hòa.
- Ảnh về một số cảng biển trên thế giới.

2. Đối với học sinh

- + Sách, vở, đồ dùng học tập.
- + Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. CÁC BƯỚC LÊN LỚP

A1. Ôn định lớp: (1 phút)

A2. Kiểm tra bài cũ: (4')

- Để SX ra khối lượng nông sản có giá trị cao, nền nông nghiệp tiên tiến ở đới ôn hòa đã áp dụng những biện pháp gì?
- Xác định trên BĐ sự phân bố các loại cây trồng vật nuôi chủ yếu ở đới ôn hòa?

A3 Hoạt động khởi động (Tình huống xuất phát) (3 phút)

1. Mục tiêu: - HS vận dụng vốn hiểu biết và sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết nền CN ở đới ôn hòa. Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết -> Kết nối với bài học ...=> tạo hứng thú trong học tập.

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về hoạt động CN ở đới ôn hòa.

4. Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp các hình ảnh và yêu cầu học sinh nhận biết :Qua các hình ảnh sau các em biết được những gì về nền công nghiệp ở đới ôn hòa?



H1-Một cơ sở công nghệ cao kiểu mới ở Tây Âu với thảm cỏ và cây xanh bao quanh



H2- cơ quan thung lũng silicon ở Mỹ



H3- Sản xuất máy bay ở Mỹ



H4-Khai thác dầu mỏ Tây Xi-bia (Nga)

Bước 2: HS quan sát ảnh và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS trả lời, các HS khác nhận xét.

Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài. Vậy nền công nghiệp đới ôn hòa có đặc điểm gì? Các cảnh quan CN, hệ thống giao thông ra sao? Chúng ta cùng tìm hiểu qua nội dung bài học hôm nay.

4. B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

* **HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu đặc điểm sản xuất công nghiệp.. (14 phút)**

1. Mục tiêu: HS: Biết đặc điểm CN của các nước ở đới ôn hòa

2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác

...

3. Phương tiện: Kênh hình, kênh chữ SGK

4. Hình thức tổ chức: Cá nhân ,cặp

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Hoạt động 1 Bước 1: Giao nhiệm vụ.GV trình chiếu kênh hình HS quan sát kênh hình kết hợp với kênh chữ và BD CN thế giới nhận xét nền CN đới ôn hòa(lịch sử phát triển, trình độ, cơ cấu ngành, vị trí so với thế giới) - Nêu nhận xét về sự phân bố CN?	1.Đặc điểm SX công nghiệp: - Phát triển sớm nhất, hiện đại;



H1. Mô hình động cơ hơi nước của [James Watt](#). Sự phát triển máy hơi nước khơi mào cho cuộc cách mạng công nghiệp Anh và lan nhanh ra khắp châu Âu. Bắt đầu cuộc cách mạng KHKT lần I kể từ năm 1767



H2- Một cơ sở công nghệ kiểu mới ở Tây Âu với thảm cỏ và cây xanh bao quanh



H3- Sản xuất máy bay ở Mỹ



H4- Khai thác dầu mỏ Tây Xi-bia (Nga)

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn và ghi vào giấy nháp. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

Giáo viên chuyên ý

- CN chế biến là thế mạnh của nhiều nước, phát triển rất đa dạng

- Các nước CN hàng đầu : Hoa Kỳ, Nhật Bản, Đức, LB Nga, Anh, pháp, Ca na đa.

- Chiếm 3/4 tổng sản phẩm Cn toàn thế giới.

- Nhập phần lớn nguyên- nhiên liệu.

* **HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu các cảnh quan công nghiệp (14')**

1. Mục tiêu: HS: Biết được các cảnh quan CN phổ biến ở đới ôn hòa: khu CN ,TT CN và vùng CN.

2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác

...

3. Phương tiện: Kênh hình, kênh chữ SGK

4. Hình thức tổ chức: Cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
<p>Hoạt động 2</p> <p>HD 2.1 Bước 1: Giao nhiệm vụ thảo luận nhóm(5')- HS đọc thuật ngữ cảnh quan CN.</p> <p>-HS quan sát kênh hình 15.1, 15.2 15.3 kết hợp với kênh chữ</p>  <p>H1-Một cơ sở công nghệ cao kiểu mới ở Tây Âu với thảm cỏ và cây xanh bao quanh</p>  <p>H2- cơ quan thung lũng silicon ở Mỹ</p>  <p>H3. Trung tâm CN của Hoa Kỳ</p> <p>Nhóm 1,2: phân biệt sự khác nhau giữa khu CN, trung tâm CN, vùng CN</p> <p>- Mô tả cảnh quan của từng khu CN?</p> <p>-Hai khu CN này khu CN nào gây ô nhiễm môi trường nhiều? Tại sao?</p> <p>Nhóm 3,4-Xu thế của toàn cầu khi xây dựng các khu CN?</p> <p>-Nhận xét sự phân bố các trung tâm CN, các vùng CN ở đới ôn hòa và giải thích.</p> <p>-Nêu tên một số vùng CN lớn của đới ôn hòa và thế giới. Cho biết những vùng CN nào mới phát triển.</p>	<p>2. Cảnh quan công nghiệp</p> <p>-Khắp mọi nơi.</p> <p>-Các nhà máy có liên quan với nhau được phân bố tập trung thành các khu công nghiệp.</p> <p>-Nhiều khu CN hợp thành một trung tâm CN.</p> <p>- Các trung tâm CN tập trung trên một lãnh thổ sẽ tạo nên vùng CN.</p> <p>-Các vùng CN lớn(SGK)</p> <p>- Các trung tâm CN phân bố chủ yếu ở ven biển.</p>

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn và ghi vào giấy nháp. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

HĐ2.2. cá nhân(2')

Bước 1: Giao nhiệm vụ

-Vì sao các nhà máy có liên quan với nhau thường tập trung gần với nhau?

-Cảnh quan công nghiệp nhiều nảy sinh ra hiện tượng gì?

` Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Gọi HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân - 5 phút)

Điền từ hoặc cụm từ thích hợp vào chỗ trống

1. Hoạt động công nghiệp ở đới ôn hòa ngày nay chiếm tớisản phẩm công nghiệp của toàn thế giới. Các nước công nghiệp hàng đầu là

2.Các nhà máy có liên quan với nhau được phân bốthành các

Nhiều hợp thành một

Các tập trung trên sẽ tạo nên

3. Chọn ý đúng nhất

Ngành công nghiệp có thể mạnh nổi bật ở đới ôn hòa là

A. công nghiệp chế biến.

B. công nghiệp khai khoáng.

C. công nghiệp cơ khí hóa chất.

D. công nghiệp hàng không vũ trụ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (4 phút)

1.Xác định trên BĐ CN thế giới các trung tâm CN, vùng CN ở đới ôn hòa.

2. Hướng dẫn học sinh làm bài tập 3 (SGK) trang 52

* **Dặn dò:** Học bài-Làm bài tập bản đồ

- Chuẩn bị bài 16

Tuần 9 Tiết 17	Bài 16 : ĐÔ THỊ HÓA Ở ĐỚI ÔN HÒA	NS :31/10/18 NG:02/11/18
---------------------------------	---	---

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1- **Kiến thức:** Sau bài học HS cần nắm được:

-Những đặc điểm cơ bản của đô thị hóa và các vấn đề môi trường, kinh tế- xã hội đặt ra ở các đô thị ở đới ôn hòa.

2- Kỹ năng:

-Quan sát tranh ảnh nhận xét và trình bày một số đặc điểm về đô thị, ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa

3. Thái độ, hành vi:

+ Ý thức về sự cần thiết phải bảo vệ môi trường ở đới ôn hòa

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập.

4. Định hướng phát triển năng lực:

+ Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ,

+ Năng lực chuyên biệt: sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Đối với giáo viên

-Hình ảnh khí thải, nước thải làm tăng khả năng gây ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa.

- Hình ảnh các công trình điêu khắc, kiến trúc, xây dựng... ở đới ôn hòa bị phá hủy do mưa axit.

-Ảnh chụp ô thủng tầng ô dôn trong khí quyển bao quanh trái đất.

2. Đối với học sinh

+ Sách, vở, đồ dùng học tập.

+ Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. CÁC BƯỚC LÊN LỚP

A1. Ôn định lớp: (1 phút)

A2. Kiểm tra bài cũ: (4')

a. Nêu đặc điểm SX CN ở đới ôn hòa,

b. Sự phân bố các trung tâm CN? Kể tên các trung tâm CN lớn và xác định trên BĐ?

A3 Hoạt động khởi động (Tình huống xuất phát) (5 phút)

1. Mục tiêu: - HS vận dụng vốn hiểu biết và sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết các vấn đề đô thị ở đới ôn hòa. Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết -> Kết nối với bài học ...=> tạo hứng thú trong học tập.

2. Phương pháp - kỹ thuật: Trả đáp qua tranh ảnh - Cá nhân

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về đô thị và các vấn đề nảy sinh ở đới ôn hòa.

4. Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp các hình ảnh và yêu cầu học sinh nhận biết : Qua các hình ảnh sau các em biết được những gì về đô thị và các vấn đề nảy sinh ở đới ôn hòa?



H1- Thành phố Pa- ri



H2- Thành phố Niu-joooc (Hoa Kì)



H4. Nạn kẹt xe thường xuyên xảy ra nhất là vào các giờ cao điểm

Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài. Với sự phát triển mạnh mẽ của CN, dịch vụ thì sự phát triển đô thị hóa có đặc điểm gì và các vấn đề nảy sinh. Chúng ta cùng tìm hiểu qua nội dung bài học hôm nay.

*** HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu đặc điểm đô thị hóa: (15 phút)**

1. *Mục tiêu:* HS biết những đặc điểm cơ bản của đô thị hóa ở đới ôn hòa.
2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác ...
3. *Phương tiện:* Kênh hình, kênh chữ SGK
4. *Hình thức tổ chức:* Cá nhân, cặp

A large crowd of people walking on a city street, likely during a festival or parade. The image shows a dense group of people, mostly young adults, moving along a wide urban thoroughfare. In the background, there are tall buildings, trees, and a large banner or sign that reads "FESTIVAL". The scene is captured from a low angle, emphasizing the scale of the gathering.



Đô thị cổ A-miêng - Pháp

Hình 2



Thành phố Palesmo - Italia

Hình 3



Hình 4 : Các đô thị phát triển theo quy hoạch

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn và ghi vào giấy nháp. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

-Gv chuyển ý

*** HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu các vấn đề của đô thị(13')**

1. Mục tiêu: HS biết các vấn đề môi trường, kinh tế- xã hội đặt ra ở các đô thị ở đới ôn hòa.

2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác

...

3. Phương tiện: Kênh hình, kênh chữ SGK

4. Hình thức tổ chức: nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	NỘI DUNG
Hoạt động 2 HĐ 2.1 Bước 1: Giao nhiệm vụ. thảo luận nhóm(5') GV trình chiếu kênh hình HS	2.Các vấn đề của đô thị

quan sát kênh hình kết hợp với kênh chữ nhận xét

-Khi các đô thị phát triển khá nhanh sẽ nảy sinh những vấn đề gì?

+ Môi trường

+ Giao thông.

+ Nhà ở, việc làm

.+ Trật tự xã hội.

-Hướng giải quyết.



H1- Khói bụi tạo thành lớp mỏng sương mù bao phủ bầu trời



H2. Nạn kẹt xe thường xuyên xảy ra nhất là vào các giờ cao điểm



H3. Thất nghiệp

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi với bạn và ghi vào giấy nháp. GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét, bổ sung.

- Đô thị phát triển nhanh→ô nhiễm MT, ùn tắc giao thông, thiếu nhà ở và công trình công cộng, thất nghiệp, tệ nạn xã hội.....

- Biện pháp:

+Quy hoạch lại đô thị theo hướng “phi tập trung”

+ Xây dựng các thành phố vệ tinh.

+ Mở rộng CN và dịch vụ đến vùng mới.

+ Đô thị hóa nông thôn.

<p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>HĐ 2.2 Cá nhân (2')</p> <p>Bước 1: GV Giao nhiệm vụ</p> <p>Dựa vào H:15.3 và BĐ CN thế giới.</p> <p>-Nêu tên một số vùng CN lớn của đới ôn hòa và thế giới. Cho biết những vùng Cn nào mới phát triển.</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Hs xác định trên BĐ, các HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	
---	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân - 3 phút)

1. Điền vào chỗ trống những cụm từ đúng để nói lên nét đặc trưng của các đô thị ở đới ôn hoà:

- Tỉ lệ dân đô thị cao,
- Đô thị hoá phát triển theo không chỉ mở rộng ra xung quanh mà còn.....
- Các đô thị mở rộng, kết nối với nhau thành
- Lối sống đô thị

2. Những vấn đề xã hội nảy sinh khi các đô thị phát triển quá nhanh và hướng giải quyết?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (4 phút)

- Xác định trên BĐ những vùng công nghiệp mới

- * **Dặn dò:** Học bài-Làm bài tập bản đồ
- Chuẩn bị bài 17

<p>Tuần: 9</p> <p>Tiết: 18</p>	<p><u>Bài 17</u> Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG Ở ĐỚI</p> <p>ÔN HÒA</p>	<p>Ngày soạn: 04/11/2018</p> <p>Ngày giảng: 06/11/18</p>
--	---	--

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức

- Biết hiện trạng ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước ở đới ôn hoà; nguyên nhân và hậu quả.

2. Kỹ năng

- Vẽ biểu đồ hình cột và phân tích ảnh Địa lý.
- Vẽ đồ về một số vấn đề MT ở đới ôn hoà.
- Quan sát tranh ảnh, nhận xét và trình bày một số đặc điểm ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà.

***Các KNS được giáo dục**

- Tư duy:

+ Tìm kiếm và xử lý thông tin qua bài viết và tranh ảnh về vấn đề ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước ở đới ôn hòa.

+ Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước.

+ Phê phán những tác động tiêu cực của con người tới môi trường.

- Giao tiếp: Phản hồi/ lắng nghe tích cực; trình bày suy nghĩ/ ý tưởng, hợp tác, giao tiếp khi làm việc nhóm.

- Tự nhận thức: Tự tin khi trình bày 1 phút.

3. Thái độ

- Có ý thức bảo vệ MT đặc biệt MT nước và không khí.

- GD bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (Mục:1)

- Ủng hộ các biện pháp BVMT chống ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước.

- Không có hành động tiêu cực làm ảnh hưởng xấu đến MTKK và MT nước.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, hợp tác, giải quyết vấn đề ,sáng tạo

- Năng lực riêng: sử dụng công nghệ thông tin ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

5. Các nội dung tích hợp

5.1. Tích hợp GDMT

- Biết nội dung Nghị định thư Ki-ô- tô về cắt giảm lượng khí thải gây ô nhiễm bảo vệ bầu khí quyển của Trái Đất.

5.2. Tích hợp an ninh quốc phòng

- **Giải thích nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường.**

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Các ảnh về ô nhiễm môi trường không khí và nước ở các nước phát triển đới ôn hoà và ở nước ta.

- Ảnh chụp Trái Đất với lỗ thủng tầng ozon

2. Đối với học sinh

- SGK + vở + tập bản đồ + tìm hiểu kỹ bài mới.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) (Thời gian: 5 phút)

1. Mục tiêu

- Giúp cho HS có những hiểu biết về sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp ,của các phương tiện giao thông đã làm cho bầu không khí và các nguồn nước bị ô nhiễm nặng nề .Sử dụng kĩ năng đọc,quan sát tranh ảnh để nhận biết sự ô nhiễm đó gây tác hại to lớn thiên nhiên con người ra sao và giải pháp bảo vệ bầu không khí và nguồn nước như thế nào ? Từ đó giúp cho học sinh có ý thức bảo vệ môi trường nơi mình đang học tập và sinh sống ,thêm yêu quê hương đất nước của mình hơn.

- Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết về ô nhiễm môi trường đới ôn hòa -> Kết nối với bài học ...để tìm hiểu về các môi trường khác

2. Phương pháp - kĩ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân. Đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, tích hợp bảo vệ môi trường.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về sự phát triển công nghiệp và phương tiện giao thông.

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên cung cấp một số hình ảnh về sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp ,phương tiện giao thông ở đới ôn hòa và yêu cầu học sinh nhận biết: *Trong các hình*

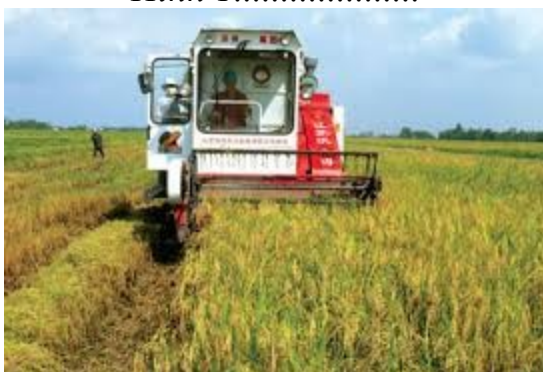
dưới đây, hình nào thể hiện sự phát triển của công nghiệp, hình nào thể hiện sự phát triển của phương tiện giao thông, thể hiện sự phát triển của nông nghiệp, thể hiện quá trình đô thị hóa ở đới ôn hòa. Em đã biết những đặc điểm đó như thế nào?



Hình 1.....



Hình 2.....



Hình 3.....



Hình 4.....

Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

Qua các hình ảnh trên chúng ta thấy được sự phát triển của công nghiệp và các phương tiện giao thông, sự phát triển của nông nghiệp cùng với đó là quá trình đô thị hóa đã làm cho bầu không khí và nguồn nước ở đới ôn hoà bị ô nhiễm nặng nề. Sự ô nhiễm đó gây tác hại to lớn tới thiên nhiên, con người ra sao? Giải pháp bảo vệ nguồn nước và không khí như thế nào? Các em sẽ được tìm hiểu qua bài học hôm nay “Ô nhiễm môi trường ở đới ôn hoà”

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Ô nhiễm không khí (Thời gian: 15 phút)

1. Mục tiêu : Hiểu được nguyên nhân, hậu quả, biện pháp ô nhiễm không khí
2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Trực quan ,đàm thoại gợi mở, sử dụng tranh ảnh địa lý, tích hợp kiến thức liên môn sinh học, hóa học, lịch sử
3. Phương tiện: Hình ảnh về ô nhiễm không khí đới ôn hòa
4. Hình thức tổ chức: Cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
HD1 Ô nhiễm không khí Hoạt động nhóm : Bước 1: Giao nhiệm vụ cho các nhóm - Nhóm 1,2: Hiện trạng, nguyên nhân - Nhóm 3,4: Hậu quả - Nhóm 5,6: Biện pháp - Quan sát các H16.3; 16.4, 17.1; 17.2 Cho biết: Các bức ảnh đều chụp chung 1 chủ đề gì? Gợi cho em suy nghĩ gì về	1. Ô nhiễm không khí a. Hiện trạng - Bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề.

hiện trạng ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà? Nguyên nhân, hậu quả, biện pháp khắc phục ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà ?

Bước 2: Các nhóm thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào bảng phụ. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Các nhóm trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức. GV dẫn dắt HS mở rộng và giải thích thêm hiện tượng mưa axit, hiệu ứng nhà kính, thủng tầng ozon và tác hại của nó.

- Mưa axit là *Là hiện tượng mưa gây ra trong điều kiện không khí bị ô nhiễm, do có chứa một tỉ lệ cao (SO₂). Ở các thành phố lớn, trong khói các lò cao, khí thải của các loại động cơ xe máy thường chứa lượng (SO₂). Khi gặp nước mưa, oxit lưu huỳnh (SO₂) hòa hợp với nước thành axit sunfuric*

- Hiệu ứng nhà kính là gì? *(Là hiện tượng lớp không khí gần mặt đất nóng lên như trong nhà kính. Nguyên nhân là do khí thải tạo ra lớp màn chắn ngăn cản nhiệt thoát ra ngoài).*

- Thủng tầng ôzôn: *Tăng lượng tia cực tím độc hại chiếu xuống mặt đất gây ra bệnh ung thư da, hỏng mắt do đục thủy tinh thể.*

Liên hệ ô nhiễm không khí ở Việt Nam

GV hướng dẫn Hoạt động cá nhân :

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở nước ta là gì ?
- Biến đổi khí hậu đã tác động như thế nào tới Việt Nam?
- Liên hệ đến Việt Nam: Để bảo vệ môi trường chúng ta cần phải làm gì ?
- Liên hệ những việc làm của bản thân góp phần bảo vệ môi trường ?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, nhận xét bổ sung

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức

Mở rộng : Liên hệ thực tế vào địa phương nơi trường mình đóng để nhằm giáo dục ý thức BVMT cho các em

GV mở rộng thêm về tình hình ô nhiễm không khí của Hoa Kỳ, Pháp

Biểu đồ lượng khí thải vào môi trường của Hoa Kỳ và Pháp 2000 và nhận xét.

b. Nguyên nhân

- Do sự phát triển của công nghiệp => khói bụi từ các nhà máy và các phương tiện giao thông, hoạt động sinh hoạt của con người...thải vào khí quyển.

c. Hậu quả

- Mưa axit

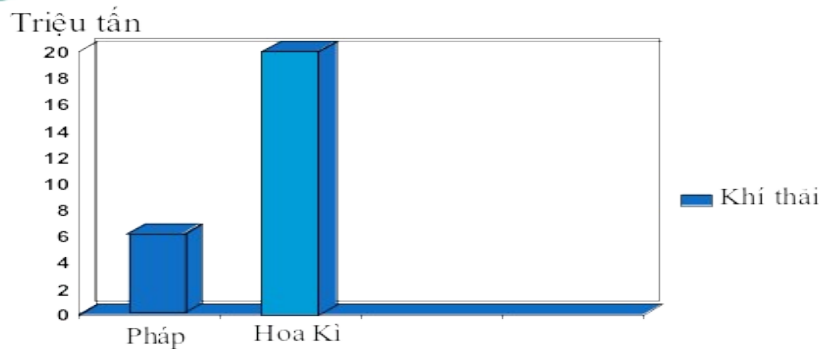
- Khí thải làm tăng hiệu ứng nhà kính, Trái Đất nóng lên, khí hậu toàn cầu biến đổi gây nguy hiểm cho sức khỏe của con người

- Thủng tầng ozon

d. Biện pháp

- Ký nghị định thư Ki-ô-tô nhằm cắt giảm lượng khí thải gây ô nhiễm, bảo vệ bầu không khí trong lành của Trái Đất

Biểu đồ về lượng khí thải của Hoa Kỳ và Pháp năm 2000



- Hoa Kỳ là nước có lượng khí thải độc hại cao nhất thế giới, chiếm 1/4 lượng khí thải toàn cầu nhưng lại là nước không chịu kí nghị định thư Ki-ô-tô.

- Chiếu video “ 10 sự thật khi Trái Đất nóng lên”

Tích hợp môi trường: GV cung cấp cho học sinh nội dung Nghị định thư Ki-ô- tô về cắt giảm lượng khí thải gây ô nhiễm bảo vệ bầu khí quyển của Trái Đất.

Tích hợp ANQP: Sự phát triển của công nghiệp và các phương tiện giao thông ở đới ôn hoà đòi hỏi phải sử dụng ngày càng nhiều nhiên liệu, làm cho bầu khí quyển bị ô nhiễm nặng nề. Hằng năm, các nhà máy và các loại xe cộ hoạt động ở Bắc Mỹ, châu Âu, Đông Bắc Á đã đưa vào khí quyển hàng chục tỉ tấn khí thải. Gió đưa không khí bị ô nhiễm đi xa có khi đến hàng trăm, hàng nghìn kilômét.



Chuyển ý: Không chỉ ô nhiễm môi trường không khí, ở đới ôn hoà còn có hiện tượng ô nhiễm nguồn nước rất trầm trọng mà chúng ta sẽ nghiên cứu ở mục 2.

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu về ô nhiễm nước (Thời gian: 15 phút)

1. Mục tiêu: Nắm được nguyên nhân, tác hại của ô nhiễm nước biển, sông ngòi

2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Trực quan, PP sử dụng SGK, đàm thoại gợi mở, sử dụng tranh ảnh địa lý, tích hợp kiến thức liên môn lịch sử...

3. Phương tiện: SGK, hình ảnh về ô nhiễm nguồn nước sông, biển

4. Hình thức tổ chức: Cá nhân, thảo luận nhóm, cặp đôi

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <p>Phân công nhóm :</p> <p>+ Các nhóm chẵn (2,4,6,) phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm nước sông ngòi? Tác hại?</p> <p>+ Các nhóm lẻ (1,3,5,) phân tích nguyên nhân gây ô nhiễm nước biển và đại dương? Tác hại?</p> <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, có thể so sánh kết quả làm việc với bạn bên cạnh để hoàn thành nội dung.</p> <p>GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3: Đại diện nhóm báo cáo kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của HS (chọn một vài sản phẩm giống và khác biệt nhau giữa các HS để nhận xét, đánh giá) và chuẩn kiến thức.</p>	<p>2. Ô nhiễm nước (Bảng kiến thức phiếu học tập)</p>

PHIẾU HỌC TẬP

	<i>Ô nhiễm nước sông ngòi</i>	<i>Ô nhiễm nước biển và đại dương</i>
Nguyên nhân		
Tác hại		

KẾT QUẢ BẢNG KIẾN THỨC PHIẾU HỌC TẬP

	<i>Ô nhiễm nước sông ngòi</i>	<i>Ô nhiễm nước biển và đại dương</i>
Nguyên nhân	<ul style="list-style-type: none"> - Nước thải từ các nhà máy. - Lượng phân hoá học, thuốc trừ sâu dư thừa - Chất thải sinh hoạt đô thị. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập trung chuỗi đô thị ở trên bờ biển ở đới ôn hoà. - Váng dầu do chuyên chở, đắm tàu, giàn khoan trên biển. - Chất phóng xạ, chất thải CN từ sông ngòi chảy ra.
Tác hại	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng xấu đến ngành nuôi trồng thủy sản, hải sản, huỷ hoại cân bằng sinh thái. - Tạo hiện tượng thủy triều đỏ, thủy triều đen gây tác hại mọi mặt ở ven bờ ĐTD. 	

Tích hợp ANQP: GV đưa ra một số hình ảnh về nguyên nhân ô nhiễm nguồn nước



Mở rộng : Giải thích hiện tượng thủy triều đen, thủy triều đỏ

+ Thủy triều đen: là hiện tượng váng dầu trên mặt nước ở ven biển do dầu tràn hoặc dầu từ các phương tiện giao thông thải ra, do rửa tàu hoặc tàu đắm.

+ Thủy triều đỏ : là hiện tượng nước bị ô nhiễm và có màu đỏ do nước quá thừa đạm từ nước thải sinh hoạt, từ phân hoá học trên đồng ruộng trôi xuống kênh rạch, sông ngòi ra biển.

Hoạt động cặp đôi :

Bước 1: Giao nhiệm vụ (2 bạn một bàn)

-Nêu biện pháp khắc phục ô nhiễm nguồn nước đới ôn hòa ?

-Tình trạng môi trường nước ở Việt Nam hiện nay như thế nào?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ ,trả lời câu hỏi

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp ,nhận xét bổ sung

Bước 4: GV nhận xét ,bổ sung và chuẩn kiến thức

Mở rộng :Liên hệ ô nhiễm nguồn nước sông, biển ở các khu công nghiệp ở VN

Hoạt động cá nhân

Bước 1: Giao nhiệm vụ

-Ở địa phương em có hiện tượng ô nhiễm nguồn nước không? Nêu nguyên nhân của sự ô nhiễm nguồn nước ở địa phương em ?Hậu quả của ô nhiễm nguồn nước ở địa phương em ?

- Là HS em sẽ làm gì để góp phần khắc phục ô nhiễm nguồn nước nơi địa phương em sinh sống ?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ ,trả lời câu hỏi

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp ,nhận xét bổ sung

Bước 4: GV nhận xét ,bổ sung và chuẩn kiến thức

*** Kết hợp kiểm tra kiến thức cũ:**

Điều gì khiến cho ô nhiễm không khí ,ô nhiễm nguồn nước ngày càng nặng nề

-> Tác động của ô nhiễm không khí ,nước lên bề mặt Trái Đất?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 5 phút)

1. (Cá nhân) - Nguyên nhân, hậu quả gây ô nhiễm không khí, ô nhiễm nước đới ôn hòa ?

2. (Cặp đôi) - Bản thân em làm gì để bảo vệ môi trường xung quanh em đang sinh sống và học tập?

1. Nguyên nhân gây ô nhiễm không khí ở đới ôn hòa là

A. tàu chở dầu bị đắm.

B. khói bụi từ các nhà máy và phương tiện giao thông.

C. phân bón, thuốc trừ sâu dư thừa trên đồng ruộng.

D. hóa chất thải ra từ các nhà máy.

2. Không khí bị ô nhiễm gây ra hậu quả gì?

A.Mưa axit, hiệu ứng nhà kính, thủng tầng ôzôn.

B. Mưa axit, lốc xoáy, mưa lớn.

C. Hiện tượng sương mù axit, thủng tầng đối lưu.

D. Hiệu ứng nhà kính, băng tan, nước biển dâng.

3. Thủng tầng ôzôn gây ra hậu quả gì?

- A. Lũ lụt, hạn hán
B. Sóng thần
C. Gây ra các bệnh ngoài da
C. Tất cả các đáp án trên đều sai

4. Để bảo vệ bầu khí quyển trong lành các nước trên thế giới đã

- A. kí hiệp định Matxcova
B. kí hiệp định Pari
C. kí nghị định thư kyoto
D. kí hiệp định Luân Đôn

5. Nước nào không tham gia nghị định thư Kyoto?

- A. Mỹ
B. Anh
C. Pháp
D. Nhật Bản

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 5 phút)

Câu hỏi cấp độ vận dụng thấp

-Vẽ được sơ đồ tư duy ô nhiễm không khí ,ô nhiễm nước đới ôn hòa?

Câu hỏi cấp độ vận dụng cao

- Bản thân em làm gì để bảo vệ môi trường xung quanh em sinh sống và học tập ?
- GV hướng dẫn HS làm được bài tập 2 SGK trang 58.Học bài cũ ,chuẩn bị bài mới “Thực hành :Nhận biết đặc điểm môi trường đới ôn hòa

Tiết : 19	Bài 18: Thực hành: NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM MÔI TRƯỜNG ĐỚI ÔN HOÀ	NS: 07/11/2018 ND: 09/11/2018
------------------	--	--

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

Qua bài thực hành , HS củng cố được các kiến thức cơ bản về :

- Các kiểu khí hậu của đới ôn hoà và nhận biết được qua biểu đồ khí hậu
- Nắm được tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở đới ôn hoà đang ở mức báo động và biết được nguyên nhân và hậu quả của tình trạng này.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện và củng cố kỹ năng phân tích, so sánh và nhận xét, đọc biểu đồ khí hậu

3.Thái độ: Có ý thức bảo vệ môi trường.

4. Định hướng năng lực được hình thành

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh.

II. Phương tiện dạy học:

- Giáo viên : + Lược đồ các môi trường ở đới ôn hòa
+ Các hình SGK phóng to.
+ Phiếu học tập.
+ Ti vi, tư liệu sưu tầm.
- Học sinh : + SGK.
+ Dụng cụ học tập.
+ Tập bản đồ địa lí 7.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (Tình huống xuất phát- 5 phút)

1. Mục tiêu

- HS củng cố lại những kiến thức về khí hậu và các kiểu môi trường ở đới ôn hòa.

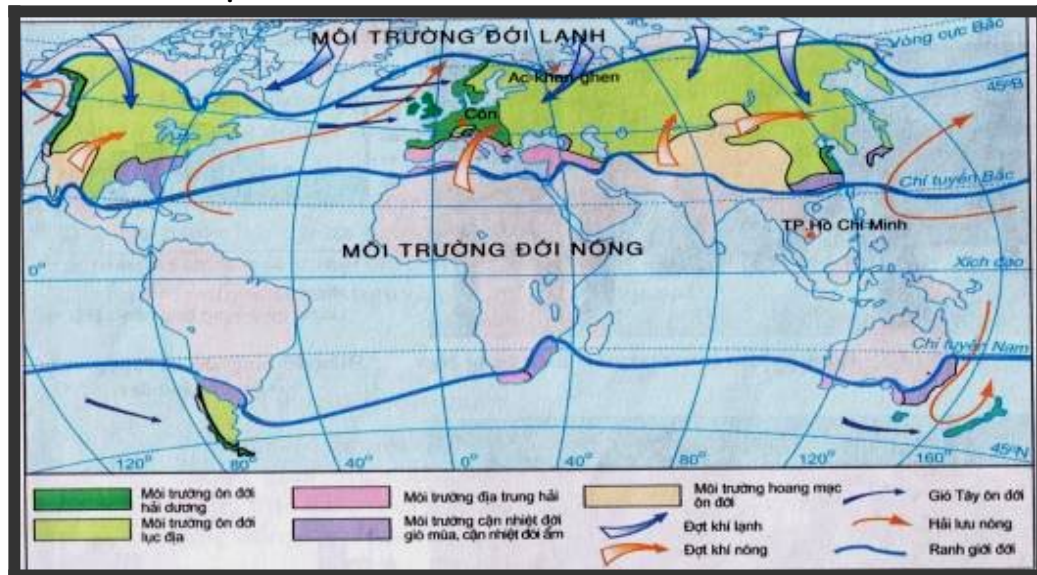
2. Phương pháp - kỹ thuật: trực quan, thuyết trình

3. Phương tiện: Tivi, lược đồ: Các môi trường ở đới ôn hòa

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

Giáo viên cho học sinh quan sát lược đồ: “Các môi trường ở đới ôn hòa” và kết hợp kiến thức đã học trả lời các câu hỏi:



- Kể tên các môi trường ở đới ôn hòa?

- Đặc điểm và sự phân hóa của các môi trường ở đới ôn hòa?

Bước 2: HS quan sát lược đồ và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS trình bày kết quả, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học => Môi trường đới ôn hòa rất đa dạng với nhiều kiểu khí hậu và thực vật khác nhau. Việc nhận biết được các kiểu môi trường đó là rất cần thiết. Và tình trạng ô nhiễm môi trường ở đới ôn hòa hiện nay như thế nào, nguyên nhân nào dẫn đến tình trạng đó. Chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

*HOẠT ĐỘNG 1:

Bài tập 1: (Thời gian: 20 phút)

1. Mục tiêu: Xác định kiểu môi trường qua biểu đồ khí hậu.

2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Trực quan, thuyết trình, hoạt động nhóm

3. Phương tiện: Các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa trong SGK phóng to.

4. Hình thức tổ chức: nhóm.

Hoạt động của giáo viên & học sinh		Nội dung chính
Bước 1: Giao nhiệm vụ: 3 nhóm. - Nhóm 1: Nhận xét biểu đồ A - Nhóm 2: Nhận xét biểu đồ B - Nhóm 3: Nhận xét biểu đồ C * Yêu cầu: Phân tích các biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa theo gợi ý và điền vào phiếu học tập sau:		1. Bài tập 1:
NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA	

<ul style="list-style-type: none">- Nhiệt độ cao nhất là bao nhiêu? Vào tháng mấy? Mùa nào?- Nhiệt độ thấp nhất là bao nhiêu? Tháng mấy? Mùa nào?-Thời gian có tuyết rơi- Biên độ nhiệt độ trong năm là bao nhiêu?	<ul style="list-style-type: none">- Lượng mưa nhiều là bao nhiêu? Mưa nhiều vào những tháng nào? Mùa nào?- Lượng mưa ít nhất vào những tháng nào? Mùa nào?																	
<i>Đối chiếu với đặc điểm khí hậu các môi trường đã học để xác định xem biểu đồ đó thuộc môi trường nào ?</i>																		
<p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>* Biểu đồ A :</p> <table><tr><th>NHIỆT ĐỘ</th><th>LƯỢNG MƯA</th></tr><tr><td>-Nhiệt độ không quá 10⁰C (mùa hạ) có 9 tháng nhiệt độ <0⁰C, mùa đông lạnh <-30⁰C. Biên độ nhiệt độ: 39⁰C</td><td>-Lượng mưa ít, tháng nhiều <50mm có 9 tháng mưa dưới dạng tuyết rơi.</td></tr><tr><td colspan="2">=> Kiểu môi trường: ÔN ĐỚI LỤC ĐỊA (CẬN CỰC)</td></tr></table> <p>* Biểu đồ B :</p> <table><tr><th>NHIỆT ĐỘ</th><th>LƯỢNG MƯA</th></tr><tr><td>-Nhiệt độ mùa hạ 25⁰C, mùa đông ấm 10⁰C, biên độ nhiệt độ: 35⁰C</td><td>- Mùa hạ khô hạn, mưa vào thu đông,tháng nhiều nhất 110mm</td></tr><tr><td colspan="2">=> Kiểu môi trường: ĐỊA TRUNG HẢI</td></tr></table> <p>* Biểu đồ C:</p> <table><tr><th>NHIỆT ĐỘ</th><th>LƯỢNG MƯA</th></tr><tr><td>-Nhiệt độ: Mùa đông ấm (nhiệt độ > 5⁰C), mùa hạ mát mẻ < 13⁰C. Biên độ</td><td>-Mưa quanh năm: Thấp nhất 80mm, cao nhất 250mm</td></tr></table>			NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA	-Nhiệt độ không quá 10 ⁰ C (mùa hạ) có 9 tháng nhiệt độ <0 ⁰ C, mùa đông lạnh <-30 ⁰ C. Biên độ nhiệt độ: 39 ⁰ C	-Lượng mưa ít, tháng nhiều <50mm có 9 tháng mưa dưới dạng tuyết rơi.	=> Kiểu môi trường: ÔN ĐỚI LỤC ĐỊA (CẬN CỰC)		NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA	-Nhiệt độ mùa hạ 25 ⁰ C, mùa đông ấm 10 ⁰ C, biên độ nhiệt độ: 35 ⁰ C	- Mùa hạ khô hạn, mưa vào thu đông,tháng nhiều nhất 110mm	=> Kiểu môi trường: ĐỊA TRUNG HẢI		NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA	-Nhiệt độ: Mùa đông ấm (nhiệt độ > 5 ⁰ C), mùa hạ mát mẻ < 13 ⁰ C. Biên độ	-Mưa quanh năm: Thấp nhất 80mm, cao nhất 250mm
NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA																	
-Nhiệt độ không quá 10 ⁰ C (mùa hạ) có 9 tháng nhiệt độ <0 ⁰ C, mùa đông lạnh <-30 ⁰ C. Biên độ nhiệt độ: 39 ⁰ C	-Lượng mưa ít, tháng nhiều <50mm có 9 tháng mưa dưới dạng tuyết rơi.																	
=> Kiểu môi trường: ÔN ĐỚI LỤC ĐỊA (CẬN CỰC)																		
NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA																	
-Nhiệt độ mùa hạ 25 ⁰ C, mùa đông ấm 10 ⁰ C, biên độ nhiệt độ: 35 ⁰ C	- Mùa hạ khô hạn, mưa vào thu đông,tháng nhiều nhất 110mm																	
=> Kiểu môi trường: ĐỊA TRUNG HẢI																		
NHIỆT ĐỘ	LƯỢNG MƯA																	
-Nhiệt độ: Mùa đông ấm (nhiệt độ > 5 ⁰ C), mùa hạ mát mẻ < 13 ⁰ C. Biên độ	-Mưa quanh năm: Thấp nhất 80mm, cao nhất 250mm																	
		<p>- Biểu đồ A: ôn đới lục địa (cận cực)</p> <p>- Biểu đồ B: khí hậu Địa Trung Hải</p>																

nhiệt độ: 17°C		- Biểu đồ C: Khí hậu ôn đới hải dương
=> Kiểu môi trường: ÔN ĐỚI HẢI DƯƠNG		
Câu 2 giảm tải .		

HOẠT ĐỘNG 2:

Bài tập 2 (Thời gian: 15 phút)

1. Mục tiêu: Nắm được tình trạng ô nhiễm môi trường không khí ở đới ôn hoà đang ở mức báo động và biết được nguyên nhân và hậu quả của tình trạng này
2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: trực quan, nhóm đôi, vấn đáp.
3. Phương tiện: số liệu SGK và một số hình ảnh về ô nhiễm không khí ở đới ôn hoà
4. Hình thức tổ chức: Cá nhân.

Hoạt động của giáo viên & học sinh	Nội dung chính								
<p>Hoạt động cặp đôi:</p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu học sinh chia theo nhóm cặp đôi (theo bàn),</p> <p>- GV chiếu bảng số liệu, yêu cầu HS đọc bảng số liệu và khai thác thông tin SGK trả lời các câu hỏi :</p> <p>BẢNG SỐ LIỆU (Đơn vị: phần triệu)</p> <table><tr><th>Năm 1840</th><th>Năm 1957</th><th>Năm 1980</th><th>Năm 1997</th></tr><tr><td>275</td><td>312</td><td>335</td><td>355</td></tr></table> <p>+ Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét lượng khí CO₂ từ cuộc cách mạng công nghiệp đến năm 1997?</p> <p>+ Giải thích nguyên nhân ?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.</p> <p>Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p>Mở rộng: Thời kì đầu năm 1840 thế giới mới bước vào cuộc cách mạng công nghiệp. Đến nay nền công nghiệp đã phát triển gấp nhiều lần lượng khí thải ngày càng tăng nhanh hơn, giai đoạn sau tăng nhanh hơn giai đoạn trước. Mỗi năm TB hoạt động công nghiệp và phương tiện giao thông trên thế giới thải TB 6 triệu tấn CO₂ vào không khí. Đã làm cho nhiệt độ Trái Đất ngày càng nóng lên.</p>	Năm 1840	Năm 1957	Năm 1980	Năm 1997	275	312	335	355	<p>2. Bài tập 3:</p> <p>- Lượng CO₂ từ năm 1840 – 1997 ngày càng tăng do tình hình sản xuất công nghiệp và do tiêu dùng chất đốt ngày càng gia tăng</p>
Năm 1840	Năm 1957	Năm 1980	Năm 1997						
275	312	335	355						

-GV cho HS xem thêm một vài hình ảnh:



Khí thải từ các nhà máy sản xuất dầu gây ô nhiễm không khí



Ô nhiễm không khí do khí thải công nghiệp

Hoạt động cá nhân:

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Để bảo vệ môi trường không khí, chúng ta cần phải làm gì?
- Liên hệ những việc làm của bản thân góp phần bảo vệ môi trường ?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, nhận xét, bổ sung và lên bảng xác định.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

nửa cầu trên quả địa cầu.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (3 phút)

* Dựa vào đặc điểm khí hậu hãy điền vào chỗ trống tên kiểu môi trường ở đới ôn hòa?

1. Mùa đông lạnh kéo dài, hạ ngắn, nhiệt độ TB năm $< 0^{\circ}\text{C}$, mưa ít chủ yếu dưới dạng tuyết

=> Kiểu môi trường: ÔN ĐỚI LỤC ĐỊA (CẬN CỰC)

2. Mùa đông ẩm, hạ khô nóng; mưa vào thu đông

=> Kiểu môi trường: ĐỊA TRUNG HẢI

3. Khí hậu mùa đông ẩm, hạ mát, mưa quanh năm.

=> Kiểu môi trường: **ÔN ĐỚI HẢI DƯƠNG**

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG/ MỞ RỘNG: (2 phút)

- Học bài , làm bài tập bản đồ
- Chuẩn bị: Bài 19: Môi trường hoang mạc.

Ngày soạn: 11/11/18

Ngày dạy: 13/11/18

Tiết: 21	Bài 19:	MÔI TRƯỜNG HOANG MẠC	
----------	---------	----------------------	--

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm TN cơ bản của MT hoang mạc.
- Phân tích được sự khác nhau về chế độ nhiệt giữa hoang mạc ở (đới nóng và ở đới lạnh).
- Biết được sự thích nghi của thực vật và động vật ở môi trường hoang mạc.

2. Kỹ năng:

- Đọc và phân tích lược đồ hoang mạc thế giới để biết nguyên nhân hình thành hoang mạc.
- Phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở MT hoang mạc để trình bày khí hậu hoang mạc.

3. Thái độ: Giáo dục học sinh có thái độ thích thú tìm tòi, khám phá về hoang mạc và có ý thức bảo vệ môi trường.

4. Năng lực hình thành :

- Năng lực chung : Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo.
- Năng lực chuyên biệt : Tư duy tổng hợp, so sánh , sử dụng bản đồ, khai thác tranh ảnh.

II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:

- Giáo viên
 - + Lược đồ phân bố hoang mạc trên thế giới và biểu đồ H19.2 và H19.3 ở SGK.
 - + Ảnh chụp các hoang mạc ở Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ, Ôxtrâyliia.
 - + Phiếu học tập.
 - + Ti vi, tư liệu sưu tầm.
- Học sinh :
 - + SGK.
 - + Dụng cụ học tập.
 - + Tư liệu sưu tầm về hoang mạc

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP :

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (Tình huống xuất phát- 5 phút)

1. Mục tiêu:

- HS biết gợi nhớ, hiểu biết về các hoang mạc trên Trái Đất ; từ đó tạo hứng thú hiểu biết của hoang mạc trên Trái Đất.
- Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết về các hoang mạc trên Trái Đất ... ->Kết nối với bài học ...

2. Phương pháp - kĩ thuật: Khai thác kiến thức từ tranh ảnh.

3. Phương tiện: Tivi, video.

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Giáo viên cung cấp tranh ảnh để học sinh quan sát các hoang mạc trên Trái Đất và trả lời các câu hỏi :



- Hình ảnh trên cho em biết về môi trường nào ?

- Môi trường này có đặc điểm gì nổi bật ?

Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS trình bày kết quả, bổ sung.

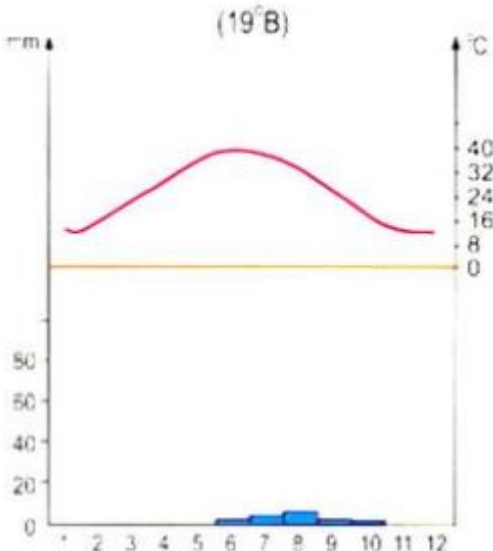
Bước 4: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học => Trên Trái Đất có nhiều hoang mạc, đây là nơi có khí hậu khắc nghiệt. Tuy nhiên có sự khác nhau giữa hoang mạc nhiệt đới và hoang mạc ôn đới. Vì sao như vậy? Bài học hôm nay ta cùng tìm hiểu về môi trường hoang mạc.

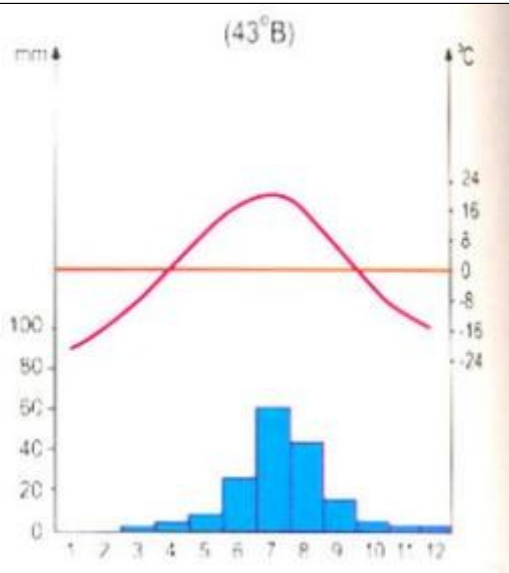
B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:

HOẠT ĐỘNG 1:

Đặc điểm của môi trường (Thời gian: 20 phút)

1. Mục tiêu: Xác định vị trí và nêu đặc điểm của môi trường hoang mạc.
2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Sử dụng tranh ảnh, lược đồ, SGK.
3. Phương tiện: Hình ảnh về các hoang mạc, lược đồ phân bố các hoang mạc trên thế giới.
4. Hình thức tổ chức: Hoạt động nhóm.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ</p> <p>GV cho HS quan sát lược đồ các hoang mạc trên thế giới kết hợp với Hình 19.2, 19.3, 19.4, 19.5 sgk, thảo luận nhóm các nội dung sau:</p>  	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn các hoang mạc nằm dọc theo hai chí tuyến hoặc giữa đại lục Á- Âu. - Khí hậu rất khô hạn, khắc nghiệt + Lượng mưa trong năm rất thấp nhưng lượng bốc hơi rất lớn. + Sự chênh lệch nhiệt độ giữa ban ngày và ban đêm rất lớn. - Nguyên nhân: Nằm ở nơi có áp cao thống trị, hoặc ở sâu trong nội địa,... - Quang cảnh hoang mạc. <ul style="list-style-type: none"> + Cát, đá chủ yếu. + Động, thực vật nghèo nàn.



- + Các hoang mạc trên thế giới thường phân bố ở đâu?
- + Nêu nhận xét về nhiệt độ và lượng mưa của hoang mạc Xahara và Gôbi?
- + Tìm sự khác nhau về chế độ nhiệt của hoang mạc ở đới nóng và đới ôn hoà?
- + Từ các nhận xét trên, nêu rõ đặc điểm của khí hậu hoang mạc?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

GV mở rộng: diện tích các hoang mạc trên thế giới ngày càng mở rộng do nhiều nguyên nhân song chủ yếu là do con người

HOẠT ĐỘNG 2:

Sự thích nghi của thực vật, động vật với môi trường:

(Thời gian: 14 phút)

1. Mục tiêu: Nắm được các cách thích nghi của thực vật, động vật với khí hậu khắc nghiệt của môi trường hoang mạc
2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Sử dụng tranh ảnh, SGK.
3. Phương tiện: Tranh+ SGK.
4. Hình thức tổ chức: Cặp đôi.

Hoạt động của thầy và trò	Nội dung chính
Bước 1. Giao nhiệm vụ Đọc mục 2sgk trang 63, quan sát tranh trả lời các câu hỏi :	Thực vật, động vật nghèo nàn thích nghi với môi trường khô hạn khắc nghiệt bằng cách: - Tự hạn chế sự mất hơi nước. - Tăng cường dự trữ nước và chất dinh dưỡng trong cơ thể (dẫn chứng)



Lạc đà châu Phi



- Nêu cách thích nghi của TV,ĐV với môi trường.
- Cho ví dụ minh họa cho từng loại

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, nhận xét, bổ sung và lên bảng xác định.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP/VẬN DỤNG: (4 phút)

* Câu hỏi trắc nghiệm: Hoang mạc có diện tích lớn nhất thế giới là

- A.Gô-bi .
- B.Xim-son .
- C. Xa-ha-ra .
- D.Vic-to-ri-a .

* Thực hành:

- GV gọi một số học sinh xác định trên lược đồ các hoang mạc lớn trên thế giới

D. HOẠT ĐỘNG MỞ RỘNG: (2 phút)

- Học bài + làm bài tập + đọc SGK
- Chuẩn bị: Bài 20: Hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc
- + Các biện pháp cải tạo hoang mạc thành đồng ruộng
- +Sưu tầm các tranh ảnh về các hoạt động của con người hạn chế sự mở rộng của hoang mạc

Tiết : 21	Bài 20 : HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở HOANG MẠC	NS: 14/11/2018 ND: 16/11/2018
------------------	---	--

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Biết các hoạt động kinh tế của con người là một trong những tác động làm cho diện tích hoang mạc ngày càng mở rộng trên thế giới.
- Biết một số biện pháp cải tạo và ngăn chặn sự phát triển của hoang mạc .

2. Kỹ năng:

Phân tích ảnh địa lí về một số biện pháp cải tạo hoang mạc, ngăn chặn sự phát triển của hoang mạc.

3. Thái độ: Tích cực bảo vệ môi trường nhằm ngăn chặn sự mở rộng của hoang mạc.

4. Năng lực hình thành :

- Năng lực chung: Phân tích số liệu, giải quyết vấn đề, quản lí, giao tiếp, tính toán, thảo luận nhóm nhỏ.
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy, tranh ảnh.

II. Phương tiện dạy học:

- Giáo viên : + Ảnh về các hoạt động kinh tế và cách phòng chống hoang mạc hoá trên thế giới.
 - + Phiếu học tập.
 - + Ti vi, tư liệu sưu tầm.
- Học sinh : + SGK.
 - + Dụng cụ học tập.
 - + Tư liệu sưu tầm về cách phòng chống hoang mạc hóa.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (Tình huống xuất phát- 5 phút)****1. Mục tiêu:**

- HS được gợi nhớ, hiểu biết về các đặc điểm của hoang mạc, sự thích nghi của thực vật và động vật ở hoang mạc, từ đó tạo hứng thú hiểu biết con người sống trong môi trường này đã thích nghi với cuộc sống nơi đây như thế nào?
- Tìm ra những nguyên nhân làm mở rộng hoang mạc và những biện pháp ngăn chặn sự mở rộng của hoang mạc ... -> Kết nối với bài học ...

2. Phương pháp - kĩ thuật: Khai thác kiến thức từ video.**3. Phương tiện:** Tivi, video.**4. Các bước hoạt động**

Bước 1: Giao nhiệm vụ: Giáo viên cung cấp video để học sinh quan sát hoang mạc lớn trên thế giới (Xa-ha-ra) và trả lời các câu hỏi :

- Nêu các đặc điểm của khí hậu hoang mạc ?
- Con người sinh sống trong môi trường này đã làm gì để có thể thích nghi được?

Bước 2: HS quan sát video và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS trình bày kết quả, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét và dẫn dắt vào bài học => Hoang mạc tuy khô khan, cát đá mênh mông nhưng con người vẫn sinh sống ở đó từ lâu đời. Những hoạt động kinh tế của con người ở đây đã góp phần làm mở rộng hoang mạc. Vậy những hoạt động kinh tế này là gì, nó ảnh hưởng như thế nào đến môi trường này. Bài học hôm nay ta cùng tìm hiểu về những hoạt động kinh tế của con người ở hoang mạc.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI:***HOẠT ĐỘNG 1:**

Hoạt động kinh tế (Thời gian: 20 phút)

1. Mục tiêu: Nắm được các hoạt động kinh tế truyền thống và hiện đại của con người ở hoang mạc và một số biện pháp cải tạo hoang mạc.
2. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Sử dụng tranh ảnh, SGK.
3. Phương tiện: Hình ảnh về các hoạt động kinh tế ở hoang mạc.
4. Hình thức tổ chức: Cá nhân - cặp đôi.

Hoạt động của giáo viên & học sinh	Nội dung chính
Bước 1: Giao nhiệm vụ GV: Giới thiệu một số tranh ảnh về các hoạt động kinh tế ở hoang mạc (Hình 20.1; 20.2; 20.3 và 20.4) yêu cầu học	1. Hoạt động kinh tế:

sinh đọc và khai thác thông tin (từ đoạn Do trồng trọt khó khăn ... đến cho người dân ở hoang mạc) và trả lời các câu hỏi:

- Nêu các hoạt động kinh tế cổ truyền của con người ở hoang mạc?

- Ngoài chăn nuôi du mục, ở hoang mạc còn có hoạt động kinh tế cổ truyền nào khác?

- Phân tích vai trò của kỹ thuật khoan sâu ?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

Mở rộng : GV giới thiệu kỹ thuật khoan sâu cũng là biện pháp cải tạo hoang mạc

- Hoạt động kinh tế cổ truyền: chăn nuôi du mục và trồng trọt trong ốc đảo.

- Hoạt động kinh tế hiện đại: Khai thác nước ngầm, khoáng sản và du lịch.

HOẠT ĐỘNG 2:

Hoang mạc đang ngày càng mở rộng (Thời gian: 14 phút)

1. Mục tiêu: Nắm được những nguyên nhân làm hoang mạc mở rộng, chủ yếu là do tác động của con người. Những biện pháp nhằm ngăn chặn sự phát triển của hoang mạc.
2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Sử dụng tranh ảnh, SGK.
3. Phương tiện: Hình 20.5 + 20.6 SGK.
4. Hình thức tổ chức: Cá nhân - Cặp đôi.

Hoạt động của giáo viên & học sinh	Nội dung chính
<p><u>Hoạt động cá nhân:</u></p> <p>Bước 1: Giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát tranh cho biết: 	<p><u>2. Hoang mạc đang ngày càng mở rộng</u></p> <p>* Nguyên nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do cát lấn - Do biến đổi khí hậu. - Do tác động của con người. <p>* Biện pháp: Trồng cây gây rừng để chống cát bay và cải tạo hoang mạc.</p>



- Nêu những nguyên nhân làm cho hoang mạc mở rộng?
- Nêu một số thí dụ cho thấy tác động của con người đã làm tăng diện tích hoang mạc trên thế giới?
- Nêu một số biện pháp nhằm hạn chế sự phát triển của hoang mạc?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Học sinh trình bày trước lớp, các học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

GV mở rộng về hiện tượng hoang mạc hóa ở Việt Nam

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (4 phút)

* Câu hỏi trắc nghiệm: Hoạt động kinh tế cổ truyền của các dân tộc sống trong hoang mạc là

- A. chăn nuôi du mục.
- B. trồng trọt.
- C. đốt rừng làm nương rẫy.
- D. du lịch.

Nguyên nhân nào làm cho quá trình hoang mạc hóa diễn ra nhanh nhất:

- A. Mùa khô kéo dài
- B. Do cát lấn
- C. Biến đổi khí hậu
- D. Tác động của con người

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG/ MỞ RỘNG: (2 phút)

- Học bài + làm bài tập SGK
- Chuẩn bị: Bài 21: Môi trường đới lạnh.

Tuần: 12 Tiết: 23	Bài 21.MÔI TRƯỜNG ĐỚI LẠNH	Ngày soạn: 18/11/18 Ngày giảng: 20/11/18
------------------------------------	-----------------------------------	---

I. Mục tiêu bài dạy:

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức:

- Biết vị trí đới lạnh trên bản đồ Tự nhiên thế giới
- Trình bày và giải thích(ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của đới lạnh
- Biết được sự thích nghi của động vật và thực vật với môi trường đới lạnh

2. Kỹ năng:

- Đọc bản đồ về môi trường đới lạnh ở vùng Bắc Cực và vùng Nam Cực để nhận biết vị trí, giới hạn của đới lạnh.

- Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh.

3. Thái độ

Hiểu được sự khó khăn của con người khi sống trong môi trường đới lạnh. Từ đó hình thành trong các em có ý thức vượt lên khó khăn trong cuộc sống.

4. Năng lực được hình thành

- Năng lực chung: Giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng hình vẽ, tranh ảnh (mức 1,2)

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên:

- + Lược đồ môi trường đới lạnh ở vùng bắc cực, Nam cực
- + Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hon-man
- + Tranh ảnh về môi trường đới lạnh

2. Học sinh: SGK, vở ghi, tập bản đồ địa 7

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

A. Hoạt động khởi động (3 phút)

1. Mục tiêu:

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Phương pháp trực quan, vấn đáp.

3. Hình thức: Cá nhân

4. Phương tiện: Một số tranh ảnh về đới lạnh.

Bước 1: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh về đới lạnh yêu cầu học sinh nhận biết:

+ Quan sát các hình dưới đây, em hãy nêu hiểu biết của mình về môi trường đới lạnh

+ Những loài sinh vật nào sinh sống được với môi trường này?



Hình 1



Hình 2

Bước 2: Học sinh quan sát tranh để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: Giáo viên dẫn dắt vào bài. Đới lạnh có vị trí gần cực nhất, được coi là xứ sở của băng tuyết quanh năm. Do tính chất khắc nghiệt của môi trường đó gây ra vô vàn khó khăn cho con người. Đến nay đới lạnh vẫn còn nhiều điều rất bí ẩn. Bài học hôm nay, chỉ đề cập đến một số đặc điểm khái quát nhất của môi trường đặc biệt này.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu đặc điểm của môi trường (phút)

1. Mục tiêu:

- + Nêu được vị trí của môi trường đới lạnh
- + Nhận xét sự khác nhau giữa MT đới lạnh ở BBC và MT đới lạnh ở NBC
- + Đọc và phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một vài địa điểm ở môi trường đới lạnh để hiểu và trình bày đặc điểm khí hậu của môi trường đới lạnh.

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận, cá nhân, vấn đáp, sử dụng tranh ảnh, KT giao nhiệm vụ, KT động não, KT trình bày.

3. Hình thức dạy học: Cá nhân, Nhóm

4. Phương tiện: Lược đồ MT đới lạnh ở cực Bắc và cực Nam, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở HonMan

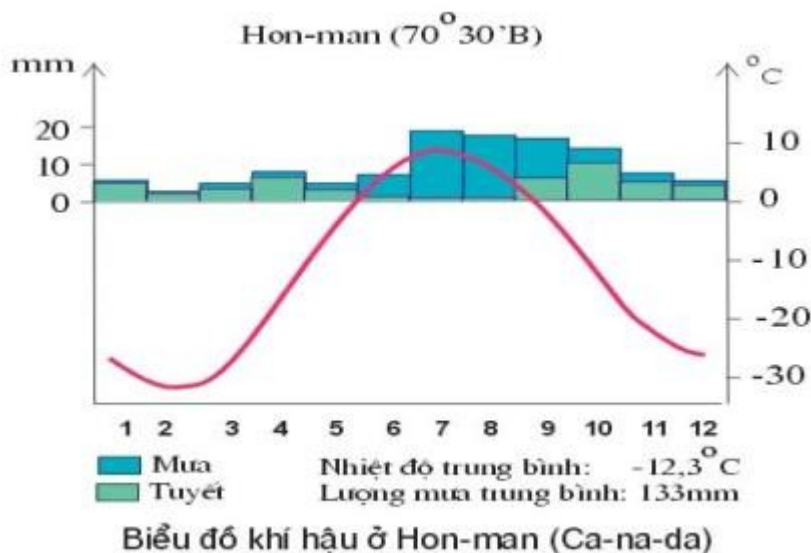
Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung ghi bảng
<p>Hoạt động 1: Đặc điểm của môi trường.</p> <p>B1.GV: Treo lược đồ môi trường đới lạnh ở Bắc Cực và ở Nam Cực và giới thiệu một số kí hiệu cần thiết (Vòng tròn nét đứt màu xanh thẫm là đường vòng cực, đường nét đứt đỏ đậm là ranh giới đới lạnh...)-></p>	<p>1. Đặc điểm của môi trường.</p> <p>a. <u>Vị trí:</u></p> <p>- Đới lạnh nằm trong khoảng từ hai vòng cực đến hai cực.</p>

Xác định vị trí của đới lạnh?

Quan sát lược đồ, cho biết đặc điểm khác biệt nhất giữa đới lạnh BBC và đới lạnh NBC là gì? (đới lạnh BBC là biển đại dương, đới lạnh NBC là lục địa nên khí hậu BBC không lạnh bằng NBC)

***Thảo luận nhóm:** Gv chia nhóm và giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

+Nhóm 1,2: Quan sát biểu đồ 21.3 và nội dung sgk em hãy nêu diễn biến nhiệt độ và lượng mưa trong năm ở Honman? Từ sự phân tích, em hãy nêu đặc điểm về khí hậu ở môi trường đới lạnh?



1. Nhiệt độ thấp nhất: tháng 2 $< -30^{\circ} \text{C}$.

- Nhiệt độ cao nhất: tháng 7 $< 10^{\circ} \text{C}$.

- Biên độ nhiệt: khoảng 40°C .

- Có tới 8, 5 tháng nhiệt độ dưới 0°C .

- Nhiệt độ TB năm thấp đạt -12°C .

+Nhóm 2: HS quan sát hình 21.4, 21.5, so sánh sự khác nhau giữa núi băng và băng trôi. (Tỉ lệ - kích thước, thể tích băng trôi nhỏ hơn. Núi băng khó tan chảy hơn)



Núi băng

b. Khí hậu:

- Khí hậu khắc nghiệt, lạnh lẽo:

+Nhiệt độ trung bình luôn xuống dưới 0°C .

+Mùa đông rất dài, bão tuyết dữ dội, bề mặt đóng băng quanh năm, mùa hạ ngắn, nhiệt độ có tăng nhưng ít khi vượt quá 10°C
+ Mưa ít và chủ yếu dưới dạng tuyết rơi.

Nguyên nhân: Nằm ở vĩ độ cao.



Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Cá nhân, đại diện các nhóm trình bày; HS khác, nhóm khác bổ sung

Bước 4: gv nhận xét và chuẩn xác kiến thức.

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự thích nghi của động thực vật với môi trường.

Mục tiêu: HS biết tên và cách thích nghi của một số loài thực vật và động vật với môi trường đới lạnh

2. Phương pháp, kĩ thuật dạy học: Thảo luận, cá nhân, vấn đáp, sử dụng tranh ảnh

3. Hình thức dạy học: Cá nhân, Nhóm

4. Phương tiện: Tranh ảnh về các loài thực vật và động vật đới lạnh

Bước 1: Gv cho HS quan sát hình

Nhóm 1,2. Quan sát hình 21.6, 21.7

cho biết thực vật ở đây gồm những loại cây nào? Vậy, thực vật trong môi trường đới lạnh có đặc điểm thích nghi với điều kiện khắc nghiệt ở đây như thế nào?

-Nhóm 1,2. Quan sát hình 21.8, 21.9, 21.10

Kể tên những loài động vật tiêu biểu ở đới lạnh?

Em hãy cho biết: vì sao các loại động vật đó sống được ở môi trường đới lạnh?

Cá nhân: Vì sao động vật phong phú hơn thực vật?

Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: Cá nhân, đại diện các nhóm trình bày; HS khác, nhóm khác bổ sung

Bước 4: gv nhận xét và chuẩn xác kiến thức.

Cho HS quan sát một số tranh ảnh về thực vật và động vật tiêu biểu:

2. Sự thích nghi của động, thực vật với môi trường.

a. Thực vật

- Chỉ phát triển được trong mùa hạ ngắn ngủi.

- Cây thấp lùn, mọc xen kẽ rêu, địa y...

b. Động vật:

- Có lớp mỡ dày (Hải cẩu, cá voi...)

- Có lớp lông dày (Gấu trắng, tuần lộc).

- Có lớp lông không thấm nước (chim cánh cụt).

- Một số động vật ngủ đông hay di cư để tránh mùa đông lạnh.



C. Luyện tập, vận dụng:

- Xác định trên bản đồ phạm vi của đới lạnh của hai bán cầu.
- Tính chất khắc nghiệt của khí hậu đới lạnh thể hiện như thế nào?
- Tại sao nói đới lạnh là vùng hoang mạc lạnh của Trái Đất

D. Mở rộng:

- Về nhà học thuộc bài cũ, làm bài tập sau sgk.
- Đọc kĩ bài mới chú ý hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh như thế nào, những khó khăn trở ngại gì?

Ngày soạn: 21/11/18

Ngày dạy: 23/11/18

Tiết: 24

Bài 22

HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI LẠNH

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nắm được kinh tế cổ truyền và kinh tế hiện đại ở đới lạnh.
- Thấy được những khó khăn do tính chất khắc nghiệt của khí hậu.
- Hiểu được mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động kinh tế con người và sự suy giảm các loài động vật ở đới lạnh.
- Thấy được sự cần thiết bảo vệ các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc lược đồ và phân tích ảnh địa lý
- Phân tích mối quan hệ giữa các hoạt động kinh tế của con người với nguồn tài nguyên sinh vật ở môi trường đới lạnh.

3. Thái độ:

- Thấy được sự cần thiết phải bảo vệ các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.
- Có ý thức chấp hành tốt pháp luật.

4. Năng lực hình thành:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video...

II. Phương tiện dạy học:

- Giáo viên;
- + Một số tranh ảnh trong bài ,tìm thêm tranh ảnh về hoạt động kinh tế ở đới lạnh,sgk
- Học sinh:
- + SGK

+ Dụng cụ học tập

III. Tổ chức các hoạt động học tập

A. Khởi động(5 p)

1. Mục tiêu:

- HS hiểu biết về đới lạnh, biết được vị trí địa lý của đới lạnh . Biết được đặc điểm khí hậu đới lạnh.Từ đó hiểu biết về các hoạt động kinh tế ở đới lạnh

2. Phương pháp- kĩ thuật: Khai thác kiến thức từ lược đồ trong SGK

3. phương tiện: Ti vi

4. Các bước hoạt động

B1: Giao nhiệm vụ; GV cung cấp hình ảnh về địa bàn cư trú của các dân tộc trong môi trường đới lạnh phương bắc (hình 22.1 sgk) để HS quan sát và trả lời các câu hỏi;

- Nêu vị trí địa lý của đới lạnh

- Nhận xét về đặc điểm khí hậu ở đới lạnh

B2: HS kết hợp kiến thức đã học và hình ảnh để trả lời

B3: HS trình bày kết quả và bổ sung

B4; Gv nhận xét và dẫn dắt vào bài học; Đới lạnh là nơi có khí hậu lạnh lẽo quanh năm, mặt đất luôn bị băng bao phủ, điều kiện sống rất khó khăn thế nhưng vẫn có các dân tộc sinh sống ở đó. Họ là những dân tộc nào, họ sống bằng nghề gì. Bài học hôm nay chúng ta tìm hiểu , cùng khám phá về vùng đất lạnh lẽo này.

B. Hình thành kiến thức mới.

HD1

Hoạt động kinh tế của các dân tộc phương bắc(18 p)

1. Mục tiêu: Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) các hoạt động kinh tế cổ truyền và hiện đại của con người ở đới lạnh
2. Phương pháp/ kĩ thuật dạy học:Đàm thoại gợi mở, sử dụng tranh ảnh, SGK, giải quyết vấn đề, tự học. Đặt câu hỏi, hợp tác trong học tập
3. Phương tiện: Hình ảnh về địa bàn cư trú các dân tộc sống ở phương bắc.
4. hình thức tổ chức: cá nhân

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>B1: Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS quan sát hình 22.1 SGK và trả lời các câu hỏi: - Kể tên các dân tộc sinh sống ở đới lạnh phương bắc. <p>-Gv cho HS quan sát hình 22.2 và 22.3 SGK trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - kể tên các dân tộc sống bằng nghề chăn nuôi. Họ cư trú chủ yếu ở đâu? - Dân tộc nào sống bằng nghề săn bắn. Cư trú ở đâu? - Những khó khăn trong hoạt động kinh tế của con người ở đới lạnh. <p>B2: HS thực hiện nhiệm vụ trả lời các câu hỏi:</p> <p>B3: HS trình bày trước lớp, các học sinh trong lớp đưa ra nhận xét, bổ sung</p> <p>B4; GV nhận xét bổ sung và chuẩn kiến thức.</p>	<ol style="list-style-type: none"> 1. <u>Hoạt động kinh tế các dân tộc ở phương bắc</u> <ol style="list-style-type: none"> a.Hoạt động kinh tế cổ truyền <ul style="list-style-type: none"> - Chăn nuôi tuần lộc, săn bắn động vật để lấy thịt, da, lông, mỡ - Nguyên nhân: Khí hậu khắc nghiệt lạnh lẽo b. Hoạt động kinh tế hiện đại <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác tài nguyên thiên nhiên - Chăn nuôi thú có lông quý - Nguyên nhân: Khoa học kĩ thuật phát triển.

-Mở rộng: Gv giới thiệu thêm về hình ảnh các dân tộc phương bắc săn bắt và chăn nuôi.

HD2

Việc nghiên cứu và khai thác môi trường(12 p)

1. Mục tiêu: - HS biết được ở đới lạnh có nguồn tài nguyên khoáng sản phong phú
- Biết bảo vệ các loại động vật bị đe dọa tuyệt chủng, biết được sự khó khăn về thiếu nhân lực để khai thác nguồn tài nguyên ở đới lạnh.
2. Phương pháp/ kĩ thuật dạy học: Đàm thoại, gợi mở, giải quyết vấn đề, tự học...
Kĩ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, học tập hợp tác.
3. Phương tiện: Tranh ảnh, SGK
- 4.hình thức tổ chức: cặp đôi, nhóm lớn

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1: Giao nhiệm vụ GV cho HS đọc đoạn văn”đới lạnh đến vùng cực” - Gv cho HS quan sát hình 22.4 và 22.5 để trả lời các câu hỏi. -Em hãy nêu các nguồn tài nguyên ở đới lạnh. - Cho biết mối quan hệ nhân quả giữa hoạt động kinh tế của con người và sự suy giảm các loài động vật ở đới lạnh. B2: HS trả lời câu hỏi. B3: HS trình bày trước lớp, các Hs khác nhận xét, bổ sung B4: Gv nhận xét bổ sung và chuẩn kiến thức.</p> <p style="text-align: center;">Hoạt động nhóm(5 p)</p> <p>B1: Giao nhiệm vụ Câu hỏi thảo luận: Tại sao cần phải giải quyết 2 vấn đề lớn ở đới lạnh là thiếu nhân lực và nguy cơ tuyệt chủng của các loại động vật quý? B2; HS thực hiện nhiệm vụ, thảo luận nhóm B3; Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. - Các nhóm nhận xét và bổ sung - B4: Gv nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức. - GV liên hệ thực tế ở VN về vấn đề bảo vệ các loại động vật hoang dã. - Biện pháp để bảo vệ các loại động vật quý hiếm.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu nguồn nhân lực để phát triển kinh tế. - Nguy cơ tuyệt chủng một số loài động vật quý. - Biện pháp: Đưa các loài động vật quý vào sách đỏ, ban hành luật cấm đánh bắt động vật quý hiếm.

C. Hoạt động luyện tập.(8 p)

- GV giao nhiệm vụ cho HS, yêu cầu các em thảo luận nhóm:

- Vấn đề quan tâm rất lớn của môi trường phải giải quyết ngay ở đới nóng, đới ôn hòa, đới lạnh là gì?
- + Nhóm 1: Đới nóng (xói mòn đất, suy giảm diện tích rừng...)
- + Nhóm 2: Đới ôn hòa(Ô nhiễm không khí , nước)
- + Nhóm 3; Đới lạnh (săn bắt quá mức cá voi, thú có lông quý...)
- Bài tập 3 ở SGK

D. Hoạt động vận dụng, mở rộng (2 p)

- Học bài và làm bài tập SGK
- Chuẩn bị bài mới: Môi trường vùng núi.
- + HS trả lời được câu hỏi 1 và 2 ở phần câu hỏi và bài tập .

Ngày soạn: 23/12/18

Ngày dạy: 25/12/18

Tiết: 24

BÀI 30. KINH TẾ CHÂU PHI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức: Sau bài học, HS đạt được:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) đặc điểm kinh tế chung và các ngành kinh tế của Châu Phi.

BVMT: Hiểu được hoạt động nông nghiệp và công nghiệp với kỹ thuật lạc hậu đã tác động xấu đến môi trường.

2. Kỹ năng

- Rèn cho HS đọc bản đồ kinh tế (Nông nghiệp, công nghiệp).
- BVMT: *Phân tích, nhận xét mối quan hệ giữa hoạt động kinh tế của con người châu Phi tới môi trường.*
- Phát triển tư duy địa lý.

3. Thái độ

- Thấy được sự gia tăng dân số nó ảnh hưởng đến tất cả các mặt trong đời sống.

BVMT: Biết gìn giữ và bảo vệ môi trường sống.

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, tính toán, sáng tạo, hợp tác.
- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, tranh ảnh địa lý.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Giáo viên

- Lược đồ kinh tế chung châu Phi.
- Các số liệu và tranh ảnh về kinh tế châu Phi.

2. Học sinh

- Nghiên cứu bài trước ở nhà.
- Ôn lại các kiến thức bài trước .

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG(Tình huống xuất phát) (Thời gian 5phút)

a. Mục tiêu

Học sinh có được hình ảnh sơ lược về nền kinh tế châu Phi, từ đó gợi mở được nội dung kiến thức cần khai phá và lĩnh hội trong bài.

b. Phương pháp – kỹ thuật.

Phương pháp trực quan, vấn đáp, hoạt động cá nhân.

c. Phương tiện

Hình ảnh về một số hoạt động kinh tế của Châu Phi.

d. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ . Giáo viên cung cấp hình ảnh về một số hoạt động kinh tế của Châu Phi và nêu câu hỏi. Qua hình ảnh và sự hiểu biết của bản thân thì em hãy thử nhận xét về kinh tế Châu Phi ?

Bước 2: HS bằng những hiểu biết của mình để trả lời.

Bước 3: HS trả lời, HS nhận xét.

Bước 4: Từ đó giáo viên nhận xét và dẫn dắt vào bài mới

Chúng ta đã học về tự nhiên và dân cư xã hội Châu Phi. Hôm nay chúng ta sẽ cùng tìm hiểu về đặc điểm và tình hình phát triển các ngành nông nghiệp và công nghiệp của châu Phi.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1:Tổ chức cho HS tìm hiểu về nông nghiệp của châu Phi (15')

Mục tiêu:

- Nắm vững đặc điểm và tình hình phát triển của nông nghiệp châu Phi

Phương pháp/ Kỹ thuật dạy học, phương tiện

- Phương pháp: Đàm thoại, trực quan, thảo luận nhóm
- Kỹ thuật: Hợp tác, sử dụng bản đồ, tranh ảnh.
- Phương tiện: Lược đồ nông nghiệp châu Phi . Các số liệu về nông nghiệp châu Phi

Hình thức tổ chức: Cá nhân, cặp đôi, cả lớp.

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG GHI BẢNG
<p>Bước 1: GV giao việc cho các nhóm</p> <p>-GV: Treo lược đồ nông nghiệp châu Phi và yêu cầu HS quan sát, sau đó thực hiện nhiệm vụ theo 4 nhóm</p> <p>Dựa vào nội dung mục 1. Nông nghiệp trong SGK và dựa vào lược đồ 30.1 -30.2 các nhóm thảo luận tìm hiểu:</p> <p>+ Nhóm 1 : Tình hình sản xuất, phân bố các cây công nghiệp ?</p> <p>+Nhóm 2 : Tình hình sản xuất , phân bố các cây ăn quả ?</p>	<p>1. Nông nghiệp</p> <p>a.Trồng trọt</p> <p>- Có sự khác nhau về tỉ trọng, kĩ thuật canh tác giữa ngành trồng cây công nghiệp để xuất khẩu và ngành trồng cây lương</p>

<p>+ Nhóm 3 : Tình hình sản xuất , phân bố cây lương thực?</p> <p>+ Nhóm 4: Nhận xét về tình hình chăn nuôi của Châu Phi?kể tên một số vật nuôi</p> <p>- Bước 2:HS thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Bước 3: Học sinh cử đại diện trả lời</p> <p>+ Nhóm 1 : Cây công nghiệp (Ca cao, cọ dầu, cà phê, lạc..)Phân bố chủ yếu ở ven vịnh Ghi- nê, cao nguyên Đông Phi, Trung Phi...được trồng nhiều trong các đồn điền thuộc sở hữu các công ti nước ngoài</p> <p>+ Nhóm 2 : Cây ăn quả (Nho, Ôliu, cam,...) Được trồng nhiều ở cực Bắc và cực Nam châu Phi.</p> <p>+ Nhóm 3: Cây lương thực chiếm tỉ trọng nhỏ canh tác lạc hậu , thiếu thốn gồm có : kê, lúa mì, ngô, lúa gạo...</p> <p>+ Nhóm 4: Chăn nuôi còn kém phát triển một số quốc gia: Xu-đăng, Ê-ti-ô-phi-a, Tan-da-ni-a...chăn thả gia súc trên các cao nguyên và vùng nửa hoang mạc các vật nuôi: cừu, dê, lợn...</p> <p>- Bước 4: Giáo viên nhận xét và chuẩn kiến thức.</p>	<p>thực .</p> <p>- Cây công nghiệp được chú trọng theo hướng chuyên môn hóa nhằm mục đích xuất khẩu.</p> <p>- Cây lương thực tỉ trọng nhỏ, kĩ thuật canh tác lạc hậu</p> <p>+ Cây CN: Cà fe, Ca cao, Cọ dầu</p> <p>Phân bố : ven vịnh Ghi lê, Phía tây ,đông châu Phi</p> <p>- Cây ăn quả : Nho, Cam</p> <p>Phân bố: Cực Bắc và Cực Nam Châu Phi</p> <p>- Cây lương thực : Kê, Lúa mì, Ngô(CH Nam Phi), Lúa gạo(Ai Cập)</p> <p>b. Chăn nuôi</p> <p>- Kém phát triển</p>
--	---

Hoạt động 2: Tổ chức cho HS tìm hiểu về công nghiệp của châu Phi (15')

Mục tiêu:

- Học sinh nắm được một số ngành công nghiệp và tình hình phát triển công nghiệp của châu Phi.
- Hiểu và phân tích được những khó khăn ảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp châu Phi.

Phương pháp/ Kỹ thuật, phương tiện

- Nêu vấn đề, trực quan
- Phương tiện: Lược đồ công nghiệp châu Phi .

Hình thức tổ chức: Cá nhân, cặp đôi.

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG GHI BẢNG
<p>Bước 1: GV treo bản đồ Công nghiệp châu Phi và yêu cầu HS quan sát và tìm hiểu thông tin mục 2.</p> <p>Công nghiệp, sau đó trả lời câu hỏi sau:</p> <p>? Nêu các ngành công nghiệp chính của châu Phi và sự phân bố của các ngành công nghiệp đó ?</p> <p>? Nêu tình hình phát triển công nghiệp của châu Phi?</p> <p>? Những khó khăn, trở ngại nào choảnh hưởng đến sự phát triển công nghiệp của châu Phi?</p>	<p>2. Công nghiệp</p> <p>- Phần lớn các nước có nền công nghiệp chậm phát triển.</p> <p>Nguyên nhân : Thiếu lao động có kĩ thuật, cơ sở vật chất lạc hậu, thiếu vốn nghiêm trọng</p>

<p>? Nêu những quốc gia có nền công nghiệp phát triển ở châu Phi?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: HS vụ quan sát lược đồ, trả lời các câu hỏi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ngành khai khoáng là ngành truyền thống phát triển - Công nghiệp thực phẩm, lắp ráp cơ khí, luyện kim phát triển ở một số nước - Các nước có nền công nghiệp tương đối phát triển là : Nam Phi, An- giê- ri... - Khó khăn : Thiếu lao động kĩ thuật, thiếu vốn, cơ sở hạ tầng lạc hậu... <p>HS khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét chuẩn xác kiến thức: ?Rút ra đặc điểm chung của nền kt châu Phi</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Công nghiệp khai khoáng để xuất khẩu có vai trò quan trọng <p>*Đặc điểm chung: Phần lớn các quốc gia có nề KT lạc hậu, chuyên môn hóa phiến diện, chú trọng trồng cây CN nhiệt đới và khai thác K/S xuất khẩu.</p>
--	---

3. Hoạt động luyện tập(3')

- Hs làm bài tập trắc nghiệm và tự luận

Câu 1: Loại cây được trồng nhiều nhất ở Châu Phi là

- A. cây lương thực.
- B. cây công nghiệp.
- C. cây ăn quả.
- D. cây lấy gỗ.

Câu 2: Loại hình chăn nuôi phát triển nhất Châu Phi là

- A. nuôi trồng thủy hải sản.
- B. chăn thả gia cầm.
- C. chăn nuôi gia súc.
- D. chăn thả gia súc lớn.

Câu 3: Ngành công nghiệp phát triển nổi bật nhất Châu Phi là

- A. hóa chất.
- B. ô tô.
- C. luyện kim.
- D. khai khoáng.

Câu 4. Vì sao công nghiệp châu Phi còn kém phát triển?

Trả lời: Trình độ dân trí thấp, thiếu lao động có kĩ thuật, CSVC lạc hậu và thiếu trầm trọng nguồn vốn.

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng(2').

- Câu hỏi về nhà tìm hiểu:

+ *Nhận xét về tác động của nền nông nghiệp và công nghiệp lạc hậu tới môi trường ở châu Phi?*

+ *Nêu một vài giải pháp em biết để góp phần bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của con người?*

- Tìm hiểu thêm về kinh tế châu Phi

- Chuẩn bị cho bài mới: Bài 31: Kinh tế châu Phi (tiếp theo)
- Suru tầm các số liệu về ngành định vụ và vấn đề đô thị hoá ở châu Phi.

Ngày soạn: 20/01/19

Ngày dạy: 22/01/19

BÀI 32 : CÁC KHU VỰC CHÂU PHI**I. Mục tiêu : *Sau bài học , học sinh cần :*****1. Kiến thức:**

- Biết châu Phi được chia làm 3 khu vực.
- Nắm được đặc điểm tự nhiên, kinh tế của khu vực Bắc Phi, Trung Phi.
- Biết hoạt động kinh tế của các quốc gia ở Trung Phi đã làm cho đất nhanh chóng bị thoái hóa và suy giảm diện tích rừng.

2. Kỹ năng:

- Xác định vị trí, đọc lược đồ tự nhiên, lược đồ kinh tế để trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của các khu vực châu Phi.
- Phân tích ảnh địa lí về các hoạt động kinh tế của các quốc gia Trung Phi.

3. Thái độ:

- Tự bồi dưỡng kiến thức bộ môn.

4. Định hướng phát triển năng lực :

- Năng lực chung : tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.
- Năng lực riêng : sử dụng bản đồ.

5. Các nội dung tích hợp :

- Ý thức bảo vệ môi trường.

II. Chuẩn bị :**1. Học sinh :**

- SGK, bài mới.

2. Giáo viên :

- Lược đồ kinh tế châu Phi, lược đồ tự nhiên châu Phi
- Lược đồ ba khu vực châu Phi

III. Phương pháp dạy học:

- Trực quan, vấn đáp, bản đồ tư duy

IV. Tiến trình dạy học:**1. Tình huống xuất phát : (3p)**

- **Mục tiêu :** Tạo hứng thú cho người học .
- **Phương pháp – kĩ thuật :** Vấn đáp qua tranh ảnh.
- **Phương tiện :** hình ảnh về 1 số đặc điểm tự nhiên , dân cư, kinh tế nổi bật của châu Phi
- **Các bước hoạt động :**

+ Bước 1 :giao nhiệm vụ

- Giáo viên giới thiệu các hình ảnh về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế nổi bật châu Phi có liên quan tới nội dung bài học và yêu cầu HS cho biết các hình ảnh thể hiện điều gì về đặc điểm khu vực châu Phi ?

+ Bước 2 : HS quan sát hình ảnh**+ Bước 3 :HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).****+ Bước 4 : GV dẫn dắt vào bài.****2. Hình thành kiến thức mới :****Hoạt động 1 : Các khu vực châu Phi 5'****- Mục tiêu :**

- + Kiến thức :Biết châu Phi được chia làm 3 khu vực.
- + Kỹ năng : Xác định vị trí của châu Phi.

- + Thái độ : tự bồi dưỡng kiến thức môn học.
- Phương pháp – kĩ thuật dạy học : đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, tự học.
- Phương tiện : Lược đồ ba khu vực châu Phi.

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung bài học
Các khu vực châu Phi : * Bước 1 : giáo viên giao nhiệm vụ : Quan sát h32.1 cho biết châu Phi được chia thành mấy khu vực? * Bước 4 : GV nhận xét, bổ sung, chốt ý .	* Bước 2 : HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ. - Học sinh xác định, vị trí, giới hạn của 3 khu vực trên bản đồ tự nhiên. * Bước 3 : HS trả lời câu hỏi.	* Các khu vực châu Phi: Châu Phi gồm 3 khu vực: + Bắc Phi + Trung Phi + Nam Phi

Hoạt động 2 : Khu vực Bắc Phi 15'

- Mục tiêu :
- + Kiến thức : nắm được đặc điểm tự nhiên, kinh tế của khu vực Bắc Phi.
- + Kỹ năng : Xác định vị trí, đọc lược đồ tự nhiên, lược đồ kinh tế để trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của các khu vực Bắc Phi.
- + Thái độ : Tìm hiểu, yêu thích môn học.
- Phương pháp – kĩ năng dạy học : đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, hoạt động nhóm.
- Phương tiện : Lược đồ kinh tế châu Phi, lược đồ tự nhiên châu Phi

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung bài học
Khu vực Bắc Phi : * Bước 1 : GV giao nhiệm vụ cho HS - Gv cho hs quan sát lược đồ tự nhiên châu Phi, đọc sgk. - GV cho HS thảo luận nhóm : +Nhóm 1, 3 : Nêu đặc điểm địa hình, khí hậu trong khu vực Bắc Phi ? + Nhóm 2,4 : Kinh tế - xã hội ở đây có đặc điểm gì? * Bước 4 : - Gv nhận xét, phân tích.	* Bước 2 : HS nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ : - HS quan sát, đọc SGK. - HS hoạt động nhóm * Bước 3 : - Đại diện học sinh trong nhóm trình bày.	1. Khu vực Bắc Phi : a. Tự nhiên: - Thiên nhiên thay đổi từ ven biển phía tây bắc vào nội địa theo sự thay đổi của lượng mưa. - Hoang mạc Xa- ha- ra là hoang mạc nhiệt đới lớn nhất thế giới: khí hậu khô, nóng, thảm thực vật nghèo nàn. b. Kinh tế - xã hội: - Dân cư chủ yếu là Ả rập, Bec-be và theo đạo Hồi. - Kinh tế: tương đối phát triển, chủ yếu dựa vào ngành dầu khí và du lịch.

Hoạt động 3: Khu vực Trung Phi 15'

- Mục tiêu :
- + Kiến thức :Nắm được đặc điểm tự nhiên, kinh tế của khu vực Trung Phi.
- + Kỹ năng : Xác định vị trí, đọc lược đồ tự nhiên, lược đồ kinh tế để trình bày đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế của các khu vực Trung Phi.

+ Thái độ : Ý thức bảo vệ môi trường

- Phương pháp – KT dạy học : đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, hoạt động nhóm, đặt câu hỏi.

- Phương tiện : Lược đồ kinh tế châu Phi, lược đồ tự nhiên châu Phi

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	Nội dung bài học
<p>Khu vực Trung Phi</p> <p>* Bước 1 : Giáo viên chia nhóm và yêu cầu trả lời câu hỏi Nhóm 1, 3 :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu đặc điểm địa hình khu vực Trung Phi (Các dạng địa hình, sự phân bố)? - Đặc điểm khí hậu Trung Phi? - Sông ngoài ra sao? <p>Nhóm 2, 4 : Kể tên các nước thuộc khu vực Trung Phi?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân cư chủ yếu là người nào, tín ngưỡng? <p>(Gọi HS yếu dựa vào nội dung SGK trả lời)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh tế phát triển những ngành nào? - Nhận xét về trình độ phát triển kinh tế? <p>* Bước 4 : GV chuẩn xác lại kiến thức và ghi bảng.</p>	<p>* Bước 2 : Học sinh nhận nhiệm vụ và làm việc.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thảo luận nhóm. <p>* Bước 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đại diện các nhóm lần lượt trình bày kết quả. - Nhóm khác theo dõi, nhận xét bổ sung. 	<p>2. Khu vực Trung Phi :</p> <p>a. Tự nhiên :</p> <p><i>a. Tự nhiên:</i> Có sự khác nhau giữa phía tây và phía đông</p> <p>Dẫn chứng :</p> <p>* Phía Tây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều bồn địa - Có hai môi trường tự nhiên khác nhau: <ul style="list-style-type: none"> + Môi trường xích đạo ẩm + Môi trường nhiệt đới <p>* Phía Đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiều sơn nguyên, hồ kiến tạo. - Khoáng sản phong phú - Khí hậu có một mùa mưa và mùa khô rõ rệt - Có "xa van công viên" độc đáo <p>b. Kinh tế xã hội :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân cư : là khu vực đông dân nhất châu Phi, chủ yếu là người Ban tu thuộc chủng tộc Nê-gro-it, có tín ngưỡng rất đa dạng. - Kinh tế : chủ yếu dựa vào trồng trọt, chăn nuôi theo lối cổ truyền, khai thác lâm sản, khoáng sản, trồng cây công nghiệp nhiệt đới để xuất khẩu. => Kinh tế chậm phát triển.

3. Luyện tập : (5p)

- Nêu đặc điểm khí hậu Trung Phi

- Phân biệt kinh tế - xã hội của Trung Phi và Bắc Phi.

- Tại sao cây trồng có sự khác nhau giữa các vùng?

=> Do có sự khác nhau về khí hậu từ bắc xuống nam nên cơ cấu cây trồng có sự khác nhau giữa các vùng.

- Nhận xét về trình độ phát triển kinh tế?

4 . Vận dụng – mở rộng : (2p)

- Theo em cần làm gì để vừa phát triển kinh tế nhưng vẫn đảm bảo về vấn đề môi trường ?
- Trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa.
- Chuẩn bị các khu vực châu Phi (tiếp theo).

<i>Tuần 21</i> <i>Tiết thứ 41</i>	BÀI 36 :THIÊN NHIÊN BẮC MĨ	<i>Ngày soạn :10/02/19</i> <i>Ngày dạy :12/02/19</i>
--------------------------------------	-----------------------------------	---

I.MỤC TIÊU BÀI DẠY

1. Kiến thức: - Biết được vị trí địa lí ,giới hạn,của Bắc Mĩ

-Trình bày được đặc điểm địa hình Bắc Mĩ:Cấu trúc địa hình đơn giản ,chia làm 3 khu vực địa hình theo chiều kinh tuyến .

- Trình bày được đặc điểm của các sông,hồ lớn của Bắc Mỹ.
- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản đặc điểm khí hậu Bắc Mỹ.

2. **Kĩ năng:**

- Xác định trên bản đồ Châu Mỹ hoặc bản đồ thế giới vị trí địa lí của khu vực Bắc Mỹ
- Sử dụng các bản đồ,lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của Bắc Mỹ
- Phân tích lát cắt địa hình Bắc Mỹ để biết và trình bày sự phân hóa về địa hình theo hướng Đông-Tây của Bắc Mỹ.

* **Các kĩ năng sống:**

- Thu thập thông tin,xử lí thông tin,phân tích so sánh(H Đ1.H Đ2)
- Trình bày suy nghĩ, ý tưởng,giao tiếp lắng nghe,hợp tác làm việc nhóm(HĐ1)

3. **Thái độ :** HS că lòng yêu thiên nhiên.

4.**Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung:Tự học,giải quyết vấn đề,hợp tác tư duy
- Năng lực chuyên biệt:Sử dụng bản đồ,phân tích lát cắt địa lí,sử dụng hình vẽ.

II.**CHUẨN BỊ:**

1.GV:Bản đồ tự nhiên và khí hậu Bắc Mỹ.

- Lát cắt địa hình Bắc Mỹ cắt ngang hoa Kỳ vĩ tuyến 40⁰ Bắc.

2. HS:-Nội dung kiến thức bài

-Sgk,vở ghi,bả

III. **PHƯƠNG PHÁP:**

- Thảo luận nhóm,đàm thoại gợi mở,thuyết giảng,trình bày

IV. **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

1.**Ôn định tổ chức,điểm danh:1'**

2.**Kiểm tra bài cũ:5'**

- Laõnh thoả châu Mó keòu daõi trên khoaùng bao nhieâu vó ñoã. Châu Mó naèm trong caùc vaønh ñai khí haàu naøo?

Đáp án:châu Mỹ trải dài gần 139 vĩ độ nên châu Mỹ có đủ các đới tự nhiên thuộc cả 3 vành đai nhiệt trên mặt địa cầu.

- Tại sao có sự khác nhau giữa dân cư khu vực Bắc Mỹ với dân cư ở khu vực Trung và Nam Mỹ ?

Đáp án:Vì trước đây khu vực Bắc Mỹ là thuộc địa của Đế quốc Anh,có nhiều người di dân từ Anh và Ai-len sang ,nên tiếng Anh là ngôn ngữ chính.

-Khu vực Trung và Nam Mỹ là thuộc địa của 2 đế quốc Tây-Ban-Nha và Bồ Đào Nha có nhiều người di cư từ Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sang nên có ngôn ngữ chính là tiếng TâyBan Nha và Bồ Đào Nha

3.**Bài mới**

GV. Bắc Mỹ gồm 3 quốc gia: Canada, Hoa Kỳ, Mêhicô. Bắc Mỹ có cấu trúc địa hình đơn giản, nhưng khí hậu đa dạng...

HOẠT ĐỘNG 1. VỊ TRÍ ĐỊA LÍ,GIỚI HẠN,ĐỊA HÌNH BẮC MỸ

1.**Mục tiêu:**

. **Kiến thức:**

- Biết được vị trí địa lí ,giới hạn của Bắc Mỹ .
- Trình bày được đặc điểm địa hình Bắc Mỹ:Cấu trúc địa hình đơn giản,chia làm 3 khu vực kéo dài theo chiều kinh tuyến.
- Trình bày được đặc điểm của các sông ,hồ lớn ở Bắc Mỹ

. **Kĩ năng:**

- Xác định được trên bản đồ lược đồ châu Mĩ hoặc bản đồ thế giới vị trí của khu vực Bắc Mĩ.
- Sử dụng các bản đồ ,lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của Bắc Mĩ
- Phân tích lát cắt địa hình để nhận biết và trình bày sự phân hóa địa hình theo hướng Tây-Đông của Bắc Mĩ

2.Phương pháp:

- Thảo luận nhóm,đàm thoại gợi mở,thuyết giảng,trình bày

3.Phương tiện:

- Bản đồ tự nhiên và khí hậu Bắc Mĩ.
- Lát cắt địa hình Bắc Mĩ cắt ngang hoa Kỳ vĩ tuyến 40⁰ Bắc.

4.Thời gian:15'

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>Giới thiệu lược đồ H36.1 và H36.2 HĐ/nhóm.</p> <p>-Giao nhiệm vụ</p> <p>Câu 1.</p> <p>-Vị trí địa lí ,giới hạn của Bắc Mĩ?</p> <p>-Từ Tây sang sông địa hình Bắc Mĩ có thể chia thành mấy miền địa hình ?</p> <p>Câu 2.</p> <p>- Dựa vào hình 36.2, xác định giới hạn,quy mô, độ cao của hệ thống Cooc-đi-e?</p> <p>- Sự phân bố các dãy núi và cao nguyên trên hệ thống núi như thế nào?</p> <p>-Dựa vào H36.2, cho biết hệ thống Cooc-đi-e có những khoáng sản gì?</p> <p>Câu3.</p> <p>- Quan sát H36.1 và H36.2, kỐt híp sgk cho biết đặc điểm của miền đồng bằng Trung tâm?</p> <p>Xác định tr^n lược đồ hệ thống Hồ lớn và hệ thống sông Mit-xi-xi-pi, Mi-xu-ri, cho biết giá trị to lớn của hệ thống sông và hồ của miền ?</p> <p>Câu4.</p> <p>-Quan sát lược 6.2, cho biết miền núi già và</p>	<p>NhómDựa vào H36.1 và H36.2</p> <p>-Triển khai hoạt động</p> <p>+Cá nhân tìm hiểu thông tin sgk kiểm phương án trả lời.</p> <p>+Nhóm:tổng hợp ý kiến cá nhân rút ra kết luận.</p> <p>-Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả theo yêu cầu của GV</p> <p>Câu 1:</p> <p>Vị trí địa lí và giới hạn của Bắc Mĩ</p> <p>-Từ vòng cực Bắc đến vĩ tuyến 15⁰B.</p> <p>Từ Tây sang Đông địa hình Bắc Mĩ có thể chia 3 miền địa hình:</p> <p>-Phía Tây là hệ thống núi trẻ Cooc-đi-e.</p> <p>- Ở giữa là đồng bằng Trung tâm.</p> <p>- Phía Đông là dãy núi già A-pa-lát.</p> <p>xác định trên H36.2</p> <p>Câu 2.</p> <p>- Là miền núi trẻ, cao đồ sộ, hiÓm trẻ dài 9000km, theo hướng Bắc - Nam.</p> <p>- Cao trung b×nh 3000 - 4000m</p> <p>- Gồm nhiều dãy chạy song song, xen kẽ các sơn nguyên và cao nguyên.</p> <p>- Là miền có nhiều khoáng sản quý, chủ yếu là kim loại màu với trữ lượng lớn.</p> <p>Câu 3.</p> <p>-Miền đồng bằng rộng lớn, hình lòng máng.</p> <p>- Cao phía Bắc và Tây Bắc, thấp dần về phía Nam và đông Nam.</p> <p>- Nhiều hồ lớn và sông dài có giá trị kinh tế cao.</p>

<p>sơn nguyên phía đông gồm các bộ phận nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miền núi già và sơn nguyên phía sông có đặc điểm gì? -<i>Theo dõi quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.</i> -<i>Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả</i> +Hướng dẫn các nhóm trình bày sản phẩm +Tổ chức các nhóm khác bổ sung góp ý. Đánh giá hoạt động chuẩn hóa kiến thức -Dùng lát cắt H36.1 và bản đồ tự nhiên Bắc Mĩ phân tích cụ thể mối tương quan giữa các miền địa hình ở Bắc Mĩ. 	<p>Câu 4.</p> <p>Miền núi già và sơn nguyên ở phía sông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miền núi già A-pa-lát cao thấp, hướng Đông Bắc - Tây Nam và cao nguyên. - Dãy A-pa-lát là miền rất giàu khoáng sản. -Các nhóm khác theo dõi góp ý, bổ sung.
--	---

Bài ghi

1. Vị trí địa lý và giới hạn của Bắc Mĩ

-Từ vòng cực Bắc đến vĩ tuyến 15°B.

Từ Tây sang Đông địa hình Bắc Mĩ có thể chia 3 miền địa hình:

2.Đặc điểm địa hình:Cấu trúc địa hình đơn giản ,chia làm 3 khu vực địa hình kéo dài theo chiều kinh tuyến.

-Phía Tây là hệ thống núi trẻ Cooc-đi-e.

- Ở giữa là đồng bằng Trung tâm.

- Phía Đông là dãy núi già A-pa-lát.

a.Hệ thống Co oc-đi-e phía tây

- Là miền núi trẻ, cao đồ sộ, hióm trẻ dài 9000km, theo hướng Bắc - Nam.

- Cao trung bình 3000 - 4000m

- Gồm nhiều dãy chạy song song, xen kẽ các sơn nguyên và cao nguyên.

- Là miền có nhiều khoáng sản quý, chủ yếu là kim loại màu với trữ lượng lớn

b.Miền đồng bằng ở giữa.

-Miền đồng bằng rộng lớn, hình lòng máng.

- Cao phía Bắc và Tây Bắc, thấp dần về phía Nam và đông Nam.

- Nhiều hồ lớn và sông dài có giá trị kinh tế cao.

c. Miền núi già và sơn nguyên ở phía Đông.

- Miền núi già A-pa-lát cao thấp, hướng Đông Bắc - Tây Nam và cao nguyên.

- Dãy A-pa-lát là miền rất giàu khoáng sản.

Miền núi già và sơn nguyên ở phía sông.

- Miền núi già A-pa-lát cao thấp, hướng Đông Bắc - Tây Nam và cao nguyên.

- Dãy A-pa-lát là miền rất giàu khoáng sản.

HOẠT ĐỘNG 2. II.SỰ PHÂN HÓA KHÍ HẬU

1.Mục tiêu

. Kiến thức:

-Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) đặc điểm khí hậu Bắc Mĩ

. Kỹ năng:

-Sử dụng các bản đồ ,lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của Bắc Mĩ

-Phân tích lát cắt địa hình Bắc Mĩ để nhận biết và trình bày sự phân hóa địa hình theo Đông-Tây của Bắc Mĩ.

2. Phương pháp

- Thảo luận theo nhóm, trực quan, phân tích lược đồ.

3. Phương tiện

- Bản đồ tự nhiên và khí hậu Bắc Mĩ.
- Lát cắt địa hình Bắc Mĩ cắt ngang hoa Kỳ vĩ tuyến 40° Bắc.

4. Thời gian 15'.

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<p>Giới thiệu bản đồ tự nhiên và khí hậu Bắc Mĩ</p> <p>Giao nhiệm vụ</p> <p>* Nhóm/cặp</p> <p>Câu 1.</p> <p>- Dựa vào vị trí, giới hạn của Bắc Mĩ và hình 36.3, cho biết Bắc Mĩ có các kiểu khí hậu nào? Kiểu khí hậu nào chiếm diện tích lớn nhất?</p> <p>- Tại sao khí hậu có sự phân hoá theo chiều Bắc – Nam?</p> <p>Câu 2.</p> <p>- Dựa vào H36.2 và H36.3, giải thích tại sao có sự khác biệt về khí hậu giữa phần phía Đông và phía Tây kinh tuyến 100°T của Hoa Kỳ?</p> <p>- Ngoài ra khí hậu Bắc Mĩ còn phân hoá theo yếu tố nào? Thể hiện rõ ở đâu?</p> <p>Theo dõi quá trình HS thực hiện nhiệm vụ, hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn</p> <p>- Tổ chức các nhóm báo cáo kết quả</p> <p>+ Hướng dẫn các nhóm trình bày sản phẩm</p> <p>+ Tổ chức các nhóm khác bổ sung góp ý</p> <p>- Đánh giá hoạt động chuẩn hóa kiến thức.</p>	<p>Nhóm/cặp</p> <p>Dựa vào bản đồ tự nhiên và khí hậu Bắc Mĩ</p> <p>- Triển khai hoạt động</p> <p>+ Cá nhân: Tự tìm hiểu, tìm kiếm phương án trả lời</p> <p>+ Nhóm: Tổng hợp ý kiến cá nhân, rút ra kết luận.</p> <p>Dự kiến sản phẩm:</p> <p>Câu 1.</p> <p>- Có các kiểu khí hậu: Hàn đới, ôn đới và nhiệt đới.</p> <p>- Khí hậu ôn đới có diện tích lớn nhất.</p> <p>- Do lãnh thổ Bắc Mĩ trải dài từ 80°B $\rightarrow$ 15°B</p> <p>Câu 2.</p> <p><i>Sự phân hoá khí hậu theo chiều Bắc – Nam.</i></p> <p>- Có các kiểu khí hậu: Hàn đới, ôn đới và nhiệt đới.</p> <p>- Khí hậu ôn đới có diện tích lớn nhất.</p> <p><i>Sự phân hoá khí hậu theo chiều từ Tây $\rightarrow$ Đông</i></p> <p>- Trong mỗi đới khí hậu @Ồu có sự phân hoá theo chiều từ Tây sang Đông.</p> <p>- Khí hậu Bắc Mĩ chịu ảnh hưởng sâu sắc của sự tương phản rõ rệt giữa 2 miền địa hình núi già phía Đông và hệ thống núi trẻ phía Tây.</p> <p>- Nguyên nhân do địa hình ngăn chặn ảnh hưởng của biển vào.</p> <p><i>Sự phân hoá khí hậu theo độ cao.</i></p> <p>Thể hiện ở miền núi trẻ Cooc-đi-e.</p> <p>- Chân núi có khí hậu cận nhiệt hoặc ôn đới, lên cao thời tiết thay đổi do nhiệt độ giảm theo quy luật. cứ lⁿ cao 100m t⁰ giảm @i 0,6⁰C.</p> <p>- Nhiều đỉnh cao 3.000m – 4.000m có băng tuyết vĩnh cửu.</p> <p>- Các nhóm khác theo dõi góp ý</p>
Bài ghi	

II. Sự phân hoá khí hậu.

a. Sự phân hoá khí hậu theo chiều Bắc – Nam.

- Có các kiểu khí hậu: Hàn đới, ôn đới và nhiệt đới.
- Khí hậu ôn đới có diện tích lớn nhất.

b. Sự phân hoá khí hậu theo chiều từ Tây ->Đông

- Trong mỗi đới khí hậu ®ều có sự phân hoá theo chiều từ Tây sang Đông.

c. Sự phân hoá khí hậu theo độ cao.

Thể hiện ở miền núi trẻ Cooc-di-e.

4.Luyện tập(4')

Vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung bài học.



Phiếu học tập

* Đánh dấu x vào ô vuông ý em cho là đúng.

1. Mối quan hệ giữa địa hình và khí hậu của Bắc Mỹ nào sau đây là đúng.

☐
☐
☐
☒

- A. Địa hình và khí hậu tương đối đơn giản.
 B. Địa hình và khí hậu rất phức tạp và đa dạng.
 C. Địa hình phức tạp nhưng khí hậu đa dạng.
 D. Địa hình đơn giản nhưng khí hậu phức tạp.

2. Kiểu khí hậu ôn đới ở Bắc Mỹ chiếm diện tích lớn nhất, vì:

☐
☐
☒

- A. Bắc Mỹ có 3 mặt giáp đại dương.
 B. Địa hình Bắc Mỹ phân hoá thành 3 khu vực khác nhau.
 C. Phần lớn diện tích Bắc Mỹ nằm trong giới hạn từ chí tuyến Bắc

đến vòng cực Bắc.



D. Tất cả đều đúng.

5. Mở rộng và giao nhiệm vụ:3'

Học bài ở nhà, chuẩn bị cho giờ sau :

- Học bài, trả lời câu hỏi 1 và 2 trang 115 sách giáo khoa.
- Làm bài tập 1, 2 trang 29 – Tập bản đồ địa lí 7.
- Chuẩn bị bài 37: “**Dân cư Bắc Mỹ**”:

E. Rút kinh nghiệm

- Về kiến thức:.....
- Về phương pháp:.....
- Về hiệu quả bài dạy:.....
- Về hoạt động của lớp:.....

10 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

BÀI 36 THIÊN NHIÊN BẮC MỸ - ĐỊA LÍ LỚP 7

I. Nhận biết: (4 câu)

Câu 1. Lãnh thổ Bắc Mỹ trải dài từ vòng cực đến vĩ tuyến
A. 5⁰B. B. 10⁰B. C. 15⁰B. D. 20⁰B.

Câu 2. Chiếm diện tích lớn nhất ở Bắc Mỹ là kiểu khí hậu
A. cận nhiệt đới. B. ôn đới.
C. hoang mạc. D. hàn đới.

Câu 3. Địa hình Bắc Mỹ theo thứ tự từ Đông sang Tây, lần lượt có
A. núi trẻ, núi cổ, đồng bằng lớn. B. đồng bằng lớn, núi trẻ, núi cổ.
C. núi cổ, đồng bằng lớn, núi trẻ. D. núi trẻ, đồng bằng lớn, núi cổ.

Câu 4. Khu vực chứa nhiều đồng, vàng, quặng đa kim ở Bắc Mỹ là
A. vùng núi cổ A-pa-lát B. vùng núi Cooc-đi-e.
C. đồng bằng trung tâm. D. khu vực phía nam Hồ lớn

II. Thông hiểu (3 câu)

Câu 5. Bắc Mỹ không nằm trong vành đai khí hậu nào?
A. Xích đạo. B. Ôn đới.
C. Hàn đới. D. Nhiệt đới.

Câu 6. Dãy núi A-pa-lát ở Hoa Kỳ chạy theo hướng
A. vòng cung B. tây nam
C. đông bắc-tây nam. D. tây-đông

Câu 7. Sự khác biệt về khí hậu giữa phần phía tây và phần phía đông kinh tuyến 100⁰ T của Hoa Kỳ là do
A. vị trí. B. khí hậu.
C. địa hình. D. ảnh hưởng các dòng biển.

III. Vận dụng thấp (2 câu)

Câu 8. Phần đất phía Tây kinh tuyến 100⁰ T của Hoa Kỳ có khí hậu khô hạn, khắc nghiệt là do
A. dãy núi Cooc-đi-e chắn gió ẩm Thái Bình Dương.
B. ven biển phía tây có dòng biển lạnh.
C. sự xâm nhập của khối khí lạnh phương bắc.
D. sự di chuyển các khối khí nóng phương nam

Câu 9. Vùng đất Bắc Mỹ thường bị các khối khí nóng ẩm xâm nhập gây bão, lũ lớn là
A. đồng bằng ven vịnh Mê-hi-cô. B. miền núi phía tây.
C. ven biển Đại Tây Dương. D. khu vực phía bắc Hồ lớn

III. Vận dụng cao(1câu)

Câu 10. Dựa vào bản đồ tự nhiên châu Mỹ, dòng chính của sông Mississippi chảy qua mấy bang ở nước Mỹ

A.5.

B.7

C 10

D.12

<i>Tuần 22</i> <i>Tiết 42</i>	BÀI 37: DÂN CƯ BẮC MĨ	<i>Ngày soạn :13/02/19</i> <i>Ngày dạy:15/02/19</i>
----------------------------------	------------------------------	--

A. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, học sinh cần đạt :

1. Kiến thức: - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm của dân cư Bắc Mỹ.

- Dân cư phân bố không đều, nguyên nhân.

- Tỷ lệ dân đô thị cao.

2. Kỹ năng: - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm d/cư của Bắc Mỹ.

- Rèn cho HS kỹ năng đọc bản đồ dân cư đô thị, kỹ năng phân tích các tranh ảnh hình vẽ...

3. Thái độ: - Có nhận thức đúng đối với các chính sách dân cư.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Giáo viên: Lược đồ phân bố dân cư & đô thị Bắc Mỹ.

- Các tranh ảnh, số liệu về dân cư, đô thị Bắc Mỹ.

2. Học sinh: - Nội dung kiến thức bài.

- Sgk, vở ghi, vở bài tập, bảng nhóm.

C. PHƯƠNG PHÁP:

- Phương pháp quan sát, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, đàm thoại gợi mở...

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5')

1. Mục tiêu: Giúp cho HS được gợi nhớ hiểu biết về vấn đề dân cư Bắc Mỹ và quá trình đô thị hóa của khu vực, qua đó tạo hứng thú tìm hiểu về dân cư và đô thị Bắc Mỹ, tạo sự kết nối với bài học.

2. Phương pháp, kỹ thuật dạy học: vấn đáp qua tranh ảnh

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về đô thị ở Bắc Mỹ.

4. Hình thức tổ chức: Cá nhân

5. Tiến trình tổ chức:

Bước 1: - Giao nhiệm vụ: GV cung cấp một số tranh ảnh về đô thị khu vực: + *Quan sát các hình ảnh dưới đây, em hãy cho biết các hình này nói lên vấn đề gì đang được quan tâm trên thế giới nói chung và ở Bắc Mỹ nói riêng hiện nay?*



Hình 1: Thành phố Niu- Yoóc



Hình 2: Thành phố Si- ca- gô

Bước 2: Học sinh quan sát ảnh để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: Giáo viên nhận xét, đánh giá -> dẫn dắt kết nối vào bài mới:

Sự phân bố dân cư và quá trình đô thị hoá ở Bắc Mỹ một mặt tuân theo những qui luật chung, mặt khác mang đậm những tính chất rất đặc thù. Chúng ta sẽ nghiên cứu vấn đề này trong bài học ngày hôm nay: Dân cư Bắc Mỹ.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

* HOẠT ĐỘNG 1: 1/ Sự phân bố dân cư (15')

1. **Mục tiêu:** Hiểu được đặc điểm, nguyên nhân sự phân bố dân cư ở khu vực Bắc Mỹ

2. **Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP trực quan, vấn đáp, thảo luận, KT hợp tác ...

3. **Hình thức tổ chức:** Cá nhân và nhóm

HDộng của GV	HDộng của HS
<p>* HDộng cá nhân.</p> <p>- Dựa vào thông tin sách giáo khoa, em cho biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số Bắc Mỹ năm 2001 là bao nhiêu? - Mật độ dân số? <p>(+)trong 415, 1 triệu: Hoa Kỳ: 284,5 triệu, Ca- na- đa: 31 triệu, Mê- hi- cô: 99,9 triệu)</p>	<p>- Nhận nhiệm vụ:</p> <p>- Cá nhân đọc thông tin và nêu số dân và mật độ</p>
<p>* HDộng nhóm.</p> <p>. Giới thiệu lược đồ phân bố dân cư và đô thị Bắc Mỹ:</p> <p>- Dựa vào hình 37.1 nêu nhận xét tình hình phân bố dân cư ở Bắc Mỹ? (Phiếu học tập)</p> <p>. Chia lớp ra 5 nhóm để thảo luận từng loại mật độ dân số, sau đó giải thích nguyên</p>	<p>- Nhận nhiệm vụ:</p> <p>HS phân thành 5 nhóm, mỗi nhóm một loại mật độ.</p> <p>Nhóm 1: dưới 1 người</p> <p>Nhóm 2: 1- 10 người</p> <p>Nhóm 3: 11- 50 người</p> <p>Nhóm 4: 51- 100 người</p>

<p>nhân.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát phiếu học tập - Chuẩn xác theo bảng sau: 		<p>Nhóm 5: trên 100 người.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận phiếu học tập - Các nhóm quan sát H 37.1 và tiến hành trao đổi, trả lời theo nội dung ở bảng (Phiếu học tập) - Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác nhận xét bổ sung.
Mật độ dân số (người/km²)	Vùng phân bố chủ yếu	Giải thích về sự phân bố
Dưới 1	- Bán đảo Alaxca, và phía Bắc Ca-na-đa.	- Khí hậu rất lạnh giá.
1 – 10	- Phía Tây hệ thống Cooc-đi-e.	- Có địa hình hiểm trở.
11 – 50	- Dải đồng bằng ven biển Thái Bình Dương.	- Sườn đón gió phía Tây Cooc-đi-e mưa nhiều.
51 – 100	- Phía Đông Hoa Kỳ.	- Là khu vực công nghiệp sớm phát triển, mức độ đô thị hóa cao, tập trung nhiều thành phố, khu công nghiệp lớn, nhiều hải cảng lớn.
Trên 100	- Ven bờ phía Nam Hồ Lớn và vùng Duyên hải Đông Bắc Hoa Kỳ.	Công nghiệp phát triển sớm, mức độ đô thị hóa cao.
<ul style="list-style-type: none"> - Qua bảng em có nhận xét như thế nào về sự phân bố dân cư và mật độ dân số giữa các vùng ở Bắc Mỹ ? - Qua bảng em rút ra nguyên nhân chính dẫn đến sự phân bố dân cư khác nhau giữa miền bắc và miền nam, giữa phía tây và phía đông ở Bắc Mỹ là gì ? - Ngày nay các ngành công nghiệp đòi hỏi kĩ thuật cao, năng động xuất hiện miền Nam và ven TBD của Hoa Kỳ (vành đai Mặt Trời) sẽ làm thay đổi sự phân bố dân cư trên lãnh thổ Hoa Kỳ như thế nào ? 		<p>* HDộng cá nhân.</p> <p>Cá nhân dựa vào kết quả ở bảng và trả lời</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dân cư Bắc Mỹ phân bố rất không đều, nơi đông dân, nơi thưa dân. + Do sự phân hóa của tự nhiên như: khí hậu, địa hình,... + Do đặc điểm phát triển kinh tế như: công nghiệp, đô thị hóa,... <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sự phân bố dân cư ngày nay có nhiều biến động cùng với các chuyển biến kinh tế. Một bộ phận dân cư Hoa Kỳ di chuyển từ các vùng công nghiệp truyền thống lâu đời từ phía nam vùng Hồ Lớn, đông bắc ven Đại Tây Dương tới vùng công nghiệp mới ở phía Nam và ven Thái Bình Dương.
<p>Ghi bảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dân số: 486 triệu người. MĐTB 20 người/ km². (2001) - Phân bố: rất không đều: + Nơi thưa nhất: Bán đảo Alaxca, Bắc Canada. dưới 1 người / km². + Nơi đông nhất: Quanh vùng hồ lớn và ven biển(ĐN Canada và ĐB Hoa Kỳ) trên 		

100 người/ km²

- Phân bố dân cư Hoa Kỳ đang có sự dịch chuyển về phía Nam và Duyên Hải ven TBD (Hoa Kỳ).

GV chuyển ý: Hoàn cảnh tự nhiên và tình hình phân bố công nghiệp cũng là nguyên nhân dẫn đến đặc điểm đô thị hóa của Bắc Mỹ.

*** HOẠT ĐỘNG 2: Đặc điểm đô thị hóa (13 phút)**

1. *Mục tiêu:* Nắm được đặc điểm đô thị hóa ở Bắc Mỹ

2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP sử dụng lược đồ, thảo luận,...KT học tập hợp tác

3. *Hình thức tổ chức:* Cặp nhóm

HDộng của GV	HDộng của HS
<p>- Giao nhiệm vụ</p> <p>- Dựa vào hình 37.1 SGK, hãy nêu tên các đô thị có quy mô dân số:</p> <p>+ Trên 10 triệu dân?</p> <p>+ Từ 5 đến 10 tr dân?</p> <p>+ Từ 3 đến 5 tr dân ?</p> <p>- Tiếp theo GV cho HS Dựa vào H.37.1, nêu tên và xác định một số thành phố lớn nằm trên hai dãy siêu thị từ Bô-xton đến Oa-sinh-ton và từ Si-ca-gô đến Môn- trê-an?</p> <p>- Giao nhiệm vụ:</p> <p>- Giải thích tại sao Bắc Mỹ có tỉ lệ dân thành thị cao ?</p> <p>- Giải thích thêm, chuẩn xác kiến thức</p> <p>- Quan sát hình 37.1 lược đồ phân bố đô thị nhận xét sự phân bố các thành phố ở Bắc Mỹ?</p> <p>(+) Ngày nay các ngành công nghệ đòi hỏi kỹ thuật cao, năng động xuất hiện miền Nam và ven Thái Bình Dương (Vành đai</p>	<p>* HDộng nhóm.</p> <p>- Nhận nhiệm vụ</p> <p>Quan sát lược đồ và trả lời qui mô đô thị</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Trên 10 triệu dân: <i>Niw- yóoc, Lót-an- giơ- lét, Mê- hi- cô.</i></p> <p>+ Từ 5 - 10 triệu dân: <i>Ốt- ta- oa, Si-ca- gô, Oa- sinh- ton,...</i></p> <p>+ Từ 3 – 5 triệu dân: <i>Môn- trê- an, Tô- rôn- tô,.....</i></p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ Từ Bô-xton đến Oa-sinh-ton: <i>Bô-xton, Niw yóoc, Phi-la- đen- phi- a, Oa sinh ton.</i></p> <p>+ Từ Si-ca-gô đến Môn-trê-an: <i>Si-ca-gô, Đì- tơ- roi, Tô- rôn- tô, Môn- trê-an.</i></p> <p>* HDộng cặp nhóm.</p> <p>- Nhận nhiệm vụ và thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- Đại diện cặp báo cáo – nhận xét.</p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ <i>Do quá trình CNH phát triển cao, các thành phố ở Bắc Mỹ phát triển rất nhanh đã thu hút số dân rất lớn để phục vụ trong các ngành CN và DV, vì vậy tỉ lệ dân thành thị cao.</i></p> <p>- Dự kiến sản phẩm:</p> <p>+ <i>Các thành phố tập trung ở phía nam Hồ Lớn và ven Đại tây dương, vào sâu nội địa đô thị nhỏ và thưa hơn .</i></p>

Mặt Trời)

→- Vậy sẽ làm thay đổi cơ cấu CN của Hoa kì như thế nào?

- Đô thị phát triển quá nhanh thì những vấn đề gì xã hội nảy sinh cần giải quyết?

*Liên hệ đến Việt Nam

- Bổ sung

- **Dự kiến sản phẩm:**

+ Giảm bớt hoạt động của các ngành truyền thống, tập trung phát triển các ngành công nghệ cao và dịch vụ)

+ Vấn đề môi trường, chỗ ở, việc làm,...

Ghi bảng:

2. Đặc điểm đô thị Bắc Mỹ.

- Tỷ lệ dân thành thị cao: chiếm >76% dân số.

- Phần lớn các thành phố tập trung ở phía nam Hồ Lớn và ven Đại Tây Dương, vào sâu nội địa đô thị nhỏ và thưa dân.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân - 5 phút)

- Trình bày sự thay đổi trong phân bố dân cư Bắc Mỹ?

- Phía đông Bắc Mỹ dân cư tập trung đông đúc hơn phía tây là do: (chọn ý đúng)

a. chủ yếu là đồng bằng, nhiều đô thị, khu công nghiệp.

b. nhiều đồi núi thuận lợi cho nông nghiệp.

c. nhiều sơn nguyên và núi già.

d. nguồn tài nguyên phong phú.

- Sự xuất hiện của các dải siêu đô thị ở Bắc Mỹ phần lớn gắn liền với: (chọn ý đúng)

a. sự phong phú của tài nguyên.

b. nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao.

c. vùng có lịch sử khai phá sớm.

d. sự phát triển của mạng lưới giao thông đường thủy.

- Sắp xếp các ý ở cột A với các ý ở cột B cho hợp lý rồi điền vào cột C.

(A) Các khu vực	(B) Mật độ dân số	C
1. Bán đảo Alatxca, phía bắc Canada.	a. >100 (người/ km ²)	1 – c
2. Dải đồng bằng hẹp ven TBD.	b. 1 – 10 (người/ km ²)	2 – e
3. Phía đông Hoa Kì.	c. Dưới 1 (người/ km ²)	3 – d
4. Phía Nam Hồ Lớn, duyên hải ĐB Hoa Kì.	d. 51 – 100 (người/ km ²)	4 – a
5. Phía Tây trong khu vực Cóocđie.	e. 11 – 50 (người/ km ²)	5 - b

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (2')

- GV hướng dẫn :

+ Học và trả lời các câu hỏi phần bài tập SGK

- Chuẩn bị bài 38: Kinh tế Bắc Mỹ

+ Việc áp dụng KH- KT trong NN ở Bắc Mỹ như thế nào?

+ Trình bày sự phân bố một số nông sản trên lãnh thổ Bắc Mỹ qua H38.2 ?

E. RÚT KINH NGHIỆM:

- Về kiến thức :.....

- Về phương pháp:.....

- Về hiệu quả bài dạy:.....

- Về hoạt động của HS:.....

BỘ 10 CÂU HỎI TNKQ BÀI 37- DÂN CƯ BẮC MỸ

Câu 1: Dân cư Bắc Mỹ phân bố như thế nào?

- A. rất đều. B. đều. C. không đều. D. rất không đều.

Câu 2: Hai khu vực thưa dân nhất Bắc Mỹ là

- A. Alaxca – Bắc Canada. B. Bắc Canada – Tây Hoa Kỳ.
C. Tây Hoa Kỳ – Mê-hi-cô. D. Mê-hi-cô – Alaxca.

Câu 3: Quá trình đô thị hóa ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình

- A. di dân. B. chiến tranh. C. công nghiệp. D. tác động thiên tai.

Câu 4: Vấn đề đáng quan tâm nhất ở các đô thị Bắc Mỹ hiện nay là

- A. quá đông dân. B. ô nhiễm môi trường.
C. ách tắc giao thông. D. thất nghiệp.

Câu 5: Ven phía nam Hồ Lớn và vùng duyên hải Đông Bắc Hoa Kỳ đông dân cư nhất vì

- A. phát triển công nghiệp sớm. B. mức độ đô thị hóa cao.
C. do nông nghiệp phát triển. D. là khu tập trung nhiều thành phố, khu công nghiệp, hải cảng lớn.

Câu 6: Phía đông Bắc Mỹ dân cư tập trung đông đúc hơn phía tây là do

- a. chủ yếu là đồng bằng, nhiều đô thị, khu công nghiệp.
b. nhiều đồi núi thuận lợi cho nông nghiệp.
c. nhiều sơn nguyên và núi già.
d. nguồn tài nguyên phong phú.

Câu 7: Sự xuất hiện của các dải siêu đô thị ở Bắc Mỹ phần lớn gắn liền với

- A. sự phong phú của tài nguyên.
B. nguồn lao động có trình độ kỹ thuật cao.
C. vùng có lịch sử khai phá sớm.
D. sự phát triển của mạng lưới giao thông đường thủy.

Câu 8: Những thành phố (siêu đô thị) ở Bắc Mỹ có trên 10 triệu dân là

- A. Mê- hi- cô City, Niu Y- ooc, Xan- phran- xi- xcô.
B. Phi- la- đen- phi- a, Si- ca- go, Niu- Y-ooc.
C. Niu Y- ooc, Mê- hi- cô Citi, Lô- an- giơ- lét.
D. Lô- an- giơ- lét, Oa- sinh- tôn, Si- ca- go.

Câu 9: Vùng kinh tế ven biển phía Nam mang tính chất chuyên môn hóa thể hiện ở cơ cấu các ngành tập trung vào các lĩnh vực

- A. quân sự. B. kỹ thuật cao. C. luyện kim. D. truyền thống.

Câu 10: Sắp xếp các ý ở cột A với các ý ở cột B cho hợp lý rồi điền vào cột C.

(A) Các khu vực	(B) Mật độ dân số	C
1. Bán đảo Alaxca, phía bắc Canada.	a. >100 (người/ km ²).	1 – c
2. Dải đồng bằng hẹp ven TBD.	b. 1 – 10 (người/ km ²).	2 – e
3. Phía đông Hoa Kỳ.	c. Dưới 1 (người/ km ²).	3 – d
4. Phía Nam Hồ Lớn, duyên hải ĐB Hoa Kỳ.	d. 51 – 100 (người/ km ²).	4 – a
5. Phía Tây trong khu vực Cóocđie.	e. 11 – 50 (người/ km ²).	5 - b

Ngày soạn: 17/02/19

Ngày dạy: 19/02/19

Bài 38: KINH TẾ BẮC MĨ

I. Mục tiêu: Sau bài học, học sinh cần

1. Kiến thức:

Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Bắc Mỹ

- Nông nghiệp tiến tiến, hiệu quả cao do tự nhiên thuận lợi, áp dụng tiến bộ KH - KT.
- Sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ và Ca-na-đa chiếm vị trí hàng đầu thế giới.
- Phân bố nông nghiệp cũng có sự phân hóa từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông.

2. Kỹ năng:

- Phân tích lược đồ nông nghiệp để xác định được các vùng nông nghiệp chính của Bắc Mỹ
- Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm kinh tế của Bắc Mỹ.
- Đọc và phân tích biểu đồ hoặc số liệu thống kê kinh tế của Bắc Mỹ.

3. Thái độ:

- Nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đất, nước .

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán...
- Năng lực chuyên biệt: sử dụng biểu đồ, số liệu thống kê, hình vẽ...

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên:

- Lược đồ nông nghiệp Bắc Mỹ .Một số hình ảnh, tư liệu về nông nghiệp Hoa Kỳ

2. Học sinh:

- Sách giáo khoa , vở ghi, bài tập thực hành

III. Phương pháp:

- Nêu vấn đề; thảo luận nhóm; trực quan; đàm thoại gợi mở.

IV. Tổ chức các hoạt động dạy và học:

1. Ôn định: (1')

2. Kiểm tra bài cũ: (5')

- Trình bày sự thay đổi trong phân bố dân cư của Bắc Mỹ?
- Thiên nhiên Bắc Mỹ có thuận lợi và khó khăn gì cho sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ?

3. Bài mới:

3.1. Khởi động

1. Mục tiêu: Điều hướng học sinh tập trung vào kiến thức trọng tâm bài học.
2. Phương pháp - kĩ thuật dạy học: Vấn đáp qua tranh ảnh.
3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về hoạt động sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ.
4. Hình thức tổ chức học tập: Cá nhân.
5. Các bước hoạt động
 - GV giới thiệu một số hình ảnh về sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ
 - CH: Hãy nêu những nhận xét về sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ
 - GV: Nông nghiệp Bắc Mỹ là nền nông nghiệp hàng hoá, phát triển đạt đến trình độ cao. Tuy nhiên vẫn có sự khác biệt giữa nền nông nghiệp của Hoa Kỳ và Ca-na-đa với nền nông nghiệp của Mê hi cô.

3.1. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản
<p>+ Hoạt động 1: Đặc điểm nông nghiệp(15 phút) Mục tiêu: tìm hiểu đặc điểm nền nông nghiệp tiên tiến PP: Cá nhân / nhóm nhỏ.</p> <p>- GV: Nền nông nghiệp Bắc Mỹ phát triển mạnh mẽ, đạt đến trình độ cao nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi và kĩ thuật tiên tiến. Song trình độ phát triển của nền nông nghiệp giữa các nước không đồng đều. CH: Nền nông nghiệp Bắc Mỹ có những điều kiện tự nhiên thuận lợi, khó khăn gì? HS CH:Việc sử dụng khoa học kĩ thuật trong nông nghiệp như thế nào? HS Phát triển khoa học hỗ trợ đắc lực cho việc tăng năng xuất cây trồng, vật nuôi, công nghệ sinh học được ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất. GV yêu cầu HS quan sát bảng số liệu SGK CH: Trình độ phát triển nông nghiệp giữa các nước trong khu vực? - HS: Hoa Kỳ và Ca-na-đa có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp thấp nhưng sản xuất ra khối lượng nông sản rất lớn. Mê-hi-cô có trình độ phát triển nông nghiệp kém hơn. GV: Hướng dẫn học sinh tính mức lương thực bình quân đầu người (lấy tổng sản lượng lương thực chia cho tổng số dân) - HS: Thực hiện.. + Hoa Kỳ: 1,14 tấn/ng/năm + Ca-na-đa: 1,42 tấn/ng/năm. + Mê-hi-cô: 0,3 tấn/ng/năm. CH: Qua số liệu trên em hãy cho biết những nước nào có</p>	<p>1. <u>Nền nông nghiệp tiên tiến:</u> a. <u>Đặc điểm nông nghiệp:</u> + Những hạn chế trong nông nghiệp Bắc Mỹ</p> <p>- Nông nghiệp tiên tiến, hiệu quả cao do tự nhiên thuận lợi, áp dụng tiến bộ khoa học - kĩ thuật. Sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ và Ca-na-đa chiếm vị trí hàng đầu thế giới. - Nông sản có giá thành cao, bị cạnh tranh mạnh - Gây ô nhiễm môi trường do sử dụng nhiều phân hóa học, thuốc trừ sâu.</p> <p>b. <u>Phân bố:</u></p> <p>Phân bố nông nghiệp cũng có sự phân hóa từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông .</p>

thể xuất khẩu được lương thực?

- HS: Hoa Kỳ và Ca-na-đa.

GV: Hướng dẫn hs quan sát H38.1 SGK.

CH: Nhận xét việc áp dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp ở Hoa Kỳ và Ca-na-đa?

- HS: Áp dụng công nghệ sinh học, sử dụng nhiều máy móc và phân bón, riêng Mê-hi-cô có trình độ phát triển thấp hơn.

CH: Rút ra đánh giá chung về bộ mặt nền nông nghiệp Bắc Mỹ?

GV: chốt ý

GV: Tuy nhiên sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ cũng gặp phải một số khó khăn

CH: Đó là những khó khăn nào?

- HS: Một số loại nông sản có giá thành cao, phân hoá học thuốc trừ sâu gây ô nhiễm môi trường.

+Hoạt động 2: Phân bố nông nghiệp (20')

Mục tiêu: Tìm hiểu phân bố sản xuất nông nghiệp

Phương pháp; Nhóm

GV: Hướng dẫn hs quan bản đồ nông nghiệp Bắc Mỹ và H38.2 SGK

CH: Sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ có những sự phân bố nào?

GV

CH: Dựa vào H38.2: Trình bày sự phân bố nông sản trên lãnh thổ Bắc Mỹ.-

HS: Hoạt động nhóm: 4 nhóm – Tg 4'

- Nhóm 1.2: Phân bố nông sản từ Bắc xuống Nam

- Nhóm 3.4: Phân bố nông sản từ Tây sang Đông

HS: Nhóm chuẩn trả lời - nhóm lẻ bổ sung.

GV nhận xét, kết luận:

- Phía Bắc Canada khí hậu lạnh giá nên ứng dụng KH-KT trồng trọt trong nhà kính.

- Đồng bằng Canada có rừng lá kim nên phát triển khai thác gỗ cho công nghiệp gỗ và giấy.

- Quần đảo cực Bắc rất lạnh, người Exkimô khai thác thiên nhiên săn bắt, đánh cá.

- HS đọc kết luận sách giáo khoa.

- Phân bố sản xuất theo hướng từ Bắc sang Nam

+ Phía Bắc Canada và Bắc Hoa Kỳ trồng lúa mì

+ Xuống phía Nam trồng ngô, lúa mì, chăn nuôi bò sữa.

+ Ven vịnh Mêhicô trồng cây công nghiệp nhiệt đới (bông, mía...), cây ăn quả

- Phân bố sản xuất theo hướng từ Tây sang Đông

+ Phía Tây khí hậu khô hạn trên các vùng núi và cao nguyên: chăn nuôi

+ Phía Đông khí hậu cận nhiệt đới hình thành các vành đai chuyên canh cây công nghiệp và vành đai chăn nuôi

.

4. Luyện tập: (5'-7')

? Dựa vào bản đồ trình bày sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ?

Học sinh thực hiện trên bản đồ treo tường.

? Dựa vào kiến thức đã học hãy vẽ sơ đồ thể hiện nền nông nghiệp có hiệu quả cao ở Bắc Mỹ?



Nền nông nghiệp hàng hoá

? Cho bảng gồm cột sản phẩm và vùng phân bố sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ

I (Sản phẩm)	II (Phân bố)
1. Ngô, cây Công nghiệp nhiệt đới.	a. Núi, cao nguyên phía Tây.
2. Bông, mía, Cây Công nghiệp nhiệt đới.	b. Sơn nguyên Mê-hi-cô.
3. Chăn nuôi.	c. Nam Ca-na-đa, phía Bắc Hoa Kỳ.
4. Lúa mì.	d. Ven vịnh Mê-hi-cô.

Cách ghép nào sau đây đúng với vùng phân bố và sản phẩm

A. 1+b, 2+a, 3+d, 4+c

B. 1+b, 2+d, 3+c, 4+a

C. 1+b, 2+c, 3+a, 4+d

D. 1+b, 2+d, 3+a, 4+c

5. Vận dụng mở rộng: (3')

- Học bài và trả lời câu hỏi sgk .

- Chuẩn bị bài 39: Kinh tế Bắc Mỹ (tt)

+ Nền công nghiệp Bắc Mỹ đã phát triển như thế nào ?

+ Trong công nghiệp có sự chuyển biến như thế nào ?

+ Mối quan hệ giữa các nước thành viên NAFTA và vai trò của Hoa Kỳ trong NAFTA ra sao ?

10 CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐỊA 7, BÀI 38: KINH TẾ BẮC MỸ

Câu 1. Bắc Mỹ có nền nông nghiệp tiên tiến, hiệu quả cao do

A. có diện tích đất nông nghiệp lớn, trình độ KHKT tiên tiến.

B. có số máy nông nghiệp đứng đầu thế giới, trình độ KHKT tiên tiến.

C. tự nhiên thuận lợi, áp dụng tiến bộ KHKT.

D. phát triển được nền nông nghiệp hàng hóa với quy mô lớn.

Câu 2. Những nước sản xuất nông nghiệp chiếm vị trí hàng đầu thế giới là

A. Hoa Kỳ, Ca-na-đa.

B. Hoa Kỳ, Mê-hi-cô.

C. Ca-na-đa, Mê-hi-cô.

D. Hoa Kỳ, Cu-ba.

Câu 3. Cho bảng gồm cột sản phẩm và vùng phân bố sản xuất nông nghiệp Bắc Mỹ

I (Sản phẩm)	II (Phân bố)
1. Ngô, cây Công nghiệp nhiệt đới.	a. Núi, cao nguyên phía Tây.
2. Bông, mía, Cây Công nghiệp nhiệt đới.	b. Sơn nguyên Mê-hi-cô.
3. Chăn nuôi.	c. Nam Ca-na-đa, phía Bắc Hoa Kỳ.
4. Lúa mì.	d. Ven vịnh Mê-hi-cô.

Cách ghép nào sau đây đúng với vùng phân bố và sản phẩm

A. 1+b, 2+a, 3+d, 4+c

B. 1+b, 2+d, 3+c, 4+a

C. 1+b, 2+c, 3+a, 4+d

D. 1+b, 2+d, 3+a, 4+c

Câu 4. Hoa Kỳ và Ca-na-đa là những nước

- A. chưa ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất.
- B. có diện tích đất nông nghiệp nhỏ.
- C. xuất khẩu nông sản hàng đầu thế giới.**
- D. có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất cao.

Câu 5. Ở vùng núi và cao nguyên phía Tây của Hoa Kỳ có khí hậu

- A. ẩm ướt.
- B. khô hạn.**
- C. cận nhiệt đới.
- D. nóng, mưa nhiều.

Câu 6. Loại cây trồng chủ yếu ở ven vịnh Mê-hi-cô là

- A. lúa mì.
- B. ngô, lúa mì.
- C. nho, cam, chanh, ooliu.
- D. cây công nghiệp nhiệt đới.**

Câu 7. Đâu **không phải** là nguyên nhân giúp Hoa Kỳ và Ca-na-đa phát triển được nền nông nghiệp hàng hóa với quy mô lớn?

- A. Diện tích đất nông nghiệp lớn.
- B. Trình độ KHKT tiên tiến.
- C. Lượng phân bón sử dụng thấp.**
- D. Số máy nông nghiệp đứng đầu thế giới.

Câu 8. Sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ **không có** hạn chế nào?

- A. Nông sản có giá thành cao.
- B. Tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất thấp.**
- C. Sử dụng nhiều phân hóa học.
- D. Sử dụng nhiều thuốc trừ sâu.

Câu 9. So với Ca-na-đa và Mê-hi-cô, tỉ lệ lao động trong nông nghiệp của Hoa Kỳ

- A. cao hơn Mê-hi-cô, thấp hơn Ca-na-đa.**
- B. thấp hơn Ca-na-đa, cao hơn Mê-hi-cô.
- C. cao hơn Ca-na-đa và Mê-hi-cô.
- D. thấp hơn Ca-na-đa và Mê-hi-cô.

Câu 10. Dựa vào bảng thống kê năm 2001

Tên nước	Dân số(triệu người)	Lương thực có hạt (triệu tấn)	Bình quân lương thực có hạt/đầu người (kg/người)
Hoa Kỳ	288,0	325,31	

Ta tính được sản lượng lương thực có hạt bình quân đầu người của Hoa Kỳ khoảng

- A. 1.130 kg/người.**
- B. 1.129 kg/người.
- C. 1.310 kg/người.
- D. 1.295 kg/người.

Ngày soạn : 20/02/2019

Ngày dạy : 22/02/2019

BÀI 39: KINH TẾ BẮC MĨ

(Tiếp theo)

I. MỤC TIÊU BÀI DẠY: Sau bài học, học sinh cần:

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Bắc Mỹ.
- + Công nghiệp: Nền công nghiệp hiện đại, phát triển cao. Trình độ phát triển công nghiệp của 3 nước khác nhau.
- + Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế.
- Trình bày được Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA): các thành viên, mục đích, vai trò của Hoa Kỳ.

2. Kỹ năng:

- Sử dụng bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm kinh tế của Bắc Mỹ.
- Phân tích lược đồ Công nghiệp Hoa Kỳ để trình bày về sự phân hóa không gian công nghiệp, xu hướng chuyển dịch vốn và nguồn LĐ trong công nghiệp Hoa Kỳ.
- Đọc và phân tích biểu đồ hoặc số liệu thống kê về kinh tế của Bắc Mỹ.

*** Các kỹ năng sống:**

- Thu thập và xử lý thông tin qua bài viết, lược đồ và bảng số liệu (HĐ1, HĐ2, HĐ3).
- Trình bày suy nghĩ, ý tưởng, giao tiếp, lắng nghe, phản hồi tích cực, hợp tác và làm việc nhóm (HĐ1).
- Tự nhận thức: tự tin khi trình bày 1 phút (HĐ1, HĐ2).

3. Thái độ:

- Nâng cao tinh thần học hỏi về công nghệ hiện đại để phát triển kinh tế. Nhận thức được ý nghĩa và vai trò hợp tác quốc tế để phát triển kinh tế.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học; hợp tác; ...
- Năng lực riêng: sử dụng bản đồ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên:

- SGK, giáo án, tập bản đồ.
- Bản đồ công nghiệp Bắc Mỹ.
- Một số hình ảnh về các ngành công nghiệp hàng không, vũ trụ, công nghệ thông tin ... của Bắc Mỹ.

2. Đối với học sinh: Sách, vở, đồ dùng học tập, bảng nhóm.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ổn định tổ chức; điểm danh. (2p')

2. Kiểm tra bài cũ: (5 phút)

3. Hoạt động khởi động: (5 phút):

a. Mục tiêu

- Gợi trí tò mò của học sinh về kinh tế Bắc Mỹ.

b. Phương pháp - kỹ thuật dạy học: Vấn đáp qua các hình ảnh.

c. Phương tiện: Các hình ảnh về kinh tế Bắc Mỹ.

d. Hình thức tổ chức học tập: Cá nhân.

e. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên cung cấp các hình ảnh về kinh tế Bắc Mỹ, từ đó dẫn dắt học sinh vào bài học.



Hình 1



Hình 2

Sau khi xem các hình ảnh, GV đặt câu hỏi: *Các hình ảnh trên khiến em liên tưởng đến nền kinh tế của khu vực nào?*

Bước 2: Hs quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt kết nối vào bài.

4. Hình thành kiến thức mới

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu công nghiệp của Bắc Mỹ chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới.: (10phút)

a. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Bắc Mỹ.

+ Công nghiệp: Nền công nghiệp hiện đại, phát triển cao. Trình độ phát triển công nghiệp của 3 nước khác nhau.

b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác ...

c. Hình thức tổ chức: Nhóm – cá nhân

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN			HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH		
HD 1.1 (7') GV hướng dẫn HS quan sát H39.1/sgk/122 kết hợp kênh chữ SGK. Giao nhiệm vụ cho HS: - GV chia lớp thành 8 nhóm. - Các nhóm tìm hiểu và hoàn thành PHT			HD 1.1 HS nhận nhiệm vụ - Tổ chức hoạt động : Thành lập nhóm, cử nhóm trưởng , thư kí ,chuẩn bị phương tiện thảo luận và nhận nhiệm vụ được giao. - Triển khai hoạt động : + HD cá nhân : Tự tìm hiểu, tìm kiếm phương án trả lời + HD nhóm : Tổng hợp ý kiến cá nhân, rút ra kết luận. - Dự kiến câu trả lời của Hs		
Tên quốc gia	Các ngành công nghiệp	Phân bố tập trung	Tên quốc gia	Các ngành công nghiệp	Phân bố tập trung
Ca-na-da			Ca-na-da	- Khai thác và chế biến lâm sản, hóa chất, luyện kim, công nghiệp thực phẩm.	- Phía Bắc Hồ Lớn. - Ven Đại Tây Dương.
Hoa Kỳ			Hoa Kỳ	- Phát triển tất cả các ngành kỹ thuật cao.	- Phía Nam Hồ Lớn, Đông Bắc. - Phía Nam, ven Thái Bình Dương (vành đai Mặt Trời).
Mê-hi-co					

- Tổ chức, theo dõi các nhóm làm việc. Hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn.
- Tổ chức các nhóm báo cáo kết quả.
- Nhận xét, đánh giá hoạt động và chuẩn hóa kiến thức.

	Mê-hi-co - Cơ khí, luyện kim, hóa chất, đóng tàu, lọc dầu, công nghiệp thực phẩm. - Thủ đô Mê-hi-cô. - Các thành phố ven vịnh Mê-hi-cô.
HD 1.2 Cá nhân (5') <i>Quan sát H39.2 và H39.3, em có nhận xét gì về trình độ phát triển của ngành công nghiệp hàng không và vũ trụ Hoa Kỳ?</i>	HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ... Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung. * Dự kiến câu trả lời của HS: Ngành hàng không và vũ trụ phát triển mạnh mẽ.

Bài ghi

2. Công nghiệp chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới.

a. Sự phân bố công nghiệp ở Bắc Mỹ.

Tên quốc gia	Các ngành công nghiệp	Phân bố tập trung
Ca-na-da	- Khai thác và chế biến lâm sản, hóa chất, luyện kim, công nghiệp thực phẩm.	- Phía Bắc Hồ Lớn. - Ven Đại Tây Dương.
Hoa Kỳ	- Phát triển tất cả các ngành kỹ thuật cao.	- Phía Nam Hồ Lớn, Đông Bắc. - Phía Nam, ven Thái Bình Dương (vành đai Mặt Trời).
Mê-hi-co	- Cơ khí, luyện kim, hóa chất, đóng tàu, lọc dầu, công nghiệp thực phẩm.	- Thủ đô Mê-hi-cô. - Các thành phố ven vịnh Mê-hi-cô.

b. Công nghiệp Bắc Mỹ phát triển ở trình độ cao:

- Nền công nghiệp hiện đại, phát triển cao.
- Hoa Kỳ có nền công nghiệp đứng đầu thế giới.
- Đặc biệt ngành hàng không và vũ trụ phát triển mạnh mẽ.

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu dịch vụ của Bắc Mỹ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế. (7 phút)

a. Mục tiêu:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Bắc Mỹ.
- + Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác ...

c. Hình thức tổ chức: Cặp đôi

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
- GV hướng dẫn HS quan sát bảng số liệu sgk/124 kết hợp kênh chữ SGK và bảng phụ – nội dung bảng số liệu sgk/124. - Giao nhiệm vụ cho HS: 1. Dựa vào bảng số liệu GDP của các nước Bắc Mỹ, cho biết vai trò của các ngành dịch vụ trong nền kinh tế Bắc Mỹ năm 2001? 2. Dịch vụ hoạt động mạnh trong lĩnh vực nào? Phân bố tập trung ở đâu? - Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ... - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức	- HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. - Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung. * Dự kiến câu trả lời của HS: 1. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế. 2. - Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. - Phân bố tập trung các thành phố công nghiệp

Bài ghi:**3. Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế.**

- Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế. (Hoa Kỳ: 72%, Canada, Mêhicô: 68%)

HOẠT ĐỘNG 3. Tìm hiểu Tìm hiểu hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ: (NAFTA). (8 phút)**a. Mục tiêu:**

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về kinh tế của Bắc Mỹ.
- + Dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong nền kinh tế.

b. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác ...

c. Hình thức tổ chức: cá nhân

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS quan sát kênh chữ SGK. - Giao nhiệm vụ cho HS: <p>1. NAFTA thành lập năm nào? Gồm bao nhiêu nước tham gia ?</p> <p>2. NAFTA có ý nghĩa gì với các nước Bắc Mỹ ?</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ... - GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung. <p>* Dự kiến câu trả lời của HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) được thông qua năm 1993, gồm Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Mê-hi-cô. - Mục đích: kết hợp thế mạnh của cả 3 nước, tạo nên thị trường chung rộng lớn, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Bài ghi:**4. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ: (NAFTA).**

- Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) được thông qua năm 1993, gồm Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Mê-hi-cô.
- Mục đích: kết hợp thế mạnh của cả 3 nước, tạo nên thị trường chung rộng lớn, tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- Vai trò của Hoa Kỳ: chiếm phần lớn kim ngạch xuất khẩu và vốn đầu tư nước ngoài vào Mê-hi-cô, hơn 80% kim ngạch xuất khẩu của Ca-na-đa.
- Mở rộng thị trường nội địa và thế giới.

5. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 3 phút)

Chọn câu trả lời đúng trong các câu sau:

Câu 1. Bắc Mỹ có nền công nghiệp:

- Phát triển ở trình độ cao.
- Chiếm vị trí hàng đầu thế giới.
- Phát triển mạnh ở Hoa Kỳ và Ca-na-đa.
- Tất cả các trên.

Câu 2. Tính chất hiện đại, tiên tiến của nền kinh tế Bắc Mỹ thể hiện ở cơ cấu GDP, trong đó:

- Chiếm tỉ lệ cao nhất là dịch vụ.
- Chiếm tỉ lệ thấp nhất là nung nghiệp.
- Chiếm tỉ lệ cao nhất là cụng nghiệp.
- Câu (a + b) đúng.

6. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 5 phút)

*** Hướng dẫn HS học ở nhà và chuẩn bị cho giờ sau.**

Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2 trang 124 sách giáo khoa.

Làm bài tập 1, 2, 3 trang 32 – Tập bản đồ Địa lí 7.

Chuẩn bị bài 40: “Thực hành: Tìm hiểu vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kỳ và vùng công nghiệp Vành đai Mặt Trời”:

CÂU HỎI TN BÀI 39 KINH TẾ BẮC MỸ (TT)

- Câu 1: Ngành CN nào sau đây ở Bắc Mỹ **không phải** là CN hàng đầu TG?
A. Hàng không B. Vũ trụ C. Nguyên tử **D. Cơ khí.**
- Câu 2: Trong cơ cấu kinh tế ở Bắc Mỹ, lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn nhất là
A. nông nghiệp B. công nghiệp **C. Dịch vụ** D. Ba lĩnh vực bằng nhau.
- Câu 3: Quốc gia có thu nhập bình quân đầu người cao nhất ở Bắc Mỹ là
A. Canada B. Hoa kỳ C. Mê-hi-cô D. Ba nước bằng nhau.
- Câu 4: Hãng máy bay Bônging là hãng máy bay của
A. Canada **B. Hoa kỳ** C. Mê-hi-cô D. Ba nước hợp tác.
- Câu 5: Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ tập trung ở
A. vùng Tây Bắc và ven vịnh Mê Hi Cô.
B. phía nam hồ lớn và vùng đông bắc ven Đại Tây Dương.
C. phía Nam và duyên hải Thái Bình Dương.
D. vùng trung tâm Hoa Kỳ.
- Câu 6: Các ngành công nghiệp **không** quan trọng của Canada là
A. khai thác khoáng sản, luyện kim.
B. chế tạo xe lửa, hóa chất
C. điện tử, viễn thông, hàng không vũ trụ
D. công nghiệp gỗ, bột giấy, giấy thành phẩm.
- Câu 7: Thế mạnh kinh tế của Mê -hi -cô là
A. **có nguồn nhân công giá rẻ, dồi dào.**
B. công nghệ hiện đại
C. khoáng sản phong phú
D. thị trường rộng lớn.
- Câu 8: Các ngành công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kỳ có thời kỳ sa sút vì
A. sau những khủng hoảng kinh tế.
B. công nghiệp chưa kịp đổi mới
C. bị các nền công nghiệp mới cạnh tranh gay gắt.
D. công nghệ chưa theo kịp đà phát triển.
- Câu 9: Vùng kinh tế ven biển phía nam mang tính chất chuyên môn hóa thể hiện ở cơ cấu các ngành tập trung vào các khu vực
A. quân sự . **B. kỹ thuật cao.** C. luyện kim. D. truyền thống.
- Câu 10: Ngành công nghiệp nào sau đây **không phải** là thế mạnh của “ Vành đai mặt trời ”
A. Công nghiệp dệt may và thực phẩm.
B. Công nghiệp hóa chất lọc dầu.
C. Công nghiệp hàng không vũ trụ .
D. Công nghiệp điện tử và vi điện tử .

Ngày soạn: 24/02/2019

Ngày dạy: 26/02/2019

Bài 40

THỰC HÀNH TÌM HIỂU VÙNG CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG Ở ĐÔNG BẮC HOA KÌ VÀ VÙNG CÔNG NGHIỆP “ VÀNH ĐAI MẶT TRỜI”

I/Mục tiêu bài học: Sau bài học, học sinh cần:

1-Kiến thức:

- Hiểu rõ cuộc CM KHKT làm thay đổi trong phân bố sản xuất công nghiệp ở Hoa Kỳ.
- Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất CN ở vùng CN Đông Bắc và vùng “ Vành đai mặt trời”..

2-Kĩ năng: -Rèn luyện và củng cố cho học sinh kĩ năng đọc phân tích lược đồ, số liệu. *

Các kĩ năng sống:

- Thu thập và xử lí thông tin, phân tích và giải thích qua bài viết, lược đồ (HĐ 1, HĐ 2).
- Trình bày suy nghĩ, ý tưởng, giao tiếp, lắng nghe, phản hồi tích cực, hợp tác và làm việc nhóm (HĐ 1, HĐ 2).

3-Thái độ tình cảm:- Có nhận thức đúng đắn về chính sách lao động và phân bố dân cư.

4 -Định hướng phát triển năng lực:

- + Năng lực chung:tự học, tự giải quyết vấn đề, tư duy, hợp tác...
- + Năng lực chuyên biệt: sử dụng lược đồ

II/Chuẩn bị:**1/ Đối với giáo viên:**

- Lược đồ Công nghiệp Hoa Kỳ.
- Lược đồ phân bố dân cư và đô thị Bắc Mỹ.
- Một số hình ảnh, tư liệu về CN của Hoa Kỳ.
- Các câu hỏi trắc nghiệm.

2/ Đối với học sinh:

- Nội dung kiến thức bài.
- SGK, vở ghi, bảng nhóm...

III/Phương pháp: Thảo luận, đàm thoại ,gợi mở, trình bày 1 phút

IV. Tổ chức các hoạt động dạy học:**1.Ổn định tổ chức, điểm danh: (1’)**

2. Kiểm tra: (3’): Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ có ý nghĩa gì đối với các nước Bắc Mỹ?

Đáp án:

- Tạo ra sức mạnh tổng hợp để có sức mạnh cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- Tạo điều kiện cho việc chuyển giao công nghệ từ Hoa kì, Ca-na-đa sang Mê-hi-cô.
- Tận dụng nguyên liệu, lao động của Mê-hi-cô.
- Mở rộng thị trường nội địa.

3. Tình huống xuất phát: (2’)

a. Hình thức, phương pháp : thuyết trình .

b. Mục đích : Điều hướng học sinh tập trung vào kiến thức trọng tâm bài học.

c. Nội dung : Vùng Công nghiệp truyền thống Đông Bắc Hoa kì và vùng Công nghiệp “Vành đai mặt trời” là hai vùng Công nghiệp quan trọng nhất của Hoa kì hiện nay. Có ý nghĩa quyết định tạo nên diện mạo và sức mạnh của nền Công nghiệp Hoa Kỳ. Bài học hôm nay sẽ giúp chúng ta tìm hiểu rõ hơn về hai vùng công nghiệp này.

4.Hình thành kiến thức mới**HOẠT ĐỘNG 1: Vùng công nghiệp truyền thống ở Đông Bắc Hoa Kỳ****a. Mục tiêu:**

- Kiến thức: Hiểu rõ cuộc CM KHKT làm thay đổi trong phân bố sản xuất công nghiệp ở Hoa Kỳ.
- Kỹ năng : Phân tích lược đồ.

b. Phương pháp: + Thảo luận, đàm thoại, gợi mở....

c. Phương tiện:

+ SGK , Lược đồ công nghiệp Bắc Mỹ, Lược đồ phân bố dân cư và đô thị Bắc Mỹ.

d. Thời gian: 14’

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
<div data-bbox="654 2159 794 2199" data-label="Page-Footer">uigeli.xyz</div>	

- GV giới thiệu lược đồ H37.1, 39.1, 40.1/sgk yêu cầu HS quan sát.
- Yêu cầu HS xác định trên lược đồ vị trí vùng công nghiệp Đông Bắc Hoa Kỳ
- Chia lớp thành 3 nhóm, giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm thảo luận tìm hiểu 1 nội dung yêu cầu trong SGK?
- **Nhóm 1:** Quan sát hình 40.1, xác định vị trí của vùng công nghiệp truyền thống Hoa Kỳ, xác định tên các đô thị lớn ? (Nằm phía đông bắc lãnh thổ của quốc gia Hoa Kỳ, trải rộng từ vùng Hồ Lớn đến ven bờ Đại Tây Dương).
- **Nhóm 2:** Dựa vào hình 37.1, 36.1 và kiến thức đã học, cho biết tên các ngành công nghiệp ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ?
- **Nhóm 3:** Vì sao các ngành công nghiệp truyền thống vùng Đông Bắc Hoa Kỳ bị sa sút?
- **Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả.**
- + Hướng dẫn các nhóm trình bày sản phẩm.

- + Tổ chức các nhóm khác bổ sung, góp ý.
- **Đánh giá hoạt động, chuẩn hóa kiến thức.**

- Học sinh đọc và hiểu lược H 37.1, 39.1, 40.1/SGK.
- HS xác định vị trí vùng công nghiệp Đông Bắc Hoa Kỳ.
- **Tổ chức hoạt động :** Thành lập nhóm, cử nhóm trưởng , thư kí ,chuẩn bị phương tiện thảo luận và nhận nhiệm vụ được giao.
- **Triển khai hoạt động :**
- + HĐ cá nhân : Tự tìm hiểu, tìm kiếm phương án trả lời
- + HĐ nhóm : Tổng hợp ý kiến cá nhân, rút ra kết luận.

- **Báo cáo kết quả hoạt động**
- + Các nhóm lần lượt báo cáo kết quả theo yêu cầu của GV.
- * **Dự kiến sản phẩm**
- N1.** Tên các đô thị lớn ở Đông Bắc Hoa Kỳ xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.
Niuyook – Oasinton, Sicagô Philađenphia, Đitôroi – Bôxtơn.
- N2.**Tên các ngành Công nghiệp chính ở vùng Công nghiệp Đông Bắc Hoa kì.
Luyện Kim đen, Luyện Kim Màu, Chế tạo máy công cụ, Hoá Chất, Dệt, Thực Phẩm.
- N3.**Tại sao các ngành Công nghiệp truyền thống ở vùng Đông Bắc Hoa Kỳ có thời kì bị sa sút vì:
- Bị ảnh hưởng nặng nề bởi các cuộc khủng hoảng kinh tế liên tiếp (1970 – 1973, 1980 – 1982).
- Công nghệ chưa kịp đổi mới.
- Bị cạnh tranh bởi hàng hoá liên minh Châu Âu, Nhật Bản, NIC...
- + Các nhóm khác theo dõi, góp ý

Bài ghi:

1-Vùng CN truyền thống ở DB Hoa Kỳ:

- Các đô thị lớn : Niu-Yooc, Si-ca-gô,Đi-tơ-roi, Phi-la-đen-phi-a, Oa –sinh-ton . . .

- Các ngành CN chính : Luyện kim đen, luyện kim màu, hóa chất, sản xuất ô-tô. . .
- Nguyên nhân:
 - + Công nghệ lạc hậu.
 - + Bị cạnh tranh gay gắt.
 - + Chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới.

HOẠT ĐỘNG 2: Sự phát triển của vành đai công nghiệp mới

a. Mục tiêu:

- **Kiến thức:** Sự thay đổi trong cơ cấu sản xuất CN ở vùng CN Đông Bắc và vùng “ Vành đai mặt trời”..

- **Kỹ năng :** Phân tích biểu đồ.

b. Phương pháp:

- + Nêu vấn đề, thảo luận nhóm.

c. Phương tiện:

- + Hình 40.1 SGK- Lược đồ không gian công nghiệp Hoa Kì

d. Thời gian: 17’

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN	HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH
-GV giới thiệu lược đồ H 40.1/sgk yêu cầu HS quan sát. - Chia lớp thành 3 nhóm , các nhóm thảo luận theo nội dung: - Nhóm 1: Quan sát hình 40.1 và kiến thức đã học, cho biết hướng chuyển dịch vốn và lao động ở Hoa Kì ? - Nhóm 2: Vì sao có sự chuyển dịch vốn và lao động đó ? - Nhóm 3: Vị trí của vùng công nghiệp “vành đai Mặt Trời” có những thuận lợi gì ? (Phía Nam lãnh thổ Hoa Kì, trên 4 khu vực: Bán đảo Flo-ri-đa, vùng ven biển vịnh Mê-hi-cô, ven biển phía Tây Nam Hoa Kì, ven biển Tây Bắc giáp biên giới Ca-na-đa). - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả. + Hướng dẫn các nhóm trình bày sản phẩm.	- HS đọc và hiểu biểu đồ hình 40.1 SGK - Triển khai hoạt động : + HĐ cá nhân : Tự tìm hiểu, tìm kiếm phương án trả lời + HĐ nhóm : Tổng hợp ý kiến cá nhân, rút ra kết luận. - Các nhóm báo cáo kết quả * Dự kiến sản phẩm N1. Hướng chuyển dịch vốn và lao động ở Hoa Kì. - Từ các vùng Công nghiệp phía Nam Hồ Lớn và đồng bằng ven ĐTD tới các vùng Công nghiệp mới ở phía Nam và duyên hải ven ĐTD. N2. Tại sao có sự chuyển dịch vốn và lao động trên lãnh thổ Hoa Kì? - Là do sự phát triển mạnh mẽ của vành đai Công nghiệp mới ở phía Tây và phía Nam của Hoa Kì trong giai đoạn hiện nay nên nó thu hút vốn và nguồn nhân lực từ Đông Bắc xuống.

<p>Câu 1.Vùng công nghiệp "Vành đai Mặt Trời" là vùng</p> <p>A. luyện kim và cơ khí.</p> <p>C. điện tử và hàng không vũ trụ.</p> <p>Câu 2.Vùng "Vành đai Mặt Trời" là vùng</p> <p>A. phía Tây và Đông Nam.</p> <p>C. phía Nam và Tây Nam .</p> <p>Câu 3.Vùng "Vành đai Mặt Trời" của Hoa Kỳ</p> <p>+AT-Đahat, Phê-ríc, nhóm khác nhận xét, Bồ Đí-Đroi, At-lan-ta.</p> <p>sống Xít-ton, Đen-vơ</p> <p>-Câu 4 .Các ngành công nghiệp chính của vùng Đông Bắc Hoa Kỳ là</p> <p>A.công nghiệp khai thác.</p> <p>C.công nghiệp chế biến.</p> <p>Câu 5 . Ý nào sau đây <u>không phải</u> là nguyên nhân làm cho ngành công nghiệp truyền thống ở Hoa Kỳ có thời kì bị sa sút?</p> <p>A.Thiếu nguồn nhân lực. .</p>	<p>Nhà là nơi chiếm ưu thế ngành công nghiệp</p> <p>B. dệt và thực phẩm thuận lợi gì?</p> <p>D. khai thác than, sắt, dầu mỏ, dễ nhập khẩu</p> <p>liệu và xuất khẩu hàng hoá sang các nước</p> <p>B. phía Bắc và Tây Bắc.</p> <p>D. phía Tây và Tây Bắc lợi cho việc xuất, nhập</p> <p>Khẩu các trung tâm công nghiệp châu Á</p> <p>D. Xa-Ghê-rơ nguồn công nghệ, kỹ thuật từ</p> <p>B. công nghiệp truyền thống</p> <p>D. công nghiệp năng lượng.</p> <p>Bài ghi</p> <p>B.Khủng hoảng kinh tế liên tiếp xảy ra.</p> <p>2.Công nghiệp của kinh tế công nghiệp mới ngành CN mới cạnh tranh gay gắt.</p> <p>-Mở rộng và đẩy mạnh (lớn) động từ vùng phía Nam Hồ Lớn và ĐB Hoa Kỳ xuống phía Nam</p> <p>-Ngành của nền công nghiệp mới.</p> <p>-Đặc điểm của "Vành đai Mặt Trời" học . Tiết sau ôn tập</p> <p>-Gần nguồn nguyên liệu từ Trung và Nam Mỹ lên.</p> <p>-Hệ thống cầu nối cho việc giao tiếp với các nước khu vực Châu Á- Thái Bình Dương.</p>
<p>Câu 1. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 2. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 3. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 4. Đặc điểm cấu trúc địa hình Bắc Mỹ.</p> <p>Câu 5. Đặc điểm khí hậu Bắc Mỹ.</p> <p>Câu 6. Đặc điểm kinh tế Bắc Mỹ.</p> <p>- Em có nhận xét gì về nền kinh tế Bắc Mỹ</p> <p>Câu 7. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA): Thành viên, mục đích, vai trò của Hoa Kỳ.</p>	<p>Câu 1. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 2. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 3. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.</p> <p>Câu 4. Đặc điểm cấu trúc địa hình Bắc Mỹ.</p> <p>Câu 5. Đặc điểm khí hậu Bắc Mỹ.</p> <p>Câu 6. Đặc điểm kinh tế Bắc Mỹ.</p> <p>- Em có nhận xét gì về nền kinh tế Bắc Mỹ</p> <p>Câu 7. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA): Thành viên, mục đích, vai trò của Hoa Kỳ.</p>

Câu 1. Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.

- Câu 2.** Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.
- Câu 3.** Vị trí -Giới hạn của châu Mỹ.
- Câu 4.** Đặc điểm cấu trúc địa hình Bắc Mỹ.
- Câu 5.** Đặc điểm khí hậu Bắc Mỹ.
- Câu 6.** Đặc điểm kinh tế Bắc Mỹ.
- Em có nhận xét gì về nền kinh tế Bắc Mỹ

Câu 7. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA): Thành viên, mục đích, vai trò của Hoa Kỳ.

Câu 8. Đặc điểm cấu trúc địa hình Bắc Mỹ.

Câu 9. Đặc điểm khí hậu Bắc Mỹ.

Câu 10. Đặc điểm kinh tế Bắc Mỹ.

- Em có nhận xét gì về nền kinh tế Bắc Mỹ

Câu 11. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA): Thành viên, mục đích, vai trò của Hoa Kỳ.

VII. Rút kinh nghiệm:

- Về kiến thức :.....
- Về phương pháp:.....
- Về hiệu quả bài dạy:.....
- Về hoạt động của HS:.....

THỰC HÀNH TÌM HIỂU VÙNG CÔNG NGHIỆP TRUYỀN THỐNG Ở ĐÔNG BẮC HOA KÌ VÀ VÙNG CÔNG NGHIỆP “VÀNH ĐAI MẶT TRỜI”

Câu 1. Vùng công nghiệp "Vành đai Mặt Trời" là nơi chiếm ưu thế của ngành

- A. luyện kim và cơ khí. B. dệt và thực phẩm.
C. điện tử và hàng không vũ trụ. D. khai thác than, sắt, dầu mỏ.

Câu 2. Vùng "Vành đai Mặt Trời" là vùng công nghiệp mới của Hoa Kỳ phát triển nhanh và năng động, được tập trung ở

- A. phía Tây và Đông Nam. B. phía Bắc và Tây Bắc.
C. phía Nam và Tây Nam. D. phía Tây và Tây Bắc.

Câu 3. Vùng "Vành đai Mặt Trời" của Hoa Kỳ có các trung tâm công nghiệp chính

- A. Đa-lat, Phê-níc. B. Đi-tơ-roi, At-lan-ta.
 C. Xít-tơn, Đen-vơ **D. Xan Phran-xi-cô, Lốt An-giơ-lét**

Câu 4. Hướng chuyển dịch vốn và lao động trên lãnh thổ Hoa Kỳ

- A. từ Nam lên Bắc
B. từ đông Bắc đến phía Nam và Tây nam
 C. từ phía tây sang phía đông kinh tuyến 100° T.
 D. từ phía đông sang phía tây kinh tuyến 100°T

Câu 5. Các ngành công nghiệp nào sau đây không phải là thế mạnh của “ vành đai mặt trời ”?

- A. Công nghiệp hóa chất lọc dầu B. Công nghiệp điện tử và vi điện tử
 C. Công nghiệp hàng không vũ trụ **D. Công nghiệp dệt may và thực phẩm**

Câu 6. Vùng công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ ở

- A. Đông Bắc** B. Tây Bắc.
 C. Tây Nam D. trung tâm

Câu 7. Các ngành công nghiệp chính của vùng Đông Bắc Hoa Kỳ là

- A. công nghiệp khai thác. **B. công nghiệp truyền thống**
 C. công nghiệp chế biến. D. công nghiệp năng lượng.

Câu 8. Các đô thị 5-10 triệu dân ở Đông Bắc của Hoa Kỳ là

- A. Si-ca-gô, Oa-sinh-ton, Ôt-ta-oa.** B. Si-ca-gô, Oa-sinh-ton, Đi-tơ-roi
 C. Si-ca-gô, Oa-sinh-ton, Môn-trê-an. D. Si-ca-gô, Oa-sinh-ton, Phi-la-đen-phi-a

Câu 9. Vành đai mặt trời đang phát triển công nghiệp rất nhanh, là khu vực

- A. gần xích đạo B. Gần Đại Tây Dương
C. Gần chí tuyến Bắc D. Gần chí tuyến Nam

Câu 10. Ý nào sau đây không phải là nguyên nhân làm cho ngành công nghiệp truyền thống ở Hoa Kỳ có thời kì bị sa sút?

- A. Thiếu nguồn nhân lực.** B. Khủng hoảng kinh tế liên tiếp xảy ra.
 C. Công nghệ chưa kịp thời đổi mới. D. Các ngành CN mới cạnh tranh gay gắt.

Tuần 24 Tiết 46	BÀI 41. THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ	Ngày soạn : 27/02/19 Ngày dạy : 29/02/19
--------------------	--	---

I. MỤC TIÊU:

- Kiến thức:** Sau bài học này học sinh cần
 - Biết được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi của khu vực Trung và Nam Mỹ.
 - Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của eo đất Trung Mỹ, quần đảo Ăng ti và lục địa Nam Mỹ.
- Kỹ năng:**
 - Sử dụng các bản đồ, lược đồ để trình bày đặc điểm tự nhiên của khu vực Trung và Nam Mỹ.
 - Xác định trên bản đồ, lược đồ châu Mỹ hoặc bản đồ thế giới vị trí địa lí của khu vực Trung và Nam Mỹ.
- Thái độ:**
 - Giúp học sinh hiểu giá trị kinh tế của eo đất và kinh tế Trung và Nam Mỹ
- Định hướng phát triển năng lực:**
 - Năng lực chung: tự học; hợp tác; giải quyết vấn đề ...
 - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN

- Giáo viên: - Bản đồ tự nhiên Châu Mỹ.
 - Lát cắt địa hình Nam Mỹ dọc theo vĩ tuyến 20°N.
 - Tranh ảnh về kênh đào Pa na ma, đồng bằng A-ma-zon, sông A- ma- zon..
- Học sinh: - Sách vở, đồ dùng học tập

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) (5 phút)

1. Mục tiêu

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về các dạng địa hình, các địa danh tiêu biểu của khu vực Trung và Nam Mỹ, sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết về các dạng địa hình...-> Kết nối với bài học

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp, Cá nhân.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về rừng A-ma-zon, đồng bằng A-ma-zon, kênh đào Pa-na-ma.

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên cho Hs xem một số tranh ảnh trực quan về rừng A-ma- zon, đồng bằng A-ma-zon và kênh đào Pa- na -ma. Quan sát các hình ảnh trên, em hãy cho biết các hình ảnh trên thuộc khu vực nào của Châu Mỹ.

Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Biết được vị trí địa lí, giới hạn, phạm vi của khu vực Trung và Nam Mỹ (Thời gian: 8 phút)

- Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** PP sử dụng lược đồ, KT học tập hợp tác...
- Hình thức tổ chức:** Cá nhân, cặp đôi

HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG CHÍNH
1) Khái quát tự nhiên Gv: Cho biết diện tích của Trung và Nam Mỹ? Bước 1 : GV giao nhiệm vụ	1. Khái quát tự nhiên: - Bao gồm: Eo đất Trung Mỹ, quần đảo Ăng- ti và toàn bộ lục địa Nam Mỹ.

- Yêu cầu học sinh quan sát hình 41.1 xác định phạm vi khu vực Trung và Nam Mĩ.

- Trung và Nam Mĩ tiếp giáp với biển và đại dương nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: HS lên xác định khu vực Trung và Nam Mĩ trên lược đồ, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2: trình bày và giải thích được một số đặc điểm tự nhiên cơ bản của eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti (Thời gian: 12 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng lược đồ, tranh ảnh...

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân, cặp đôi, thảo luận nhóm....

Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục a, kết hợp quan sát hình 41.1 trong SGK (trang 43) trả lời câu hỏi (Cá nhân)

+ Eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti nằm trong môi trường nào ?

+ Loại gió thổi quanh năm ở đây là gió gì, thổi theo hướng nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, có thể so sánh kết quả làm việc với bạn bên cạnh để hoàn thành nội dung.

GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS.

Bước 3: Cá nhân báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc của HS và chuẩn kiến thức trên lược đồ.

* GV cho HS làm việc cặp đôi

Bước 1: GV yêu cầu HS đọc thông tin mục a trả lời câu hỏi

+ Eo đất Trung Mĩ có đặc điểm gì? Vì sao ở đây có nhiều núi lửa hoạt động?

GV: xác định kênh đào Pa-na-ma trên lược đồ H41.1

+ Em hãy cho biết giá trị của kênh đào Pa na ma

+ Quần đảo Ăng-ti có đặc điểm gì?

+ HS quan sát lược đồ và trình bày những khoáng sản chủ yếu ở eo đất Trung Mĩ và QĐ Ăng-ti.

Bước 2: HS làm việc cặp đôi, có thể so sánh kết quả làm việc với cặp đôi bên cạnh để hoàn thành nội dung.

Bước 3: Một số cặp đôi báo cáo kết quả làm việc.

Bước 4: GV đánh giá nhận xét kết quả làm việc

b. Eo đất Trung Mĩ và quần đảo Ăng-ti

- Eo đất Trung Mĩ : các dãy núi chạy dọc eo đất có nhiều núi lửa.

- Quần đảo Ăng-ti : là một vòng cung đảo

HOẠT ĐỘNG 3: trình bày và giải thích được một số đặc điểm tự nhiên khu vực Nam Mĩ (Thời gian: 12 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng SGK, tranh ảnh. KT thảo luận nhóm.

2. Hình thức tổ chức: Làm việc theo nhóm, cá nhân

GV: Dựa vào hình 41.1 và tại vĩ tuyến 20°N từ Tây sang Đông cho biết Nam Mĩ có các khu vực địa hình nào ?

Hs trả lời nội dung

GV : xác định ba khu vực địa hình trên lược đồ.

Bước 1 : GV giao nhiệm vụ

Gv chia lớp thành 6 nhóm

Nhóm 1,2 tìm hiểu về núi trẻ A- đét

Nhóm 3,4 tìm hiểu về Đồng bằng

Nhóm 5,6 tìm hiểu về sơn nguyên

Bước 2: HS làm việc theo nhóm, sau đó trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất phương án trả lời.

Bước 3: Đại diện các nhóm báo cáo kết quả; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức.

GV : giới thiệu một vài tranh ảnh về từng khu vực.

c. Khu vực Nam Mĩ

- Lục địa Nam mĩ :

+ Phía Tây là miền núi trẻ An-đét

+ Ở giữa đồng bằng

+ Phía Đông là cao nguyên

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 5 phút)

Chọn một số câu (cá nhân)

Câu 1. Khu vực Trung và Nam Mĩ bao gồm những bộ phận

A. toàn bộ lục địa Nam Mĩ, eo đất Trung Mĩ.

B. eo đất Trung Mĩ, các quần đảo trong biển Ca ri bê.

C. các quần đảo trong biển Ca ri bê, toàn bộ lục địa Nam Mĩ.

D. eo đất Trung Mĩ, các quần đảo trong biển Ca ri bê, lục địa Nam Mĩ.

Câu 2. Trung và Nam Mĩ giáp với các đại dương nào ?

A. Thái Bình Dương, Đại Tây Dương.

B. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

C. Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương

D. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương.

Câu 3. Khu vực Trung và Nam Mĩ có diện tích là

A. 20 triệu km².

B. 20,5 triệu km².

C. 21 triệu km².

D. 21,5 triệu km².

Câu 4. Trung và Nam Mĩ có các dạng địa hình

A. núi ở phía Tây, đồng bằng ở phía Đông, sơn nguyên ở giữa .

B. núi ở phía Đông , đồng bằng ở phía Tây , sơn nguyên ở giữa .

C. núi ở phía Tây, đồng bằng ở giữa, sơn nguyên phía Đông.

D. núi ở giữa, đồng bằng phía Đông, sơn nguyên phía Tây.

* Câu hỏi thông hiểu

Câu 5. Đặc điểm tự nhiên nổi bật nhất của eo đất Trung Mỹ là

- A. khô hạn nhất thế giới. B. lạnh nhất thế giới.
C. mưa nhiều nhất thế giới. D. nhiều núi lửa hoạt động.

Câu 6. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với quần đảo Ăng-ti ?

- A. Là quần đảo lớn nhất thế giới.
B. Là một vòng cung gồm vô số các đảo lớn nhỏ.
C. Phía Đông các đảo có mưa nhiều, rừng rậm phát triển.
D. Phía Tây mưa ít nên phát triển xa van, rừng thưa cây bụi.

Câu 7. Đặc điểm nổi bật nhất của cửa đồng bằng A-ma-zon là

- A. kém phì nhiêu. B. nhỏ hẹp, nhiều đầm lầy.
C. địa hình thấp dần về phía Tây. D. rộng và bằng phẳng nhất thế giới.

* Câu hỏi vận dụng thấp

Câu 8. Nhận xét nào sau đây **không đúng** với sơn nguyên Braxin ?

- A. Bề mặt bị cắt xẻ.
B. Bị bào mòn mạnh.
C. Được hình thành từ lâu.
D. Khí hậu nóng ẩm ướt, rừng cây phát triển rậm rạp.

Câu 9. Tự nhiên của lục địa Nam Mỹ và Châu Phi giống nhau ở đặc điểm

- A. lượng mưa lớn rải đều quanh năm.
B. đại bộ phận lãnh thổ nằm trong đới nóng.
C. phía Bắc lục địa có hoang mạc phát triển.
D. đồng bằng có diện tích lớn và phân bố ở trung tâm.

* Câu hỏi vận dụng cao

Câu 10. Trung và Nam Mỹ có diện tích là 20,5 triệu km², dân số gần 605 triệu người thì mật độ dân số trung bình là

- A. 27,5 người/km² B. 28,5 người /km²
C. 29,5 người/km² D. 30,5 người /km²

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 3 phút)

- Dựa vào H 41.1 và 41.2 nêu tên các kiểu khí hậu Trung và Nam Mỹ. Sự phân bố các kiểu khí hậu này có mối quan hệ như thế nào với sự phân bố địa hình ?
- Sưu tầm tư liệu tranh ảnh về sông A-ma-zon.

Tuần:	Bài 42: THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ (tt)	Ngày soạn: 03/3/2019
Tiết:		Ngày giảng: 05/3/2019

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức :

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) đặc điểm khí hậu và thiên nhiên Trung và Nam Mỹ.
- Biết được sự phân hóa khí hậu ở Trung và Nam Mỹ, vai trò của sự phân hóa địa hình ảnh hưởng tới phân bố khí hậu.
- Đặc điểm các môi trường ở Trung và Nam Mỹ.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích các mối quan hệ của các yếu tố địa hình với khí hậu và các yếu tố tự nhiên khác.
- Kỹ năng phân tích, so sánh để thấy rõ sự phân hóa địa hình và khí hậu, hiểu được sự đa dạng của môi trường tự nhiên khu vực.

3. Thái độ: Thái độ học tập tốt, phát huy tính tích cực trong học bài học.**4. Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ,...
- Năng lực riêng: Thu thập và xử lý thông tin qua bài viết, sử dụng tranh ảnh, lược đồ để phân tích sự phân hóa về tự nhiên và môi trường của khu vực Trung và Nam Mỹ.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**1. Đối với giáo viên:**

- SGK, giáo án.
- Lược đồ tự nhiên và khí hậu Trung và Nam Mỹ.
- Các tranh ảnh, tài liệu về môi trường Trung và Nam Mỹ.

2. Đối với học sinh:

- SGK, nghiên cứu bài trước ở nhà.
- Ôn lại các kiến thức bài trước.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** (Thời gian: 5 phút)**1. Mục tiêu**

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết về mối quan hệ của vị trí, địa hình với cảnh quan thiên nhiên của khu vực Trung và Nam Mỹ, sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết về các dạng cảnh quan thiên nhiên; từ đó tạo hứng thú hiểu biết về điều kiện tự nhiên của một khu vực.

- Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết về đặc điểm khí hậu và cảnh quan thiên nhiên ...
- > Kết nối với bài học ...

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân.

3. Phương tiện: Một số tranh ảnh về cảnh quan bán hoang mạc, thảo nguyên, rừng rậm nhiệt đới,...

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV đặt câu hỏi: Qua bài học trước, em hãy nhắc lại đặc điểm vị trí giới hạn, địa hình Trung và Nam Mỹ ?

- Giáo viên gợi mở: Với vị trí địa lý và địa hình đã tạo cho thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hóa rất đa dạng với nhiều loại cảnh quan.

- GV cung cấp một số hình ảnh về các dạng cảnh quan và yêu cầu học sinh nhận biết: Trong các hình dưới đây, thể hiện những cảnh quan gì?

Hình 1.....

Hình 2.....



Hình 3.....



Bước 2: HS quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài: Những cảnh quan này hình thành ở đâu trong khu vực Trung và Nam Mỹ, đó chính là nội dung bài học ngày hôm nay cô và các em tìm hiểu...

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Khí hậu. (Thời gian: 15 phút)

- **Mục tiêu:** Trình bày và giải thích đặc điểm khí hậu.

1. Phương pháp: Đàm thoại, giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, tự học,...
2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, so sánh,...
3. Hình thức tổ chức: Cả lớp, cá nhân,...

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
a. Khí hậu - Bước 1: Gv giao nhiệm vụ + Xác định lại vị trí, giới hạn của Trung và Nam Mỹ? + Quan sát hình 42.1, cho biết: ? Trung và Nam Mỹ có các kiểu khí hậu nào?(lên xác định và đọc tên trên bản đồ). + Đi từ bắc đến nam lục địa Nam Mỹ có những kiểu khí hậu nào? + Đọc theo chí tuyến nam từ đông sang tây có những kiểu khí hậu nào? + Theo em, vì sao lại có sự phân hóa đó? => Nhận xét chung về đặc điểm khí hậu của khu vực Trung và Nam Mỹ? + Sự khác nhau giữa khí hậu lục địa Nam Mỹ với khí	2. Sự phân hóa tự nhiên a. Khí hậu - Có gần đủ các kiểu khí hậu trên Trái Đất: Xích đạo, cận xích đạo, nhiệt đới, cận nhiệt đới, ôn đới. - Khí hậu xích đạo và cận xích đạo chiếm diện tích lớn. - Khí hậu Trung và Nam Mỹ phân hóa đa dạng và phong phú từ Bắc xuống Nam, từ Tây sang Đông và từ thấp lên cao.

hậu Trung Mỹ và quần đảo Ăng-ti?

- Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: Hs báo cáo kết quả, học sinh khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.
- Bước 4: GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

HOẠT ĐỘNG 2. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên (Thời gian: 20 phút)

- Mục tiêu: Trình bày và giải thích đặc điểm các môi trường thiên nhiên của Trung và Nam Mỹ.

1. Phương pháp: Đàm thoại gợi mở, giải quyết vấn đề, sử dụng bản đồ, hợp tác,...
2. Kỹ thuật dạy học: Đặt câu hỏi, học tập hợp tác,...
3. Hình thức tổ chức: Cả lớp, nhóm, cá nhân,...

b. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

***Nhóm:** Chia lớp thành 6 nhóm

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho nhóm.
 - + Hoàn thành phiếu học tập sau (phụ lục).
 - + Đặt câu hỏi chung cho từng nhóm về nguyên nhân hình thành các kiểu cảnh quan.
- Bước 2:
 - + Đại diện nhóm trình bày kết quả các nhóm khác nhận xét bổ sung.
- Bước 3:
 - + GV chuẩn xác kiến thức, ghi điểm cho các nhóm.
 - + GV mở rộng, kết hợp giáo dục môi trường:

Rừng A-ma-dôn được xem là “lá phổi xanh” của thế giới nhưng hiện nay đang bị khai thác quá mức làm suy giảm tài nguyên thiên nhiên cũng như khí hậu trên trái đất.

Liên hệ việc khai thác rừng ở Việt Nam...

*** Cá nhân:**

- Bước 1: GV giao nhiệm vụ
 - + Dựa vào hình 42.1. Giải thích vì sao dải đất duyên hải phía Tây An đét lại có hoang mạc?
- Bước 2: Hs thực hiện nhiệm vụ.
- Bước 3: Hs báo cáo kết quả, học sinh khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.
- Bước 4: GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.

GV chuẩn xác: Ven biển trung Andét có dòng biển lạnh Pê-ru chảy rất mạnh sát ven bờ, hơi nước từ biển đi qua dòng biển lạnh ngưng đọng thành sương mù. Khi không khí vào đất liền mất hơi nước nên không cho mưa, do đó tạo điều kiện cho hoang mạc phát triển, điển hình là hoang mạc A-ta-ca-na.

b. Các đặc điểm khác của môi trường tự nhiên

- Thiên nhiên Trung và Nam Mỹ phân hoá từ Bắc xuống Nam, từ thấp lên cao.
- * Bắc xuống Nam.
 - Đồng bằng A ma zôn: Rừng xích đạo ẩm.
 - Phía Đông eo đất Trung Mỹ - quần đảo ăng ti: Rừng nhiệt đới ẩm.
 - Phía Tây eo đất Trung Mỹ - quần đảo Ăng ti: Rừng thưa, Xa van.
 - Đồng bằng Pam pa: thảo nguyên.
 - Miền duyên hải phía Tây vùng Trung An đét: hoang mạc.
 - Trên cao nguyên Pa-ta-gô-ni-a phía Nam của Nam Mỹ có bán hoang mạc ôn đới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 4 phút)

1. (Cá nhân)

Câu 1: Đối khí hậu nào sau đây không thuộc khu vực Trung và Nam Mỹ ?

- A. Nhiệt đới.
C. Ôn đới.

- B. Xích đạo.
D. Hàn đới.

Câu 2: Ở Trung và Nam Mỹ, rừng xích đạo xanh quanh năm phát triển ở

- A. quần đảo Ăng-ti.
C. phía đông eo đất Trung Mỹ.
D. sơn nguyên Pa-ta-gô-ni.

B. đồng bằng A-ma-dôn.

Câu 3: Thảo nguyên Pam-pa ở Nam Mỹ là môi trường đặc trưng của kiểu khí hậu

- A. ôn đới lục địa.
C. cận xích đạo.
D. cận nhiệt đới hải dương.

B. ôn đới hải dương.

Câu 4: Sự thay đổi thiên nhiên Trung và Nam Mỹ chủ yếu là do tác động của

- A. Địa hình, vĩ độ.
C. Vĩ độ, dòng biển.
D. Vị trí, khí hậu.

B. Khí hậu, hướng gió.

2. (Cặp đôi)

? Vì sao cảnh quan thiên nhiên ở khu vực Trung và Nam Mỹ lại có sự phân hóa?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 1 phút)

- Sưu tầm một số tranh ảnh về các cảnh quan thiên nhiên của Trung và Nam Mỹ.
- Tìm các bài viết, tranh ảnh về quá trình đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ.

BẢNG PHỤ LỤC

Môi trường tự nhiên chính	Phân bố
1. Rừng xích đạo xanh quanh năm.	a. Đồng bằng A-ma-dôn.
2. Rừng rậm nhiệt đới.	b. Phía đông eo đất Trung Mỹ và quần đảo Ăng-ti.
3. Rừng thưa và xavan	c. Phía tây eo đất Trung Mỹ và quần đảo Ăng-ti, đồng bằng Ôri nô cô.
4. Thảo nguyên.	d. Đồng bằng Pampa.
5. Hoang mạc và bán hoang mạc.	e. Đồng bằng duyên hải tây Anđet, cao nguyên Pa-ta-gô-ni.
6. Thiên nhiên thay đổi từ Bắc – Nam, từ chân núi lên đỉnh núi.	g. Miền núi Anđet.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (Theo tỉ lệ: 4, 3, 2, 1).

BÀI 42: THIÊN NHIÊN TRUNG VÀ NAM MỸ (tt)

A. BÀI TẬP: Khoanh tròn chữ cái đứng đầu ý trả lời đúng nhất.

1. Nhận biết: (4 câu)

Câu 1: Đới khí hậu nào sau đây không thuộc khu vực Trung và Nam Mỹ ?

- A. Nhiệt đới.
C. Ôn đới.
D. Hàn đới.

B. Xích đạo.

Câu 2: Ở Trung và Nam Mỹ, rừng xích đạo xanh quanh năm phát triển ở

- A. quần đảo Ăng-ti.
C. phía đông eo đất Trung Mỹ.
D. sơn nguyên Pa-ta-gô-ni.

B. đồng bằng A-ma-dôn.

Câu 3: Thảm thực vật ở phía nam của An-đet là

- A. thảo nguyên.
C. rừng cận nhiệt và ôn đới.
D. rừng lá rộng và rừng hỗn hợp.

B. rừng thưa và xavan.

Câu 4: Khí hậu khu vực Trung và Nam Mỹ có bao nhiêu kiểu môi trường?

- A. Ba.
C. Năm.
D. Sáu.

B. Bốn.

2. Thông hiểu (3 câu)

Câu 5: Thảo nguyên Pam-pa ở Nam Mỹ là môi trường đặc trưng của kiểu khí hậu

A. ôn đới lục địa.

B. ôn đới hải dương.

C. cận xích đạo.

D. cận nhiệt đới hải dương.

Câu 6: Nơi nào ở Trung và Nam Mỹ có cảnh quan bán hoang mạc ôn đới phát triển?

A. Quần đảo Ăng-ti.

B. Eo đất Trung Mỹ.

C. Cao nguyên Pa-ta-gô-ni.

D. Đồng bằng Ô-ri-nô-cô.

Câu 7: Ở Trung và Nam Mỹ, nơi có thực vật và động vật phong phú nhất là

A. dãy An-đet.

B. đồng bằng A-ma-đôn.

C. quần đảo Ăng-ti.

D. eo đất Trung Mỹ.

3. Vận dụng (2 câu)

Câu 8: Trung và Nam Mỹ có gần đủ các đới khí hậu trên Trái Đất vì

A. nằm ở bán cầu tây.

B. có diện tích rộng lớn (20,5 triệu km²).

C. giáp với hai đại dương lớn là Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

D. địa hình đa dạng, trải dài từ vùng chí tuyến Bắc đến gần vùng cực Nam.

Câu 9: Sự thay đổi thiên nhiên Trung và Nam Mỹ chủ yếu là do tác động của

A. Địa hình, vĩ độ.

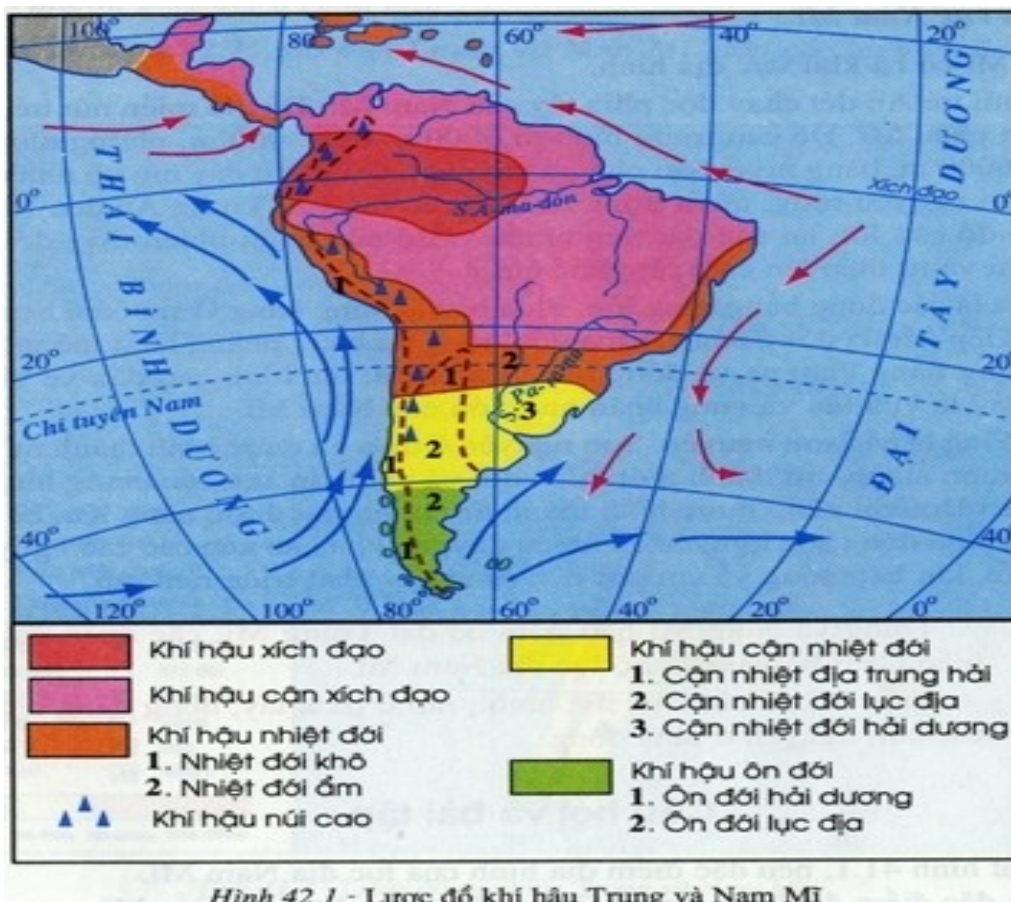
B. Khí hậu, hướng gió.

C. Vĩ độ, dòng biển.

D. Vị trí, khí hậu.

4. Vận dụng cao (1 câu)

Câu 10: Dựa vào lược đồ hình 42.1, cho biết nguyên nhân nào sau đây làm cho dải đất duyên hải phía tây An-đet có hoang mạc?



A. Lượng mưa ít.

B. Khí hậu khô hạn.

C. Địa hình núi cao.

D. Chịu ảnh hưởng của dòng biển lạnh Pê-ru.

B. ĐÁP ÁN

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
1	D	6	C
2	B	7	B
3	C	8	D
4	C	9	A
5	D	10	D

Ngày soạn: 06/3/2019

Ngày dạy: 08/3/2019

Bài 43: DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích ở mức độ đơn giản một số đặc điểm về dân cư xã hội Trung và Nam Mỹ
- Nắm vững đặc điểm dân cư Trung và Nam Mỹ.
- Hiểu rõ Trung và Nam Mỹ nằm trong sự kiểm soát của Hoa Kỳ

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc và phân tích lược đồ đô thị

3. Thái độ:

- Qua bài học, HS có nhận thức tốt về vấn đề dân cư và sự phát triển của các đô thị ở Trung và Nam Mỹ làm nảy sinh các vấn đề XH phức tạp.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, ngôn ngữ, hợp tác.
- Năng lực riêng: sử dụng bản đồ.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên:

- Lược đồ dân cư và đô thị châu Mỹ

2. Đối với học sinh:

- Sách, vở, đồ dùng học tập

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát)

1. Mục tiêu

- HS gợi nhớ, huy động hiểu biết về dân cư, đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ; sử dụng kỹ năng đọc lược đồ để nhận biết về dân cư đô thị; từ đó tạo hứng thú hiểu biết về nền văn hóa Mỹ la tinh độc đáo và tên các thành phố đông dân ở khu vực này.
- Tìm ra các nội dung học sinh chưa biết về đặc điểm dân cư, tốc độ đô thị hóa...
- > Kết nối với bài học ...

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh, cá nhân, nhóm.

3. Phương tiện: Lược đồ về dân cư, đô thị châu Mỹ.

4. Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên cung cấp số liệu về tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên, tỉ lệ dân đô thị.
- Qua những số liệu trên, em hãy nêu hiểu biết của mình về dân cư ở Trung và Nam Mỹ.

Bước 2: HS nắm số liệu và dựa vào hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS báo cáo kết quả- HS khác nhận xét.

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Nhận biết về các đặc điểm của dân cư Trung và Nam Mỹ
(thời gian 17 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng lược đồ, SGK... , kỹ thuật giao nhiệm vụ, KT động não, KT trình bày.

2. Hình thức tổ chức:

- Cá nhân, thảo luận nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>Tìm hiểu đặc điểm dân cư khu vực Trung và Nam Mỹ.</p> <ul style="list-style-type: none"> • <i>Đàm thoại, gợi mở</i> - GV yêu cầu Hs dựa vào H35.2 cho biết các luồng nhập cư vào khu vực Trung và Nam Mỹ. - HS trả lời. Gv nhận xét và hỏi: Với các luồng nhập cư khác nhau đã tạo nên thành phần dân cư ntn ở khu vực? Có nền văn hóa gì? Nguồn gốc của nền văn hóa đó? - HS trả lời – nhận xét và bổ sung. - GV nhận xét - chuẩn kiến thức và mở rộng: Sự hình thành dân cư gắn liền với sự hình thành thành phần người lai và nền văn hóa Mỹ Latinh, tạo đk cho các quốc gia trong khu vực xóa bỏ tề biệt chủng tộc. - GV yêu cầu HS quan sát H43.1 cho nhận xét và trình bày sự phân bố dân cư ở khu vực Trung và Nam Mỹ. Nguyên nhân? - HS quan sát và trả lời – nhận xét – bổ sung. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. * Thảo luận nhóm 4 phút: + Bước 1: GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho nhóm. - Câu hỏi: Nêu sự khác nhau cơ bản trong phân 	<p>1. Dân cư:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do có nhiều luồng nhập cư khác nhau nên phần lớn dân cư là người lai, có nền văn hóa Mỹ Latinh độc đáo được kết hợp từ 3 dòng văn hóa Anh Địch, Phi và Âu. - Dân cư phân bố không đồng đều + Chủ yếu tập trung ở vùng ven biển, cửa sông và trên các cao nguyên có khí hậu khô ráo, mát mẻ. + Thưa thớt ở các vùng sâu

bố dân cư giữa Bắc Mĩ với Trung và Nam Mĩ. + Bước 2: HS làm việc cá nhân + Bước 3: HS thảo luận nhóm. + Bước 4: đại diện một số nhóm trình bày các ý đã thảo luận. + Bước 5: GV tóm tắt và chốt kiến thức. - Về cơ bản thì tương tự nhưng lại khác nhau ở hai điểm nổi bật: + Dân cư Trung và Nam Mĩ phân bố trên mạch núi An-đét, trong khi ở hệ thống núi Cooc-đi-e dân cư lại thưa thớt. + Dân cư Trung và Nam Mĩ phân bố thưa thớt trên các đồng bằng sông A-ma-dôn, trong khi ở Bắc Mĩ dân cư tập trung rất đông ở đồng bằng trung tâm.	trong nội địa. + Nguyên nhân: do ảnh hưởng của tự nhiên.
---	---

HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu về đô thị hóa (Thời gian: 17 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng lược đồ, SGK..., kỹ thuật hoàn tất một nhiệm vụ, kỹ thuật động não, kt trình bày 1 phút.

2. Hình thức tổ chức:

- Cá nhân, thảo luận nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
Tìm hiểu đặc điểm đô thị hóa ● Thảo luận nhóm nhỏ + GV chia nhóm và giao nhiệm vụ cho các nhóm + GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm - Câu hỏi cho các nhóm CH: Dựa vào nội dung kênh chữ sgk cho biết đặc điểm đô thị hóa, tỉ lệ dân đô thị ở khu vực Trung và Nam Mĩ? * Nhóm 1+ 2: Quan sát hình 43.1, hãy: - Cho biết sự phân bố các đô thị từ 3 triệu dân trở lên ở Trung và Nam Mĩ. - Nêu tên các đô thị ở Trung và Nam Mĩ có số dân trên 5 triệu người. * Nhóm 3-4: Cho biết các vấn đề nảy sinh do quá trình đô thị hóa tự phát ở Trung và Nam Mĩ? - Các nhóm thảo luận. + Các nhóm trình bày nội dung đã thảo luận - Các nhóm khác nhận xét và bổ sung. - GV nhận xét và chuẩn kiến thức. CH: So sánh sự khác nhau về quá trình đô thị hóa giữa Bắc Mĩ với Trung và Nam Mĩ? CH: phân tích môi trường bị ô nhiễm do những nguyên nhân nào? ● Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường...	2. Đô thị hóa: - Trung và Nam Mĩ có tốc độ đô thị hóa đứng đầu thế giới. - Tỉ lệ dân đô thị cao 75% dân sống ở đô thị. - Các đô thị lớn nhất: Ri-ô-đê Gia-nê-rô, Xao-pao-lô, Bu-ê-nô-t Ai-ret. - Đô thị hóa mang tính tự phát nên làm nảy sinh các vấn đề: + Xuất hiện các khu nhà ổ chuột, vấn đề việc làm, giao thông đi lại khó khăn,... + Môi trường đô thị bị ô nhiễm...

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 4 phút)

• *Trình bày một phút*

- GV yêu cầu HS trình bày đặc điểm dân cư ở khu vực Trung và Nam Mỹ.

CH1: Vùng A: Vùng đảo cực bắc Canada. Khí hậu hàn đới khắc nghiệt, chỉ có người Anh-điêng và người E-xki-mô sinh sống.

Vùng B: Hệ thống núi Cooc-di-e, chủ yếu là vùng núi và cao nguyên, khí hậu hoang mạc khắc nghiệt, ít người sống.

Vùng C: đồng bằng Ama-dôn, chủ yếu là rừng rậm xích đạo và nhiệt đới. Khí hậu nhiệt đới ẩm, đất đai màu mỡ nhưng chưa được khai thác hợp lý, ít người sinh sống.

Vùng D: hoang mạc trên núi cao phía nam hệ thống An-đét. Khí hậu khắc nghiệt, ít người sinh sống.

CH2: Quá trình đô thị hóa ở Bắc Mỹ gắn liền với quá trình công nghiệp hóa

Quá trình đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ diễn ra với tốc độ nhanh trong khi kinh tế còn chậm phát triển.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 2 phút)

- Sưu tầm tranh ảnh về những vấn đề xã hội nảy sinh do đô thị hóa tự phát ở Trung và Nam Mỹ.

- Nêu những biện pháp hạn chế tốc độ đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ.

- Học bài cũ, trả lời câu hỏi bài tập SGK.

- Xem trước bài 44: Kinh tế Trung và Nam Mỹ.

BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

MÔN ĐỊA LÍ 7

Bài 43: DÂN CƯ, XÃ HỘI TRUNG VÀ NAM MỸ

Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu ý đúng nhất trong các câu sau:

1. Tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên của các nước Trung và Nam Mỹ là

A. dưới 1,7%. **B. trên 1,7%.** C. dưới 1,2%. D. trên 2,1%.

2. Tỷ lệ dân số đô thị của Trung và Nam Mỹ chiếm khoảng

A. 57%. B. 67%. **C. 75%.** D. 76%.

3. Đô thị nào sau đây không thuộc khu vực Trung và Nam Mỹ?

A. Niu-Iooc. B. Xao-Pao-lô. C. Ri-ô-đê Gia-nê-rô. D. Bu-ê-nốt Ai-ret

4. Dân cư Trung và Nam Mỹ tập trung chủ yếu ở

A. ven biển, cửa sông. B. đồng bằng A-ma-dôn.
C. vùng sâu trong nội địa. **D. ven biển, cửa sông, trên các cao nguyên.**

5. Nước nào ở khu vực Trung và Nam Mỹ có lãnh thổ nằm hoàn toàn trong nội địa?

A. Pê-Ru. B. Ac-hen-ti-na. **C. Bô-li-vi-a.** D. Bra-xin.

6. Dân cư Trung và Nam Mỹ chủ yếu là người lai giữa

A. người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha với người gốc Phi.
B. người Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha với người Anh-Điêng.
C. người da đen châu Phi với người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.
D. người gốc Phi và người Anh-Điêng với người Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha.

7. Đâu không phải là nguyên nhân làm cho vùng đồng bằng A-ma-dôn dân cư thưa thớt?

A. Rừng rậm phát triển. B. Giao thông khó khăn.
C. Diện tích rộng lớn, đất đai màu mỡ. D. Tài nguyên chưa được khai thác hợp lý.

8. Quá trình đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ khác với Bắc Mỹ

A. đô thị hóa còn chậm, kinh tế phát triển nhanh.
B. đô thị hóa nhanh trong khi kinh tế còn chậm phát triển.

C. đô thị hóa nhanh chưa gắn với quá trình công nghiệp hóa.

D. đô thị hóa không tương xứng với quá trình công nghiệp hóa.

9. Ý nào sau đây không phải là những vấn đề xã hội nảy sinh do đô thị hóa ở Trung và Nam Mỹ?

A. Bùng nổ dân số.

B. Đời sống khó khăn.

C. Ô nhiễm môi trường.

D. Thiếu chỗ ở, thiếu việc làm.

10. Biện pháp chủ yếu để hạn chế tốc độ đô thị hóa ở các nước Trung và Nam Mỹ là

A. phát triển kinh tế.

B. quan tâm đến môi trường.

C. nâng cao đời sống nhân dân.

D. thực hiện tốt chính sách dân số.

Tuần: 26	Bài 44 KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MỸ	Ngày soạn: 10/3/2019
Tiết: 49		Ngày giảng: 12/3/2019

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh đạt được:

1. Kiến thức:

- Hiểu rõ được sự phân chia đất đai ở Trung và Nam Mỹ không đồng đều, với hai hình thức sản xuất nông nghiệp đại điền trang (La-ti-fun-đia) và tiểu điền trang (Mi-ni-fun-đia).
- Cải cách ruộng đất ở Trung và Nam Mỹ ít thành công.
- Nắm vững sự phân bố nông nghiệp ở Trung và Nam Mỹ.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đọc phân tích lược đồ, ảnh địa lí để thấy được các hình thức sản xuất nông nghiệp, sự phân bố sản xuất nông nghiệp ở Trung và Nam Mỹ.

3. Thái độ: HS có thái độ học tập đúng đắn

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học; hợp tác; ...
- Năng lực riêng: sử dụng bản đồ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ nông nghiệp Trung và Nam Mỹ.
- Một số hình ảnh về tiểu điền trang và đại điền trang.

2. Đối với học sinh

- Chuẩn bị bài, SGK, TBĐ

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) (Thời gian: 5 phút)

1. Mục tiêu

- HS biết về sự phân chia đất đai ở Trung và Nam Mỹ không đồng đều với hai hình thức sản xuất tiểu điền trang và đại điền trang

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua lược đồ - Cá nhân/nhóm.

3. Phương tiện: Lược đồ nông nghiệp Trung và Nam Mỹ.

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh ảnh và lược đồ nông nghiệp Trung và Nam Mỹ để nắm được :

- Nhiều diện tích đất đai ở Trung và Nam Mỹ lại thuộc quyền sở hữu của các công ty tư bản nước ngoài tại sao vậy?

- Giáo viên yêu cầu học sinh quan sát tranh ảnh và lược đồ nông nghiệp Trung và Nam Mỹ để nắm được sự phân bố cây trồng, vật nuôi.

Bước 2: HS quan sát lược đồ để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Tìm hiểu các hình thức sở hữu trong nông nghiệp (Thời gian: 20 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP sử dụng tranh ảnh, SGK... KT học tập hợp tác

...

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân/nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>- GV: Hướng dẫn hs đọc từ “Ở Trung và Nam Mỹ phần lớn trồng các cây lương thực để tự túc” và hướng dẫn học sinh quan sát H44.1 và H44.3 SGK.</p> <p>-Tổ chức thảo luận nhóm:</p> <p><i>B.1 GV chia nhóm và giao nhiệm vụ</i></p> <p><i>Quan sát H44.1 và H44.3 kết hợp với nội dung SGK cho biết ở Trung và Nam Mỹ có những hình thức sở hữu nào trong nông nghiệp, nêu đặc điểm của hình thức đó?</i></p> <p><i>B.2 HS Thảo luận theo nhóm</i></p> <p><i>B.3 HS đại diện báo cáo kết quả thảo luận nhóm.</i></p> <p><i>B.4 GV chuẩn hóa kiến thức.</i></p> <p>Gồm hai hình thức:</p> <p>+ Đại điền trang: H44.3 Sản xuất trên qui mô lớn.</p> <p>+ Tiểu điền trang: H44.1 Sản xuất trên qui mô</p>	<p>1. Nông nghiệp</p> <p>a. Các hình thức sở hữu trong nông nghiệp</p> <p>Ở Trung và Nam Mỹ có hai hình thức sở hữu trong nông nghiệp: Đại điền trang sản xuất trên qui mô lớn. Tiểu điền trang sản xuất trên qui mô nhỏ.</p> <p>- Một số quốc gia ở Trung và Nam Mỹ ban hành luật cải cách ruộng đất nhưng kết quả thu được rất hạn chế.</p>

nhỏ.

? Nhiều diện tích đất đai ở Trung và Nam Mỹ lại thuộc quyền sở hữu của các công ty tư bản nước ngoài tại sao vậy?

- HS: Các công ty tư bản nước ngoài mua những vùng đất rộng lớn để lập đồn điền.....

? Em có nhận xét gì về chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung và Nam Mỹ?

- HS: Sở hữu ruộng đất ở Trung và Nam Mỹ còn rất bất hợp lí

? Để giảm bớt những bất hợp lí đó các quốc gia ở Trung và Nam Mỹ đã làm gì và đạt được kết quả như thế nào?

- GV: Riêng Cu Ba đã tiến hành thành công cải cách ruộng đất tại sao như vậy?

- HS: Vì Cu Ba là nước xã hội chủ nghĩa tiên bộ ở Trung và Nam Mỹ.

HOẠT ĐỘNG 2. Các ngành nông nghiệp (Thời gian: 15 phút)

1. Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: PP sử dụng SGK, lược đồ, ...

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân/nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>- GV: Hướng dẫn học sinh quan sát bản đồ nông nghiệp treo tường kết hợp với H44.4 SGK.</p> <p style="text-align: center;">THẢO LUẬN NHÓM</p> <p><i>B.1 GV chia nhóm và giao nhiệm vụ</i></p> <p>? Cho biết ở Trung và Nam Mỹ có những loại cây trồng nào phân bố ở đâu?</p> <p><i>B.2 HS Thảo luận theo nhóm</i></p> <p><i>B.3 HS đại diện báo cáo kết quả thảo luận nhóm(Trình bày trên bản đồ)</i></p>	<p><u>b. Các ngành nông nghiệp.</u></p> <p>* Trồng trọt:</p>

B.4 GV chuẩn hóa kiến thức

+ Eo đất Trung Mỹ trồng mía, bông, cà phê, chuối.
 + Quần đảo Ăng Ti trồng cà phê, ca cao, thuốc lá và đặc biệt là mía.
 + Các quốc gia ở Nam Mỹ trồng bông, chuối, cà phê.
? Đánh giá chung về ngành trồng trọt ở Trung và Nam Mỹ?
? Dựa vào bản đồ và H44.4 H44.2 SGK cho biết loại gia súc nào được nuôi ở Trung và Nam Mỹ, chúng được nuôi ở đâu, vì sao?
 - HS: Bò, cừu, lạc đà la ma được nuôi ở các đồng cỏ trên sườn núi An Đét.
? Đánh giá chung về ngành chăn nuôi đánh cá ở Trung và Nam Mỹ?
 - GV: Hướng dẫn hs tóm tắt lại những kiến thức cơ bản trong nội dung bài.

- Trồng trọt ở Trung và Nam Mỹ mang tính chất độc canh chủ yếu trồng cây công nghiệp, cây ăn quả để xuất khẩu nhiều nước phải nhập khẩu lương thực.

* Chăn nuôi và đánh cá:

- Chăn nuôi ở Trung và Nam Mỹ phát triển với qui mô lớn.

- Pê Ru có sản lượng cá biển vào bậc nhất trên thế giới.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 3 phút)

- Tại sao nói chế độ sở hữu ruộng đất ở Trung và Nam Mỹ bất hợp lý, hậu quả?
- *Dựa vào bản đồ và H44.4 SGK cho biết loại gia súc nào được nuôi ở Trung và Nam Mỹ, chúng được nuôi ở đâu ?*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ: 2 phút)

1. Suru tầm thông tin: Các ngành công nghiệp của Trung và Nam Mỹ.
2. Tìm hiểu thông tin về rừng A-ma-dôn

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Môn: Địa lí Lớp 7

BÀI 44. KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MỸ

Câu 1: Trong tổng dân số Trung và Nam Mỹ các đại điền chủ chiếm bao nhiêu phần trăm dân số ?

- A. Gần 5%.** B. 10%. C. 15 %. D. 20%.

Câu 2: Năng xuất các đại điền trang thấp do

- A. thiếu lao động canh tác. B. sản xuất theo lối chuyên canh.
C. sản xuất theo lối quảng canh. D. đất đai kém màu mỡ dễ bạc màu.

Câu 3: Các công ti tư bản của Hoa Kỳ và Anh mua những vùng đất rộng lớn ở Trung và nam Mỹ chủ yếu không phải để

- A. chăn nuôi.
 B. lập đồn điền trồng trọt.
C. thành lập các khu nghỉ dưỡng.
 D. xây dựng các khu chế biến nông sản xuất khẩu.

Câu 4: Quốc gia nào của Trung và Nam Mỹ đã tiến hành thành công cuộc cải cách ruộng đất

- A. Cu ba. B. Bra xin. C. Achentina. D. Vê- nô-xu-ê-la.

Câu 5: Ngành trồng trọt ở nhiều nước Trung và Nam Mỹ mang tính chất độc canh do

- A. điều kiện khí hậu. B. tập quán ăn uống.
C. lệ thuộc vào nước ngoài. D. chính sách của nhà nước.

Câu 6: Loại cây được trồng nhiều nhất ở eo đất Trung Mỹ là:

- A. Mía. B. Chuối. C. Ca cao. D. Đậu tương.

Câu 7: Các quốc gia trồng nhiều cà phê ở Nam Mỹ là :

- A. E- cu-a-đo, Chi-lê. B. U-ruguay, Chi-lê.
C. Bra-xin, Co-lom-bia. D. Ac-hen-ti-na, Pê-ru.

Câu 8: Nơi nào ở Trung và Nam Mỹ xuất khẩu lúa mì ?

- A. Bra-xin, Ac-hen-ti-na. B. Bra-xin, U-ruguay.
C. U-ruguay, Ac-hen-ti-na. D. U-ruguay, Pa-raguay.

Câu 9: Nước nào ở Trung và Nam Mỹ sản lượng cá lớn nhất thế giới ?

- A. Chi-lê. B. Pê-ru. C. U-ruguay. D. Bra-xin.

Câu 10: Trên sườn núi Trung An-đet người ta chăn nuôi con con nuôi con gì?

- A. Cừu. B. Bò sữa. C. Lạc Đà D. Cừu, lạc đà Lama

Tuần: 25 Tiết: 48	Phần ba: THIÊN NHIÊN VÀ CON NGƯỜI Ở CÁC CHÂU LỤC Bài 45: KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MỸ (TT)	Ngày soạn: 13/3/2019 Ngày giảng: 15/3/2019
------------------------------------	--	---

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Trình bày và giải thích một số đặc điểm kinh tế Trung và Nam Mỹ
- Hiểu được vấn đề khai thác vùng A-ma-don và những vấn đề môi trường cần quan tâm
- Trình bày được về khối kinh tế Mec-co-xua của Nam Mỹ

2. Kỹ năng

- Sử dụng các bản đồ lược đồ kinh tế của Trung và Nam Mỹ
- Khai thác kiến thức từ tranh ảnh

3. Thái độ

Thấy được vai trò của rừng đối với sự sống và phát triển kinh tế

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: tự học; hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên:

- Lược đồ phân bố công nghiệp Trung và Nam Mỹ.
- Hình ảnh rừng Amadon, phá hoại rừng Amadon
- Hình ảnh khối thị trường chung Mec-co-xua

2. Đối với học sinh:

- Sách, vở, đồ dùng học tập

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát)

(Thời gian: 5 phút)

1. Mục tiêu

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết, nhắc lại các kí hiệu về các ngành công nghiệp được thể hiện trên lược đồ và phân bố các ngành công nghiệp
- Hiểu được việc khai thác quá mức phục vụ cho phát triển kinh tế sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường tự nhiên

Kết nối bài học ...

2. Phương pháp - kĩ thuật: Vấn đáp - Cá nhân.

3. Phương tiện: Lược đồ phân bố công nghiệp của Trung và Nam Mỹ.

4. Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Giáo viên cho HS xem lược đồ (không có phần đi chú thích) phân bố các ngành công nghiệp của Trung và Nam Mỹ

- Quan sát lược đồ phân bố các ngành công nghiệp Trung và Nam Mỹ. Hãy cho biết có những ngành công nghiệp nào thể hiện trong lược đồ?
- Theo em thì những ngành công nghiệp này phân bố ở đâu?



Hình 45.1 - Lược đồ phân bố công nghiệp Trung và Nam Mỹ

Bước 2: HS quan sát lược đồ và suy luận để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài

Việc phát triển và phân bố các ngành công nghiệp của Trung và Nam Mỹ không đồng đều, phụ thuộc rất nhiều vào nguồn nguyên liệu tại chỗ. Để hiểu rõ hơn đặc điểm phát triển và phân bố các ngành công nghiệp Trung và Nam Mỹ như thế nào. Bên cạnh đó việc phá hoại tự nhiên, rừng nguyên sinh đã ảnh hưởng đến cuộc sống con người ra sao. Chúng ta cùng vào bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1. Hoạt động sản xuất công nghiệp Trung và Nam Mỹ (thời gian 12 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng lược đồ, hình ảnh
- Kỹ thuật: Kỹ thuật giao nhiệm vụ, trình bày.

2. Hình thức tổ chức:

- Thảo luận cặp đôi

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
2. Công nghiệp	2. Công nghiệp

<p>- Bước 1: GV giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào hình 45.1 SGK, trình bày sự phân bố sản xuất của các ngành công nghiệp chủ yếu ở khu vực Trung và Nam Mỹ? - Nêu một số nước công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhất trong khu vực? - Vì sao mà các nước ở khu vực Andet phát triển công nghiệp khai khoáng, vùng biển Caribê phát triển công nghiệp thực phẩm và sơ chế nông sản? - Em hãy cho biết các ngành công nghiệp chủ yếu của Trung- Nam Mỹ? <p>Bước 2: HS làm việc theo cặp</p> <p>Bước 3: HS báo cáo kết quả, các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Các ngành công nghiệp chủ yếu : Khai thác khoáng sản, sơ chế nông sản và chế biến thực phẩm để xuất khẩu - Công nghiệp phát triển tương đối toàn diện là Bra Xin, Ac Hen Ti Na, Chi Lê, Vê-Nê- Xu-ê- La.
--	---

HOẠT ĐỘNG 2. Vấn đề khai thác rừng Amadon (Thời gian: 12 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng SGK, tranh ảnh, đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm
- Kỹ thuật giao nhiệm vụ, kỹ thuật động não, trình bày.

2. Hình thức tổ chức:

- Thảo luận nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>3. Vấn đề khai thác rừng Amadon</p> <p>Bước 1: GV chia nhóm, giao nhiệm vụ</p> <p>Nhóm 1 và 2: Lợi ích của rừng Amadon?</p> <p>Nhóm 3 và 4: Vì sao phải bảo vệ rừng Amadon?</p> <p>Nhóm 5 và 6: Chúng ta phải làm gì để bảo vệ rừng Amadon?</p> <p>Bước 2: Các nhóm thảo luận</p> <p>Bước 3: Đại diện một nhóm báo cáo kết quả, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, chuẩn kiến thức, minh họa bằng hình ảnh (phụ lục 1)</p>	<p>3. Vấn đề khai thác rừng A-ma-dôn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khai thác rừng Amadon, góp phần phát triển kinh tế. - Việc khai thác rừng Amadon vào mục đích kinh tế đã làm hủy hoại môi trường, ảnh hưởng đến khí hậu khu vực và toàn cầu

HOẠT ĐỘNG 3. Khôi thị trường Mec-co-xua (Thời gian: 7 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng tranh ảnh, SGK
- Kỹ thuật giao nhiệm vụ, KT động não, KT trình bày.

2. Hình thức tổ chức:

- Cá nhân

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p>4. Khối thị trường chung Mec-co-xua</p> <p>Bước 1: GV cho HS xem các hình ảnh liên quan đến khối thị trường chung Mec-co-xua (phụ lục 2), đọc khai thác thông tin và trả lời câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thành lập khối Mec-co-xua? - Khối Mec-co-xua gồm những quốc gia nào? - Mục tiêu của khối Mec-co-xua? - Nêu thành tựu của khối thị trường Mec-co-xua? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Trong quá trình HS làm việc GV phải quan sát theo dõi đánh giá thái độ</p> <p>Bước 3: Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung</p> <p>Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức</p>	<p>4. Khối thị trường chung Mec-co-xua</p> <p>Năm 1991 các nước Bra Xin, Ac Hen Ti Na, U Ru Goay, Pa ra Goay đã thống nhất cùng nhau hình thành 1 thị trường chung</p> <p>- Mục tiêu</p> <p>Tháo gỡ hàng rào thuế quan, tăng cường trao đổi thương mại giữa các quốc gia trong khối, thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kỳ.</p> <p>- Thành tựu</p> <p>Việc tháo dỡ hàng rào thuế quan và tăng cường trao đổi thương mại giữa các quốc gia trong khối đã góp phần làm tăng sự thịnh vượng của các thành viên trong khối</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 5 phút)

GV cho HS trình bày một trong các nội dung đã học:

- Đặc điểm phát triển công nghiệp Trung và Nam Mỹ
- Nguyên nhân và hậu quả của việc khai thác rừng Amadon
- Trình bày đặc điểm khối thị trường Mec-co-xua?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 4 phút)

- Sưu tầm hình ảnh về tác hại của việc phá rừng Amadon
- Vì sao chúng ta cần bảo vệ rừng Amadon.
- Nắm vững nội dung kiến thức bài. Làm BT 1, 2, 3. (GV hướng dẫn bài tập 2).
- Tìm hiểu bài mới: Thực hành: Sự hóa thối thực vật ở sườn Đông sườn Tây dãy An-det

10 CÂU HỎI TNKQ CỦA BÀI 45: KINH TẾ TRUNG VÀ NAM MỸ (tt)

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất

Câu 1/ Những nước công nghiệp mới có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Nam Mỹ là

- A. Chi –lê, Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Pê-ru.
- B. Chi –lê, Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay.
- C. Chi –lê, Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Pa-ra-guay.
- D. Chi –lê, Bra-xin, Ac-hen-ti-na, Vê-nê-xu-ê-la.**

Câu 2/ Thế mạnh trong công nghiệp của các nước Nam Mỹ là

- A. điện tử, lọc dầu, hóa chất. B. cơ khí, lọc dầu, thực phẩm.
C. khai thác khoáng sản, đóng tàu. D. khai thác khoáng sản, sơ chế nông sản, chế biến thực phẩm để xuất khẩu.

Câu 3/ Khối thị trường chung Méc-cô-xua được hình thành vào năm nào?

- A. 1990. B. 1991. C. 1992. D. 1993.

Câu 4/ Các nước thành viên khối thị trường chung Méc-cô-xua gồm

- A. Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay, Pê-ru.
B. Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay, Bô-li-vi-a.
C. Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay, Bô-li-vi-a, Chi-lê.
D. Bra-xin, Ac-hen-ti-na, U-ru-guay, Pa-ra-guay, Bô-li-vi-a, Chi-lê.

Câu 5/ Mục tiêu của khối thị trường chung Méc-cô-xua là

- A. tăng cường phát triển kinh tế của các nước thành viên trong khối.
B. hợp tác trao đổi kinh tế của các nước thành viên nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.
C. tăng cường quan hệ ngoại thương giữa các thành viên, thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kỳ.
D. tăng cường quan hệ ngoại thương giữa các thành viên, thoát khỏi sự lũng đoạn kinh tế của Hoa Kỳ, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Câu 6/ Các nước ở khu vực An –đét và eo đất Trung Mỹ phát triển mạnh ngành công nghiệp nào?

- A. Hóa chất. B. Thực phẩm. C. Khai khoáng. D. Sản xuất ô tô.

Câu 7/ Những thành tựu đã đạt được của khối Mec-cô-xua

- A. tăng khả năng cạnh tranh của các nước thành viên trên thị trường thế giới.
B. đã kết hợp được thế mạnh của các nước thành viên tạo nên một thị trường chung rộng lớn.
C. việc tháo dỡ hàng rào thuế quan và tăng cường trao đổi thương mại giữa các quốc gia trong khối đã góp phần gia tăng sự thịnh vượng của các thành viên trong khối.
D. việc tháo dỡ hàng rào thuế quan và tăng cường trao đổi thương mại giữa các quốc gia trong khối đã góp phần gia tăng sự thịnh vượng của các thành viên trong khối, đã kết hợp được thế mạnh của các nước thành viên tạo nên một thị trường chung rộng lớn.

Câu 8/ Dựa vào lược đồ phân bố công nghiệp Trung và Nam Mỹ. Các nước vùng biển Ca-ri-bê phát triển mạnh những ngành công nghiệp nào?

- A. Sơ chế nông sản, đóng tàu. B. Đánh bắt cá, chế biến thực phẩm.

C. Sơ chế nông sản, chế biến thực phẩm. D. Sơ chế nông sản, chế biến thực phẩm, đánh bắt hải sản.

Câu 9/ Dựa vào lược đồ phân bố công nghiệp Trung và Nam Mỹ. Ngành sản xuất ô tô phát triển mạnh ở nước nào?

- A. Pê-ru. B. Chi-lê. C. U-ru-guay. D. Bra-xin.

Câu 10/ Vì sao chúng ta phải đặt vấn đề bảo vệ rừng A-ma-dôn?

- A. Đây là vùng dự trữ sinh học quý giá.
B. Có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải đường sông.
C. Đây là vùng dự trữ sinh học quý giá, có nhiều tiềm năng để phát triển nông nghiệp, công nghiệp và giao thông vận tải đường sông.
D. Bảo vệ môi trường sinh thái, hạn chế tác động xấu tới môi trường của khu vực và toàn cầu.

Tuần: 27 Tiết: 51	Bài 46: Thực Hành SỰ PHÂN HOÁ CỦA THẨM THỰC VẬT Ở SƯỜN ĐÔNG VÀ SƯỜN TÂY CỦA DÂY NÚI ANDÉT	Ngày soạn: 18/3/2019 Ngày giảng: 20/3/2019
------------------------------------	--	---

I MỤC TIÊU BÀI HỌC: Qua bài thực hành HS cần:

1. Kiến thức:

- Nắm vững sự phân hoá của môi trường theo độ cao của Andét.
- Hiểu rõ sự khác nhau giữa sườn đông và sườn tây của dãy Andét. Sự khác nhau trong vấn đề sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên ở sườn đông và sườn tây dãy Andét.

2. Kỹ năng:

- Quan sát sơ đồ lát cắt, qua đó nhận biết được qui luật phi địa đới thể hiện ở sự thay đổi thảm thực vật ở 2 sườn Đông & Tây An-đét.

3. Thái độ:

- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường.
- Có ý thức ham học hỏi

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học; hợp tác, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng tranh ảnh, lược đồ.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Lát cắt sườn đông và sườn tây của dãy Andét.
- Lược đồ tự nhiên Nam Mỹ.

2. Đối với học sinh

- Lược đồ miền Bắc của dãy Andét.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Thời gian: 5 phút)

1. Mục tiêu.

- Học sinh được gợi nhớ về sự phân hóa của thảm thực vật theo độ cao và hướng sườn của 2 bên dãy núi An đét, sử dụng kỹ năng đọc sơ đồ để nhận biết.
- Tìm ra những đặc điểm mà học sinh chưa biết về sườn Đông và sườn Tây của dãy núi An đét.

1. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua tranh ảnh - Cá nhân.

2. Phương tiện: Sơ đồ sườn Tây và sườn Đông An-đét qua lãnh thổ Pê-ru

3. Các bước hoạt động:

Bước 1. Giao nhiệm vụ

Giáo viên cung cấp một số hình ảnh về sơ đồ sườn Tây và sườn Đông An-đét và yêu cầu học sinh nhận biết: Quan sát các hình dưới đây, em hãy kể tên sự phân hóa của thảm thực vật ở 2 bên sườn Tây và sườn Đông của dãy núi An-đét?

Bước 2. Học sinh quan sát tranh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3. Học sinh báo cáo kết quả (HS trả lời, HS khác nhận xét)

Bước 4. GV dẫn dắt vào bài: Tại sao lại có sự khác nhau về thảm thực vật ở sườn Tây và sườn Đông của dãy núi An-đét -> Tìm hiểu bài mới.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu các đai thực vật theo chiều cao ở sườn Tây và sườn Đông dãy An-đét (thời gian: 25 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng tranh ảnh, SGK, kỹ thuật giao nhiệm vụ, KT động não, KT trình bày.

2. Hình thức tổ chức:

- Cá nhân, thảo luận nhóm.

1. Bài tập 1, 2.

Bước 1: Phân chia nhóm và giao nhiệm vụ

Bài tập 1 & 2: Dựa vào Hình 46.1&2 SGK yêu cầu các nhóm ghi cụ thể thứ tự các đai thực vật ở sườn Đông, Tây An-đét theo chiều cao, giới hạn phân bố của từng đai.

- Nhóm 1 + 2 : Tìm hiểu sườn Đông; - Nhóm 3 + 4: Tìm hiểu sườn Tây.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Trình bày trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

Độ cao (met)	Sự phân bố thực vật theo đai cao ở An-đet	
	Sun Đông	Sườn Tây
0 → 1000	- Rừng nhiệt đới.	- Thực vật ½ hoang mạc.
1000 → 1300	- Rừng lá rộng.	- Cây bụi, xương rồng.
1300 → 2000	- Rừng lá kim.	- Cây bụi, xương rồng.
2000 → 3000	- Rừng lá kim.	- Đồng cỏ, cây bụi.
3000 → 4000	- Đồng cỏ.	- Đồng cỏ núi cao.
4000 → 5000	- Đồng cỏ núi cao.	- Đồng cỏ núi cao.
> 5000	- Đồng cỏ núi cao + Băng tuyết.	- Băng tuyết

HOẠT ĐỘNG 2. Giải thích tại sao từ độ cao 0 -1000m, ở sườn Đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn Tây là thực vật nửa hoang mạc (Thời gian: 9 phút)

1. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:

- PP sử dụng SGK, tranh ảnh..., kỹ thuật hoàn tất một nhiệm vụ, kỹ thuật động não, đặt câu hỏi, học tập hợp tác.

2. Hình thức tổ chức: Cá nhân

2. Bài tập 3

Bước 1: Giao nhiệm vụ

- GV hướng dẫn HS Quan sát Hình 46.1 & 46.2, kết hợp bảng so sánh bài tập 1 & 2 để giải thích sự khác nhau về thảm thực vật ở độ cao 0 -1000 m giữa sườn Đông và sườn Tây của dãy An-đet đi qua lãnh thổ Pê-ru.

- Phần lớn lãnh thổ Trung và Nam Mỹ nằm trong đới khí hậu nào? Có loại gió gì thổi thường xuyên quanh năm?

- Xác định các dòng hải lưu chảy qua khu vực Trung và Nam Mỹ? Nêu ảnh hưởng của các dòng hải lưu đối với khí hậu khu vực?

- Dựa vào các điều kiện tự nhiên vừa tìm hiểu được, hãy giải thích sự phân hóa khí hậu khác nhau giữa sườn Đông và Tây của dãy An-đet?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và ghi vào giấy nháp. Trong quá trình HS làm việc, GV phải quan sát, theo dõi, đánh giá thái độ...

Bước 3: Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

* Nguyên nhân của sự phân hóa thảm thực vật ở sườn Đông và sườn Tây của dãy An-đet:

- Ở sườn Đông An-đet: Là sườn đón gió Tín phong hướng Đông Bắc và Đông Nam thổi thường xuyên quanh năm mang lại hơi ẩm của dòng biển nóng Guy-a-na và Bra-xin chạy ven bờ vào sâu trong đất liền, do đó khí hậu mang tính chất nóng ẩm, mưa nhiều và mưa quanh năm tạo điều kiện cho

rừng nhiệt đới phát triển.

- Ở sườn Tây An-đét: Sau khi gió trút hết hơi nước ở sườn đón gió, vượt núi trở nên biến tính khô và nóng (hiệu ứng phơn), cộng với tác dụng của dòng biển lạnh Pê-ru chảy sát ven biển làm cho khối khí từ biển vào bị mất hơi nước trở nên khô, dẫn đến khí hậu ở sườn Tây khô hình thành thảm thực vật nửa hoang mạc.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 4 phút)

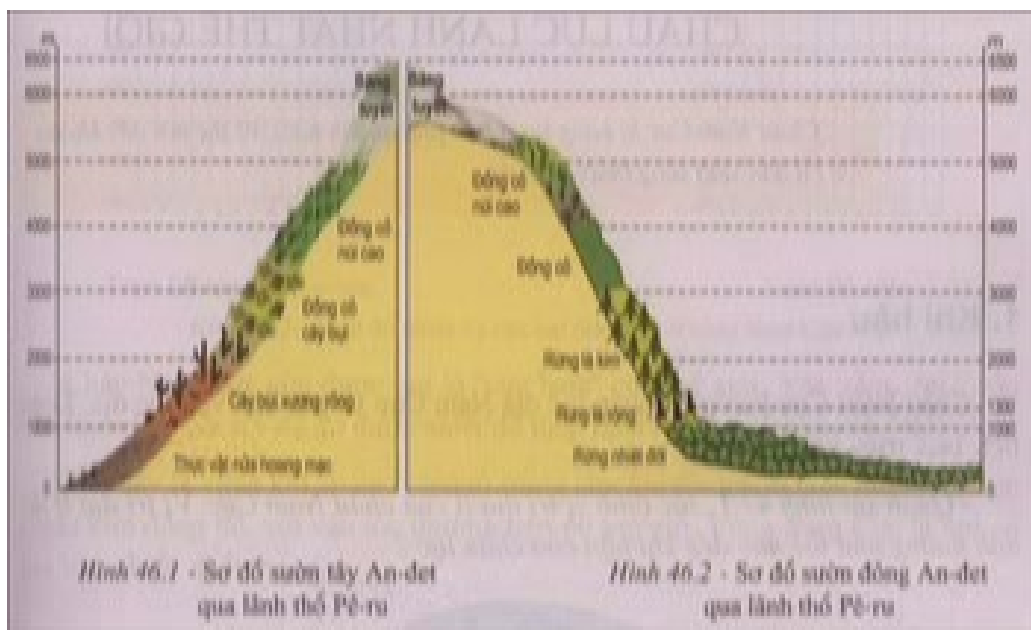
- GV cho HS trình bày một trong các nội dung đã học.
- + Ở độ cao 4000 - 5000 m của sườn Đông và sườn Tây có đại thực vật nào?
- + Tại sao từ độ cao 0 -1000m ở sườn Đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn Tây là thực vật nửa hoang mạc?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG (Thời gian: 2 phút)

- Nắm vững các BT 1, 2, 3 sgk và rèn luyện thêm trong tập bản đồ.
- Ôn lại toàn bộ Châu Mỹ để tiết sau ôn tập.

10 câu hỏi trắc nghiệm bài 46 – Địa lí 7

Nhận biết



Khoanh tròn vào chữ cái đứng đầu ý trả lời đúng nhất

Câu 1: Quan sát H46.1, ở độ cao từ 0m đến 1000 m, có đai thực vật

- A. cây bụi xương rồng. B. đồng cỏ cây bụi.
C. đồng cỏ núi cao. D. thực vật nửa hoang mạc.

Câu 2: Quan sát H46.1, xác định các đai thực vật theo chiều cao từ 1000 m đến 2000 m?

- A. Băng tuyết. B. Cây bụi xương rồng.
C. Đồng cỏ núi cao. D. Đồng cỏ cây bụi.

Câu 3: Đai thực vật rừng lá rộng ở H46.2 được phân bố ở độ cao nào?

- A. 0 đến 1000 m. B. 1000 đến 1300 m.
C. 1300 m đến 3000 m. D. 3000 đến 4000 m.

Câu 4: Đai thực vật rừng lá kim ở H46.2 được phân bố ở độ cao nào?

- A. 1300 đến 3000 m. B. 3000 đến 4000 m.
C. 4000 m đến trên 5000 m. D. trên 5000 m đến 6000 m.

Thông hiểu

Câu 5: Quan sát H46.1, xác định các đai thực vật theo thứ tự từ chân núi đến đỉnh núi?

A. Thực vật nửa hoang mạc -> Cây bụi xương rồng -> Đồng cỏ cây bụi -> Băng tuyết -> Đồng cỏ núi cao.

B. Thực vật nửa hoang mạc->Cây bụi xương rồng -> Đồng cỏ cây bụi -> Đồng cỏ núi cao ->Băng tuyết.

C. Băng tuyết -> Đồng cỏ núi cao -> Đồng cỏ cây bụi ->Cây bụi xương rồng -> Thực vật nửa hoang mạc.

D. Cây bụi xương rồng -> Đồng cỏ cây bụi -> Đồng cỏ núi cao -> Thực vật nửa hoang mạc -> Băng tuyết.

Câu 6: Quan sát H46.2, xác định các đai thực vật theo thứ tự từ đỉnh núi xuống chân núi?

A. Băng tuyết -> Đồng cỏ núi cao -> Đồng cỏ -> Rừng lá kim -> Rừng lá rộng -> Rừng nhiệt đới.

B. Đồng cỏ -> Băng tuyết -> Rừng lá kim -> Rừng lá rộng -> Rừng nhiệt đới -> Đồng cỏ núi cao.

C. Rừng lá kim -> Rừng lá rộng -> Rừng nhiệt đới -> Đồng cỏ núi cao -> Băng tuyết -> Đồng cỏ.

D. Rừng lá rộng -> Rừng lá kim -> Băng tuyết ->Rừng nhiệt đới -> Đồng cỏ núi cao -> Đồng cỏ.

Câu 7: Quan sát H 46.1 và H46.2, ở cùng độ cao 4000m – 4500 m có các đai thực vật nào giống nhau?

- A. Đồng cỏ. B. Đồng cỏ núi cao.
C. Rừng lá kim. D. Đồng cỏ cây bụi.

Vận dụng thấp

Câu 8: Quan sát H46.2, cho biết thảm thực vật nào thích hợp với khí hậu nóng, ẩm ướt, mưa nhiều?

- A. Đồng cỏ. B. Rừng lá kim.
C. Rừng lá rộng. D. Rừng nhiệt đới.

Câu 9: Quan sát H46.1, cho biết thảm thực vật nào thích hợp với khí hậu khô, ít mưa?

- A. Đồng cỏ cây bụi. B. Cây bụi xương rồng.
C. Đồng cỏ núi cao. D. Thực vật nửa hoang mạc.

Vận dụng cao

Câu 10: Từ độ cao 0- 1000m, ở sườn đông có rừng nhiệt đới còn ở sườn tây là thực vật nửa hoang mạc là do

- A. sườn đông mưa nhiều, thực vật phát triển, sườn tây khô hạn hơn.
- B. sườn tây có nhiệt độ cao, ít mưa còn sườn đông ẩm, mưa nhiều.
- C. sườn tây ảnh hưởng của dòng lạnh Pê-ru, sườn đông ảnh hưởng của dòng nóng Guy-a-na và gió Tín Phong Đông Bắc.**
- D. sườn đông ảnh hưởng của dòng lạnh Pê-ru, sườn tây ảnh hưởng của dòng nóng Guy-a-na và gió Tín Phong Đông Bắc.

Ngày soạn : 20/3/2019

Ngày giảng: 22/3/2019

Tiết 52: ÔN TẬP

I. Mục tiêu bài học :

1. Kiến thức:

- Nhằm hệ thống hoá và củng cố kiến thức đã học cho học sinh nắm từ Châu phi đến châu mỹ

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng đọc lược đồ và trả lời các câu hỏi ở dạng giải thích .

3. Tư tưởng:

- Nắm được hệ thống ôn, để làm bài kiểm tra cho tốt.
- Có ý thức kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp.

4. Định hướng năng lực:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực tự quản lý, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông, năng lực sử dụng ngôn ngữ, năng lực tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ, sử dụng bản đồ, sử dụng số liệu thống kê, sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình để hệ thống lại nội dung ôn tập trong chương châu Phi và châu Mỹ

II. Chuẩn bị phương tiện dạy học:

1. Giáo viên:

- Bản đồ tự nhiên Châu Phi và Châu Mỹ.

2. Học sinh:

- SGK, tài liệu tham khảo

III. Hoạt động dạy học:**1. Ôn định tổ chức:****2. Kiểm tra bài cũ:****3. Bài tập:***** Hoạt động 1: Hướng dẫn học sinh ôn tập**

1. Nêu sự khác biệt về kinh tế giữa khu vực Bắc Phi và khu vực trung Phi?
 - Các nước Bắc Phi ven địa trung hải trồng lúa mì, ô liu, các nước phía nam Xahara trồng lạc, ngô, bông. Ngành công nghiệp chính là khai khoáng và khai thác dầu mỏ.
 - Các nước Trung Phi trồng trọt và chăn nuôi theo lối cổ truyền, khai thác khoáng sản, lâm sản, trồng cây công nghiệp xuất khẩu.
2. Sự khác nhau về dân cư, xã hội giữa khu vực trung và Bắc Phi?
 - Khu vực Bắc Phi: Đa số là người ả rập, Béc Be thuộc chủng tộc Ôrôpêôit chủ yếu theo đạo hồi. Kinh tế tương đối phát triển nhờ vào sản xuất nông nghiệp và khai thác dầu mỏ.
 - Khu vực trung Phi: Thuộc chủng tộc Nê grô ít có tín ngưỡng đa dạng hầu hết các nước trong khu vực kinh tế còn thấp kém dựa vào khai thác lâm sản, khủng hoảng kinh tế, nạn đói xảy ra.
3. Tại sao khí hậu Nam Phi ẩm và dịu hơn khu vực Bắc Phi?
 - Lãnh thổ khu vực Nam Phi hẹp hơn Bắc Phi, có dòng biển nóng chảy ven bờ và gió đông nam từ ADD thổi vào đem theo hơi nước làm cho thời tiết ở đây quanh năm mưa nhiều hơn Bắc Phi.
4. Trình bày sự phân hoá của khí hậu Bắc Mỹ? Giải thích sự phân hoá đó?
 - Trải dài từ vòng cực Bắc đến vĩ độ 150B, Bắc Mỹ nằm cả 3 vành đai khí hậu hàn đới, ôn đới và nhiệt đới. Trong mỗi đới khí hậu lại có sự phân hoá theo chiều tây – đông, đặc biệt là sự phân hoá giữa phần phía tây và phần phía đông kinh tuyến 100 độ T của HOA Kỳ, có thể chia 4 vùng khí hậu:
 - a) Các đảo phía bắc, Alaxca, Bắc Canada có khí hậu hàn đới.
 - b) Hầu hết sơn nguyên phía đông và đông bắc trung tâm có khí hậu ôn đới.
 - c) Phía tây dãy Coócđie có khí hậu núi cao.
 - d) Miền nam lục địa có khí hậu nhiệt đới.
5. Những điều kiện nào làm cho nền nông nghiệp Hoa Kỳ và Canada phát triển đến trình độ cao?
 - Điều kiện tự nhiên thuận lợi: Đồng bằng rộng lớn, khí hậu ôn đới.
 - Ưu thế về khoa học kỹ thuật: Có nhiều thiết bị tự động hoá được sự hỗ trợ đắc lực của cả việc nghiên cứu về giống, phân bón, thuốc trừ sâu.
 - Cách tổ chức sản xuất nông nghiệp tiên tiến, chuyên môn hoá cao.
6. Hiệp định mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA) có ý nghĩa gì đối với các nước Bắc Mỹ?
 - Khối kinh tế này được thành lập để kết hợp được thế mạnh của 3 nước tạo nên thị trường chung rộng lớn tăng sức cạnh tranh trên thị trường thế giới.
 - + Hoa Kỳ và Canada có nền kinh tế phát triển, Mê Hi Cô có nguồn lao động dồi dào, giá rẻ.
7. So sánh đặc điểm địa hình Bắc Mỹ với đặc điểm địa hình Nam Mỹ?
 - + Điểm giống nhau: Gồm 3 dạng địa hình chính phân bố như nhau từ tây sang đông, núi trẻ, đồng bằng núi già và cao nguyên.

+ Điểm khác nhau: ở Bắc Mỹ hệ thống núi Coóc đie và sơn nguyên chiếm gần một nửa lục địa Bắc Mỹ trong khi ở Nam Mỹ hệ thống Andét cao và đồ sộ hơn nhưng chiếm tỷ lệ nhỏ hơn so với hệ thống Coócđie ở Bắc Mỹ.

8. Nêu tên các kiểu khí hậu ở trung và Nam Mỹ? Sự phân bố các kiểu khí hậu này có mối quan hệ như thế nào với sự phân bố địa hình?

- Khí hậu cận nhiệt đới: 280N – 400N

- Khí hậu nhiệt đới xích đạo: 100N – 280N

- Khí hậu ôn đới: 400N trở xuống.

* Theo địa hình, khí hậu giữa khu tây (dãy Andét) và khu đông (ĐB) trung tâm và cao nguyên phía đông của Nam Mỹ có sự phân hoá khác.

9. Trình bày các kiểu môi trường ở trung và Nam Mỹ?

- Từ bắc đến nam: Đồng bằng Amazon: Rừng xích đạo phát triển quanh năm, thực vật, động vật rất phong phú. Phía đông eo đất trung Mỹ và quần đảo ăng ti là rừng rậm nhiệt đới.

+ Phía tây eo đất Trung Mỹ và quần đảo ăng ti và đồng bằng ô ri nô cô(Nam Mỹ) rừng thưa và Xavan phát triển .

+ ở đồng bằng PamPa: Thảo nguyên phát triển rộng lớn.

+ Miền duyên hải phía tây vùng trung Andét: Hoang mạc.

+ Trên cao nguyên Patagônia phía nam Nam Mỹ có bán hoang mạc ôn đới.

- Thấp lên cao: Thiên nhiên vùng Andét thay đổi theo 2 chiều bắc nam từ chân núi đến đỉnh núi.

+ ở chân núi vùng bắc và trung An đét có số rừng xích đạo quanh năm rậm rạp. Vùng nam Andét rừng cận nhiệt và ôn đới phát triển.

+ Lên cao các cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo độ cao và thay đổi của nhiệt độ.

10. Giải thích vì sao phía tây Andét lại có hoang mạc?

- Do ảnh hưởng của dòng biển lạnh Pêru rất mạnh chảy sát bờ biển làm cho hơi nước từ biển vào đi qua dòng biển này gặp lạnh ngưng đọng thành sương mù. Khi không khí vào đến đất liền đã mất hơi nước trở nên mưa khô rất hiếm tạo điều kiện cho hoang mạc phát triển.

11. Quá trình đô thị hoá ở Trung và Nam Mỹ khác với Bắc Mỹ như thế nào?

- ở Bắc Mỹ phát triển đô thị gắn với việc phát triển kinh tế công nghiệp hoá, hình thành nhiều trung tâm công nghiệp kỹ thuật cao, các ngành dịch vụ ... giải quyết được công ăn việc làm, nâng cao đời sống người dân.

- ở Nam Mỹ: đô thị phát triển nhanh nhưng kinh tế chậm phát triển dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng về đời sống và môi trường.

12. Nêu sự bất hợp lý trong chế độ sở hữu ruộng đất ở trung và Nam Mỹ?

- Đa số nông dân bản địa sở hữu chưa tới 40% đất đai canh tác, trong khi chỉ 5% đại điền chủ và một số công ty nước ngoài chiếm tới 60% quốc gia Trung và Nam Mỹ lệ thuộc vào nước ngoài.

13. Tại sao phải đặt vấn đề bảo vệ rừng Amazon?

- Rừng Amazon ở Nam Mỹ có diện tích rộng lớn, đất đai màu mỡ, bao phủ bởi rừng nhiệt đới, mạng lưới sông ngòi rộng lớn, dày đặc, nhiều khoáng sản. Đây không chỉ là lá phổi của thế giới, vùng dự trữ sinh học quý giá mà còn là vùng có nhiều tiềm năng phát triển kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải. Do đó bảo vệ môi trường được đặt ra là cần thiết.

Hoạt động 2 Củng cố - Gv chốt lại một số câu hỏi.

*** Hoạt động 2: Củng cố - dặn dò**

*** Củng cố**

- Gv hệ thống toàn bộ nội dung ôn tập.

*** Dẫn dò**

- Yêu cầu hs ôn tập tiết sau kiểm tra 1 tiết.

Tuần: 29

Ngày soạn: 03/4/2019

Tiết: 56

Ngày dạy: 05/4/2019

Bài 49: DÂN CƯ VÀ KINH TẾ CHÂU ĐẠI DƯƠNG

I. Mục tiêu:

1. Kiến thức:

- Nắm vững đặc điểm dân cư và lịch sử phát triển kinh tế - xã hội Châu Đại Dương, đặc biệt là của Ôx-trây-li-a và Niu-di-lân.
- Hiểu rõ mối quan hệ giữa các điều kiện tự nhiên với sự phân bố dân cư, sự phát triển công, nông nghiệp.

2. Kỹ năng:

- Củng cố kỹ năng đọc, phân tích, nhận xét nội dung các lược đồ, bảng số liệu.

3. Thái độ:

- Tinh thần học hỏi, ham hiểu biết
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên

II. Chuẩn bị của GV và HS:

1. GV:

- Bản đồ phân bố dân cư và đô thị ở Ôx-trây-li-a.
- Bản đồ kinh tế Ôx-trây-li-a.
- Ảnh về thổ dân ở Ôx-trây-li-a, ảnh về cảnh chăn nuôi khai khoáng.

2. HS:

- Tìm hiểu nội dung bài mới
- Sưu tầm tranh ảnh tài liệu liên quan đến nội dung bài học

III. Tổ chức các hoạt động dạy học::

1. Ổn định: (2')

- Điểm danh:

2. Kiểm tra bài cũ: (5')

- Trình bày đặc điểm khí hậu, thực vật và động vật ở Châu Đại Dương?

- Phần lớn các đảo của Châu Đại Dương có khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, điều hoà. Quần đảo Niu-di-len và phía nam lục địa Ôx-trây-li-a có khí hậu ôn đới. Phần lớn diện tích lục địa Ôx-trây-li-a là hoang mạc.
- Thực vật: Rừng xích đạo xanh quanh năm, rừng mưa nhiệt đới, rừng dừa.
- Động vật: Rất độc đáo với các loài thú có túi, cáo mỏ vịt....

A. Hoạt động khởi động (Tình huống xuất phát)

- Thời gian: (5')
- Gv: Treo bản đồ Bản đồ phân bố dân cư và đô thị ở Ôx-trây-li-a, bản đồ kinh tế Ôx-trây-li-a.
- ? Quan sát bản đồ, nhận xét về sự phân bố dân cư và trình độ phát triển kinh tế của các nước Châu Đại Dương?
- Hs: Phát biểu cá nhân
- Gv: Nhận xét, chốt kiến thức: Châu Đại Dương dân số không đông (năm 2001 là 31 triệu người) nhưng lại chia thành nhiều quốc gia, các quốc gia có nền kinh tế phát triển hết sức trỗi dậy.

B. Hình thành kiến thức mới.

- Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm dân cư Châu Đại Dương (15')

- Mục tiêu:
 - Nắm vững về sự phát triển kinh tế đặc điểm dân cư và lịch sử xã hội Châu Đại Dương
- Phương pháp:
 - Hướng dẫn hs quan sát bảng số liệu, bản đồ, rút ra kết luận; Thảo luận nhóm; đàm thoại; vấn đáp.
- Hình thức tổ chức:
 - Chia nhóm, phân công nhóm trưởng, thư kí.
- Các bước hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng
- GV: Hướng dẫn hs đọc bảng số liệu SGK. <i>? Qua đọc bảng số liệu hãy nhận xét về mật độ dân số và tỉ lệ dân thành thị ở một số quốc gia thuộc Châu Đại Dương?</i> - HS: thảo luận nhóm. - HS: Báo cáo kết quả thảo luận nhóm. - Gv: Đánh giá, chốt kiến thức. + Mật độ dân số trung bình toàn châu lục rất thấp + Tỉ lệ dân thành thị rất cao 69% năm 2001. Tỉ lệ dân thành thị ở Ôx-trây-li-a và Niu-di-len cao hơn các quốc gia khác. - GV: Hướng dẫn học sinh quan sát trên bản đồ dân cư và đô thị Châu Đại Dương. <i>? Quan sát trên bản đồ rút ra nhận xét về sự phân bố dân cư và đô thị ở Châu Đại Dương?</i> - HS: Xác định trên bản đồ. Sự phân bố dân cư và đô thị ở Châu Đại Dương không đồng đều.	1. Dân cư. - Số dân: 31 triệu người (năm 2001) - Mật độ dân số thấp (3,6 ng/km ²) - Tỉ lệ dân thành thị rất cao 69% (năm 2001) - Dân cư phân bố không đồng đều, phần lớn dân cư tập trung ở dải đất hẹp phía đông, đông nam lục

- GV: Hướng dẫn học sinh quan sát H49.1
? Xác định vị trí thành phố Xít-ni trên bản đồ?
- HS: Thực hiện trên bản đồ.
- GV: giới thiệu vài nét về thành phố Xít-ni (Ô-xtrây-li-a)
- GV: Hướng dẫn hs đọc từ dân cư ... đến hết mục 1 và quan sát H49.2.
? Thành phần dân cư Châu Đại Dương có đặc điểm gì?

địa Ô-x-trây-li-a, bắc Niu-di-len.

- Thành phần dân cư gồm người bản địa và người nhập cư. Người bản địa chiếm khoảng 20% dân số, người nhập cư chiếm khoảng 80% dân số.

- Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm kinh tế Châu Đại Dương (12')

1. Mục tiêu:

- Nắm vững về đặc điểm sự phát triển kinh tế của Châu Đại Dương
- Hiểu rõ mối quan hệ giữa các điều kiện tự nhiên với sự phát triển công, nông nghiệp.

2. Phương pháp:

- Hướng dẫn hs đọc, phân tích bảng số liệu, quan sát bản đồ, rút ra nhận xét.
- Đàm thoại

3. Hình thức tổ chức:

- Cả lớp cùng tham gia.

4. Các bước hoạt động:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bảng
<ul style="list-style-type: none"> - GV: Hướng dẫn hs đọc phân tích bảng số liệu SGK. <i>? Dựa vào bảng số liệu SGK nhận xét về trình độ phát triển kinh tế của một số quốc gia ở Châu Đại Dương?</i> - HS: Trình độ phát triển kinh tế của một số quốc gia Châu Đại Dương không đồng đều, Phát triển nhất là Ô-x-trây-li-a và Niu-di-len. - GV: Hướng dẫn học sinh quan sát trên bản đồ kinh tế và lược đồ H49.3 SGK. <i>? Nhận xét về nguồn tài nguyên khoáng sản và sự phân bố khoáng sản ở Châu Đại Dương?</i> - HS: Khoáng sản có trữ lượng lớn tập trung trên các đảo lớn thuộc tây Thái Bình Dương. <i>? Dựa vào lược đồ kể tên các sản phẩm nông nghiệp chính và nêu sự phân bố?</i> - HS: Trình bày trên bản đồ gồm: Củ cải đường, cam, chanh, táo, nho, mía phân bố ở ven biển và trên các đảo. <i>? Kể tên các ngành công nghiệp và sự phân bố công nghiệp ở Châu Đại Dương?</i> - HS: Cơ khí, hoá chất, sản xuất Ôtô, khai khoáng ... Công nghiệp chế biến tập trung trong các đô thị, công nghiệp khai khoáng tập trung ở vùng có nhiều khoáng sản. - GV: Ngoài ra kinh tế du lịch cũng đóng một vai trò hết sức quan trọng đối với nhiều quốc gia thuộc Châu Đại Dương. 	<p>2. Kinh tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia Châu Đại dương rất chênh lệch. Ô-x-trây-li-a và Niu-di-len là hai nước có nền kinh tế phát triển.

C. Luyện tập: (4')

- Bài tập trắc nghiệm: **Hãy chọn một chữ cái in hoa cho ý trả lời đúng.**

1/ Mật độ dân số Châu Đại Dương so với thế giới:

A. Thấp nhất B. Trung bình C. Khá cao D. Cao

2/ Nước nào ở Châu Đại Dương nổi tiến về xuất khẩu lúa mì, len, thịt bò, thịt cừu, sản phẩm từ sữa?

A. Va-nu-a-tu. B. Pa-pua Niu Ghi-nê **C. Ôx-trây-li-a và Niu-di-len** D. Palau

D. Hướng dẫn học sinh học và làm bài ở nhà: (2')

- Học và trả lời bài theo câu hỏi SGK.

- Làm bài tập trong tập bản đồ thực hành.

- Chuẩn bị trước bài 50 “Thực hành viết báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ôx-trây-li-a”

Tuần : 30 Tiết : 57

N.S: 08/4/2019 N.D 10/4/2019

Bài 50 : THỰC HÀNH: VIẾT BÁO CÁO VỀ ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN CỦA ÔXTRÂYLIA

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- Đặc điểm tự nhiên(địa hình, khí hậu) của 3 địa điểm đại diện cho 3 kiểu khí hậu khác nhau của lục địa Ôxtrâyli-a và nguyên nhân của sự khác nhau đó

2. Kỹ năng:

- Nhận xét lát cắt địa hình, giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố tự nhiên

- Đọc , phân tích ảnh và bản đồ .

- Kỹ năng viết báo cáo và trình bày một phút .

- Các kỹ năng sống cơ bản được giáo dục :

- Tư duy : Tìm kiếm và xử lý thông tin từ lược đồ và lát cắt để viết một bài báo cáo về đặc điểm tự nhiên của Ôxtrâyli-a.

- Giao tiếp: Trình bày suy nghĩ, lắng nghe/phản hồi tích cực, giao tiếp và hợp tác khi làm việc nhóm .

- Tự nhận thức: Tự tin khi viết báo cáo và trình bày.

- Làm chủ bản thân : Đặt mục tiêu và quản lý thời gian khi viết báo cáo .

3. Thái độ :

- Ý thức bảo vệ môi trường, yêu thiên nhiên

4. Định hướng phát triển năng lực:

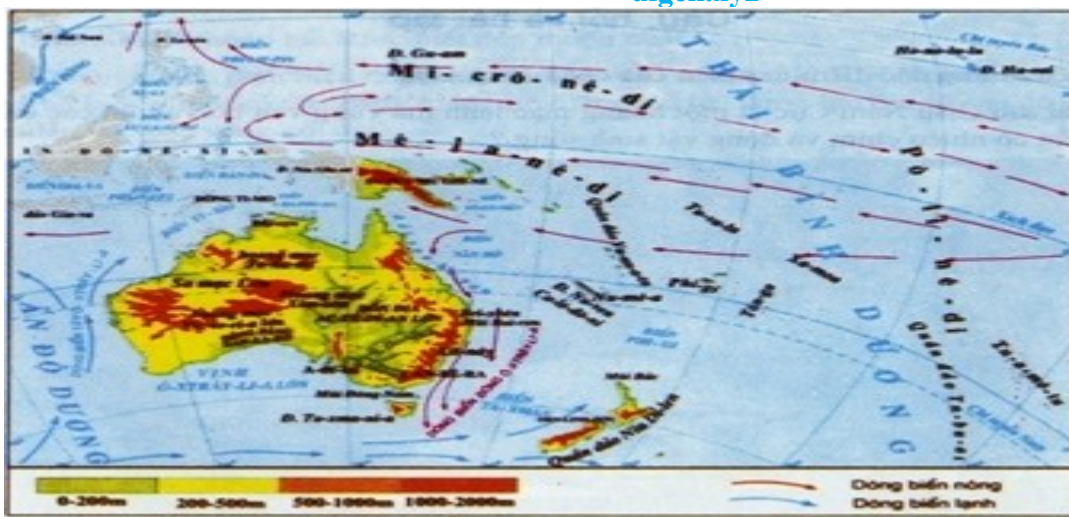
- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ.

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ, tranh ảnh, hình vẽ, video....

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên

- Bản đồ tự nhiên của châu Đại Dương.

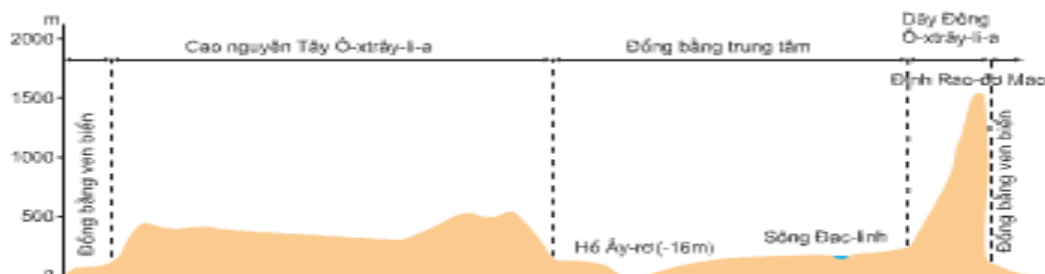


Hình 48.1 - Lược đồ tự nhiên châu Đại Dương

- Lược đồ hình 50.3 sgk .



- Lát cắt địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a.



Hình 50.1 - Lát cắt địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a theo vĩ tuyến 30°N

2. Học sinh :

- Sách giáo khoa
- Tranh ảnh, tài liệu về lục địa Ô- xtrây-li -a
- Tập bản đồ địa lý 7

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

Ổn định: (1 phút)

Kiểm tra bài cũ : (4ph)

- Trình bày đặc điểm dân cư châu Đại Dương .
- Nêu sự khác biệt về kinh tế của Ô-xtrây-li-a và Niu- Di-len với các quốc đảo còn lại trong Châu Đại Dương?

A. Hoạt động khởi động: (3 phút)

- Mục tiêu: giúp học sinh nhận biết đặc điểm địa hình, khí hậu của lục địa Ô- xtrây-li-a
- Phương pháp: Phương pháp trực quan- Cá nhân.
- Phương tiện: Bản đồ

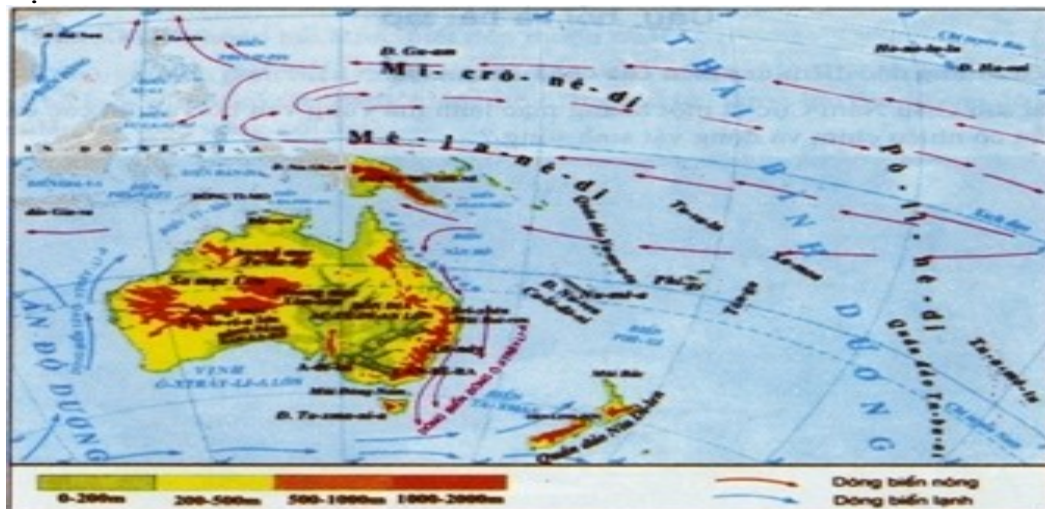
- Các bước hoạt động:

+ B1: Giao nhiệm vụ: GV cung cấp, bản đồ và nêu câu hỏi

+ B2: HS qua sát tranh ảnh và bản đồ

+ B3: GV dẫn dắt vào bài.

Dựa vào bản đồ dưới đây em nhắc lại đặc điểm về vị trí của Châu Đại Dương mà các em đã học.



Hình 48.1 - Lược đồ tự nhiên châu Đại Dương

Từ đó GV khởi động bài mới: Châu Đại dương có khoảng hơn một vạn đảo lớn nhỏ với nhiều quốc gia, trong đó Ô-xtrây-li-a là một quốc gia có diện tích lãnh thổ lớn nhất, chiếm 89,5% diện tích toàn châu lục. Do đó việc tìm hiểu sâu lục địa này là một việc rất cần thiết và quan trọng khi học Châu Đại Dương. Trong bài thực hành hôm nay ta cùng đi sâu nghiên cứu “Đặc điểm tự nhiên của Ô-xtrây-li-a”.

B. Hình thành kiến thức mới:

Hoạt động 1: Đặc điểm địa hình (15 phút)

- Mục tiêu: Giúp học sinh quan sát vào bản đồ và lát cắt trình bày đặc điểm địa hình của lục địa

- Phương pháp: Trực quan, đàm thoại: Sử dụng bản đồ tự nhiên châu Đại Dương, kết hợp hình vẽ lát cắt lục địa Ô-xtrây-li-a theo vĩ tuyến 30° N, câu hỏi gợi ý trong SGK.

- Hình thức tổ chức: thảo luận nhóm

- Các bước hoạt động

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
Bước 1: GV cho học sinh quan sát bản đồ tự nhiên Châu Đại Dương và lát cắt địa hình: GV chia nhiệm vụ cho mỗi nhóm: Nhóm 1: - Địa hình có thể chia thành mấy khu vực? Nhóm 2 và 3: - Trình bày đặc điểm địa hình và độ cao chủ yếu của mỗi khu vực? Nhóm 4: - Đỉnh núi cao nhất nằm ở đâu? Cao khoảng bao nhiêu? Bước 2: học sinh thực hiện nhiệm vụ Bước 3: đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: GV nhận xét, chuẩn xác kiến thức.	Bài tập 1: - Gồm 3 khu vực + Phía tây: cao nguyên tây Ô-xtrây-li-a cao trung bình khoảng 500m, 2/3 diện tích lục địa tương đối bằng phẳng, giữa là những sa mạc. + Ở giữa: đồng bằng trung tâm có hồ Ay-rơ sâu 16m, sông Đac-linh + Phía đông: dãy đông Ô-xtrây-li-a cao 1600m. Chạy dài hướng BN: 3400m sát biển, Sườn Tây thoải, sườn đông dốc, đỉnh RaơđơMao cao 1600m, nơi cao nhất là núi Côxiuxcô cao 2230m.

Hoạt động 2: Khí hậu của lục địa (17 phút)

- Mục tiêu: Giúp học sinh tìm hiểu về các loại gió và hướng gió thổi đến lục địa. Tìm hiểu về sự phân bố lượng mưa và sự phân bố các hoang mạc, giải thích được sự phân bố đó.
- Phương pháp: Trực quan, đàm thoại: Sử dụng bản đồ tự nhiên châu Đại Dương, kết hợp với lược đồ hình 50.2 lược đồ hướng gió và sự phân bố lượng mưa ở lục địa Ô-xtrây-li-a, biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên lục địa Ô-xtrây-li-a, câu hỏi gợi ý trong SGK.

-Hình thức tổ chức: thảo luận nhóm

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Nội dung
<p>Bước 1: GV cho học sinh quan sát bản đồ, lược đồ và hình ảnh về biểu đồ (H48.1; H50.2; H50.3 sgk) GV chia nhiệm vụ vào các nhóm: Nhóm 1,2 : - Xác định các loại gió và hướng gió thổi đến lục địa Ô- xtrây-li-a? Nhóm 3: - Nhận xét về sự phân bố lượng mưa trên lục địa Ô- xtrây-li-a . Giải thích sự phân bố đó? Nhóm 4: - Nhận xét về sự phân bố hoang mạc ở lục địa Ô-xtrây-li-a.Giải thích sự phân bố đó?</p> <p>Bước 2: Học sinh thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Bước 3: Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.</p> <p>Bước 4: GV nhận xét và chuẩn xác kiến thức.</p>	<p>Bài tập 2 : - Các loại gió và hướng gió: + Gió Tín Phong: hướng đông nam + Gió mùa: hướng đông bắc hướng tây bắc + Gió tây ôn đới: hướng tây đông - Sự phân bố lượng mưa và giải thích sự phân bố: + Mưa nhiều: ven biển phía bắc và đông bắc do gần xích đạo, địa hình ven biển thấp, ảnh hưởng của dòng biển nóng và địa hình đón gió của dãy Đông Ô- xtrây-li-a. + Mưa ít: ven biển phía tây do ảnh hưởng dòng biển lạnh, gió tín phong đông nam với khí hậu lục địa khô nóng. Ven biển tây nam, đông nam do hướng gió thổi song song với bờ biển - Sự phân bố hoang mạc + Phía tây: do ảnh hưởng của dòng biển lạnh + Trung tâm: sâu trong nội địa, có đường chí tuyến nam đi qua, phía đông có địa hình chắn gió.</p>

C. Luyện tập, vận dụng: 3 phút

BT trắc nghiệm: Khoanh tròn vào đáp án đúng nhất

CÂU HỎI NHẬN BIẾT

Câu 1. Địa hình lục địa Ô-xtrây-li-a có thể chia làm mấy khu vực:

- A. 2. **B. 3.** C. 4. D. 5.

Câu 2. Dãy núi cao nhất nằm ở phía:

- A. đông.** B. tây. C. nam. D. bắc.

Câu 3. Dãy Đông Ô-xtrây-li-a có độ cao trung bình là:

- A. 500m. B. 700-800m. C. 1000m. **D. 1500m**

Câu 4. Đặc điểm địa hình cao nguyên tây Ô- xtrây -li-a là:

- A. gồm các sa mạc. B. cao nguyên ở giữa có nhiều hồ.
C. sườn tây thoải, sườn đông dốc. D. chiếm 2/3 diện tích lục địa.

CÂU HỎI THÔNG HIỂU

Câu 5. Gió Tín phong thổi theo hướng :

- A. tây bắc. B. đông nam. C. tây nam. **D. đông bắc.**

Câu 6. Mưa từ 1001 đến 1500mm phân bố chủ yếu ở đâu :

- A. rìa bắc và đông bắc của lục địa.**

B. Pa-Pua-Niu-Ghi-Nê.

C. một phần diện tích bắc nam và đông của lục địa.

D. sâu trong lục địa.

Câu 7. Vùng ven biển phía tây mưa ít vì:

A. vị trí.

B. địa hình.

C. nơi đón gió.

D. có dòng biển lạnh chảy qua.

CÂU HỎI VẬN DỤNG THẤP

Câu 8. Địa hình miền tây Ô-xtrây-li-a chủ yếu là :

A. đồng bằng thấp trũng cao khoảng 100-200m.

B. cao nguyên có độ cao khoảng 500m.

C. dãy núi ven biển cao dưới 1000m.

D. cao nguyên có độ cao 1000-1500m.

Câu 9. Ở lục địa Ô-xtrây-li-a hoang mạc phân bố chủ yếu ở :

A. phía tây và bắc.

B. phía tây và nam.

C. phía tây và đông.

D. phía tây và nội địa.

CÂU HỎI VẬN DỤNG CAO

Câu 10. Vì sao phía đông của lục địa Ô-xtrây-li-a lại có mưa nhiều ?

A. Do gió thổi song song với ven biển.

B. Do có đường chí tuyến nam chạy ngang qua .

C. Do ảnh hưởng của dòng biển nóng và địa hình đón gió.

D. Do vùng ven biển và có núi cao xung quanh.

D. Hoạt động mở rộng: 2ph

- Chuẩn bị bài 51 : Thiên nhiên Châu Âu.

+ Xem trước lược đồ tự nhiên Châu Âu và lược đồ khí hậu Châu Âu

+ Trả lời các câu hỏi gợi ý trong bài .

- Liên hệ thực tế ở Việt Nam.

Tuần 30 Tiết 58	Bài 51 : THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU	NS: 10/4/2019 NG: 12/4/2019
----------------------------------	-------------------------------------	--

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS cần đạt:

1. Kiến thức:

- Nắm vững vị trí địa lý, hình dạng và kích thước lãnh thổ của Châu Âu, để thấy được Châu Âu là châu lục ở đới ôn hòa với nhiều bán đảo.
- Nắm vững các đặc điểm của thiên nhiên Châu Âu.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích biểu đồ, lược đồ để khắc sâu kiến thức và thấy được mối liên hệ giữa các thành phần tự nhiên của châu Âu.

3. Thái độ, hành vi:

- Có tinh thần hợp tác, nghiên cứu tìm hiểu kiến thức, hiểu biết thêm về thực tế.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, ...
- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ, ...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. Đối với giáo viên

- Bản đồ tự nhiên Châu Âu.
- Bản đồ khí hậu Châu Âu.

2. Đối với học sinh

- Sách, vở, đồ dùng học tập...
- Đọc trước nội dung bài và thử trả lời các câu hỏi.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: (5 phút)

1. Mục tiêu: HS nắm được một số nội dung chính trong bài thiên nhiên châu Âu, xác định vị trí địa lý, mô tả đặc điểm địa hình khí hậu, sông ngòi, cảnh quan châu Âu.

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp qua bản đồ - Cá nhân, thảo luận cặp, nhóm.

3. Phương tiện: Bản đồ tự nhiên, khí hậu,

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ:

- Giáo viên cung cấp bản đồ tự nhiên châu Âu và yêu cầu học sinh xác định vị trí địa lý, địa hình từ đó rút ra nhận xét về khí hậu.
- Tìm hiểu sông ngòi và thực vật của châu lục.



Bước 2: HS quan sát bản đồ và bằng hiểu biết để trả lời câu hỏi.

Bước 3: HS báo cáo kết quả, các HS khác nhận xét.

Bước 4: GV dẫn dắt HS vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí địa lý, địa hình châu Âu (15 phút)

1. Mục tiêu: Tìm hiểu vị trí, địa hình châu Âu
2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: pp dùng bản đồ cho HS xác định vị trí địa lý, địa hình của châu Âu.
3. Hình thức tổ chức: Cá nhân, cặp đôi.
4. Các bước hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
-------------------------------------	----------

Bước 1: Gv: Giới thiệu khái quát vị trí, giới hạn Châu Âu trên bản đồ tự nhiên. (Cá nhân/ nhóm cặp).

Bước 2: GV đặt câu hỏi, học sinh trả lời :

? Châu Âu giáp với châu lục và đại dương nào?

TL:

- Bắc giáp BBD
- Nam giáp biển ĐTH
- Tây giáp ĐTD
- Đông giáp châu Á

? Châu Âu nằm trong giới hạn nào?

TL: Nằm từ vĩ tuyến 36°B- 71°B.

? Em có nhận xét gì đường bờ biển châu Âu?

TL:- Đường bờ biển bị cắt xẻ mạnh , tạo thành nhiều bán đảo, vũng vịnh và biển ăn sâu vào đất liền.

? Xác định trên bản đồ các biển Địa Trung Hải, Măng Sơ, Biển Bắc, biển Ban Tích, Biển Đen, Biển Trắng(Bạch Hải), Các bán đảo: Xcan-đi-na-vi, I-bê – rích, I-ta-li-a, Ban – Căng.

? Địa hình châu Âu có mấy dạng?

TL: Có 3 dạng: đồng bằng, núi già, núi trẻ.

Yêu cầu thảo luận nhóm cặp nội dung sau:(Dựa vào hình 51.1 SGK/153) Nêu đặc điểm địa hình châu Âu:

- Phân bố?
- Hình dạng?
- Tên địa hình chủ yếu?
- Hs các nhóm báo cáo.

Bước 3: GV nhận xét.

Bước 4: GV chốt ý, ghi bảng.

1.Vị trí, địa hình:

a. Vị trí:

- Diện tích trên 10 triệu km².
- Nằm khoảng giữa các vĩ tuyến 36°B- 71°B, chủ yếu trong đới ôn hòa, có ba mặt giáp biển và đại dương.

b. Địa hình:

- Địa hình chủ yếu là đồng bằng.
- Bờ biển bị cắt xẻ mạnh, biển lấn sâu vào đất liền, tạo thành nhiều bán đảo, vũng vịnh.

GV chuyển ý: Vậy khí hậu, sông ngòi, thảm thực vật châu Âu như thế nào chúng ta sẽ cùng tìm hiểu phần 2.

HOẠT ĐỘNG 2. Tìm hiểu khí hậu, sông ngòi, thảm thực vật. (15 phút)

1. Mục tiêu:

- Dựa vào bản đồ và vị trí địa lý châu Âu đã học, tìm hiểu về khí hậu sông ngòi, thực vật.

2. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:* PP sử dụng thảo luận nhóm, bản đồ, SGK,...KT học tập hợp tác

3. Hình thức tổ chức: Nhóm

4. Các bước hoạt động

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH	NỘI DUNG
<p><i>Bước 1:</i> GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS đọc thông tin SGK, bản đồ, trao đổi và trả lời các câu hỏi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhóm 1,2 : Tìm hiểu về khí hậu + Nhóm 3 :Xác định sông ngòi: tên sông, vị trí, hướng chảy trên bản đồ. + Nhóm 4: Tìm hiểu thực vật <p><i>Bước 2:</i> HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV, sau đó trao đổi trong nhóm để cùng thống nhất</p>	<p>2. Khí hậu, sông ngòi, thảm thực vật:</p> <p>a. Khí hậu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn diện tích có khí hậu ôn đới hải dương và ôn đới lục địa. - Nguyên nhân: <p>+Châu Âu nằm trong vùng hoạt động của gió tây ôn đới.</p>

phương án trả lời.

Bước 3: Đại diện nhóm báo cáo kết quả; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.

Bước 4: GV nhận xét, đánh giá chuẩn kiến thức và rút ra kết luận (ghi bảng)

+ Phía tây có dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương phân hóa sâu sắc khí hậu phía tây ẩm áp mưa nhiều hơn phía Đông lục địa.

b. Sông ngòi:

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, lượng nước dồi dào

- Sông lớn: Đa-nuýp, Rai-nơ, Von-ga.

c. Thực vật

- Thảm thực vật thay đổi từ Tây sang Đông, từ Bắc xuống Nam theo sự thay đổi của nhiệt độ và lượng mưa.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Cá nhân 5 phút)

Câu 1:

Xác định vị trí và mô tả đặc điểm địa hình Châu Âu bằng bản đồ?

Câu 2: Châu Âu có các kiểu khí hậu nào? Phân bố ở đâu?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (5 phút)

- GV hướng dẫn :

+ Thực hiện bài tập trong SGK

+ Về nhà :

a. Bài tập về nhà:

4 câu hỏi nhận biết

Câu 1: Châu Âu thuộc lục địa nào sau đây?

A. Á-Âu.

B. Phi.

C. Bắc Mỹ.

D. Nam Mỹ.

Câu 2: Châu Âu có diện tích là bao nhiêu?

A. trên 30 triệu km².

B. trên 10 triệu km².

C. trên 44.4 triệu km².

D. trên 42 triệu km².

Câu 3: Đại bộ phận lãnh thổ châu Âu có khí hậu gì?

A. địa trung hải.

B. ôn đới lục địa.

C. hàn đới.

D. ôn đới.

Câu 4: Ranh giới tự nhiên giữa châu Á và châu Âu là dãy núi nào?

A. An-pơ.

B. Trường Sơn.

C. Uran.

D. Hi-ma-lay-a.

3 câu hỏi thông hiểu

Câu 5: Dạng địa hình chiếm diện tích lớn ở châu Âu là?

A. Đồng bằng.

B. Núi trẻ.

C. Núi già.

D. Sơn nguyên.

Câu 6: Đồng bằng nào lớn nhất châu Âu?

A. Bắc Âu.

B. Đông Âu.

C. Bắc Pháp.

D. Trung lưu sông Đa- Nuýp.

Câu 7: Rừng lá rộng chủ yếu ở đâu của châu Âu?

A. Sâu trong lục địa.

B. Ven biển Tây Âu.

C. Đông nam.

D. Ven Địa Trung Hải.

2 câu hỏi vận dụng thấp

Câu 8: Các sông đổ ra Bắc Băng Dương đóng băng về mùa đông vì có khí hậu?

A. Ôn đới lục địa .

B. Ôn đới hải dương.

C. Hàn đới.

D. Địa trung hải.

Câu 9: Vùng ven biển Tây Âu có rừng lá rộng vì?

A. Mưa nhiều.

B. Không mưa.

C. ít mưa.

D. khô hạn.

1 Câu hỏi vận dụng cao

Câu 10: Rừng lá kim phân bố ở đâu của châu Âu?

A. ven biển Tây Âu.

B. phía nam châu Âu.

C. vùng nội địa.

D. ven Địa Trung Hải.

ĐÁP ÁN:

1-A

2-B

3-D

4-C

5-A

6-B

7-B

8-C

9-A

10-C

b. Tìm hiểu bài mới tiếp theo (bài 52)

Tuần: 31 Tiết: 59	Bài 52: THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU (Tiếp theo)	Ngày soạn: 15/4/2019 Ngày dạy: 17/4/2019
----------------------	--	---

I. Mục tiêu bài học:

1. Kiến thức:

- Trình bày phân bố, đặc điểm chính về khí hậu, sông ngòi, thực vật của các kiểu môi trường ôn đới hải dương, ôn đới lục địa, địa trung hải, núi cao ở châu Âu.

- Giải thích (ở mức độ đơn giản) sự khác nhau giữa các kiểu môi trường.

2. Kỹ năng:

- Phân tích biểu đồ khí hậu.

- Phân tích tranh ảnh để nắm các đặc điểm môi trường, mối quan hệ giữa cảnh quan với khí hậu.

3. Thái độ:

- Yêu thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, ...

- Năng lực chuyên biệt: sử dụng bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên:

- Bản đồ khí hậu châu Âu. Bản đồ tự nhiên châu Âu.

- Tranh ảnh về các môi trường tự nhiên châu Âu.

2. Học sinh:

- Tranh ảnh về môi trường tự nhiên châu Âu.

- Bảng kẻ sẵn ở nhà:

Nhóm 1,2,3:

Tên môi trường: Biểu đồ trạm

1. Nhiệt độ:	
- Mùa hè: tháng 7	
- Mùa đông: tháng 1	
- Biên độ nhiệt	
2. Lượng mưa:	
- Mùa mưa (tháng)	
- Tháng cao nhất	
- Tháng thấp nhất	
- Lượng mưa cả năm	
3. Tính chất chung	
4. Phân bố	

* Nhóm 4:

Yếu tố	MT ôn đới hải dương	MT ôn đới lục địa	MT Địa Trung Hải
Sông ngòi			
Thực vật			

* Cá nhân:

Kẻ vào vở bảng sau: (BẢNG A)

Yếu tố	MT ôn đới hải dương	MT ôn đới lục địa	MT Địa Trung Hải	MT núi cao
Phân bố				
Khí hậu				
Sông ngòi				

Thực vật				
----------	--	--	--	--

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

- **Ôn định:** 1 phút

- **Kiểm tra bài cũ:** 5 phút

CH: + Nêu sự phân bố các loại địa hình chủ yếu của châu Âu?

+ Giải thích vì sao phía tây châu Âu có khí hậu ẩm áp, mưa nhiều hơn phía đông?

A. Hoạt động khởi động: 2 phút.

- Mục tiêu: Ôn kiến thức, tạo đà cho bài học mới.
- Phương pháp- kĩ thuật: Hỏi đáp.
- Hình thức tổ chức: Cả lớp.
- Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Bước 2: thực hiện nhiệm vụ

Bước 3: HS thảo luận nội dung và trả lời câu hỏi

CH: Các em đã học qua những kiểu môi trường nào?

(MT đới nóng, MT đới ôn hòa, MT đới lạnh, MT hoang mạc)

CH: Đại bộ phận lãnh thổ châu Âu nằm trong môi trường nào?
(đới ôn hòa)

Bước 4: GV: Đại bộ phận lãnh thổ châu Âu nằm trong đới ôn hòa, vì trải dài theo hướng vĩ tuyến nên châu Âu gồm nhiều kiểu môi trường tự nhiên. Hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu đó là những môi trường tự nhiên nào, đặc điểm phân bố, khí hậu, sông ngòi, thực vật tương ứng với từng kiểu môi trường.

B. Hình thành kiến thức mới:

- *Hoạt động 1: Các môi trường tự nhiên.*

- Thời gian: 27 phút

- **Mục tiêu:**

Phân tích biểu đồ khí hậu kết hợp vận dụng kênh chữ trong sách giáo khoa trình bày được đặc điểm khí hậu, sông ngòi, thực vật, phân bố các kiểu môi trường tự nhiên châu Âu

- **Phương pháp- kĩ thuật:** Đàm thoại.
- **Hình thức tổ chức:** Hoạt động nhóm, hoạt động cả lớp.
- **Các bước hoạt động:**

GV và HS	Nội dung
B1: Chia 3 nhóm -N1: Trạm Bret- MT OĐHD -N2: Trạm Ca-dan- MT OĐLĐ -N3 Trạm Pa-let-mô- MT ĐTH -N4: sông ngòi, thực vật của 3 môi trường. B2: HS thảo luận, điền vào bảng chuẩn kiến thức. B3: Đại diện nhóm lên trình bày, các nhóm nhận xét, bổ sung. B4: GV dùng bảng chuẩn kiến thức để đối chứng, đánh giá, chốt kiến thức.	3. Các môi trường tự nhiên châu Âu:

Bảng chuẩn xác kiến thức:

Yếu tố	a. Ôn đới hải dương	b. Ôn đới lục địa	c. Địa trung hải
--------	---------------------	-------------------	------------------

1. Nhiệt độ: - Mùa hè: tháng 7 - Mùa đông: tháng 1 - Biên độ nhiệt:	18°C 8°C 10°C	20°C -12°C 32°C	25°C 10°C 15°C
2. Lượng mưa: - Mùa mưa (tháng) - Tháng cao nhất - Tháng thấp nhất - Lượng mưa cả năm	T10- 1 năm sau T11: 100mm T5: 50mm 820mm	T5- T10 T7: 70mm T2: 20mm 443mm	T10- T3 năm sau T1: 120mm T7: 15mm 711mm
3. Tính chất chung (Khí hậu)	Hè mát, đông không lạnh lắm, nhiệt độ thường trên 0°C. Mưa quanh năm.	Đông lạnh khô, có tuyết rơi (vùng sâu lục địa), hè không nóng lắm.	Mùa đông không lạnh, mưa nhiều, mùa hạ nóng, khô.
4. Phân bố	Ven biển Tây Âu	Khu vực Đông Âu	Nam Âu- Ven Địa Trung Hải.
5. Sông ngòi	Nhiều nước quanh năm, không đóng băng	Nhiều nước mùa xuân, hè (CH), đông đóng băng	Ngắn, dốc, nhiều nước mùa thu, đông.
6. Thực vật	Rừng lá rộng phát triển (sồi, dẻ)	Thay đổi từ B- N, rừng lá kim và thảo nguyên chiếm phần lớn diện tích.	Rừng thưa, cây lá cứng và bụi gai phát triển.

(HS ghi vào BẢNG A phần 3,4,5,6.)

<p>GV: Ngoài 3 kiểu môi trường trên còn có môi trường núi cao, điển hình là dãy An-pơ</p> <p>HS xác định dãy An-pơ trên bản đồ tự nhiên châu Âu.</p> <p>Hoạt động cả lớp:</p> <p>CH:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan sát H52.4 SGK kể tên, độ cao của các đai thực vật trên dãy An-pơ? Tại sao các đai thực vật phát triển khác nhau theo độ cao? (thay đổi độ ẩm, nhiệt độ) - Trên dãy An-pơ sườn đông hay sườn tây mưa nhiều hơn? Vì sao? (sườn tây vì là sườn đón gió tây ôn đới) 	<p>* Môi trường núi cao: (HS ghi vào BẢNG A phần phân bố, khí hậu, thực vật)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân bố: trên dãy An-pơ. - Mưa nhiều ở các sườn đón gió phía tây. - Thực vật thay đổi theo độ cao.
--	---

C. Luyện tập, vận dụng:

- Thời gian: 7 phút
- Mục tiêu: củng cố kiến thức, đánh giá học sinh.
- Phương pháp: Hỏi đáp
- Hình thức: Trắc nghiệm dạng kỹ năng.

Câu 1: Chọn kiểu môi trường thích hợp với các đặc điểm tự nhiên sau:

Đặc điểm tự nhiên	Kiểu môi trường
-------------------	-----------------

1. Rừng cây lá cứng, cây bụi.	
2. Mùa hạ nóng, khô.	
3. Mưa đều quanh năm.	
4. Rừng lá kim, thảo nguyên.	
5. Rừng lá rộng.	
6. Lũ vào thu, đông.	
7. Đông lạnh khô, có tuyết rơi.	
8. Lũ vào xuân, hè.	

Câu 2: Xác định vị trí các kiểu môi trường trên bản đồ tự nhiên châu Âu hoặc bản đồ khí hậu châu Âu.

Câu 3: Xác định kiểu môi trường qua tranh ảnh.

Câu 4: Nêu nguyên nhân dẫn đến sự khác nhau về khí hậu giữa môi trường ôn đới hải dương với môi trường ôn đới lục địa?

D. Mở rộng: Thời gian: 3 phút

- Chuẩn bị bài thực hành:

+ Ôn cách tính biểu đồ khí hậu. Ôn lại các kiểu khí hậu châu Âu.

+ Mối quan hệ giữa khí hậu và thảm thực vật.

+ Chuẩn bị bảng:

Đặc điểm khí hậu	BĐ trạm A	BĐ trạm B	BĐ trạm C
1. Nhiệt độ: - Tháng 1 - Tháng 7 - Biên độ nhiệt - Nhận xét chung			
2. Lượng mưa: - Các tháng mưa nhiều - Các tháng mưa ít - Nhận xét chung			
Kiểu khí hậu			
Kiểu thảm thực vật tương ứng			

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐỊA LÍ 7, BÀI 52- THIÊN NHIÊN CHÂU ÂU

I. NHẬN BIẾT:

Câu 1: Dãy núi nào có môi trường núi cao điển hình ở châu Âu?

A. Xcan-đi-na-vi.

B. Cac-pat.

C. U-ran.

D. An-po.

Câu 2: Rừng thưa với cây bụi gai, cây lá cứng phát triển quanh năm ở châu Âu thuộc môi trường:

A. ôn đới lục địa.

B. ôn đới hải dương.

C. địa trung hải.

D. núi cao.

Câu 3: Ở châu Âu, sông ngòi nhiều nước mùa xuân, hè, đóng băng về mùa đông thuộc môi trường:

A. ôn đới hải dương.

B. ôn đới lục địa.

C. địa trung hải.

D. núi cao.

Câu 4: Mưa quanh năm, lượng mưa tương đối lớn (800-1000mm/ năm) thuộc môi trường:

A. ôn đới hải dương.

B. ôn đới lục địa.

C. địa trung hải.

D. núi cao.

II. THÔNG HIỂU:

Câu 5: Điểm nào dưới đây **không phải** là nét đặc trưng của khí hậu ôn đới hải dương ở châu Âu?

- A. Nhiệt độ trung bình năm trên 0°C .
- B. Lượng mưa trên 1500mm và phân hóa theo mùa.**
- C. Mùa hạ mát, mùa đông ấm.
- D. Gió Tây ôn đới thổi thường xuyên.

Câu 6: Sự thay đổi thảm thực vật theo chiều bắc- nam của vùng khí hậu ôn đới lục địa châu Âu biểu hiện ở thứ tự sắp xếp:

- A. rừng lá kim, thảo nguyên, đồng rêu.
- B. thảo nguyên, đồng rêu, rừng lá kim.
- C. đồng rêu, rừng lá kim, thảo nguyên.**
- D. thảo nguyên, rừng lá kim, đồng rêu.

Câu 7: Điểm nào dưới đây **không phải** là nét đặc trưng của khí hậu ôn đới lục địa ở châu Âu?

- A. Mùa đông kéo dài và có tuyết rơi.
- B. Mùa hạ nóng, có mưa.**
- C. Lượng mưa không lớn, trên dưới 700mm.
- D. Mùa hè nóng, khô.**

III. VẬN DỤNG THẤP:

Câu 8: Vì sao sông ngòi ở môi trường địa trung hải vào mùa thu- đông lại nhiều nước hơn mùa hạ?

- A. Do băng tuyết tan.
- B. Do có mưa lớn.**
- C. Do nước từ vùng Đông Âu chảy đến.
- D. Do nước từ vùng Bắc Âu chảy đến.

Câu 9: Nước nào có khí hậu hải dương điển hình của châu Âu?

- A. Liên bang Nga.
- B. Tây Ban Nha.
- C. Anh.**
- D. Thụy Điển.

IV. VẬN DỤNG CAO:

Câu 10: Điền các cụm từ sau (a,b,c...) vào **A. Môi trường ôn đới hải dương** hoặc **B. Môi trường ôn đới lục địa** cho phù hợp.

a. Đông lạnh khô, có tuyết rơi. b. Đông không lạnh, mưa nhiều. c. Hè mát, đông không lạnh lắm. d. Hè nóng, khô. e. Sông nhiều nước quanh năm. g. Sông nhiều nước vào mùa xuân, hè. h. Sông nhiều nước vào mùa thu, đông. i. Rừng thưa, cây lá cứng. k. Rừng lá kim. l. Rừng lá rộng.

A. Môi trường ôn đới hải dương.	B. Môi trường ôn đới lục địa.

ĐA: A: c, e, l B: a, g, k

TUẦN 31: Tiết 60:	Bài 53: THỰC HÀNH: ĐỌC, PHÂN TÍCH LƯỢC ĐỒ, BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA CHÂU ÂU	<i>Ngày soạn : 17/4/2019</i> <i>Ngày giảng: 19/4/2019</i>
------------------------------------	---	--

I/ MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Nắm được đặc điểm khí hậu, sự phân hóa khí hậu châu Âu, mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ khí hậu, xác định các thảm thực vật tương ứng với các kiểu khí hậu.

3. Thái độ:

- Có tinh thần trách nhiệm trong công việc.

4. Năng lực được hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực tính toán.

- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng hình ảnh (mức 1,2), sử dụng bản đồ (mức 1)

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS :

1. Giáo viên:

- Máy vi tính, projector, bảng phụ.
- Các phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin như phần mềm Photo story, phần mềm cắt và ghép phim...
- Lược đồ khí hậu châu Âu.
- Các bài tập trắc nghiệm.
- Cây chỉ bản đồ.

2. Học sinh:

- Nghiên cứu trước nội dung bài học.
- Vở, sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bảng nhóm, bút lông, giấy A3, bút màu.
- Sưu tầm tranh ảnh có liên quan.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động:

- **Thời gian:** 3 phút
- **Mục tiêu:**
+ Giới thiệu nội dung bài học.
- **Phương pháp- kỹ thuật:** Trực quan, đàm thoại gợi mở, kỹ năng phân tích tranh ảnh, video
- **Phương tiện dạy học:** tranh ảnh và video.
- **Hình thức tổ chức:** cá nhân

GV sử dụng 1 số tranh ảnh về các cảnh quan môi trường tự nhiên ở châu Âu để HS sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh nhận biết về các kiểu môi trường ở châu Âu; từ đó tạo hứng thú hiểu biết về khí hậu của các môi trường tự nhiên châu Âu. Từ đó, GV kết nối vào bài học mới.

2. Hình thành kiến thức mới.

***HOẠT ĐỘNG 1: NHẬN BIẾT ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU CỦA CHÂU ÂU**

- **Thời gian:** 15 phút

- **Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm khí hậu, sự phân hóa khí hậu châu Âu

- **Phương pháp- kỹ thuật:** Trực quan, thuyết giảng tích cực, đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, kỹ thuật chuyên gia, kỹ năng phân tích.

- **Phương tiện dạy học:**

+ Máy vi tính, projector, bảng phụ.

+ Lược đồ khí hậu châu Âu.

+ Cây chỉ bản đồ.

- **Hình thức tổ chức:** cá nhân, nhóm

Mô tả hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Hoạt động của GV	Nội dung của HS	
<p>* Bước 1: GV chia lớp 3 nhóm thảo luận. Mỗi nhóm 1 nội dung thảo luận:</p> <p>- Nhóm 1: Cho biết vì sao cùng vĩ độ nhưng miền ven biển của bán đảo Xcandinavi có khí hậu ẩm áp và mưa nhiều hơn Ai-xơ-len?</p> <p>- Nhóm 2: Quan sát các đường đẳng nhiệt tháng giêng, nhận xét về nhiệt độ của châu Âu vào mùa đông.</p> <p>- Nhóm 3: Nêu tên các kiểu khí hậu ở châu Âu. So sánh diện tích của các vùng có các kiểu khí hậu đó.</p> <p>* Bước 2: GV hướng dẫn yêu cầu của bài tập, giải thích những thắc mắc của HS về những kiến thức liên quan tới yêu cầu của đề bài.</p> <p>* Bước 3: HS thảo luận và nêu kết quả.</p> <p>* Bước 4: GV chuẩn xác kiến thức, nhận xét và chuyển ý.</p>	<p>HS thảo luận nhóm và trình bày nội dung theo các nhóm.</p> <p>- Các nhóm nhận xét và bổ sung.</p>	<p><u>1/ Giải thích sự khác biệt nhiệt độ</u></p> <p>- Tuy cùng vĩ độ nhưng nhiệt độ ven biển vùng bán đảo Xcan-đi-na-vi ấm và mưa nhiều hơn Ai-xơ-len vì : Ảnh hưởng của dòng biển Bắc Đại Tây Dương chảy ven bờ nên đã sưởi ấm cho các lãnh thổ ven bờ, làm tăng độ bốc hơi của vùng biển tạo mưa nhiều cho khu vực này.</p> <p><u>2/ Nhận xét đường đẳng nhiệt tháng giêng:</u></p> <p><u>a. Tri số đường đẳng nhiệt tháng giêng</u></p> <p>- Vùng Tây Âu : 0°C</p> <p>- Vùng đồng bằng Đông Âu: - 10°C</p> <p>- Vùng núi Uran : - 20°C</p> <p><u>b. Nhận xét:</u></p> <p>- Số liệu biến thiên nhiệt độ về mùa đông cho thấy càng đi về phía đông nhiệt độ hạ dần, từ 0°C đến - 10°C → - 20°C</p> <p>- Mức độ chênh lệch nhiệt độ giữa phía tây châu lục và phía đông châu lục rất lớn: Về mùa đông phía tây ấm, càng vào sâu phía đông càng rất lạnh.</p>

		<p>c. Các kiểu khí hậu của châu Âu xếp theo thứ tự lớn đến nhỏ theo diện tích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn đới lục địa - Ôn đới hải dương - Khí hậu địa trung hải - Khí hậu hàn đới
--	--	---

***HOẠT ĐỘNG 2: PHÂN TÍCH MỘT SỐ BIỂU ĐỒ KHÍ HẬU CHÂU ÂU VÀ XÁC ĐỊNH KIỂU THẨM THỰC VẬT TƯƠNG ỨNG.**

- **Thời gian:** 20 phút

- **Mục tiêu:** Hiểu được mối quan hệ giữa khí hậu và thực vật.

- **Phương pháp- kỹ thuật:** Trực quan, thuyết giảng tích cực, đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, kỹ năng phân tích.

- **Phương tiện dạy học:**

+ Máy vi tính, projector, bảng phụ.

+ Lược đồ khí hậu châu Âu.

+ Cây chỉ bản đồ.

- **Hình thức tổ chức:** cá nhân, nhóm

Mô tả hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
<p>* Bước 1: GV chia lớp thành các nhóm thảo luận theo nội dung sau: Phân tích các biểu đồ H 53.1, theo trình tự sau: - Nhiệt độ trung bình tháng I và tháng VII. Sự chênh lệch nhiệt độ giữa tháng I và tháng VII. Nhận xét chung về chế độ nhiệt. - Các tháng mưa nhiều. Các tháng mưa ít. Nhận xét chung về chế độ mưa. - Xác định kiểu khí hậu từng trạm. Cho biết lý do. - Xếp các biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa (D,E,F) thành từng cặp cho phù hợp.</p>	<p>- Mỗi nhóm thảo luận mỗi biểu đồ để xác định đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa từng trạm.</p>	

3. Luyện tập:

Khoanh tròn vào câu trả lời đúng nhất:

- **Câu 1:** Bán đảo Xcan-đi-na-vi cùng vĩ độ với Ai-xơ-len nhưng lại có khí hậu ấm hơn và mưa nhiều hơn Ai-xơ-len vì:

A. có dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương chảy ven bờ.

B. đảo Ai-xơ-len nằm gần vòng cực bắc hơn.

C. Xcan-đi-na-vi là một bộ phận của đất liền, Ai-xơ-len là đảo nhỏ nằm trên biển.

D. bán đảo Xcandinavi nằm ở vĩ độ thấp.

- Câu 2: Đường đẳng nhiệt tháng giêng ở châu Âu cho thấy nhiệt độ:

A. giữa các vùng chênh lệch nhau lớn.

B. càng về phía đông nhiệt độ càng tăng

C. càng về phía tây nhiệt độ càng giảm

D. giữa các vùng chênh lệch nhau nhỏ

4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Bài tập: Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng về đặc điểm 1 kiểu khí hậu và thảm thực tương ứng ở châu Âu. (HS tự chọn 1 trong các kiểu khí hậu sau: ôn đới lục địa, ôn đới hải dương, địa trung hải).

- Học bài cũ.

- Làm bài tập các câu hỏi cuối bài và tập bản đồ.

- Chuẩn bị bài mới: Dân cư, xã hội Châu Âu

+ Tìm hiểu tại sao dân cư châu Âu có xu hướng già đi.

+ Ôn lại phương pháp nhận biết đặc điểm dân số qua tháp tuổi.

TUẦN 32: Tiết 61:	Bài 54: DÂN CƯ, XÃ HỘI CHÂU ÂU	<i>Ngày soạn : 22/4/2019</i> <i>Ngày giảng: 24/4/2019</i>
------------------------------------	---	--

I/ MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về dân cư, xã hội châu Âu.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích biểu đồ, lược đồ để nắm được tình hình đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu.

3. Thái độ:

- Hiểu về hậu quả của quá trình đô thị hóa quá mức ở châu Âu.

4. Năng lực được hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực tính toán.
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng hình ảnh (mức 1,2), sử dụng bản đồ (mức 1)

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS :

1. Giáo viên:

- Máy vi tính, projector, bảng phụ.
- Lược đồ tự nhiên châu Âu.
- Lược đồ phân bố dân cư và đô thị châu Âu
- Tranh ảnh có liên quan.
- Các bài tập trắc nghiệm.
- Cây chỉ bản đồ.

2. Học sinh:

- Nghiên cứu trước nội dung bài học.
- Vở, sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bảng nhóm, bút lông, giấy A3, bút màu.
- Sưu tầm tranh ảnh có liên quan.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Hoạt động khởi động:

- **Thời gian:** 3 phút
- **Mục tiêu:**
+ Giới thiệu nội dung bài học.
- **Phương pháp- kỹ thuật:** Trực quan, đàm thoại gợi mở, kỹ năng phân tích tranh ảnh, video
- **Phương tiện dạy học:** tranh ảnh và video.
- **Hình thức tổ chức:** cá nhân

GV sử dụng 1 số tranh ảnh về tôn giáo, văn hóa của 1 số ở châu Âu để HS thi 1 trò chơi “ Ai nhanh hơn ai”. HS sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh nhận biết về các nền văn hóa ở châu Âu; từ đó tạo hứng thú hiểu biết về đặc điểm dân cư, xã hội châu Âu. Từ đó, GV kết nối vào bài học mới: Tuy không phải là cái nôi của nền văn minh nhân loại nhưng ở châu Âu tôn giáo, văn hóa cũng rất đa dạng và độc đáo. Nơi đây dân cư có đặc điểm phát triển rất chậm và ở đây còn có những chính sách khuyến khích tăng dân. Tại sao như vậy, chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.....

2. Hình thành kiến thức mới.

***HOẠT ĐỘNG 1: SỰ ĐA DẠNG VỀ TÔN GIÁO, NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA**

- **Thời gian:** 15 phút.
- **Mục tiêu :** Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hóa châu Âu.
- **Phương pháp - kỹ thuật:** Trực quan, đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, liên hệ thực tế, kỹ năng phân tích tranh ảnh, video
- **Phương tiện dạy học:** tranh ảnh và video.
- **Hình thức tổ chức:** cá nhân, nhóm.

Mô tả hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Hoạt động của thầy	Hoạt động của trò	

<p>GV: Trên thế giới có bao nhiêu chủng tộc lớn? kể tên và nơi phân bố?</p> <p>GV: Dân cư châu Âu thuộc chủng tộc lớn nào trên thế giới?</p> <p>GV: Dân cư châu Âu theo đạo gì?</p> <p>GV sử dụng cho HS quan sát các tranh ảnh về các tôn giáo ở châu Âu.</p> <p>GV liên hệ thực tế tôn giáo ở VN. Từ đó giáo dục tư tưởng cho HS (bài trừ mê tín dị đoan)</p> <p>GV:Cho HS thảo luận nhóm: Dựa vào H54.1 SGK: Cho biết châu Âu có các nhóm ngôn ngữ nào?Các nước thuộc từng nhóm?</p> <p>- GV chuẩn xác kiến thức Chuyển ý</p>	<p>HS trả lời</p> <p>HS trả lời</p> <p>HS trả lời</p> <p>HS liên hệ thực tế trả lời.</p> <p>- Đại diện các nhóm trình bày kết quả, nhận xét, bổ sung.</p>	<p>1. Sự đa dạng về tôn giáo, ngôn ngữ và văn hóa:</p> <p>-Dân cư thuộc chủng tộc Ô rô pê ô ít.</p> <p>-Chủ yếu theo đạo cơ đốc giáo, phần nhỏ theo đạo Hồi.</p> <p>-Có các nhóm ngôn ngữ: Giéc manh, La tinh, Xlavơ, Hi Lạp và một số nhóm ngôn ngữ khác.</p>
---	---	---

***HOẠT ĐỘNG 2: DÂN CƯ CHÂU ÂU ĐANG GIÀ ĐI, MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA CAO**

- **Thời gian:** 25 phút
- **Mục tiêu:** Trình bày và giải thích (ở mức độ đơn giản) một số đặc điểm về dân cư, đô thị ở châu Âu.
- **Phương pháp -kĩ thuật:** đàm thoại gợi mở, nêu vấn đề, trực quan, thảo luận nhóm liên hệ thực tế, kĩ năng phân tích biểu đồ, lược đồ, tranh ảnh.
- **Hình thức tổ chức:** cá nhân, nhóm.

<p>2. Dân cư châu Âu đang già đi, mức độ đô thị hóa cao:</p> <p>a.Đặc điểm dân cư:</p> <p>-Dân số: 727 triệu người (2001)</p> <p>-Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên quá thấp, chưa tới 0,1%</p> <p>-Dân số châu Âu đang già đi.</p> <p>-Phân bố không đều.</p>	<p>GV:Cho HS quan sát h54.2/ SGK, thảo luận nhóm: Nhận xét sự thay đổi kết cấu dân số theo độ tuổi của châu Âu so với thế giới trong giai đoạn (1960-2000)?</p> <p>GV chuẩn xác kiến thức.</p> <p>GV: Qua phân tích tháp tuổi và kết cấu dân số, em có nhận xét gì về đặc điểm dân cư châu Âu?</p> <p>GV: Tỉ lệ gia tăng tự nhiên, hậu quả của nó?</p> <p>GV cho HS liên hệ với đặc điểm dân cư, tỉ lệ gia tăng tự nhiên của VN. Giáo dục HS về chính sách dân số và KHHGD.</p> <p>GV: Quan sát h54.3, h54.1</p>	<p>-Đại diện các nhóm trình bày, bổ sung, kết luận.</p> <p>HS nhận xét</p> <p>HS trả lời</p> <p>HS trả lời</p> <p>HS trả lời</p>
---	--	--

<p><u>b. Đô thị hóa ở châu Âu:</u></p> <p>- Tỷ lệ dân thành thị cao (75% dân số)</p>	<p>SGK, cho biết đặc điểm phân bố dân cư ở châu Âu?</p> <p>GV: Cho HS quan sát h54.3 SGK: Hãy cho biết tên các đô thị trên 5 triệu dân ở châu Âu?</p> <p>GV: Đô thị hóa ở châu Âu có đặc điểm gì? Nguyên nhân tỷ lệ dân thành thị cao?</p> <p>GV liên hệ với quá trình đô thị hóa ở VN.</p> <p>GV cho HS quan sát tranh ảnh.</p> <p>GV Kết luận</p>	<p>HS: - Các thành phố nối tiếp nhau tạo thành dải đô thị.</p> <p>- Quá trình đô thị hóa ở nông thôn đang phát triển.</p> <p>HS quan sát tranh ảnh.</p>
---	--	---

3. **Luyện tập:** Khoanh tròn vào câu trả lời đúng:

- Câu 1: Cơ cấu dân số châu Âu có xu hướng :

A. trẻ lại

B. già đi

C. không có sự thay đổi

D. trẻ lại hóa

- Câu 2: Những nơi có mật độ dân số thấp dưới 25 người/km² ở châu Âu là các vùng:

A. phần lớn địa hình là núi non hiểm trở.

B. có khí hậu nóng, khô khắc nghiệt.

C. nằm sâu trong lục địa.

D. nằm phía Bắc vĩ tuyến 60°B

4. **Hoạt động vận dụng, mở rộng:**

Chọn 1 trong 2 nội dung sau:

- Bài 1: Suu tầm, tư liệu về quá trình đô thị hóa ở Việt Nam.

- Bài 2: Ở quê hương em, quá trình đô thị hóa diễn ra như thế nào? Cho ví dụ minh họa.

- Hướng dẫn cho HS về nhà:

+ Học bài cũ.

+ Làm câu hỏi SGK

+ Làm bài tập trong tập bản đồ.

+ Chuẩn bị bài mới: Kinh tế châu Âu

<p>TUẦN 32:</p> <p>Tiết 62:</p>	<p>Bài 55:</p> <p>KINH TẾ CHÂU ÂU</p>	<p>Ngày soạn : 24/4/2019</p> <p>Ngày giảng: 26/4/2019</p>
---	---	---

I/ **MỤC TIÊU BÀI HỌC:** Sau bài học, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Biết được châu Âu có nền nông nghiệp hàng hóa phát triển cao.

- Biết được công nghiệp châu Âu là công nghiệp hiện đại có lịch sử phát triển từ rất sớm.

- Biết được dịch vụ châu Âu năng động, đa dạng chiếm tỉ trọng lớn trong nền kinh tế - là lĩnh vực kinh tế phát triển nhất.

2. Kỹ năng:

- Rèn luyện kỹ năng phân tích lược đồ nông nghiệp và công nghiệp châu Âu.

3. Thái độ:

- Giáo dục bảo vệ môi trường cho HS thông qua các hoạt động nông nghiệp, công nghiệp.

4. Năng lực được hình thành:

- Năng lực chung: Năng lực tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, sáng tạo và năng lực tính toán.
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng hình ảnh (mức 1,2), sử dụng bản đồ (mức 1)

II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS :**1. Giáo viên:**

- Máy vi tính, projector, bảng phụ.
- Lược đồ tự nhiên châu Âu.
- Lược đồ kinh tế châu Âu
- Tranh ảnh có liên quan.
- Các bài tập trắc nghiệm.
- Sơ đồ tư duy để hệ thống hoá kiến thức của bài học.
- Cây chỉ bản đồ.

2. Học sinh:

- Nghiên cứu trước nội dung bài học.
- Vở, sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bảng nhóm, bút lông.
- Sưu tầm tranh ảnh về nền kinh tế châu Âu.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**1. Hoạt động khởi động:**

- Thời gian: 3 phút
- Mục tiêu:
 - + Giới thiệu nội dung bài học.
- Phương pháp- kĩ thuật: Trực quan, đàm thoại gợi mở, kĩ năng phân tích tranh ảnh, video
- Phương tiện dạy học: tranh ảnh và video.
- Hình thức tổ chức: cá nhân

GV sử dụng phim tư liệu về sự phát triển ở châu Âu; từ đó tạo hứng thú để HS tìm hiểu về đặc điểm kinh tế châu Âu. Từ đó, GV kết nối vào bài học mới: Châu Âu được biết đến là một châu lục có nền kinh tế phát triển nhờ vào sự tiến bộ khoa học kĩ thuật. Chính vì vậy nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ châu Âu đều phát triển mạnh mẽ. Vậy chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay....

2. Hình thành kiến thức mới.***HOẠT ĐỘNG 1: NÔNG NGHIỆP**

- Thời gian: 12 phút.
- Mục tiêu : Biết được châu Âu có nền nông nghiệp hàng hóa phát triển cao.
- Phương pháp - kĩ thuật: Trực quan, đàm thoại gợi mở, so sánh, kĩ năng phân tích tranh ảnh, video
- Phương tiện dạy học: lược đồ kinh tế châu Âu, tranh ảnh.
- Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm.

Mô tả hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Hoạt động của GV	Nội dung của HS	
GV nhắc lại một số kiểu nông nghiệp hiện đại: nông nghiệp kiểu châu Âu, kiểu Bắc Mỹ, kiểu Nam Mỹ.	HS trả lời	1. <u>Nông nghiệp:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Nền nông nghiệp tiên tiến, đạt hiệu quả kinh tế cao.

<p>GV:Cho biết hình thức tổ chức sản xuất nông nghiệp ở châu Âu?Quy mô phát triển?</p> <p>GV:Nguyên nhân nào thúc đẩy nền nông nghiệp ở châu Âu đạt hiệu quả kinh tế cao?</p> <p>GV:Dựa vào H55.1 / SGK cho biết tỉ trọng giữa chăn nuôi và trồng trọt ở các nước châu Âu?</p> <p>GV:Cho biết các cây trồng, vật nuôi chính ở châu Âu và sự phân bố của chúng? Vì sao có sự phân bố như vậy?</p> <p>GV bổ sung Chuyển ý</p>	<p>HS trả lời</p> <p>HS: +Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật tiên tiến. + Gắn chặt với nông nghiệp chế biến.</p> <p>HS trả lời</p> <p>HS: Khí hậu ẩm, ẩm, mưa nhiều.</p>	<p>+Nhờ áp dụng các tiến bộ khoa học kĩ thuật tiên tiến. +Gắn chặt với nông nghiệp chế biến.</p>
--	---	--

***HOẠT ĐỘNG 2: CÔNG NGHIỆP**

- **Thời gian:** 15 phút

- **Mục tiêu:** Biết được công nghiệp châu Âu là công nghiệp hiện đại có lịch sử phát triển từ rất sớm.

- **Phương pháp- kĩ thuật:** Trực quan, thuyết giảng tích cực, đàm thoại gợi mở, thảo luận nhóm, kĩ năng phân tích.

- **Phương tiện dạy học:**+ Máy vi tính, projector, bảng phụ.
+ Lược đồ kinh tế châu Âu.
+ Cây chỉ bản đồ.

- **Hình thức tổ chức:** cá nhân, nhóm

Mô tả hoạt động của thầy và trò		Nội dung
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	
<p>GV:Cách mạng khoa học kĩ thuật lần I năm 1769 từ châu Âu lan sang các nước Bắc Mỹ và khắp thế giới.</p> <p>GV:Kể tên các sản phẩm công nghiệp truyền thống của châu Âu nổi tiếng về chất lượng cao?</p> <p>GV :Nêu những khó khăn của ngành công nghiệp truyền thống?</p> <p>GV bổ sung thêm và chuẩn xác kiến thức.</p> <p>GV:Trình bày sự phát triển công nghiệp ở châu Âu?</p>	<p>HS: Luyện kim, sản xuất ô tô, đóng tàu, dệt may...</p> <p>HS: dựa SGK trình bày</p> <p>HS trình bày</p>	<p>2. Công nghiệp:</p> <p>- Nền công nghiệp châu Âu phát triển sớm nhất thế giới.</p> <p>- Nền công nghiệp hiện đại như: điện tử, cơ khí chính xác, tự động hóa, công nghiệp hàng không...</p>

- Bài tập: Viết 1 đoạn văn ngắn khoảng 10 dòng về sự phát triển kinh tế của 1 nước ở châu Âu.
- Học bài cũ.
- Làm câu hỏi 1,2, 3 SGK/ 167
- Làm bài tập ở tập bản đồ.
- Chuẩn bị bài mới: Khu vực Bắc Âu
 - + Tìm hiểu tự nhiên Bắc Âu (Địa hình, khí hậu, khoáng sản....)
 - + Đặc điểm kinh tế Bắc Âu.

Tuần:	BÀI 56	NS :
Tiết:	KHU VỰC BẮC ÂU	NG:

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh cần đạt được:

1. Kiến thức

- Nắm vững đặc điểm địa hình của khu vực Bắc Âu, đặc biệt là bán đảo Xcan-đi-na-vi.
- Nắm các đặc điểm chung về kinh tế, hiểu rõ đặc điểm của ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên của khu vực Bắc Âu.

2. Kỹ năng

Dựa vào bản đồ, lược đồ, tranh ảnh địa lí, bảng số liệu học sinh xác định được:

- Địa hình núi già, băng hà cổ.
- Tài nguyên tự nhiên được khai thác hợp lí.
- Vẽ, phân tích và nhận xét biểu đồ.

3. Thái độ

- Có thái độ ham hiểu biết, tìm tòi khám phá những điều mới
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: tự học; hợp tác, trình bày; ...

- Năng lực riêng: sử dụng lược đồ; át lát địa lí, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ các nước khu vực Bắc Âu
- Lược đồ tự nhiên khu vực Bắc Âu
- Một số hình ảnh về địa hình băng hà núi cao, bờ biển Na Uy, khai thác thủy sản

2. Đối với học sinh

Vở ghi, SGK, bảng nhóm, bút lông, nam châm, tập bản đồ, sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động kinh tế ở Bắc Âu

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ổn định:

2. **Bài cũ: (5 phút)** GV mời 2 HS lên bảng trình bày những đặc điểm kinh tế châu Âu. HS khác nhận xét bổ sung, GV đánh giá ghi điểm.

3. Bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát): 5 phút

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS được gọi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết vị trí 1 khu vực của châu Âu sắp học

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp - Trực quan

3. **Phương tiện:** Lược đồ các nước khu vực Bắc Âu - Lược đồ châu Âu

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Cho HS quan sát Lược đồ các nước khu vực Bắc Âu, đối chiếu với Lược đồ châu Âu và yêu cầu: Khu vực có vị trí như thế nào với châu Âu? Bao gồm những quốc gia nào?

Bước 2: HS quan sát hình ảnh và bảng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: *Khái quát tự nhiên Bắc Âu (Thời gian: 20 phút)*

1. Mục tiêu:

- Nắm được vị trí địa lí của Bắc Âu.
- Nắm được các đặc điểm tự nhiên của Bắc Âu: Địa hình, sự phân hóa khí hậu, sông ngòi, vùng biển,...

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học:

- PP trực quan-khai thác tranh ảnh, PP vấn đáp, đàm thoại, PP thảo luận nhóm
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
<p>Bước 1: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát lược đồ các nước thuộc khu vực Bắc Âu. Cho biết Bắc Âu gồm những quốc gia nào, hãy xác định trên bản đồ?</p> <p>Bước 2: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát H56.2,56.3 và bản đồ tự nhiên Châu Âu, yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa hình các nước Bắc Âu có đặc điểm như thế nào? - Em hiểu thế nào là địa hình băng hà cổ, fio, hồ băng hà? <p>HS: Trả lời GV: Chuẩn kiến thức</p> <p>Bước 3: GV: Cho HS thảo luận nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1&2: Vị trí địa lí làm cho khí hậu ở đây có những đặc điểm gì? - Nhóm 3&4: Bằng những kiến thức đã học hãy giải thích tại sao có sự khác biệt giữa khí hậu phía đông và phía tây, giữa phía bắc và phía nam? - Nhóm 5&6: Quan sát trên bản đồ tự nhiên và qua sự chuẩn bị bài ở nhà cho biết ở khu vực Bắc Âu có những nguồn tài nguyên nào? <p>HS: Đại diện các nhóm trình bày, các HS khác nhận xét GV: Chuẩn kiến thức</p>	<p>1. Khái quát tự nhiên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn diện tích bán đảo Xcan-đi-na-vi là núi và cao nguyên với đặc điểm băng hà cổ rất phổ biến. - Phần lớn diện tích khu vực Bắc Âu nằm trong khu vực ôn đới lục địa lạnh, có sự khác biệt từ tây sang đông, từ bắc xuống nam. - Tài nguyên phong phú đa dạng gồm khoáng sản, rừng, hải sản, thủy năng ...

Hoạt động 2: *Kinh tế Bắc Âu (Thời gian: 11 phút)*

1. Mục tiêu:

- Nắm các đặc điểm chung về kinh tế
- Hiểu rõ đặc điểm ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên của khu vực Bắc Âu.

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học:

- PP vấn đáp, đàm thoại gợi mở, PP liên hệ thực tế
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cả lớp

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
------------------------------------	----------------

Bước 1:

GV: Hướng dẫn học sinh đọc nội dung phần 2 SGK:

- Với nguồn tài nguyên kể trên giúp cho các nước Bắc Âu có thể phát triển những ngành kinh tế nào?

- Rút ra nhận xét chung về cơ cấu nền kinh tế của các nước Bắc Âu?

HS: Trả lời

GV: Chuẩn kiến thức

Bước 2:

GV: Hướng dẫn học sinh quan sát H56.5 SGK:

Trong quá trình khai thác tự nhiên để phát triển kinh tế các nước Bắc Âu đã có những định hướng biện pháp gì để nhằm duy trì sử dụng lâu dài, hãy lấy ví dụ để chứng minh?

HS: Khai thác hợp lý nguồn tài nguyên

VD: Khai thác rừng có kế hoạch đi đôi với công tác trồng mới và bảo vệ ...

GV: Chuẩn kiến thức, đồng thời tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường.

2. Kinh tế

Các nước Bắc Âu có nền kinh tế phát triển cao, cơ cấu đa dạng nhiều ngành.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 2 phút)

1. (Cá nhân): Hãy chọn đáp án đúng trong các câu hỏi, bài tập sau đây:

Câu 1: Khu vực Bắc Âu có bao nhiêu quốc gia?

A. 4. B. 5. C. 3. D. 2.

Câu 2: Mùa đông ở ven biển phía Tây của Bắc Âu không lạnh lắm do

A. không tiếp giáp biển. C. ảnh hưởng của dòng biển nóng Bắc Đại Tây Dương.
B. gần Bắc Cực. D. gió Tây ôn đới hoạt động mạnh.

Câu 3: Đây là một tài nguyên quan trọng của Bắc Âu

A. Kim cương B. Dầu mỏ
C. Rừng D. Thủy năng

2. (Cặp đôi) Tại sao lâm nghiệp ở Bắc Âu phát triển theo hướng kết hợp khai thác và bảo vệ rừng?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (Thời gian: 2 phút)

1. Ở nước ta, việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường có được chú trọng hay không? Liên hệ thực tế địa phương em

2. Làm bài tập bản đồ, học bài cũ

3. Chuẩn bị bài mới: “Khu vực Tây và Trung Âu”:

- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên

- Tình hình phát triển kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ

Tuần:	BÀI 57	NS : 06/5/2019
Tiết:	KHU VỰC TÂY VÀ TRUNG ÂU	NG: 08/5/2019

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh cần đạt được:

1. Kiến thức

- Nắm vững đặc điểm tự nhiên khu vực Tây và Trung Âu
- Nắm vững tình hình phát triển kinh tế khu vực Tây và Trung Âu

2. Kỹ năng

- Rèn luyện kỹ năng làm việc với SGK
- Kỹ năng phân tích, tổng hợp để nắm được đặc điểm địa hình của ba miền trong khu vực
- củng cố kỹ năng đọc phân tích lược đồ tự nhiên để nắm vững phân bố các ngành kinh tế trong ba miền khu vực Tây và Trung Âu

3. Thái độ

- Có thái độ ham hiểu biết, tìm tòi khám phá những điều mới
- Có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: tự học; hợp tác, trình bày; ...
- Năng lực riêng: sử dụng lược đồ; Atlat địa lí, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ tự nhiên khu vực Bắc Âu.
- Lược đồ nông nghiệp châu Âu.

- Lược đồ công nghiệp châu Âu.
- Một số hình ảnh về tự nhiên và kinh tế Tây và Trung Âu.

2. Đối với học sinh

Vở ghi, SGK, bảng nhóm, bút lông, nam châm, tập bản đồ, sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động kinh tế ở Tây và Trung Âu.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ôn định:

2. Bài cũ(5 phút) : GV mời 1 HS lên bảng, yêu cầu:

- 1/ Trình bày đặc điểm tự nhiên Bắc Âu?
- 2/ Kinh tế Bắc Âu có đặc điểm gì?

3. Bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) 3 phút

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS được gợi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết vị trí 1 khu vực của châu Âu sắp học

2. Phương pháp - kỹ thuật: Vấn đáp - Trực quan

3. Phương tiện: Lược đồ tự nhiên khu vực Tây và Trung Âu - Lược đồ tự nhiên châu Âu

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Cho HS quan sát 1 số tranh ảnh về các dạng địa hình quan trọng ở Tây và Trung Âu, yêu cầu HS rút ra nhận xét đặc điểm chung địa hình Tây và Trung Âu.



Núi trẻ An-pơ



Núi già - Khối núi Trung Tâm



Đồng bằng Pháp



Đầm lầy phía Bắc

Bước 2: HS quan sát hình ảnh và bằng hiểu biết để trả lời.

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: *Khái quát tự nhiên Tây và Trung Âu (Thời gian: 15 phút)*

1. Mục tiêu:

- Hiểu được vị trí địa lí của Tây và Trung Âu.
- Hiểu được các đặc điểm tự nhiên của Tây và Trung Âu: sự phân hóa 3 miền địa hình, khí hậu, sông ngòi, vùng biển,...

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học:

- PP trực quan-khai thác tranh ảnh, PP vấn đáp, đàm thoại, PP thảo luận nhóm
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
<p>Bước 1:</p> <p>GV: Hướng dẫn học sinh quan sát bản đồ các nước Châu Âu.</p> <p>Dựa vào H57.1 SGK và bản đồ hãy xác định vị trí và kể tên các nước trong khu vực?</p> <p>GV: Hướng dẫn học sinh quan sát trên bản đồ tự nhiên, kết hợp với lược đồ khí hậu H51.2 SGK.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Với vị trí như vậy khí hậu và sông ngòi của khu vực có đặc điểm gì? - Giải thích vì sao khí hậu ở đây chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biển sông lại có sự phân hoá từ tây sang đông? - Với đặc điểm khí hậu như vậy sông ngòi ở đây có đặc điểm gì? <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: Chuẩn kiến thức</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV: Cho HS thảo luận theo 6 nhóm:</p> <p><i>Quan sát trên bản đồ tự nhiên và H57.1 SGK cho biết trong khu vực có những dạng địa hình nào, sự phân bố. Có những loại khoáng sản nào? Thế mạnh để phát triển kinh tế trong những khu vực địa hình đó?</i></p> <p>HS: Báo cáo kết quả thảo luận nhóm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung</p> <p>GV: Chuẩn kiến thức</p>	<p>1. Khái quát tự nhiên</p> <p>* Vị trí:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trải dài từ quần đảo Anh – Ailen đến dãy Các Pát. Gồm 13 quốc gia. * Khí hậu – Sông ngòi - Nằm hoàn toàn trong vành đai ôn hoà có gió tây ôn đới hoạt động, chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của biển, có sự phân hoá từ tây sang đông. - Sông ngòi ở phía tây nhiều nước quanh năm, các sông ở phía đông đóng băng vào mùa đông. * Địa hình. <p>Địa hình gồm ba miền:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đồng bằng ở phía bắc. + Núi già ở trung tâm. + Núi trẻ ở phía nam.

Hoạt động 2: Kinh tế Tây và Trung Âu (Thời gian: 15 phút)**1. Mục tiêu:**

- Nắm các đặc điểm chung về 3 ngành kinh tế.
- Ghi nhớ tên 1 số cường quốc công nghiệp của khu vực này.

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học:

- PP vấn đáp, PP trực quan-khai thác bản đồ, PP liên hệ thực tế
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cả lớp

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
<p>Bước 1: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát trên bản đồ kinh tế chung, kết hợp với quan sát trên lược đồ H55.2 SGK. Quan sát trên lược đồ, bản đồ, kết hợp với sự chuẩn bị bài ở nhà hãy cho biết công nghiệp ở khu vực này có những đặc điểm gì, chỉ trên bản đồ các khu vực công nghiệp lớn? - HS: Thực hiện trên bản đồ.</p> <p>Bước 2: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát trên bản đồ kinh tế chung, kết hợp với lược đồ H55.1 SGK, yêu cầu: - Kể tên các sản phẩm nông nghiệp, khu vực phân bố những sản phẩm nông nghiệp đó? - Qua sự chuẩn bị bài ở nhà em có đánh giá gì về ngành nông nghiệp trong khu vực?</p> <p>Bước 3: GV: Yêu cầu: - Nhắc lại đặc điểm ngành dịch vụ ở Châu Âu? - Với đặc điểm đó em có liên hệ gì với riêng khu vực Tây và Trung Âu HS: Trả lời GV: Chuẩn kiến thức, tích hợp giáo dục môi trường cho HS</p>	<p>2. Kinh tế</p> <p>a. Công nghiệp Là khu vực tập trung nhiều cường quốc công nghiệp của thế giới với nhiều vùng công nghiệp, ngành công nghiệp hiện đại và hải cảng lớn</p> <p>b. Nông nghiệp - Nông nghiệp đạt trình độ tham canh cao với nhiều loại sản phẩm có giá trị, đồng bằng có nền nông nghiệp đa dạng, vùng núi phát triển chăn nuôi</p> <p>c. Dịch vụ - Các ngành dịch vụ phát triển mạnh chiếm 2/3 tổng thu nhập quốc dân, đặc biệt là du lịch</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP (Thời gian: 5 phút)

1. (Cá nhân): Hãy chọn đáp án đúng trong các câu hỏi, bài tập sau đây:

Câu 1. Dãy núi trẻ cao nhất khu vực này là

- A. Dãy An-đet
C. Dãy An-pơ
C. Dãy U-ran
D. Dãy Cac-pat

Câu 2: Các khu vực địa hình từ Bắc xuống Nam của Tây và Trung Âu là:

- A. Đồng bằng, núi già, núi trẻ
B. Đồng bằng, núi trẻ, núi già
C. Núi trẻ, núi già, đồng bằng
D. Núi trẻ, đồng bằng, núi già

Câu 3: Câu nào ***không đúng*** khi nói về công nghiệp Tây và Trung Âu?

- A. Nông nghiệp tiên tiến, hiện đại
B. Tập trung nhiều cường quốc công nghiệp của thế giới
C. Có nhiều vùng công nghiệp nổi tiếng
D. Có nhiều hải cảng lớn, nhiều ngành công nghiệp hiện đại

Câu 4. Ngành dịch vụ Tây và Trung Âu phát triển, chiếm.....tổng thu nhập quốc dân

- A. 3/4
B. 2/4
C. 2/3
D. 1/3

2. (Nhóm) Làm ý 1, bài tập 2, SGK trang 174

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (Thời gian: 2 phút)

1. So sánh tình hình phát triển kinh tế của Bắc Âu với Tây và Trung Âu
2. Làm bài tập bản đồ, học bài cũ
3. Chuẩn bị bài mới: “Khu vực Nam Âu”:
 - Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên
 - Tình hình phát triển kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ

Tuần:
Tiết:

BÀI 58
KHU VỰC NAM ÂU

NS : 08/5/2019
NG: 10/5/2019

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, học sinh cần đạt được:

1. Kiến thức

- Nắm vững đặc điểm địa hình khu vực Nam Âu: đây là khu vực hông ổn định của lớp vỏ Trái Đất
- Hiểu rõ tình hình phát triển kinh tế của khu vực Nam Âu; vai trò của khí hậu, văn hóa-lịch sử và phong cảnh đối với du lịch Nam Âu

2. Kỹ năng

Tiếp tục rèn luyện kỹ năng đọc, phân tích bản đồ, lược đồ, biểu đồ và tranh ảnh địa lí để tìm ra những đặc điểm tự nhiên và kinh tế của khu vực Nam Âu.

3. Thái độ

- Có thái độ ham hiểu biết, tìm tòi khám phá những điều mới
- Có ý thức gìn giữ các giá trị di sản của địa phương

4. Định hướng phát triển năng lực

- Năng lực chung: tự học; hợp tác, trình bày; ...
- Năng lực riêng: sử dụng lược đồ; át lát địa lí, tranh ảnh...

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH

1. Đối với giáo viên

- Lược đồ tự nhiên khu vực Nam Âu.
- Lược đồ nông nghiệp châu Âu.
- Lược đồ công nghiệp châu Âu.
- Một số hình ảnh về tự nhiên và kinh tế Nam Âu.

2. Đối với học sinh

Vở ghi, SGK, bảng nhóm, bút lông, nam châm, tập bản đồ, sưu tầm tranh ảnh về các hoạt động kinh tế ở Nam Âu.

III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. Ổn định:

2. Bài cũ (5 phút): GV mời 1 HS lên bảng, yêu cầu:

- 1/ Trình bày những đặc điểm khái quát về tự nhiên Tây và Trung Âu?
- 2/ Kinh tế Tây và Trung Âu có đặc điểm gì?

3. Bài mới:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (Tình huống xuất phát) 3 phút

I. Mục tiêu

1. Kiến thức

- HS được gọi nhớ, huy động hiểu biết, sử dụng kỹ năng đọc tranh ảnh để nhận biết vị trí 1 khu vực của châu Âu sắp học

2. Phương pháp - kĩ thuật: Vấn đáp - Trực quan

3. Phương tiện: Lược đồ tự nhiên khu vực Tây và Trung Âu - Lược đồ tự nhiên châu Âu

4. Các bước hoạt động

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Cho HS quan sát Lược đồ tự nhiên khu vực Nam Âu, yêu cầu HS khoanh vùng vị trí, rút ra ý nghĩa vị trí của khu vực.

Bước 2: HS quan sát hình ảnh và bằng hiểu biết để trả lời

Bước 3: HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: *Khái quát tự nhiên khu vực Nam Âu (Thời gian: 14 phút)*

1. Mục tiêu:

- Nắm được vị trí địa lí của Nam Âu.
- Nắm được các đặc điểm tự nhiên quan trọng của Nam Âu: yếu tố địa chất, địa hình, khí hậu,...

2. Phương pháp/kĩ thuật dạy học:

- PP trực quan-khai thác tranh ảnh, PP vấn đáp, đàm thoại, PP thảo luận nhóm
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
Hoạt động 1: Bước 1: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát vị trí giới hạn trên bản đồ tự nhiên, yêu cầu: - Em có nhận xét gì về vị trí lãnh thổ của khu vực? - Dựa vào màu sắc biểu thị độ cao địa hình trên bản đồ và kiến thức đã học hãy trình bày đặc điểm địa hình của khu vực Nam Âu? - Dựa vào lược đồ nêu tên một số dãy núi cao ở Nam Âu? HS: Trả lời GV: Chuẩn kiến thức Bước 2: GV: Hướng dẫn học sinh quan sát H58 SGK, yêu cầu HS	1. Khái quát tự nhiên * Địa chất - Địa hình. - Địa chất: Nằm trên vùng không ổn định của vỏ Trái Đất, một số vùng được nâng lên, một số vùng biển lại sụt xuống. - Địa hình: Phần lớn diện tích là núi trẻ và cao nguyên, đồng bằng nhỏ hẹp ở ven biển hoặc xen kẽ với núi * Khí hậu Nam Âu nằm

thảo luận theo 6 nhóm: <i>Phân tích lược đồ H58.2 SGK và rút ra nhận xét về khí hậu của khu vực?</i> HS: Đại diện 2 nhóm báo cáo, các nhóm khác nhận xét và bổ sung. GV: Chuẩn kiến thức	trong môi trường Địa Trung Hải.
--	---------------------------------

Hoạt động 2: *Kinh tế Nam Âu (Thời gian: 17 phút)*

1. Mục tiêu:

- Hiểu rõ tình hình phát triển kinh tế của khu vực Nam Âu;
- Nắm được vai trò của khí hậu, văn hóa-lịch sử và phong cảnh đối với du lịch Nam Âu

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học:

- PP trực quan-khai thác tranh ảnh, PP vấn đáp, đàm thoại, PP thảo luận nhóm
- KT đặt câu hỏi ...

3. Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN – HỌC SINH	NỘI DUNG CHÍNH
<p>Hoạt động 2:</p> <p>Bước 1:</p> <p>GV: Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên một số sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng, độc đáo ở các vùng có khí hậu Địa Trung Hải? - Với đặc điểm khí hậu như vậy ngành sản xuất nông nghiệp ở Nam Âu có đặc điểm gì? - Bằng kiến thức SGK em có đánh giá như thế nào về trình độ sản xuất nông nghiệp ở Nam Âu? <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: Chuẩn kiến thức</p> <p>Bước 2:</p> <p>GV: Hướng dẫn học sinh quan sát H58.4 SGK và H58.5 SGK.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Em có nhận xét gì về tiềm năng du lịch của các nước Nam Âu? - Em có đánh giá gì về nguồn thu từ du lịch của các nước Nam Âu? <p>HS: Trả lời</p> <p>GV: Chuẩn kiến thức, liên hệ đến du lịch thành phố Hội An, tích hợp giáo dục di sản cho HS</p>	<p>2. Kinh tế</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sản xuất nông nghiệp: <ul style="list-style-type: none"> - Nông nghiệp vùng Địa Trung Hải có nhiều sản phẩm độc đáo đặc biệt là cây ăn quả cận nhiệt đới, nhiều nước vẫn phải nhập lương thực, chăn nuôi phổ biến dưới hình thức chăn thả. * Công nghiệp: Trình độ sản xuất công nghiệp chưa cao * Du lịch: Là nguồn thu ngoại tệ rất quan trọng cho nhiều nước ở Nam Âu

D. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP: (Thời gian: 3 phút)

1. (Cá nhân): Hãy chọn đáp án đúng trong các câu hỏi, bài tập sau đây:

Câu 1: Đặc điểm địa chất-địa hình của khu vực Nam Âu có gì đặc biệt?

- A. Vùng có đặc điểm địa chất ổn định, địa hình chủ yếu là núi
- B. Phần lớn địa hình là núi và cao nguyên, đồng bằng hẹp
- C. Nằm trên vùng không ổn định của lớp vỏ Trái Đất, quá trình tạo núi đang tiếp diễn
- D. Địa hình gồm 3 khu vực theo chiều vĩ tuyến: Núi - đồng bằng - cao nguyên

Câu 2: Vùng khí hậu địa trung hải thích hợp cho trồng loại cây gì?

- A. Củ cải đường, lúa mì
- B. Đậu tương, ngô.
- C. Lúa mạch, lạc.
- D. Nho, cam, chanh, ôliu

Câu 3: Đâu là một công trình kiến trúc của Nam Âu?

- A. Đấu trường La Mã
- B. Tháp nghiêng Pi-da
- C. Kim tự tháp
- D. Tháp đồng hồ Big Bang

2. (Nhóm) Vì sao nói kinh tế Nam Âu chưa phát triển bằng Bắc Âu, Tây và Trung Âu?

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG: (Thời gian: 3 phút)

1. So sánh tình hình phát triển kinh tế của 3 khu vực: Bắc Âu, Tây và Trung Âu và Nam Âu bằng cách hoàn thành bảng sau:

	Bắc Âu	Tây và Trung Âu	Nam Âu
Nông nghiệp			
Công nghiệp			
Dịch vụ			

2. Làm bài tập bản đồ, học bài cũ

3. Chuẩn bị bài mới: “Khu vực Đông Âu”:

- Vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên
- Tình hình phát triển kinh tế: nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ

Tuần : 35

Tiết : 66

Ngày soạn: 13/5/2019

Ngày dạy : 15/5/2019

Bài 59: KHU VỰC ĐÔNG ÂU

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Đông âu chiếm $\frac{1}{2}$ diện tích châu Âu, chủ yếu là đồng bằng, khí hậu ôn đới lục địa, giàu tài nguyên khoáng sản, các ngành công nghiệp truyền thống giữ vai trò chủ đạo.

2. Kỹ năng:

- Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng đọc, phân tích bản đồ, lược đồ, sơ đồ, tranh ảnh địa lí để rút ra được những đặc điểm tự nhiên kinh tế của khu vực Đông Âu.

3. Thái độ:

- Tinh thần học hỏi, ham hiểu biết
- Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ thiên nhiên

II. Phương tiện dạy học:

- Lược đồ tự nhiên Đông Âu .
- Sơ đồ thảm thực vật Đông Âu, Hình ảnh rừng và thảo nguyên...

III. Chuẩn bị:

Gv: -Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Âu.

- Sơ đồ lát cắt thảm thực vật ở Đông Âu theo chiều bắc nam.
- Tranh ảnh về thiên nhiên, văn hoá, kinh tế các nước trong khu vực Đông Âu

Hs: -SGK

- Tập bản đồ

IV. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Thảo luận theo nhóm nhỏ; đàm thoại, gợi mở; tích cực
- Năng lực riêng: khai thác lược đồ phân bố dân cư, tranh ảnh

V. Tiến trình dạy học:

1. Ổn định lớp: Báo cáo sĩ số và nhận xét trực nhật 1'

2. Kiểm tra bài cũ 4'

1/ Tại sao nói kinh tế Nam âu kém phát triển hơn Bắc âu & Tây-Trung âu?

2/ Nêu những tiềm năng để phát triển du lịch Nam âu ?

3. Bài mới :

* **Hoạt động 1: Khái quát tự nhiên:** 20'

- **Mục tiêu:** Hs nắm vững tự nhiên thảm thực vật, rừng, thảo nguyên.
- **Phương pháp, kỹ thuật dạy học:** Sử dụng, bản đồ, lược đồ , sgk.
- **Hình thức tổ chức:** Thảo luận nhóm, cặp, vấn đáp, nhận xét..

<i>Hoạt động của giáo viên và học sinh</i>	<i>Nội dung chính</i>
<p>? Quan sát hình 59.1 cho HS thảo luận nhóm 4 nhóm về địa hình chủ yếu của Đông âu ?</p> <p>GV: Nhận xét (phần lớn diện tích là đồng bằng cao từ 100 - 200m ; phía Bắc có băng hà; còn ven biển Catxpi thấp dưới mực nước biển 28m)</p> <p>? Quan sát hình 59.2 giải thích sự thay đổi từ Bắc xuống Nam của thảm thực vật Đông âu? (phần phía Bắc có khí hậu giá lạnh có đồng rêu → rừng cây lá kim → rừng hỗn giao → rừng cây lá rộng → thảo nguyên → nửa hoang mạc)</p> <p>? Quan sát hình 59.1 cho HS thảo luận cặp theo bản đặc điểm khí hậu của Đông âu?</p> <p>GV: Nhận xét (càng xuống vĩ độ thấp nhận được nhiều nhiệt & ánh sáng nên mùa đông bớt lạnh và ngắn , mùa hạ dài và ấm hơn (Đông âu là đồng bằng nên các khối khí từ địa cực dễ dàng di chuyển xuống phía Nam làm nhiệt độ ở phía Nam giảm ; còn khối khí</p>	<p>1. Khái quát tự nhiên:</p> <p>- Khu vực Đông Âu là một dải đồng bằng rộng lớn, chiếm ½ diện tích châu Âu. Khí hậu mang tính chất lục địa. Thảm thực vật thay đổi rõ rệt từ bắc xuống nam.</p>

nóng từ lục địa di chuyển lên phía Bắc làm nhiệt độ tăng lên đột ngột)

*** Hoạt động 2: Kinh tế: 15'**

- **Mục tiêu:** Hs nắm vững công nghiệp, nông nghiệp khu vực Bắc Âu.
- **Phương pháp, kỹ thuật dạy học:** Sử dụng, tranh ảnh về công nghiệp khoáng sản, sgk.
- **Hình thức tổ chức:** Thảo luận nhóm, cặp, vấn đáp, nhận xét..

? Quan sát hình 59.1 cho biết sự phân bố khoáng sản ở Đông âu?	
<i>(than, đồng, sắt, mangan, dầu mỏ ở LB Nga & Ucraina)</i>	- Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển công nghiệp và nông nghiệp. Công nghiệp khá phát triển, đặc biệt là các ngành truyền thống. Các nước phát triển hơn cả là Nga, U-crai-na.
? Quan sát hình 59.1 cho HS thảo luận cặp theo bàn về sự phân bố các ngành công nghiệp Đông âu?	
<i>GV: nhận xét (sản xuất máy bay, ô tô, luyện kim màu, hoá chất, lọc dầu)</i>	
? Nông nghiệp trồng được những loại nào? <i>(lúa mì, ngô, khoai tây, củ cải đường; chăn nuôi bò thịt, bò sữa, lợn, gia cầm theo qui mô lớn)</i>	- Sản xuất nông nghiệp được tiến hành theo qui mô lớn. U-crai-na là một trong những vựa lúa lớn của châu Âu.
? GV cho hs thảo luận 4 nhóm Cho biết kinh tế Đông âu có những gì khác biệt so với các khu vực khác của châu Âu?	
<i>GV nhận xét (nền công nghiệp châu Âu khá phát triển, nhưng những ngành truyền thống như: khai thác khoáng sản, luyện kim & cơ khí giữ vai trò chủ đạo)</i>	
<i>(nông nghiệp phát triển theo qui mô lớn, chủ yếu là sản xuất lúa mì & các nông sản ôn đới)</i>	

4. Luyện tập, vận dụng: Thời gian: 3'

- Mục tiêu:** - Giúp học sinh củng cố lại các kiến thức đã học trong bài.
- Khắc sâu những kiến thức trọng tâm.

Phương pháp: hỏi đáp, gợi mở

Câu hỏi 1: Nêu những đặc điểm tự nhiên nổi bật của châu Âu?

Câu hỏi 2: Cho biết kinh tế Đông âu có những gì khác biệt so với các khu vực khác của châu Âu?

Hs: Trả lời.

Gv: Nhận xét.

5. Hoạt động tiếp nối, mở rộng: Thời gian: 2'

- Mục tiêu:** - Giúp hs chuẩn bị những kiến thức ở bài mới.

Phương pháp: Đọc, phân tích, thảo luận, bạn học, nhận xét truyền đạt cho địa phương.

- Học bài cũ
- Chuẩn bị bài mới: Liên minh Châu Âu

Rút kinh nghiệm:.....

.....

.....

.....

.....

.....

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM BÀI 59

Tên chủ đề	Nhận biết	Thông Hiểu	Vận dụng	
			Vận dụng thấp	Vận dụng cao
Bài 59 KHU VUC ĐÔNG ÂU	Nêu được các khái niệm diện tích độ cao, băng hà, sông ngòi	Hiểu Được khí hậu, sông ngòi, thực vật rừng và thảo nguyên	Phân tích được tài nguyên, khoáng sản, rừng, đất đai..	Chứng minh ngành công nghiệp, trữ lượng, phương án khai thác như thế nào?

Đề kiểm tra 10 câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Bề mặt diện tích có hình dạng gì?

- A. Bằng phẳng.
- B. Đồi Núi.
- C. Lượn sóng.**
- D. Băng hà.

Câu 2: Mặt đất cao bao nhiêu mét

- A. 100- 200m.**
- B. 300- 400m.
- C. 500-600m.
- D. 700-800m.

Câu 3: Ven biển Ca-xpi có dải đất thấp hơn đại dương là

- A. 26 m.
- B. 27m.
- C. 28m.**
- D. 29m.

Câu 4: Đông Âu có kiểu môi trường khí hậu nào?

- A. Ôn đới Hải dương.**
- B. Ôn đới lục địa.**
- C. Ôn đới Hoang mạc.
- D. Ôn đới Sa mạc.

Câu 5: Sơ đồ thảm thực vật khu vực Đông Âu từ Bắc xuống Nam là

- A. đồng rêu, rừng lá kim, rừng ôn đới, rừng lá rộng, thảo nguyên**

- B. thảo nguyên đồng rêu, rừng lá kim, rừng ôn đới, rừng lá rộng
 C. rừng lá kim, đồng rêu, rừng ôn đới, rừng lá rộng, thảo nguyên
 D. rừng lá rộng, đồng rêu, rừng lá kim, rừng ôn đới, thảo nguyên

Câu 6: Rừng Lá kim thuộc đới khí hậu nào?

- A. Đới nóng, đới lạnh
 B. **Đới Lạnh, đới ôn hòa**
 C. Đới ôn hòa, đới nóng
 D. Đới hoang mạc, Đới ôn hòa

Câu 7: Các khoáng có trữ lượng lớn tập trung ở đâu?

- A. Ba Lan, Đức
 B. Thủy Điện, Phần Lan
 C. U-crai-na, Phần Lan.
 D. **Liên bang Nga, U-crai-na**

Câu 8: Đồng bằng Đông Âu rộng khoảng bao nhiêu kilomet?

- A. 200.000 kilomet.
 B. 3000.000 kilomet.
 C. 4000. kilomet.
 D. 5000.000 kilomet.

Câu : Phương án nào dưới đây **không phải** là lý do để khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản hợp lý và tiết kiệm?

- A. Để hình thành phải mất hàng vạn, hàng triệu năm.
 B. **Tài nguyên khoáng sản là vô tận, rất dễ phục hồi.**
 C. Giảm thiểu tình trạng khai thác bừa bãi, gây ô nhiễm môi trường.
 D. Có vai trò rất lớn trong việc thúc đẩy các ngành công nghiệp phát triển.

Câu 10: Tại sao ngành công nghiệp Đông Âu lại gặp khó khăn?

- A. Không đổi mới công nghệ.
 B. Bị lừa đảo cộng nghệ.
 C. Không Phối hợp công nghệ.
 D. **Chậm đổi mới công nghệ.**

Tuần: 36
 Tiết : 69

Ngày soạn: 22/5/2019
 Ngày dạy: 24/5/2019

BÀI 60: LIÊN MINH CHÂU ÂU

I. MỤC TIÊU: Qua bài học, HS cần đạt được:

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được sự hình thành và mở rộng của liên minh châu Âu về lãnh thổ, về các mục tiêu kinh tế - văn hóa - xã hội.
- Liên minh châu Âu là mô hình toàn diện nhất, một tổ chức thương mại hàng đầu thế giới.

2. Kỹ năng:

Rèn kỹ năng đọc, phân tích lược đồ sgk.

3. Thái độ:

Ý thức được vai trò của sự hợp tác trong đời sống kinh tế.

4. Định hướng phát triển năng lực:

- Năng lực chung: Tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, ...
- Năng lực chuyên biệt: Sử dụng bản đồ; sử dụng hình vẽ, tranh ảnh, mô hình, video, clip.

II. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh:

1. Giáo viên:

- Máy vi tính, projector, bảng phụ.
- Các phần mềm trong ứng dụng công nghệ thông tin như phần mềm Photo story, phần mềm cắt và ghép phim...
- Lược đồ khí hậu châu Âu.
- Các bài tập trắc nghiệm.
- Cây chỉ bản đồ.

2. Học sinh:

- Nghiên cứu trước nội dung bài học.
- Vở, sách giáo khoa.
- Chuẩn bị bảng nhóm, bút lông, giấy A3, bút màu.
- Sưu tầm tranh ảnh có liên quan.

III. Tổ chức các hoạt động học tập:

1. Ôn định tổ chức, điểm danh: 1 phút

2. Kiểm tra bài cũ: trong quá trình học bài mới

3. Tình huống xuất phát: (3 phút)

1. Mục tiêu: giới thiệu bài học tạo hứng thú học tập cho học sinh
2. Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: PP trực quan, vấn đáp, diễn giảng... KT học tập hợp tác ...

3. Hình thức tổ chức: Cá nhân và nhóm cặp

Các bước hoạt động:

Bước 1: Giao nhiệm vụ

Quan sát các hình ảnh em hãy cho biết những hình ảnh sau đây có liên quan đến tổ chức nào ?



- ***Bước 2:*** HS quan sát hình ảnh để trả lời
- ***Bước 3:*** HS báo cáo kết quả (Một HS trả lời, các HS khác nhận xét).

- **Bước 4:** GV dẫn dắt vào bài.

4. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: 22 phút.

1. Mục tiêu:

- Biết được sự hình thành và mở rộng của liên minh châu Âu (cả lớp) 22 phút.

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học: : Đàm thoại gợi mở; giải quyết vấn đề; sử dụng bản đồ, tự học; PP trực quan-khai thác tranh ảnh, PP vấn đáp, PP thảo luận nhóm ,KT đặt câu hỏi

...

3. Hình thức tổ chức: cá nhân, nhóm

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh	NỘI DUNG
<p>* Bước 1: (GV yêu cầu học sinh yếu dựa vào nội dung SGK trả lời)</p> <p>- Cho biết diện tích của liên minh châu Âu?</p> <p>- Dân số của liên minh châu Âu?</p> <p>* Bước 2:</p> <p>GV Chốt ý và giới thiệu sự mở rộng của liên minh châu Âu qua từng giai đoạn?</p> <p>- 25/3/1957: Thành lập cộng đồng kinh tế châu Âu, mở ra thị trường rộng lớn, áp dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại -> hiệu quả cao</p> <p>- 1/11/1993: Cộng đồng kinh tế châu Âu trở thành liên minh châu Âu? Quan sát H60.1 nêu sự mở rộng của liên minh châu Âu qua các giai đoạn</p> <p>GV: Giới thiệu sự ra đời của liên minh châu Âu</p> <p>- 18/4/1951: Hiệp ước thành lập cộng đồng châu Âu về than, thép gồm: Pháp, Đức, Ý, Bỉ, Hà lan, Lúc - xem - búa</p>	<p>Đọc sgk</p> <p>trả lời</p> <p>trả lời</p> <p>Ghi bài và lắng nghe</p>	<p>1. Sự mở rộng liên minh châu Âu.</p> <p>- Diện tích: 4.381.376km² (2017).</p> <p>- Dân số: 512 triệu người(1.1.2017)</p> <p>Danh sách 28 quốc gia thành viên của liên minh châu Âu xếp theo năm gia nhập:</p> <p>- 1957: Bỉ, Đức, Hà Lan, Luxembourg, Pháp, Ý</p> <p>-1973: Anh (chuẩn bị ra đi sau trưng cầu dân ý ngày 24/6/2016), Đan Mạch (chuẩn bị tổ chức trưng cầu dân ý về việc rời khỏi EU), Ireland</p> <p>- 1981: Hy Lạp</p> <p>-1986: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha</p> <p>-1995: Áo, Phần Lan, Thụy Điển</p> <p>Ngày 1/5/2004: Ba Lan, Estonia, Hungary, Latvia, Litva, Malta, Séc, Síp, Slovakia, Slovenia</p> <p>- Ngày 1/1/2007: Bulgaria, Romania</p> <p>-1/7/2013: Croatia</p>
<p>Hoạt động 2: (10 phút.)</p> <p>1. Mục tiêu:</p> <p>- Hiểu được vì sao liên minh châu Âu là một mô hình toàn diện nhất</p> <p>2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học: : Đàm thoại gợi mở; giải quyết vấn đề; sử dụng bản đồ, tự học; ...</p>		

PP trực quan-khai thác tranh ảnh, Đặt câu hỏi; học tập hợp tác

3. Hình thức tổ chức: cặp nhóm

<p>* Bước 1: Giáo viên giao nhiệm vụ cho hs:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại sao nói liên minh châu Âu là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực trên thế giới hiện nay? - Chính trị có cơ quan gì? - Kinh tế có chính sách gì? - Văn hóa - Xã hội chú trọng vấn đề gì? - Xã hội quan tâm đến vấn đề gì? <p>Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, có thể so sánh kết quả làm việc với bạn bên cạnh để hoàn thành nội dung.</p> <p>GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS.</p> <p>Bước 3: Cá nhân báo cáo kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4. Giáo viên chốt ý và liên hệ thực tiễn ở Việt Nam về vấn đề: quốc tịch, tôn giáo, dân tộc và đa dạng về văn hoá.</p>	<p>Trả lời</p> <p>Trả lời</p> <p>Lắng nghe ,</p>	<p>2. Liên minh châu Âu một mô hình toàn diện nhất trên thế giới.</p> <p>Có cơ cấu tổ chức cao nhất, toàn diện</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chính trị: Cơ quan lập pháp là nghị viện châu Âu. - Kinh tế: Chính sách chung, hệ thống tiền tệ chung (ơ rô), tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ, vốn. - Văn hóa: Chú trọng bảo vệ tính đa dạng về văn hóa và ngôn ngữ . - Xã hội: Tài trợ học ngoại ngữ, trao đổi sinh viên, đào tạo lao động có tay nghề cao.
--	--	--

Hoạt động 3: (10 phút.)

1. Mục tiêu:

- Biết được liên minh châu Âu là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới

2. Phương pháp/kỹ thuật dạy học: : Đàm thoại gợi mở; giải quyết vấn đề; sử dụng bản đồ, tự học; ...

3. Hình thức tổ chức: Hình thức “ bài lên lớp”; cá nhân; nhóm

<p>* Bước 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dựa vào sgk cho biết từ năm 1980 trong ngoại thương liên minh châu Âu có thay đổi gì? - Quan sát H60.3 nhận xét về hoạt động thương mại? - Tại sao nói Liên minh châu Âu là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế khu vực hiện nay trên thế giới? <p>* Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ, GV quan sát HS làm việc, hỗ trợ HS. Cá nhân báo cáo kết quả làm việc.</p> <p>Bước 4. Giáo viên chốt ý bổ sung</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liên minh châu Âu không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và các tổ chức kinh tế trên toàn cầu. <p>(Vì khu vực này là khu vực tập trung</p>	<p>Gọi học sinh yếu dựa vào nội dung SGK trả lời)</p>	<p>3. Liên minh châu Âu là tổ chức thương mại hàng đầu thế giới.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không ngừng mở rộng quan hệ với các nước và tổ chức kinh tế trên thế giới, đặc biệt với Việt Nam
--	---	---

<p>những nước có trình độ công nghiệp , KHKT rất cao , nên chiếm tỉ trọng 40% hoạt động ngoại thương của thế giới)</p> <p>- GV liên hệ việc Việt Nam gia nhập ASEAN vào ngày 25.7.1995 và nêu ý nghĩa của nó.</p> <p>Vấn đề thương mại của EU trong quan hệ kinh tế Việt Nam, việc EU đặt quan hệ với các nước ASEAN qua hội nghị ASEAN hàng năm . . .</p> <p>Quan hệ của EU với Việt Nam bao gồm các trao đổi văn hóa, tri thức và khoa học. Các trao đổi này ngày càng quan trọng trong việc đưa Việt Nam và EU xích lại gần nhau hơn”.</p>		
--	--	--

4. **Luyện tập:** 2 phút.

Câu 1; Liên Minh Châu Âu được thành lập năm nào ?

A.1951 B.1957 C.1973 D.1993

Câu 2: Số lượng các nước thành viên EU khi mới thành lập :

A. 6 nước B.9 nước C.10 nước D .12 nước

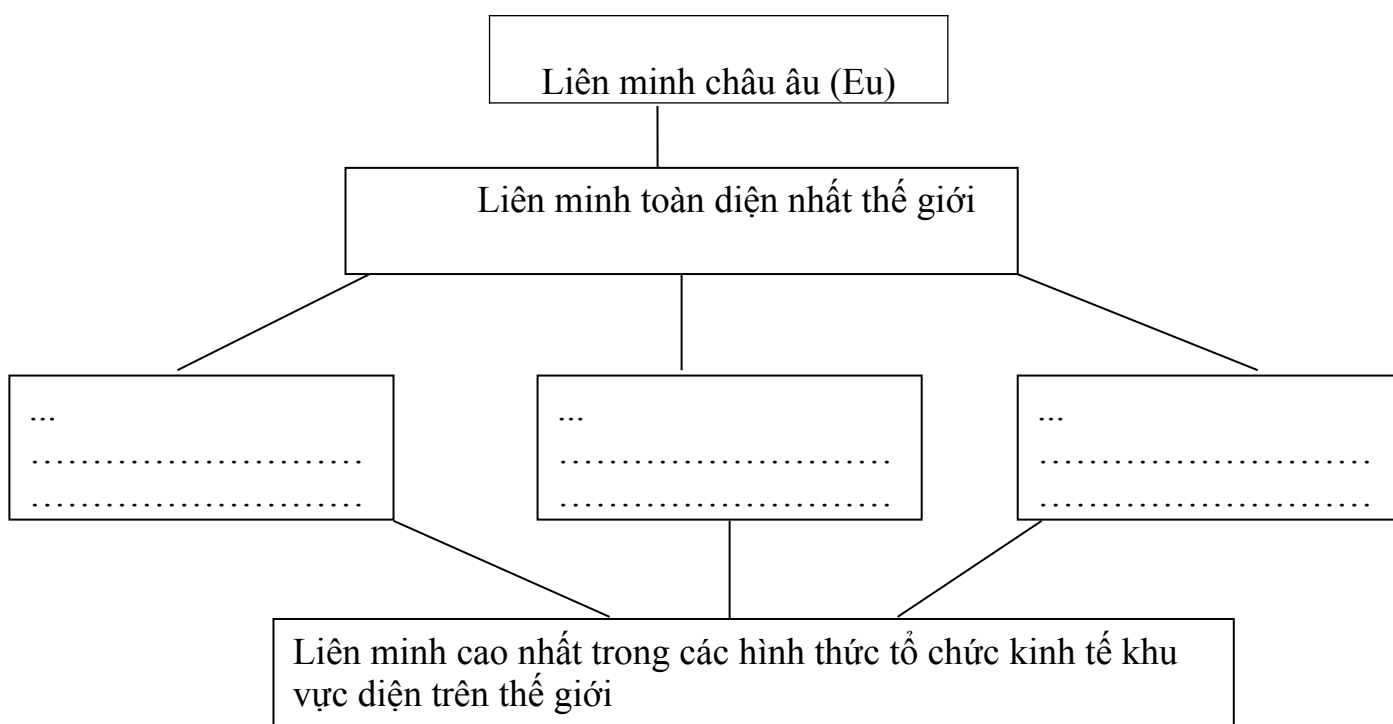
Câu 3: Số lượng các nước thành viên EU tính đến năm 2013:

A. 20 B.25 C.28 D.29

Câu 4: Mục đích của EU là xây dựng , phát triển một khu vực tự do lưu thông hàng hoá , dịch vụ , con người , tiền vốn giữa các nước châu Âu với các nước kinh tế phát triển trên thế giới

A Đúng B Sai

Câu 5: Tại sao nói Liên minh châu Âu (EU) là hình thức liên minh cao nhất trong các hình thức tổ chức kinh tế hiện nay trên thế giới. Hoàn thành sơ đồ dưới đây:



4. Hoạt động vận dụng, mở rộng:

- Ôn tập nêu tên, vị trí các quốc gia thuộc 4 khu vực châu Âu.
- Vị trí các nước trong EU.
- Ôn phương pháp phân tích cơ cấu kinh tế.

IV. RÚT KINH NGHIỆM:

.....

.....

.....